

ĐẶNG VƯƠNG HƯNG

Kỳ Nữ

(Quận Chúa Biệt Động)

TIỂU THUYẾT



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

CẢM NHẬN CỦA NGUYÊN TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU

Tôi rất xúc động khi được đọc bản thảo tiểu thuyết tư liệu "Quận Chúa Đất Đồng" do nhà văn Đặng Vương Hưng thể hiện.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ nhiều gian khổ hi sinh của dân tộc ta, đã có hàng ngàn chiến sĩ ưu tú nhất của Tổ quốc hoạt động trên trận tuyến thầm lặng. Nhiều người đã lập chiến công, bị địch bắt, tra tấn và tù đày, nhưng luôn tuyệt đối trung thành với Tổ quốc với Đảng với cách mạng, âm thầm cống hiến và hi sinh xương máu cho dân tộc.... Tuy nhiên do nhiều lý do, cho đến nay họ còn ít được biết đến và chưa được đãi ngộ xứng đáng.

Bà Đặng Hoàng Anh (tức Quận Chúa ngọc Diệp), nhân vật chính của cuốn sách này, là một trong những người như thế.

Tôi hi vọng tác phẩm "Quận Chúa Đất Đồng" sẽ được bạn đọc đồng cảm, trân trọng và góp phần tích cực vào truyền thống quí báu "Vì nước quên thân, vì dân phục vụ" của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam.

Hà Nội, xuân Mậu Tý - 2008

Lê Khả Phiêu

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU

Chào mừng kỉ niệm tròn 100 năm (1911 – 2011) sự kiện Người thanh niên yêu nước Văn Ba (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh) từ Bến Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước, Nhà xuất bản Hội Nhà văn tổ chức ấn hành cuốn sách "Kỳ Nữ" (tức "Quận Chúa Biệt Động").

Đây là tác phẩm do nhà văn Đặng Vương Hưng thể hiện, được viết theo thể loại Tiểu thuyết, dựa theo lời kể của "nguyên mẫu" là bà Đặng Hoàng Anh, hiện thường trú tại huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, mặc dù không được sắc phong, nhưng bà vẫn được nhiều người trong gia đình gọi là "Quận Chúa". Đặng Hoàng Anh từng là cán bộ cảm tử quân biệt động đơn tuyến, lập chiến công xuất sắc, được cùng Đoàn đại biểu Anh hùng - Chiến sĩ thi đua miền Nam ra thăm miền Bắc và được gặp Bác Hồ (1966). Bà là một chiến sĩ biệt động bị địch bắt và tù đày; hiện đang được Nhà nước cho hưởng tiêu chuẩn chính sách như thương binh. Đặng Hoàng Anh cũng là đại biểu duy nhất của tỉnh Lâm Đồng được mời ra Hà Nội dự Lễ tôn vinh Nhân chứng lịch sử nhân kỉ niệm 40 năm Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân (1968 - 2008)...

Chúng tôi cho rằng đây là một tác phẩm có nội dung tốt, chủ đề ca ngợi lòng yêu nước, sự hi sinh của các chiến sĩ cách mạng trên trận tuyến thầm lặng, mà Kỳ Nữ "Quận Chúa Biệt Động" Phạm Trương Ngọc Anh là nhân vật chính. Tuy nhiên, vì nội dung cuốn sách đề cập đến một thời kỳ lịch sử kéo dài hơn 100 năm (từ đầu thế kỉ XX đến nay) và liên quan đến nhiều nhân vật lịch sử, mà hầu hết các nhân vật này, hiện nay

đều không còn nữa. Chúng tôi cũng không có điều kiện xác minh tư liệu tại tất cả các đơn vị cơ sở, hay các địa bàn mà nhân vật chính đã từng hoạt động, được nêu trong tác phẩm. Mặc dù cuốn sách thuộc thể loại Tiểu thuyết, nhưng để tránh những sai sót đáng tiếc, trước khi chính thức xuất bản, chúng tôi đã chuyển bản thảo cho nhiều cơ quan chức năng như: Vụ Báo chí - Xuất bản, Ban Tuyên giáo Trung ương; Viện Sử học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam; Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bộ Quốc phòng... thẩm định về nội dung tuyên truyền và các nhân vật, sự kiện, chi tiết lịch sử. Và đã nhận được nhiều ý kiến quý báu. Tiếp đó, chúng tôi cũng đã chuyển tóm tắt nội dung bản thảo này cho một số cơ quan thông tấn báo chí giới thiệu trước, để lắng nghe phản hồi của dư luận bạn đọc và chỉnh sửa một số chi tiết cho phù hợp với chủ đề nội dung. Sau lần xuất bản thứ Nhất, năm 2008, tác phẩm đã nhận được nhiều ý kiến khen chê trái chiều của dư luận, tác giả đã tiếp thu, sửa chữa và bổ sung.

Nhà xuất bản Hội Nhà văn xin trân trọng cảm ơn đồng chí Lê Khả Phiêu, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đã có bút tích giới thiệu mở đầu cho cuốn sách; trân trọng cảm ơn Hòa thượng Thích Thanh Tứ, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, Viện chủ Tùng lâm Quán Sứ, đã viết cảm nhận thay lời cuối sách.

Kính mong tiếp tục nhận được thêm nhiều ý kiến của độc giả, để khi có điều kiện tái bản, chúng tôi sẽ tiếp tục hoàn thiện, phục vụ quý vị và các bạn ngày càng tốt hơn.

Hà Nội, tháng 6 năm 2011
NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI THƯA CỦA TÁC GIẢ

Một ngày đầu mùa hạ năm 2007, ông Phạm Vũ Quỳnh, Thư ký riêng của Thượng tướng, Giáo sư Hoàng Minh Thảo lúc sinh thời, đã giới thiệu với tôi một bà cụ khoảng 80 tuổi, dáng người mảnh mai, gương mặt quý phái và phúc hậu.

Cuộc gặp gỡ diễn ra tại một quán cà phê nhỏ ở cuối đường Mai Hắc Đế - Hà Nội. Bà cụ nói giọng Sài Gòn, pha giọng Huế và có cả giọng vùng Sơn Tây...

Cảm thấy câu chuyện của bà cụ không thể ngồi ở quán cà phê một buổi mà nghe hết được, tôi quyết định dành thời gian cùng bà trở về quê và vào tận Đức Trọng (Lâm Đồng). Tôi đã ở lại Tây Nguyên cả tháng trời, để được tiếp tục nghe câu chuyện đời khó tin mà thật đó. Bà cụ đã kể rất nhiều về cuộc đời mình, xen giữa câu chuyện, nhiều lần bà bật khóc, khiến gương mặt già nua cứ giàn giụa nước mắt... Theo cảm nhận của tôi, bà cụ là nhân chứng của một trong những thời kỳ hào hùng, nhưng cũng bi thương của lịch sử nước nhà.

Vốn là người "có duyên" với những tư liệu chiến tranh, chuyên đứng về "phía nước mắt" để bênh vực những mảnh đời bất hạnh, thiệt thòi trong cuộc sống, tôi đã quyết định dành thời gian ghi chép lại toàn bộ những sự kiện chính trong cuộc đời đầy thăng trầm và sóng gió của bà cụ, để viết

thành một cuốn sách, để mọi người cùng đọc, cùng biết và đồng cảm với thân phận của một con người đã đi qua chiến tranh, nhưng đã và đang bị lãng quên...

Lúc đầu, tác phẩm được đặt tên là "*Quận Chúa Biệt Động*", nhưng với sự gợi ý của nhiều bạn đọc, trong lần tái bản này, sau khi sửa chữa và bổ sung một số chi tiết, tôi quyết định đổi tên thành "*Kỳ Nữ*".

1.

Theo như lời như nguyên mẫu nhân vật của tôi tự kể, thì "Quận Chúa Ngọc Diệp" tuổi Nhâm Thân, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1932 ở Huế, nhưng trong thời gian hoạt động Cách mạng (1945 - 1975), bà lần lượt mang hai thẻ căn cước do chính quyền cũ cấp, với nội dung khác nhau: Phạm Ngọc Diệp sinh ngày 28 tháng 4 năm 1932 tại Sơn Tây; và Nguyễn Như Diệp sinh ngày 28 tháng 4 năm 1932 tại Trà Vinh. Những ngày đầu toàn quốc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, khi sống trong "Đoàn 307 Liên Hợp Quốc", bà có tên là Huỳnh Thu Nga và mang bí danh là H12. Khi sống cùng Anh Hai "Xe Ngựa" (đồng chí Phạm Văn Xô, nguyên Thường vụ Xứ uỷ Nam Bộ) bà thường được gọi là Út Diệp, hoặc Út Đẹt (vì người nhỏ nhắn, gầy ốm). Khi sang Cộng hoà Pháp học Y khoa, bà có tên là Léna Phạm. Đặc biệt là từ ngày tham gia hoạt động trong lực lượng Cảm tử quân của Trung ương Cục miền Nam và Biệt động thành Sài Gòn, do yêu cầu công tác bí mật, để che mắt địch, bà phải thay tên, đổi họ liên tục: Ba Diệp (tức Nguyễn Như Diệp); Cô Tư Mắt Kiếng (vì bị cận thị, phải đeo kính thường xuyên); Lâm A Mùi (thời gian sang Lào vận chuyển vàng và đôla về Việt Nam, 1961-1962); Thu Nga, Hoàng Nga (thời gian làm tiếp tân Tổng thống phủ Sài Gòn, 1964-1965); T2R; TW307... Sau

ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, để tránh sự trả thù và truy sát của kẻ xấu, theo lời khuyên của nhà tình báo Vũ Ngọc Nhạ, bà đã đổi họ tên mới là Đặng Hoàng Ánh, sinh năm 1940. Với họ tên này, bà đã được Công an tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng minh nhân dân số 250272236, ngày 19 tháng 10 năm 1984. Và trong lần xuất bản này của cuốn sách, tôi còn đặt cho bà thêm một tên mới nữa: Phạm Trương Ngọc Anh (gọi thân mật theo phong tục Nam Bộ là Út Anh, hoặc Út). Dĩ nhiên, đó chỉ là một nhân vật chính của cuốn sách, mang "bóng dáng" của bà Đặng Hoàng Ánh ngoài đời, bạn đọc còn có thể gặp Phạm Trương Ngọc Anh ở đâu đó qua những "kỳ nữ" khác, đã và đang thầm lặng đi qua chiến tranh...

"Quận Chúa" được sinh ra trong một gia đình có thể gọi là "danh gia vọng tộc". Theo gia phả và lời kể của những người thân trong gia đình dòng tộc, thì bà là hậu duệ của quan Thượng thư Phạm Đăng Hưng, gốc Hoa Lư - Ninh Bình. Dù không hề được triều đình sắc phong, nhưng từ hồi nhỏ bà vẫn được một số người gọi là "Quận Chúa".

Đặc biệt, chương đầu tiên của cuốn sách này mang tên "*Niềm tự hào của một gia tộc*" đã cung cấp thêm một số chi tiết còn ít người biết đến và góp phần lí giải thêm về sự kiện diễn ra tròn 100 năm trước đây (1911 – 2011), người thanh niên yêu nước Văn Ba đã xuất ngoại như thế nào?

Hiện bà Đặng Hoàng Ánh đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thanh Bình 3, xã Bình Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng - nơi từng là "vùng đất dữ" một thời, bởi những hoạt động của tàn quân phản động FULRO, trước khi bị lực lượng An ninh ta triệt phá.

Đặng Hoàng Ánh là con người của một thời. Không chỉ có cha mẹ, mà chính là chiến tranh và loạn lạc đã sinh

ra người như bà. Ngay từ tuổi ấu thơ, bà đã phải chứng kiến quá nhiều chuyện máu lửa, chia ly và chết chóc. Không còn gì đau đớn hơn, khủng khiếp hơn là một cô bé mười ba tuổi phải tận mắt nhìn thấy xác mẹ và nhiều người nhà bị chặt đầu, chặt tay chân nằm trong vũng máu.

Nhà tan, cửa nát, không được người thân thích cưu mang, Út Diệp từng phải vừa đi học, vừa lang thang trên đường phố để kiếm sống. Cô bé đã lần lượt được các đồng chí Phạm Hùng và Phạm Văn Xô - những người có mối quan hệ đặc biệt với gia đình cô, cưu mang, đùm bọc và dạy dỗ nên người. Đặc biệt là đồng chí Phạm Hùng (cố Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng), khi còn tuổi thiếu niên, đi rải truyền đơn Cách mạng, bị Pháp bắt đưa ra tòa xét xử, từng được cha của Út Diệp là Phạm Đăng Chất làm Chánh lục sự Tòa án Mỹ Tho cứu thoát án tử hình, nên đã nhận ông là cha nuôi, coi Út Diệp như em gái.

2.

Tháng 7 năm 1952, sau khi thi lấy bằng Tú tài bán phần, Út Diệp được tổ chức cử sang Campuchia tham dự lớp huấn luyện phản gián, do nhà tình báo Đào Phúc Lộc phụ trách. Tháng 7 năm 1953, cô về Sài Gòn tiếp tục học hết tú tài, sau đó thi vào Đại học Y khoa.

Một năm sau, nhờ học giỏi và thi đạt kết quả cao, Út Diệp đã giành được học bổng để sang Pháp tu nghiệp. Được các đồng chí của tổ chức Đảng ủng hộ động viên: "Cố gắng học thành tài để sau này về phục vụ Cách mạng", cô đã sang Cộng hòa Pháp và thi đỗ vào Trường Đại học Y khoa Paris.

Nhưng mới chỉ học được mấy tháng thì Chính phủ bảo lãnh cho cô đi du học sụp đổ, nguồn học bổng chu cấp từ trong nước hàng tháng vì thế cũng bị cắt luôn. Út Diệp phải dọn xuống ở nhờ "gầm cầu thang" nên ngoài giờ học, cô xin đi làm bồi bàn, rửa bát ở các nhà hàng để có tiền ăn và tiếp tục việc học hành.

Nhớ lời dặn của các chú, các anh giao nhiệm vụ, sau khi lấy được bằng tốt nghiệp Bác sĩ đa khoa loại giỏi ở Pháp, Út Diệp quyết định rời Paris về nước.

Bác sĩ Nguyễn Như Diệp (Ba Diệp) được Bộ Y tế của Chính quyền Sài Gòn phân công về làm việc tại Khoa Ngoại - Sản, Bệnh viện Đô thành Sài Gòn, thời gian sau được điều lên tăng cường cho Bệnh viện Đà Lạt.

Tuy nhiên, cũng ngay sau khi về nước, Ba Diệp đã bắt liên lạc được với tổ chức và bắt đầu hoạt động ngay với vai trò là một cán bộ biệt động bán công khai trong lòng địch. Cô tham gia diệt ác trừ gian, phá ngục cướp tù...

3.

Là một phụ nữ có nhan sắc, nên bà Đặng Hoàng Ánh từng được nhiều người đàn ông yêu mến. Đặc biệt trong đời, bà có hai người đàn ông có mối quan hệ cực kì sâu sắc, một vì nghĩa và một vì tình; không thể nói ai hơn ai và cũng không thể quên được ai.

Trước hết, phải kể đến "mối tình đơn phương" của ông Trần Văn Phước, một cán bộ cách mạng hoạt động luồn sâu, leo cao trong lòng địch, có bí danh là "C16". Cha mẹ và hai em của Phước đã bị quân Nhật sát hại năm 1944. Anh được đồng chí Phạm Thành, phụ trách công tác Cung cấp Khu 9 nhận làm con nuôi. Do Phước học rất giỏi, sau khi tốt nghiệp

loại ưu Đại học Luật tại Pháp, anh khéo léo chiếm được cảm tình của Ngô Đình Thục (anh trai Tổng thống Ngô Đình Diệm), nên được ông ta đỡ đầu, cho làm quan chức lớn từ khi còn rất trẻ. Trước ngày Út Diệp sang Pháp du học, cô về thăm bà ngoại ở Vĩnh Long, tình cờ gặp Tỉnh trưởng Trần Văn Phước trong một bữa tiệc. Trước vẻ đẹp rực rỡ của cô gái mới lớn, Phước mê ngay. Quá tự tin vào bản thân mình, bởi anh đang là một tỉnh trưởng trẻ tuổi, hào hoa và quyền thế; Phước đã tỏ tình và thậm chí xin "cưới liền tay". Nhưng Út Diệp đã từ chối, hẹn ngày học xong mới trả lời. Phước thề sẽ không lấy ai để chờ Út Diệp.

Khi Trần Văn Phước được Chính quyền Sài Gòn điều lên Cao nguyên làm Tỉnh trưởng tỉnh Tuyên Đức[1] một năm, thì Út Diệp (lúc này đã được gọi là Ba Diệp) cũng được điều lên làm việc ở Bệnh viện Đà Lạt. Hai người bất ngờ, bối rối nhận ra nhau. Nhưng khi đó, Ba Diệp đã có chồng và đang mang thai đứa con đầu lòng.

Chuyện lấy chồng của bà Đặng Hoàng Ánh là cả một sự bi hài, khiến bà đã phải trả giá cho đến hết cuộc đời. Sau khi từ Pháp trở về nước chưa đầy một năm, theo yêu cầu của nhiệm vụ, Út Diệp đã kết hôn với một người đàn ông để tạo thêm "vỏ bọc" để hoạt động. Người chồng tương lai của cô là Giáo sư, Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt, quê ở Long Xuyên, bạn của Luật sư Nguyễn Hữu Thọ. Bác sĩ Kiệt hơn Út Diệp tới 24 tuổi. Là một trí thức rất nổi tiếng ở miền Nam thời đó. Nhưng Út Diệp không có một chút cảm tình, thậm chí còn chưa biết cả mặt mũi ông ra sao.

---

[1] Tuyên Đức: Là tỉnh được Chính quyền Sài Gòn thành lập năm 1958. Sau ngày đất nước thống nhất, năm 1976, tỉnh này được sáp nhập vào tỉnh Lâm Đồng.

Và cái đám cưới ấy đã diễn ra năm 1959. Hôn lễ được tiến hành tại Nhà thờ Lớn Sài Gòn theo phong cách Tây phương khá trang trọng. Khi vừa tiễn quan khách ra cửa, Út Diệp đã tự lái xe về nhà riêng, cô kiên quyết không cho chú rể "động phòng". Phải mười ngày sau, thuyết phục mãi, ông Kiệt mới đưa được cô sang Nhật Bản hưởng tuần trăng mật. Sang tới nơi, Út Diệp kiên quyết không cho chú rể ngủ cùng phòng. Ông Kiệt ức quá, tuyên bố: *Nếu không chịu mở cửa ông sẽ tự sát bằng cách nhảy lầu, hoặc bắn một viên đạn vào đầu*... nên cô đành phải miễn cưỡng chấp nhận chuyện vợ chồng giữa hai người. Kết quả sau chuyến đi này, cô đã có thai, sinh được một con gái, đặt tên là Đào Kim Chi...

Tại Đà Lạt, thấy người mình yêu đã lấy chồng và có con, Trần Văn Phước chán nản và thất vọng tới mức có lần ông mượn cớ sinh nhật, sau khi uống say, ông đã tự rút súng bắn thủng bụng mình trước mặt Ba Diệp, khiến cho chị phải đưa đi cấp cứu, trực tiếp cầm dao phẫu thuật... Khi Đào Tuấn Kiệt cùng phái đoàn của Bộ Y tế Chính quyền Sài Gòn lên thăm Đà Lạt đã diễn ra một cuộc đấu khẩu trực diện và sòng phẳng giữa hai người đàn ông. Nếu Ba Diệp không xuất hiện kịp thời, rất có thể một cuộc đấu súng đã diễn ra sau đó. Tuy nhiên, cả hai sau đó đã bắt tay nhau, cùng âm thầm chăm sóc cho Ba Diệp. Thậm chí, để tạo bình phong cho Ba Diệp dễ dàng hoạt động, Trần Văn Phước đã làm thủ tục đăng ký kết hôn để Ba Diệp được gọi là "Tỉnh trưởng phu nhân". Nhưng hai người chưa bao giờ chính thức là vợ chồng.

Trần Văn Phước là người lịch thiệp và lãng mạn. Ông rất yêu văn thơ, nhạc họa, thích giao du, kết bạn với các văn nghệ sĩ. Một trong những nhà thơ mà ông mến mộ nhất là Nguyễn Bính, tác giả của "*Lỡ bước sang ngang*" nổi tiếng

thời bấy giờ. Khi còn là học sinh, Phước đã nhiều lần rủ bạn bè đến nghe Nguyễn Bính đọc thơ. Thậm chí, trước khi Nguyễn Bính tập kết ra Bắc, trong một Hội nghị ở Vĩnh Long do Trần Văn Phước chủ trì, nhà thơ "chân quê" Nguyễn Bính còn được mời làm khách danh dự.

4.

Là vợ của một trí thức nổi tiếng Sài Gòn, nhưng đồng thời còn trong vai là "phu nhân" của Đại tá Tỉnh trưởng Tuyên Đức, rồi Tỉnh trưởng Gia Định... Ba Diệp có rất nhiều lợi thế để thực hiện các nhiệm vụ được Cách mạng giao phó trong điều kiện vừa bí mật, vừa công khai. Nhờ đó, mà rất nhiều lần chị đi máy bay từ sân bay Liên Khàng (nay là sân bay Liên Khương - Đà Lạt) sang Lào, nhận vàng và đô la, vận chuyển về tiếp tế cho Cách mạng miền Nam qua một đường dây đặc biệt. Cũng rất nhiều lần chị một mình công khai lái xe chở hàng của địch từ Thành phố Đà Lạt vào tiếp tế cho Khu 6, trong giai đoạn khó khăn nhất của địa bàn này.

Cũng nhờ có lợi thế về hình thức, nhan sắc và ngoại ngữ, nên Ba Diệp từng được nhà tình báo Vũ Ngọc Nhạ, Cố vấn Tổng thống Chính quyền Sài Gòn, sử dụng làm "Tiếp tân Tổng thống phủ" dưới vỏ bọc là ca sĩ Thu Nga (hay Hoàng Nga). Chính nhờ nhiều lần tiếp các đoàn ngoại giao và các quan chức, tướng lĩnh cao cấp của chính quyền Sài Gòn thời đó, nên chị đã có thêm điều kiện để lập công.

Trong khoảng 30 năm (1945 - 1975), vừa công khai vừa bí mật, Ba Diệp đã trực tiếp tham gia hàng chục trận đánh lớn nhỏ, tiêu diệt hàng trăm tên địch.

Tiêu biểu và táo bạo nhất là trận đánh Tòa Đại sứ Mỹ năm 1965, diệt và làm bị thương nhiều sĩ quan và nhân viên ngoại giao Mỹ. Đây là một trong những trận đánh đầu tiên của quân và dân miền Nam với quân Mỹ, khi chúng mới đặt chân tới Sài Gòn. Sau trận đánh này, do bị lực lượng cảnh sát và mật thám địch truy nã gắt gao, Út Diệp đã phải trốn vào chùa làm ni sư. Nhiều tháng sau, chị mới liên lạc được với tổ chức.

Với thành tích đặc biệt kể trên, năm 1966, Út Diệp đã vinh dự được tham gia Đoàn đại biểu Anh hùng Chiến sĩ Thi đua của miền Nam ra thăm miền Bắc và được gặp Bác Hồ. Được cùng ăn cơm và chụp ảnh chung với Bác. (Tấm ảnh quý giá này, hiện đang được lưu giữ tại Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh - Hà Nội; số KK: QĐ 743, 744/Q6).

Bà Đặng Hoàng Ánh cho biết: Những tình tiết trong phần đầu cuốn sách này, bà cung cấp cho tôi là dựa theo lời kể của người cha trước khi ông cụ bị giặc Pháp sát hại. Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo tư liệu từ nhiều nguồn sách báo viết về lịch sử và truyền thống của Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh: Bến Tre, Vĩnh Long, Bình Thuận, Lâm Đồng, Thừa Thiên - Huế, Nghệ An và lịch sử Trung ương Cục miền Nam...

5.

Tháng 8 năm 1969, sau khi thực hiện vụ ám sát Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu không thành, Ba Diệp đã xung phong đánh bom cảm tử vào Rạp Ngọc Lan - Thành phố Đà Lạt. Hàng trăm sĩ quan Mỹ, ngụy chết và bị thương. Cả Đà Lạt náo loạn bởi tiếng còi xe cấp cứu và sự truy lùng thủ phạm của cảnh sát. Nhưng cũng trong trận đánh này, Ba

Diệp đã bị hiềm khích cá nhân và bị trù dập. Chán nản, chị đã xung phong cùng đội cảm tử sang công tác và chiến đấu tại chiến trường Lào ba năm. Trong một trận đánh, một mảnh đạn nhỏ găm vào hộp sọ, phía sau tai trái của Ba Diệp. Nhưng chị chỉ băng bó tạm và chung sống với mảnh đạn ấy suốt cả một thời gian dài.

Cuối tháng 4 năm 1972, Ba Diệp bí mật về nước để cùng một nhóm biệt động thâm nhập vào cứ điểm Đắc Tô - Tân Cảnh của địch, góp phần cùng bộ đội chủ lực tiêu diệt chúng. Khi vừa trở lại Đà Lạt thăm con, mua gạo tiếp tế cho Khu 6, chị đã không may sa vào tay giặc...

Ba Diệp bị bắt khi đang ăn tối, bọn địch đưa chị về giam tại Ty An ninh tỉnh Tuyên Đức. Chị bị địch giam giữ và tra tấn ở đây suốt ba tháng trời, bị bọn địch dùng dao rạch nát kẽ tay và cắt gân chân... Một người Bác sĩ tốt bụng đã bí mật báo cho "C16" biết tin. Trung tướng Trần Văn Phước đã xin "lệnh bài" của Tổng thống Phủ và lấy trực thăng bay từ Sài Gòn lên Đà Lạt để cứu Ba Diệp thoát khỏi nhà tù...

Ba Diệp có mặt tại Đà Lạt từ những ngày thành phố hỗn loạn vì quân địch bỏ chạy khỏi Cao Nguyên. Chị đã tổ chức cứu chữa cho hàng trăm người bị thương, rồi sau đó, tham gia đoàn công tác của đồng chí Phạm Hùng từ Đà Lạt tiến về giải phóng Sài Gòn...

6.

Chiều ngày 30 tháng 4 năm 1975, trong lúc đang cùng đoàn cán bộ Quân quản làm việc tại Dinh Độc Lập, Ba Diệp đã ngất xỉu bởi vết thương trên đầu tái phát, do nhiều ngày thức đêm căng thẳng và làm việc quá sức. Đồng đội lập tức đưa chị tới bệnh viện cấp cứu.

Khi tỉnh dậy, Ba Diệp thấy mình đang nằm trong Bệnh viện Nhân dân Gia Định. Chị lơ mơ nghe các Bác sĩ nói mình đã được phẫu thuật cách đó hơn một tuần. Họ đã lấy được một mảnh đạn nhỏ 3 ly, nằm trong hộp sọ, sau tai trái của Ba Diệp. Vì nhóm máu O của chị quá hiếm, một bác sĩ người Mỹ tốt bụng đã xung phong hiến máu cho chị...

Rồi chị lại ngất đi, không biết gì nữa. Chị mê man và đã sống như thực vật trong một thời gian dài ...

Mãi ba tháng sau, Ba Diệp mới tỉnh dậy lần thứ hai, thấy mình đang trong Bệnh viện Chợ Quán. Người Bác sĩ reo lên khi biết Ba Diệp tỉnh lại. Những ngày đó, chị cứ lơ ngơ, nửa mê nửa tỉnh.

Rồi tới một ngày, Ba Diệp nghe lỏm các Bác sĩ nói với nhau: Bà này bị "nẹc-vơ" (thần kinh bất ổn do sử dụng thuốc mê quá nhiều) rất nặng, chuẩn bị cho đi nhà thương điên ở Biên Hòa.

Ba Diệp hoảng quá, liền tự bỏ Bệnh viện ra về trong tình trạng nửa tỉnh, nửa mê, nhiều khi không biết mình là ai, không nhớ quá khứ của mình thế nào và không một thứ giấy tờ tùy thân.

Theo bản năng, chị tìm về căn nhà cũ của mình trong một con hẻm nhỏ, ở gần Chợ Cây Quéo - Gia Định. Ngôi nhà lâu không có người ở, hoang tàn như người chủ của nó.

Không có lương, không tiền trợ cấp, để có thể sống tồn tại được hàng ngày, Ba Diệp phải ra chợ trời buôn bán. Chị mua đồ cũ của vợ con công chức chế độ cũ, vợ sĩ quan binh lính Sài Gòn, từ quần áo, đến cát sét, ti vi, tủ lạnh... (họ bán dần đi để lấy tiền ăn), rồi mang ra chợ hè phố Huỳnh Thúc Kháng bán. Gặp gì mua nấy, có lời là bán, miễn là kiếm được mấy đồng để mua gạo, mua rau sống qua ngày.

Cũng vì buôn bán ở chợ trời Huỳnh Thúc Kháng - Sài Gòn mà trong một cuộc truy quét tệ nạn xã hội, Ba Diệp đã bị bắt đưa đi lao động cải tạo tại trại Ba Reng, thuộc huyện Mộc Hóa tỉnh Tây Ninh, sát biên giới Campuchia. Khi quân Pôn Pốt tấn công xâm chiếm biên giới, trại Ba Reng bị tan rã, Ba Diệp thoát được về Sài Gòn, rồi lên Đà Lạt. Chị phải thuê nhà, sống bằng nghề chữa bệnh "chui" và buôn thuốc Tây ở chợ trời.

Trí nhớ khôi phục dần, Ba Diệp thường kể cho các con nghe về cuộc đời hoạt động của mình. Chị cũng hay nhắc đến "Cậu Hai Phạm Hùng", lúc đó đã là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, đài báo thường xuyên đưa tin và nói tới. Lũ trẻ nhà chị không tin, cứ thắc mắc hoài: *"Má nói quen nhiều người là lãnh đạo, lại có Cậu Hai làm lớn, mà sao cuộc sống cả nhà vẫn khổ thế?"*.

Ba Diệp không biết giải thích cho các con thế nào. Sau khi sinh con gái đầu lòng Đào Kim Chi năm 1960, năm 1962 chị sinh tiếp con trai Trần Tấn Phúc. Nhưng chỉ nuôi được 1 tháng 24 ngày thì cháu đã bị bắt cóc tại Đà Lạt và mất tích từ đó. (Mãi tới năm 2006, bà Đặng Hoàng Ánh mới được tin con trai mình còn sống, hiện đã trở thành một nhà sư đang tu hành tại Cộng hòa Pháp).

Năm 1973, một hôm "C16" - Trần Văn Phước mang đến cho Ba Diệp một cậu bé chừng ba - bốn tuổi, tên gọi thân mật là Jacquet, người gày ốm, nói là ba mẹ cậu đều là cán bộ cách mạng, nhưng đã hi sinh, không còn ai thân thích. Ba Diệp đã thương yêu, coi thằng bé như con, sau đó chị làm giấy khai sinh đặt tên là Đặng Anh Quân.

Năm 1976, khi phát hiện mình bệnh ung thư gan giai đoạn cuối, Giáo sư Đào Tuấn Kiệt đã quyết định sống li thân với vợ con. Ông về quê ở ẩn, còn bao nhiêu tiền đem tặng

nhà chùa làm từ thiện hết, rất hiếm khi ông liên lạc với mẹ con chị. Có thời gian, ông ở chung với Thi sĩ Bùi Giáng...

Giáo sư – Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt đã mất năm 1982.

7.

Cũng năm 1982, trong chuyến công tác tại Đà Lạt, đồng chí Phạm Hùng, khi đó đang đảm nhiệm trọng trách Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) đã ghé thăm nhà Ba Diệp, thấy cảnh nhà nghèo đói, ông đã cứu trợ gia đình chị hai bao gạo.

Một buổi tối sau đó ít lâu, Ba Diệp bị hai người đàn ông lạ mặt "bắt cóc" lên xe U-oát chở ra Bắc. Mãi sau này chị mới biết mình được bí mật đưa đi khỏi Đà Lạt là để tránh sự hiểu nhầm của một vài đồng đội và sự truy sát của kẻ xấu.

Đã từ lâu, Ba Diệp phải một mình nuôi con. Những đứa con của chị đã không được hưởng trọn vẹn tình yêu thương và sự chăm sóc của cha mẹ. Hồi con còn nhỏ, để có thời gian đi hoạt động cách mạng, Ba Diệp phải gửi con gái cho trường tư thục của nữ tu viện dòng Thánh Phaolo ở Đà Lạt nuôi giúp. Thời gian chị bất ngờ bị bắt đi cải tạo lao động ở Ba Reng, hai chị em Kim Chi và Jacquet (sau này được đặt tên là Đặng Anh Quân) bơ vơ không nơi nương tựa, đã phải bỏ nhà đi ăn xin. Hai chị em dắt díu nhau lang thang, lạc mãi xuống tỉnh Vĩnh Long, rồi tá túc trong chùa Long Thạnh, được nhà sư Trí Phước cưu mang...

Tai họa và bất hạnh liên tiếp giáng xuống gia đình bà Đặng Hoàng Ánh: Năm 1985, cô con gái Đào Kim Chi của bà bất ngờ chết trong một tai nạn giao thông, để lại hai đứa cháu ngoại bé bỏng.

Nỗi đau mất con gái còn chưa nguôi thì năm 1994, đến lượt anh con nuôi Đặng Anh Quân lại bị tai nạn giao thông vỡ hộp sọ, gãy chân trái và gãy cả hai tay, bà Hoàng Ánh đã phải đưa Quân về Bệnh viện Chợ Rẫy chữa chạy. Từ một thanh niên to khỏe, Quân chỉ còn da bọc xương và nặng... 25 kilôgam.

Sau gần một năm trời, Quân đã thoát khỏi tử thần, nhưng đầu óc anh không được như người bình thường, thỉnh thoảng lại "lên cơn" không làm chủ được mình. Vì thế, cô vợ của anh đã một mực đòi li dị chồng, bỏ lại hai đứa con nhỏ để đi tìm hạnh phúc mới.

8.

Bà Đặng Hoàng Ánh tâm sự: "*Trời cho tôi ba đứa con, thì hai đứa bị tai nạn giao thông (đứa chết, đứa bị thương), một cháu còn lại, chưa kịp nuôi đã bị bắt cóc, giờ làm Thầy chùa ở xứ người. Sao ông trời nỡ bắt tôi khổ làm vậy?*".

Có người hỏi: "*Vậy bà có tin vào số mệnh không?*". Bà nói: "*Trước đây thì không, nhưng giờ thì không thể không tin. Vợ chồng tôi đều là Bác sĩ giỏi. Trong suốt cuộc đời hành nghề y chữa bệnh, chúng tôi đã cứu sống hàng ngàn người. Nhưng thời chiến tranh, cũng vì nhiệm vụ, chúng tôi đã tham gia hàng trăm trận đánh. Người chết và bị thương nhiều lắm... Nhiều đêm, tôi vẫn thấy họ hiện về... Hình như... đó là quả báo...*". Bà ngập ngừng không nói hết.

Bà Đặng Hoàng Ánh bắt đầu nảy ra ý tưởng viết "tự truyện" từ tháng 9 năm 1959. Đó là một đêm trực, chỉ có một mình ở Bệnh viện, quá buồn vì không biết làm gì, người nữ Bác sĩ trẻ chợt nảy ra ý định viết lại cuộc đời mình. Bà chọn một cuốn "CASH" - loại sổ do Pháp sản xuất, bìa cứng, bọc

vải, khổ rộng, ruột kẻ ô-li, có đánh số trang, chuyên dùng cho các bệnh viện ghi danh sách bệnh nhân. Cứ mỗi đêm trực, nếu có thì giờ rảnh rỗi là bà lại ghi chép một vài trang, vừa kể lại những chuyện mình chứng kiến trong ngày, vừa hồi tưởng, suy ngẫm lại những chuyện đã qua. Viết tới đâu, bà thường ghi địa danh và ngày tháng tới đó (kiểu như người ta ghi nhật ký). Bà tự gọi đấy là cuốn "*Hồi ký hay là ký sự cuộc đời tôi*". Về nghệ thuật, bút pháp thể hiện, bà tự nhận: "*Tiếc quá, tôi tốt nghiệp Y khoa. Văn chương tôi chỉ biết để làm việc cho nghề y. Chớ tôi không biết sáo ngữ, không biết viết văn. Nên sau này, cái quyển hồi ký, hay là ký sự cuộc đời tôi đi qua trong chiến tranh khói lửa, có ai đó vô tình đọc được, xin đừng trách tôi sao nói thật, không biết chuốt văn cho khéo. Sức của tôi có chừng đó, tôi đâu phải là văn sĩ, hay là thi nhân...*".

Tổng cộng đã có tới cả trăm trang sổ tay, dày đặc chữ được bà Đặng Hoàng Ánh viết trong khoảng thời gian 15 năm (1959 - 1975). Tuy nhiên, đó chỉ là những trang tư liệu, được sắp đặt lộn xộn và thiếu tính logic; bởi người viết thấy gì thì ghi đó, nghĩ sao thì viết vậy, lẫn lộn giữa kể chuyện với nghị luận, theo lối văn cũ; có rất nhiều đoạn nội dung và chủ đề trùng lặp; nhiều đoạn đối thoại, là văn nói, nhưng lại không xuống hàng, hay cách đoạn, rất khó phân biệt.

Trang viết cuối cùng của cuốn sổ "*Ký sự cuộc đời*" nói trên, được người nữ Bác sĩ khép lại vào ngày 26 tháng 4 năm 1975. Trước khi tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng miền Nam, Bác sĩ Ngọc Diệp giao cuốn sổ cho người chị dâu là bà Thái Thị Sen giữ hộ. Do bận bịu mưu sinh, cuốn sổ đã bị lãng quên hơn ba mươi năm. Sau khi bà Sen qua đời, cuốn sổ đã được con cháu bà phát hiện và trao lại cho bà Đặng Hoàng Ánh.

Một ngày đầu tháng 7 năm 2007, bà Đặng Hoàng Ánh đã chuyển cuốn sổ gốc cho tôi, với dòng bút tích viết thêm đoạn cuối: "*Nay ủy quyền cho cháu tôi là nhà văn Đặng Vương Hưng thay mặt tôi toàn quyền biên soạn tư liệu ký sự này và viết lại theo ý nhà văn, để tuyên truyền văn học theo báo chí, để thế hệ tuổi trẻ mai sau lưu truyền theo lối văn mới*".

9.

Tôi đã đọc đi đọc lại rất kỹ cuốn sổ tay của bà Đặng Hoàng Ánh. Tôi hiểu rằng đây không phải là chuyện văn chương, mà là những trang đời đầy máu và nước mắt. Bởi thế, dù cuốn sách này đã được tôi trực tiếp viết lại, viết thêm và đã văn học hóa; nhưng cốt truyện thì vẫn là của bà. Tôi chỉ là người giúp nhân vật chính Phạm Trương Ngọc Anh (tức Út Anh) kể lại câu chuyện cuộc đời mình và "thổi hồn" vào các tình huống và chi tiết; để sự kiện và nhân vật trong tác phẩm sống động hơn.

Về thể loại của cuốn sách này, tôi rất muốn coi đây là một cuốn *tự truyện*, thậm chí là một cuốn *nhật ký*, bởi những nhân vật, sự kiện của tác phẩm đều có thật, với ngày tháng cụ thể. (Trong thực tế, nhiều khi sự thật về cuộc chiến đấu hi sinh thầm lặng của những chiến sĩ Cách mạng còn li kì và hấp dẫn hơn mọi sự tưởng tượng và vượt lên trên khả năng hư cấu của nhà văn). Tuy nhiên, do nội dung tác phẩm đề cập đến một thời kỳ lịch sử kéo dài hơn một trăm năm (từ đầu thế kỷ XX đến nay) và liên quan đến nhiều nhân vật lịch sử như: Nguyễn Tất Thành, Phạm Hùng; Phạm Văn Xô, Nguyễn Văn Linh, Thiếu tướng tình báo Vũ Ngọc Nhạ... và một số quan chức của Chính quyền Sài Gòn cũ... hầu hết các nhân vật trong cuốn sách này đều

không còn nữa; chúng tôi cũng không có điều kiện xác minh tất cả các chi tiết, thời gian và sự kiện theo lời kể của nhân vật chính; nên đành xếp cuốn sách này vào loại *Tiểu thuyết.* Nghĩa là, nếu trong tác phẩm còn có chi tiết nào đó mà quý bạn đọc cảm thấy chưa hoàn toàn chính xác như sự thật lịch sử, thì xin hãy coi đó như là "sự hư cấu của nhà văn". Thêm nữa, trình độ và khả năng của người viết có hạn, nên chắc chắn tác phẩm không tránh khỏi những khiếm khuyết, kính mong được độc giả lượng thứ.

Để bạn đọc dễ theo dõi và cảm nhận, nội dung tác phẩm được trình bày theo từng chương, tổng cộng cuốn sách có 30 chương, mỗi chương mang một tên riêng. Để hoàn thành bản thảo tác phẩm này, tôi đã dành thời gian nhiều tháng trời. Nhiều lần, tôi đã ngồi cả buổi để nghe bà Đặng Hoàng Ánh kể chuyện. Đặc biệt, tôi đã hai lần đi Vĩnh Long, Bình Thuận... hàng chục lần vào Lâm Đồng, theo chân bà Đặng Hoàng Ánh đi khắp Thành phố Đà Lạt, nghe bà kể lại từng chi tiết nhỏ, với bao kỷ niệm buồn vui của một thời chưa xa. Tôi cũng đã cùng bà về huyện Đức Trọng, để ngủ lại trong ngôi nhà nhỏ giữa rừng. Theo bà ra rẫy, để cùng làm cỏ, tưới nước và bón phân cho những cây cà phê...

Không thể tưởng tượng nổi, một người từng là "lá ngọc cành vàng", một người đã nhiều lần có trong tay những khoản tiền trị giá hàng trăm ngàn đô la, một cán bộ điệp báo đơn tuyến biết bao lần "vào sinh ra tử", gần suốt cuộc đời cống hiến và hy sinh cho kháng chiến... đã bước qua tuổi "xưa nay hiếm", lại bệnh tật và thương tích đầy người, nhưng vẫn lao động vất vả kiếm sống, như một người nông dân thực thụ.

Nhiều đêm, tôi đã thức cùng núi rừng Tây Nguyên để nghe bà Đặng Hoàng Ánh tụng kinh. Bà nói đã hai mươi mấy năm nay, đêm nào cũng vậy, trước khi đi ngủ và trước một

ngày mới, bà đều gõ mõ và tụng kinh niệm Phật. Trong đêm vắng, tiếng tụng kinh của bà nghe như tiếng khóc than ai oán, khiến ai nghe thấy cũng không thể cầm lòng được.

Khi cuốn sách này đến tay bạn đọc, thì nguyên mẫu nhân vật chính của chúng ta trong đời thực - bà Đặng Hoàng Ánh - đã ở tuổi ngoài tám mươi. Cái tuổi mà người ta thường nói là "gần đất xa trời" và "không còn gì để mất". Vậy tại sao bà vẫn quyết định cho công bố những câu chuyện rất riêng tư và cả những tư liệu, với nhiều sự kiện, chi tiết, mang tính "thâm cung bí sử"... như một bí ẩn của đời người?

Rất đơn giản, bởi đó là chiến tranh, là một thời kỳ bi hùng đáng nhớ của lịch sử dân tộc, mà theo chúng tôi, quý bạn đọc hôm nay và cả mai sau nữa, nên biết.

Hà Nội, 2008 - 2011
ĐẶNG VƯƠNG HƯNG

LỜI TRI ÂN CỦA NGUYÊN MẪU NHÂN VẬT CHÍNH ĐÃ KỂ CHUYỆN

Kính trình vong linh Tiên tổ Họ Nội và Gia tộc Họ Ngoại, cùng những bề trên đang sống ở trong nước và định cư ở nước ngoài; cho phép con được kể lại những tâm sự riêng tư và cả những chuyện thuộc về "thâm cung bí sử" mà con biết với nhà văn, để viết sách và lưu lại cho đời sau.

Kính xin hương hồn Ba, Má tha lỗi cho con gái mồ côi bé bỏng Út Diệp. Cũng vì chiến tranh, loạn lạc đã gây nên thảm cảnh này. Vong linh Ba, Má trên trời cao thiêng liêng hãy phù hộ cho con!

Kính xin hương hồn anh Hai Thiện (tức anh Hai Phạm Hùng) hãy luôn phù hộ cho em. Suốt đời này em không quên ơn anh đã thay Ba, Má nuôi nấng và dạy dỗ em nên người. Anh luôn là chỗ dựa tinh thần cho em vượt qua những khó khăn gian khổ nhất của cuộc đời.

Kính xin hương hồn anh Hai Xô (tức Tư Thường, tức Hai Xe Ngựa, Trần Văn Đạt, Phạm Văn Xô...) hãy luôn phù hộ cho em. Anh đã cưu mang Út Diệp mồ côi, bé bỏng trong những ngày khó khăn nhất, suốt đời em lưu giữ mãi ân nghĩa anh đã dành cho em.

Xin được tri ân anh Ba Nghĩa (tức Luật sư Nguyễn Hữu Thọ), chị Tư Marie (con gái của Thủ tướng Nam triều Nguyễn Văn Tâm) đã giúp đỡ tôi những ngày đói lạnh, mồ côi lang thang trên đất Sài Gòn những năm 1949 - 1952...

Xin khắc ghi trong lòng suốt đời này những tình cảm của anh Trọng Ngạn (tức Giáo sư, Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt) - Người chồng của tôi. Cảm ơn anh đã vì nghĩa mà suốt đời chăm sóc cho mẹ con em. Em tôn thờ anh, một người chồng tốt. Anh đã suốt đời sống trong im lặng, giúp em có thêm điều kiện và tinh thần để phụng sự lý tưởng và phụng sự Tổ quốc. Nếu còn một kiếp khác, chắc chắn em sẽ không để anh phải hi sinh vì em nhiều như thế!

Xin mãi khắc ghi trong lòng suốt đời này những tình cảm mà anh Phước (tức "C16" - Trần Văn Phước) đã dành cho em. Em tôn thờ anh, một người đàn ông dám hi sinh vì một người đàn bà mình yêu thương. Cảm ơn anh đã cho em hiểu thế nào là tình yêu và hạnh phúc. Mẹ con em đã mắc nợ anh quá nhiều. Nếu còn một kiếp khác, nhất định em sẽ dành tình yêu trọn vẹn cho anh!

Và cuối cùng, xin tri ân tất cả những đồng chí, đồng đội, những chiến sĩ ẩn danh đã thầm lặng cộng sự, giúp đỡ và thầm lặng hi sinh cho tôi hoàn thành nhiệm vụ và tồn tại cho tới ngày hôm nay!

ĐẶNG HOÀNG ÁNH

CHƯƠNG I

NIỀM TỰ HÀO CỦA MỘT GIA TỘC

Sinh thời, nhiều người thường kính trọng gọi cha tôi là *Lệ Chất tiên sinh.* Cha tôi tên thực là Phạm Đăng Chất; Người còn rất nhiều họ và tên khác như: Trần Lệ Chất (tự Giá Khanh), Nguyễn Như Chuyên, Nguyễn Như Xứng (tự Xứng), Đặng Thái Phúc, Đặng Hoàng Phúc,... Cha tôi sinh năm 1862, đồng môn với cụ Nguyễn Sinh Sắc[1], thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cha tôi là người gốc Hoàng Phái triều Nguyễn và là một Nhân sĩ yêu nước đầu thế kỷ XX.

Gia phả dòng họ Phạm Đăng cho biết: Lệ Chất tiên sinh là người ở động Hoa Lư, nguyên gốc họ Nguyễn. Thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, vì tội can ngăn vua Lê chúa Trịnh để cứu người, đã bị "tru di tam tộc". May còn sót được mấy người, cùng bà tổ họ Phạm và con trai Nguyễn Như Hùng.

Người con trai Nguyễn Như Hùng đã theo hướng Nam vượt sông Gianh, qua Đèo Ngang, trốn vào Quảng Bình. Nhưng ở đó cũng không yên, ông Nguyễn Như Hùng

---

[1] *Theo tài liệu của nhà nghiên cứu, Tiến sĩ sử học Thông Thanh Khánh.*

cải tên thành Phạm Đăng Hưng[1] và người cháu Nguyễn Như Hương thì đổi tên thành Phạm Đăng Tỉnh để tiếp tục chạy trốn vào Quảng Nam. Tại đây, ông Phạm Đăng Hưng lấy người vợ thứ hai là bà Đặng Thị Lành. Nhưng chỉ được hai năm, vẫn bị truy đuổi, ông lại đưa thân mẫu, cùng cháu và người vợ, khi đó đang mang thai, chạy vào đến Gò Công thì thân mẫu bị bệnh *thời khí* qua đời.

Khi Phạm Đăng Hưng đến xin làng mua một miếng đất để chôn cất mẹ, thì làng cương quyết không bán. Vì tương truyền, đất Gò Công là nơi *long mạch,* sẽ sinh ra vua nước Việt nên họ bảo: "Anh ở Bắc Kỳ, đem mẹ anh về Bắc Kỳ mà chôn".

Ông Phạm Đăng Hưng và vợ là Đặng Thị Lành đang mang thai sáu tháng bụng chửa vượt mặt, nước mắt ngắn nước mắt dài, sụt sùi bưng bát nhang tới từng nhà xin họ rộng lòng cho một miếng đất để chôn cất mẹ. Lạy lục mãi, làng chỉ cho miếng gỗ dày hai phân, dài hai thước, một đôi chiếu, đôi dây thừng bó tử thi và hai cục đá to. Rồi họ bảo đem ra biển thả, làm thủy táng. Cùng đường, ông Phạm Đăng Hưng cố kéo dài thời gian bằng cách thưa với làng là thủy triều đang cao, chờ đến giờ Tý nước rút sẽ đưa xác mẹ ra biển khơi.

Ngay sau đó, ông tìm mọi cách để đi thăm dò quanh làng. Nghe nói cuối làng có ngôi nhà ma bỏ hoang, phía sau có một cái giếng cạn không nước. Lần tìm đến nơi thì thấy một ngôi nhà lá sạch sẽ, trên bàn thờ có để khăn xô áo tang và đĩa đèn dầu leo lét, sau nhà có một cái giếng cạn đúng như lời đồn đại. Ông vội vã chạy về thuyền, chờ đêm tối,

---

[1] *Phạm Đăng Hưng (1764 - 1825): Sau này là Thượng thư Bộ Lễ, ông ngoại của Vua Tự Đức và là thân phụ của Thái hậu Từ Dũ.*

ông vác xác mẹ bó sẵn trên miếng gỗ của làng cho, đem đến giếng cạn để mai táng. Vừa sang giờ Tý, trời bỗng nhiên nổi cơn sấm sét, giông bão đùng đùng. Dân làng hối hả tránh bão. Tận dụng những giờ phút hiếm hoi không ai để ý tới mình, ông Phạm Đăng Hưng cùng vợ và con trai đem xác mẹ bỏ xuống giếng. Nhưng ông và vợ con chưa kịp lấp đất cho nấm mồ của mẹ thì sấm sét quá lớn khiến ông buộc phải chạy về thuyền. Sáng hôm sau dân làng chạy đến hỏi đã chôn mẹ chưa. Khi nghe ông Hưng, bà Lành và con trai vừa khóc hu hu vừa đau đớn kể lể, dân trong làng và dân xóm chài lập tức chia buồn. Ông bà xin ở lại làng ba ngày để làm cơm tạ lễ thì làng không chấp nhận. Họ khuyên bảo ông nên đi về Tân An - Tân Trụ để khai hoang lập ấp, bởi vùng đó đất đai còn rộng.

Đợi đến khi mọi người đã về hết, ông Phạm Đăng Hưng liền cùng vợ con đi đến ngôi nhà hoang để từ giã mẹ, thì kì lạ thay, họ không thấy ngôi nhà ma ấy đâu nữa. Trước mắt họ chỉ còn mấy tấm lá dừa nước và mấy cây cột vừa thấp vừa bé chơ vơ giữa cảnh hoang vắng. Vợ chồng ông rụng rời tay chân, xanh xám mặt mày. Họ tìm quanh tìm quất. Cái giếng cạn hôm qua biến mất. Trước mặt họ, giờ là một cái gò cát, cao như một ngọn núi nhỏ. Nửa lo nửa mừng, ông Phạm Đăng Hưng đến cắm ba nén hương lên gò cát, rồi đưa vợ con xuôi thuyền về Tân Trụ khai hoang lập ấp, mở trường dạy học.

Tại đây, năm Canh Ngọ (1810) bà Đặng Thị Lành sinh được người con gái xinh đẹp và thông minh hơn người, đặt tên là Phạm Thị Hằng. Lúc này ông Phạm Đăng Hưng không còn ở Tân Trụ mà đã về Trà Vinh khai hoang lập ấp. Vua Gia Long xuống chiếu lệnh cho ông về triều làm thầy dạy của

các hoàng tử. Sau đó, ông đảm nhiệm trọng trách Thượng thư Bộ Lễ.

Từ nhỏ Phạm Thị Hằng đã không chỉ nổi tiếng xinh đẹp mà còn hiền thục đoan trang nhất vùng. Đến năm mười bốn tuổi thì thiếu nữ Phạm Thị Hằng được đưa vào cung, hầu hạ Hoàng tử Dong. Năm 1923, theo phép đặt tên của đế hệ, Hoàng tử Dong đổi tên mới là Miên Tông. Trong số 78 hoàng tử của Minh Mệnh thì Miên Tông là con trưởng. Nên sau khi vua Minh Mệnh băng hà, năm 1841 Hoàng tử Miên Tông vừa tròn 34 tuổi đã được nối ngôi, lấy niên hiệu là Thiệu Trị.

Sinh thời, Thiệu Trị hoàng đế rất sủng ái bà Phạm Thị Hằng bởi các đức tính cẩn trọng, thông minh, ăn nói dịu dàng, nết na đức hạnh, tận tâm dạy dỗ các hoàng tử và công chúa. Từ năm 1829, bà Phạm Thị Hằng đã có mang và sinh được Hoàng nam Hồng Nhậm cho Miên Tông.

Khi vừa lên ngôi, vua Thiệu Trị đã phong cho bà Phạm Thị Hằng là *Cung tần*, đến năm thứ ba phong lên làm *Thành Phi*, đến năm thứ sáu thăng lên làm *Quý phi*, hàm *Đệ nhất giai phi*, đứng đầu hậu cung.

Năm 1847, vua Thiệu Trị không may băng hà, theo di chiếu, Hồng Nhậm được lên kế vị ngai vàng, lấy hiệu là Tự Đức. Sau khi lên ngôi, Tự Đức hoàng đế đã phong cho mẹ mình là *Nghi Thiên Chương Hoàng hậu*, rồi *Hoàng thái hậu*, hiệu là Từ Dũ.

Sinh thời, Đức bà Từ Dũ là một người nổi tiếng cần kiệm, không ăn mặc xa hoa, không tiêu xài hoang phí, một bậc mẫu nghi thiên hạ nức tiếng và đáng kính, được người đời sùng bái. Vua Tự Đức hoàng đế đã cho xây ngôi mộ tổ họ ngoại ở tại Gò Công. Vốn là một người con hiếu thảo, mọi

điều Hoàng thái hậu Từ Dũ dạy dỗ đều được vua Tự Đức ghi lại trong một cuốn sổ nhỏ, gọi là "Từ huấn lục".

Năm 1883, khi Hoàng đế Tự Đức băng hà, triều đình nguy cơ lâm vào cảnh rối ren. Nhưng dưới sự cai quản của Đức bà Từ Dũ, hậu cung vẫn yên ổn. Năm 1889, chắt nội của Đức bà Từ Dũ là Nguyễn Phúc Bửu Lân lên ngôi, lấy hiệu là Thành Thái. Ba năm sau, nhà vua phong cho cụ bà của mình là *Thái hoàng thái hậu.*

Năm Thành Thái thứ 13, Đức bà Từ Dũ qua đời, thọ 93 tuổi. Cụ được an táng gần điện Xương Lăng và tôn thờ tại Hữu Nhất án ở Thái Miếu trong Đại nội kinh thành Huế...



Năm 1907, sau khi phế truất vua Thành Thái, người Pháp đã định đưa Hoàng thân Phụng Hóa (tức Bửu Đảo, con vua Đồng Khánh, sinh năm 1884) lên ngôi, để nối tiếp dòng vua bù nhìn. Nhưng nhiều trọng thần của triều đình đã không ủng hộ, vì họ *không muốn đặt lên ngai vàng một người "vô hậu" (tuyệt tự).* Người Pháp đành phải chấp nhận Hoàng tử Vĩnh San lên ngôi vua, với niên hiệu là Duy Tân.

Nhưng Duy Tân là một vị vua dù tuổi còn nhỏ mà trí đã lớn. Ông kiên quyết chống lại và bất hợp tác với Toàn quyền Pháp. Cuối năm 1916, được một số tổ chức yêu nước giúp đỡ, vua Duy Tân đã bí mật gặp các nhà chí sĩ của Việt Nam Quang phục hội để bàn mưu khởi nghĩa chống Pháp. Kế hoạch bị lộ, nhà vua bị bắt cùng nhiều chiến sĩ yêu nước khác. Dụ dỗ, đe doạ, thuyết phục Duy Tân trở lại ngai vàng không được, người Pháp đã quyết định đưa ông đi lưu đày sang đảo Rêu-ni-ông (*Réunion*)...

Không tìm được ai khác, Hoàng thân Phụng Hoá đã được người Pháp dựng lên ngôi vua. Đó là ông vua nổi tiếng vì sự "bù nhìn". Thời ấy, ở kinh thành Huế người dân thường truyền nhau câu ca:

Tiếng đồn Khải Định nịnh Tây

Nghề này thì lấy ông này "tiên sư"

Vua Khải Định lấy tới 12 vợ, nhưng tất cả đều không có con. Vĩnh Thuỵ là con của người khác, nhưng đã được nhà vua nhận là con mình[1]. Năm 1922, trước khi sang Pháp dự Hội chợ thuộc địa Mác-xây, Khải Định cho làm lễ sắc lập Nguyễn Phúc Vĩnh Thuỵ mới 10 tuổi làm Đông cung Hoàng thái tử. Ngay sau khi được xác lập là người kế vị ngai vàng bù nhìn, Vĩnh Thuỵ đã được Khâm sứ Sác-lơ mang về Pháp "đào tạo"...



Ông bà nội tôi luôn tự hào với nguồn gốc dòng họ Phạm Đăng "danh gia vọng tộc" của mình.

Các cụ sinh được hai người con trai: Cha tôi là Phạm Đăng Chất và chú tôi là Phạm Đăng Lãm. Hai ông được người đời rất nể trọng, bởi đều là những người học rộng, tinh thông nhiều ngoại ngữ và giỏi về y thuật. Người nhà thường kể về khả năng ngoại ngữ của cha tôi lúc sinh thời: hầu như gặp người nước ngoài nào, dù là Trung Hoa, Nhật Bổn, Triều Tiên, hay Pháp, Anh, Đức, Tây Ban Nha... cha tôi

---

(1) Tư liệu dẫn theo cuốn sách "Các triều đại Việt Nam" của hai nhà Sử học Quỳnh Cư và Đỗ Đức Hùng, Nxb Thanh Niên tái bản lần thứ 6, năm 2001, trang 388 và 399.

cũng có thể nói chuyện trực tiếp bằng tiếng mẹ đẻ của người ấy, khiến họ rất ngạc nhiên.

Tôi sinh năm Nhâm Thân (1932) là con gái duy nhất của người vợ thứ hai của cha tôi. Năm sinh tôi, ông đã ngoài 70 tuổi, nhưng vẫn còn rất tráng kiện và minh mẫn. Tôi nghe nói mình còn mấy người anh cùng cha, khác mẹ đã lớn tuổi và đều sống ngoài Bắc.

Từ khi còn nhỏ, cho tới lúc lớn lên và đi học, không hiểu sao, nhiều người vẫn gọi tôi là "Quận Chúa Ngọc Anh". Có lần, tôi mang thắc mắc ấy hỏi cha tôi. Người chỉ cười và bảo: "Đó là chuyện của người già, lâu lắm rồi, khi nào lớn lên con sẽ hiểu".

Nghe nói, muốn là "Quận Chúa" danh chính ngôn thuận, thì phải được vua sắc phong. Tôi không hề được "sắc phong" và cũng chưa bao giờ sống trong cung cấm, mà vẫn được gọi là "Quận Chúa", nên dù thắc mắc, nhưng vì là con nít, tôi vẫn thích lắm...

Sau này lớn lên, qua tìm hiểu từ nhiều nguồn, tôi mới hiểu "chuyện người già" mà cha tôi đã nói: Chú Phạm Đăng Lãm của tôi đã từng lấy thím dâu là Hoàng Thị Cúc. Nhưng hai người chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn, thì thím tôi bị buộc phải tấn cung, làm người hầu trong phủ của Hoàng thân Phụng Hóa.

Đầu năm 1913, khi phát hiện ra bà Hoàng Thị Cúc đã có thai và cho đó là của Hoàng thân Phụng Hóa, Đức Tiên Cung (mẹ của Hoàng thân Phụng Hóa) đã nhiều lần tra khảo, có lần còn ép bà Cúc phải nằm úp bụng bầu xuống đất để đánh, bắt bà phải khai đó là thai của ai, sao lại vu cho Hoàng thân Phụng Hóa? Nhưng bà Cúc vẫn một mực khẳng định: Đó là giọt máu của Hoàng thân Phụng Hóa. Kể từ đấy

bà mới được tha và được chăm sóc dưỡng thai. Tháng 10 năm 1913 bà hạ sinh Hoàng nam, được đặt tên là Nguyễn Phúc Vĩnh Thuỵ. Và đó chính là Vua Bảo Đại sau này.[1]

Năm 1916, Hoàng thân Phụng Hóa lên ngôi, lấy hiệu là Khải Định. Sau khi lên ngôi ông phong cho bà Hoàng Thị Cúc là *Ngũ Giai Huệ Tần* rồi *Tam Giai Huệ Phi*, đứng thứ ba trong "tam cung lục viện" của nhà vua.

Năm 1925, vua Khải Định băng hà. Một năm sau, Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy được lên kế vị, lấy niên hiệu là Bảo Đại. Sau khi lên ngôi vua, Bảo Đại đã phong cho mẹ mình làm *Đoan Huy Hoàng Thái Hậu*, nhưng mọi người vẫn thường quen gọi bà là "Đức Từ Cung". Và đó cũng là Hoàng Thái hậu cuối cùng của các triều đại phong kiến Việt Nam...



Trước khi xảy ra "Loạn Duy Tân", người Pháp đã ráo riết truy lùng các chí sĩ yêu nước. Một số nhân sĩ từ Nam Bộ ra Phan Thiết ẩn dật, trong số đó có Nhà thơ yêu nước Nguyễn Thông[1]. Cụ đã cho xây một ngôi nhà nhỏ ở Phan Thiết gọi là "*Ngọa Du Sào*". Bề ngoài, đây là nơi đọc sách

---

[1] *Bảo Đại (1913-1997); tên huý là Nguyễn Phúc Vĩnh Thuỵ, là Vua thứ 13 của Triều Nguyễn và cũng là vị Hoàng đế cuối cùng của chế độ Phong kiến Việt Nam. Các chi tiết nói về việc xuất thân của Vua Bảo Đại cùng mối quan hệ với "Quận Chúa Ngọc Diệp", là tư liệu riêng của nguyên mẫu cuốn sách này cung cấp, chưa được thẩm định và cần được nghiên cứu thêm.*

[1] *Nguyễn Thông (1827-1894): Người chủ xướng việc thành lập "Đồng Châu xã" - một tổ chức của những người Nam Kỳ yêu nước "tị địa" ra Bình Thuận.*

bình thơ, đàm đạo văn chương, nhưng bên trong là để chiêu mộ các nghĩa sĩ bốn phương đồng tâm, hiệp lực chống Pháp. Những người tham gia có Hồ Tá Bang (tự Quốc Phụ), làm ký lục Tòa sứ Phan Thiết, cha tôi là Trần Lệ Chất (tức Phạm Đăng Chất, tự Giá Khanh) làm Thông phán cho Công sứ Bình Thuận, Nguyễn Hiệt Chi (tự là Mông Thương, Giáo Thọ), Trương Gia Mô (tức Nghè Mô), Ngô Văn Nhượng (tự Thôi Chi) và hai con trai của cụ Nguyễn Thông là Nguyễn Trọng Lội (tự Canh) và Nguyễn Quý Anh (tự Nhu Khanh), v.v...



Năm 1910, cha tôi làm việc ở Tòa sứ Phan Thiết (Bình Thuận), giúp việc cho Công sứ Lu-xen (*Claude Léon Lucien*). Ngoài giờ làm việc ở công sở, ông còn mở một hiệu thuốc Bắc nhỏ, vừa bắt mạch, vừa bốc thuốc. Vì cha tôi giỏi y thuật, nên người bệnh tìm đến rất đông. Tuy nhiên, thực chất hiệu thuốc này là nơi cha tôi dùng để liên lạc, giao tiếp với các nhân sĩ và bạn bè đồng chí hướng.

Một buổi sáng, khi đang bắt mạch và bốc thuốc cho người bệnh, cha tôi gặp một chàng trai trẻ khoảng hai mươi tuổi, dáng vẻ nho phong, đĩnh đạc bước vô cửa hàng thuốc Bắc. Vừa trông thấy cha tôi, chàng trai ngả mũ chào. Lúc đó, vì có quá nhiều khách đang chờ khám bệnh, bốc thuốc làm ông không được nghỉ tay. Đến lúc việc đã ngơi, quay lại, ông vẫn thấy người thanh niên kia ngồi đợi. Ngỡ đó là một người đến xin mua thuốc, cha tôi mời gọi, thì chàng trai trẻ đứng lên lễ phép và tươi cười nói:

- Nghe tiên sinh thường họa thơ và đàm luận văn chương, cháu đến muốn xin được phụ việc để học nghề và mở rộng tầm mắt...

Cha tôi hỏi:

- Cháu năm nay bao nhiêu tuổi, quê quán ở đâu?

Chàng trai lễ phép thưa:

- Dạ. Cháu hai mươi tuổi, quê Nam Đàn, Nghệ An.

- Cháu có biết cụ Nguyễn Sinh Sắc không?

- Dạ. Đó là cha cháu ạ!

- Vậy ra đây là con trai của cụ Phó bảng ư? Cháu tên gì?

- Dạ thưa, Nguyễn Sinh Cung ạ. Hiện nay cháu đã đổi tên là Nguyễn Tất Thành.

- Ai đã chỉ đường cháu đến đây?

- Dạ thưa, cháu nghe danh Tiên sinh từ lâu, nên nay tìm đến...

- Phụ việc và học nghề thì được. Dù ta chưa biết cháu có thể làm được những việc gì. Nhưng còn mở rộng tầm mắt cho cháu, thì e rằng ta không đủ khả năng.

Cha tôi với Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc chẳng những là bạn học đồng môn, đồng tuế mà còn đồng chí hướng. Từ cuối năm 1909, cha tôi được tin Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đã rời trường Quốc học Huế để vào Bình Định, vì được bổ nhiệm chức Đồng tri phủ, lãnh chức Tri huyện Bình Khê. Ông có mang theo con trai là Nguyễn Tất Thành, gửi học tiếp chương trình lớp Nhất (Cours Supéirieur) ở Trường Tiểu học Pháp - Việt tại Quy Nhơn.

Trong "Loạn Duy Tân", cha tôi phải cải họ thay tên là Nguyễn Như Chuyên chạy sang Anh quốc. Sau đó, khi quay lại Việt Nam, trở về quê Ước Lễ - Thanh Oai thì đổi tên là Trần Lệ Chất (tự Giá Khanh). Vì cha tôi thông thạo nhiều

ngoại ngữ, nên bạn bè đã tiến cử ông làm Thông phán cho Công sứ Pháp Lu-xen ở Phan Thiết - Bình Thuận và được ông ta trọng dụng.

Cũng thời gian này, các nghĩa sĩ của Đảng Duy Tân đang tìm nhau để phục hưng lại tổ chức. Họ chọn "Ngọa Du Sào" làm nơi đọc sách, ngâm thơ và tiếp các nhân sĩ yêu nước. Lâu dần, "Ngọa Du Sào" trở thành một Hội quán rất nổi tiếng. Sau đó, hai người con trai của cụ Nguyễn Thông là Nguyễn Trọng Lội và Nguyễn Quý Anh còn thành lập "Liên Thành thương quán" kinh doanh nhiều mặt hàng như: Nước mắm, vải vóc, tơ lụa, thuốc Bắc, nhu yếu phẩm,... Điều đặc biệt là Hội quán này được Công sứ Pháp Lucien Garnier rất ủng hộ. Nhân cơ hội đó, ông Hồ Tá Bang[1] đã bàn với cha tôi cùng tham gia mở rộng "Liên Thành thương quán" để biến nó thành một tổ chức có lợi cho phong trào Duy tân và Đông du.

Cha tôi hơn Hồ Tá Bang 13 tuổi, nhưng người rất khâm phục ông, bởi từ thời niên thiếu Hồ Tá Bang đã theo học khoa cử, thông thạo cả chữ Hán, chữ Pháp và chữ Quốc ngữ, nhưng không đi thi làm quan. Năm Mậu Tuất (1889), Hồ Tá Bang làm kí lục tại Toà sứ Phan Thiết, sau đổi về làm ở Toà sứ Hội An. Ông là người chịu ảnh hưởng tư tưởng của Nhà duy tân Nguyễn Lộ Trạch. Khi đang làm việc tại Toà sứ Phan Thiết, Hồ Tá Bang đã hưởng ứng phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh đề xướng. Ông là một chí sĩ rất có uy tín hồi đó. Ngược lại, Hồ Tá Bang cũng rất nể trọng trí tuệ và tinh thần yêu nước của cha tôi. Hai người luôn coi nhau như bạn vong niên...

---

(1) Hồ Tá Bang (1875 - 1943) người làng Kế môn, huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế, một Nhân sĩ yêu nước cận đại.

Nhìn Nguyễn Tất Thành, cha tôi nghĩ ngay đến Hồ Tá Bang, liền ướm hỏi, thăm dò:

- Ta sẽ nhờ mấy người bạn giúp đỡ cháu, để tìm đường Đông du?

Nguyễn Tất Thành trả lời:

- "Đông du"? Nhiều người đã làm, nhưng việc lớn khó thành. Có lẽ cháu phải tìm con đường khác? Hiện mật thám đang theo dõi cháu rất nghiêm ngặt.

- Cháu cứ yên tâm, chuyện đâu sẽ có đó...

Sau đó, cha tôi cùng Hồ Tá Bang và mấy người bạn thân làm tờ trình quan Công sứ Pháp, chính thức xin mở rộng "Liên Thành thương quán" thành lập *Hội Quán Liên Thành* (còn được gọi là Liên Thành công ty). Thực chất, đây là một tổ chức hoạt động Cách mạng gồm ba bộ phận với ba chức năng gồm: "Liên Thành Thương quán" (chuyên làm kinh tế, gây quỹ hoạt động); "Liên Thành thư xã" (truyền bá các sách báo và tài liệu tuyên truyền có nội dung yêu nước) và "Dục Thanh học hiệu" (trường dạy học cho con em lao động nghèo, theo nội dung yêu nước và tiến bộ).

Đầu thế kỷ hai mươi, hầu như thương trường của Việt Nam đều do người Pháp và ngoại kiều chiếm giữ. Người Việt chỉ mới mở được một vài Công ty mà Liên Thành là một ví dụ. Nhưng Công ty Liên Thành tồn tại và phát triển được, một phần là nhờ Quan Công sứ Bình Thuận là Claude Léon Lucien Garnier cũng có cổ phần trong đó.

Khi cha tôi giới thiệu chàng thanh niên trẻ Nguyễn Tất Thành, Quan Công sứ và các cổ đông của Liên Thành Công ty đều tưởng anh là con trai của "Lệ Chất tiên sinh", nên ai cũng nhiệt tình giúp đỡ, đặc biệt là ông Nghè Mô.

Nguyễn Tất Thành đã được nhận vào dạy học ở "Dục Thanh học hiệu". Đó cũng là người thày giáo trẻ nhất của nhà trường.

Trường Dục Thanh ngày ấy là một khu đất nhỏ, rộng chừng hơn trăm mét vuông, nối liền nhà thờ của cụ Nguyễn Thông, có bốn lớp học với số học sinh trên một trăm người. Có nhà ngủ cho các học sinh và thầy giáo ở trọ. "Ngọa Du Sào" là căn nhà có gác dài hơn sáu mét, rộng hơn bốn mét, cao chừng hai mét, ở tầng trên là nơi các thầy giáo hay đọc sách, chấm bài. Nơi đó có đầy đủ các vật dụng như: tráp văn thư, nghiên mài mực, tủ đứng, rương sách, góc treo sách, ghế, cái sạp cho các thầy ngồi để viết, bàn dài để các thầy ngồi nói chuyện, tràng kỷ, khay gỗ chạm, những cái chén các thầy uống trà...

Sau này, một nhân chứng từng là học trò của thầy Nguyễn Tất Thành hồi đó là cụ Nguyễn Đăng Lầu (tức Cửu Lâu, 1897 - 1978, quê ở Đức Thắng, Phan Thiết - tỉnh Bình Thuận) kể lại[1]: Khoảng Năm 1908 - 1909, ông thân sinh tôi cho tôi đi học tân thư trường Dục Thanh - Phan Thiết. Tôi nhớ dạy ở trường Dục Thanh tất cả có sáu thầy: thầy Cung, thầy Hải, thầy Bảy... nhưng các trò nhớ nhất là thầy Nguyễn Tất Thành. Bởi thầy Thành trẻ hơn hết.

Thầy giáo Nguyễn Tất Thành làm trợ giáo môn thể dục và phụ trách các hoạt động ngoại khóa của Trường Dục Thanh[2]. Thầy Thành dạy thể dục mỗi ngày hai buổi, buổi sáng lúc sáu giờ, buổi chiều lúc năm giờ. Sau khi tập thể dục

---

(1) Tài liệu tham khảo từ nguồn: Binhthuantoday.

(2) Tham khảo theo tài liệu từ cuốn "Hồ Chí Minh tiểu sử" - Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2006, trang 19-42.

buổi sáng xong, tất cả xếp hàng đi vào lớp học. Vào lớp rồi, tất cả đứng dậy vòng tay hát "*Bài ca ái quốc*".

Ca rồi, đợi thầy rung chuông ra lệnh, các trò mới được phép ngồi và bắt đầu học. Thầy Nguyễn Tất Thành tính tình bao dung và rất thương học trò. Thầy coi học trò như các em ruột của thầy, không phải một đôi lớp, mà từ lớp nhất đến lớp tư đều yêu mến thầy. Có một ít trò nhiều khi trả bài thường quá sợ mà quên, thầy động viên: "Đừng sợ! Không việc chi mà sợ. Cứ bình tĩnh mà trả bài, nếu chưa thuộc thì học lại".

Vào ngày chủ nhật, thầy Nguyễn Tất Thành thường dắt học trò đi chơi nhiều nơi, như bãi biển Thương Chánh, khi nước cạn ngoài cồn thật mát mẻ; hoặc bên Toà sứ. Thời ấy đất còn trống, cây hoa sứ rất nhiều, ngày chủ nhật công chức nghỉ, đóng cửa nên học trò chơi đùa thoải mái. Trong những buổi đi chơi như thế, thầy giảng dạy thêm về lịch sử đất nước. Nhiều lần thầy chỉ vẽ trò chơi cho học trò và cùng chơi nên thầy trò rất cảm mến nhau.

Hồi ấy, ở Phan Thiết chỉ có học trò nam của Trường Dục Thanh là hớt tóc hết, còn các trường công và trường tư khác ít người hớt tóc. Lúc ấy có bài "*Khuyên hớt tóc*", chính thầy Thành đã đọc cho học trò cả trường đều viết để học thuộc lòng...[1]

Tuy nhiên, dạy học và kiếm tiền để sống yên phận không phải là mục đích của Nguyễn Tất Thành.

Đầu năm 1911, cha tôi bàn với ông Hồ Tá Bang tìm cách đưa Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn và nhờ ông Nghè Mô

[1] *Tài liệu tham khảo từ nguồn: Binhthuantoday.*

giúp đỡ việc này. Ông Nghè Mô tên thực là Trương Gia Mô[2], kém cha tôi bốn tuổi, hiệu là Cúc Nông, sinh tại làng Tân Hào, huyện Bảo An, tỉnh Vĩnh Long, (nay là xã Tân Hào, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre). Người đời quen gọi Trương Gia Mô là "Nghè Mô" vì ông là "ấm sinh", con của cụ Trương Gia Hội, từng làm Tuần phủ Thuận Khánh (Bình Thuận - Khánh Hòa) dưới triều vua Tự Đức, nổi tiếng là người khảng khái. Sau khi thân phụ mất, Trương Gia Mô đến kinh đô Huế năm Nhâm Thìn (1892) và được bổ dụng làm Thừa phái Bộ Công, đời Thành Thái. Ngoài hai mươi tuổi, Trương Gia Mô đã dâng Bản Điều trần gồm năm điểm, nhằm bày tỏ tâm huyết của mình đối với vận mệnh của Tổ quốc và dân tộc. Nhưng "Bản điều trần" đó đã bị triều đình vứt xó, cùng chung số phận như hàng chục bản kế sách, điều trần trước đó của những chí sĩ yêu nước như Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ... Hơn thế, vì nó mà Trương Gia Mô còn bị Thượng thư Nguyễn Trọng Hợp cho là "kẻ thiếu niên hiếu sự". Sau đó, Trương Gia Mô còn xung phong tham gia vào phái đoàn đi sứ sang Pháp, nhưng cũng không được chấp thuận. Liên tiếp thất bại trong cả hai việc, ông thất vọng và mất niềm tin vào triều đình, nên đã từ quan, về quê dạy học. Do từng có chức tước, lại làm việc ở kinh sư, có vốn tri thức uyên bác, nên Trương Gia Mô được nhiều người nể trọng. Sau này người ta lầm tưởng, cứ gán cho ông học hàm Tiến sĩ, gọi là "Nghè Mô".

Đã về quê dạy học, nhưng Nghè Mô không chịu ngồi yên. Ông tìm cách kết giao với các thân sĩ như Trần Chánh Chiếu, Nguyễn An Cư, Nguyễn An Khương... để tuyên

---

[2] Trương Gia Mô: (1866 - 1929) Nhà chí sĩ yêu nước và Nhà thơ Duy tân Nam Kỳ.

truyền, vận động cải cách ở Nam kỳ lục tỉnh. Thời gian sau, ông cùng người bạn thân là Nguyễn Lộ Trạch mưu tính xuất ngoại học thêm để làm việc lớn, nhưng không thành. Khi về sống ở Bình Thuận, Nghè Mô đã có dịp hội ngộ, tiếp xúc với các nhà chí sĩ yêu nước Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, khi các ông này ghé lại Phan Thiết trên đường "Nam du" và cùng với các thân sĩ ở đây kêu gọi "duy tân cải cách". Thời gian này Nghè Mô đã sáng tác nhiều bài thơ và phú bằng chữ Hán, đề cao ý chí quật cường của giới sĩ phu, được người cùng thời truyền tụng. Sau này, trong số con cháu của cụ, có một người đã kế tục xuất sắc truyền thống cha ông mình, đó là Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng[1].

Nghè Mô tuy không tham gia sáng lập, nhưng sau cũng là một trong những cổ đông chính của Liên Thành Công ty. Ông đặc biệt ủng hộ những người tuổi trẻ mà trí lớn, nên rất nhiệt tình với Nguyễn Tất Thành. Nhất là từ khi chàng trai trẻ này tham gia dạy học ở "Dục Thanh học hiệu", khẳng định được tâm thế và khát vọng của mình. Ngày đó, Nghè Mô vừa thoát ra khỏi ngục thất Khánh Hòa vì tội "tham gia loạn đảng", nên đã tiếp đón chàng trai trẻ với một tình cảm đặc biệt, ưu ái, tâm đắc và tán thành với chí hướng hành động của anh[1].

Thời ấy, thực dân Pháp đang cho mật thám truy lùng gắt gao các nhân sĩ và trí thức yêu nước. Nhưng cha tôi đã cùng Hồ Tá Bang - Ký lục Tòa sứ Phan Thiết, bàn nhau làm

[1] Trần Bạch Đằng (1926 - 2007): Nhà nghiên cứu, nhà văn, nhà báo và nhà cách mạng lão thành, tên thực là Trương Gia Triều, cháu nội của cụ Trương Gia Mô.

[1] Tài liệu tham khảo từ nguồn: Trang thông tin KTXH của UBND tỉnh Bến Tre.

giấy tờ hợp pháp, bằng cách đổi tên mới cho thầy giáo trẻ Nguyễn Tất Thành, khi đó vừa tròn hai mươi tuổi, là Văn Ba.

Tháng 2 năm 1911, từ "Dục Thanh học hiệu" ở Phan Thiết, thầy giáo trẻ Nguyễn Tất Thành mang tên mới là Văn Ba, đã được ông Nghè Mô trực tiếp đưa vào Sài Gòn.

Tới Sài Gòn, lúc đầu Văn Ba được bố trí ở tại nhà ông Lê Văn Đạt (một người bà con bên mẹ của ông Nghè Mô). Sau vài ngày, anh được đưa đến ăn ở ngay trong Chi nhánh Đại diện của Liên Thành Công ty tại Sài Gòn (Liên Thành thương quán phân cuộc), số 1-2-3 Quai Testard (bến Testard) - Chợ Lớn.

Đó là một căn nhà mặt phố, sát một con kênh nhỏ, có cửa sắt kéo, rộng hơn ba mươi mét vuông, có một tầng lầu, nền lót gạch bông, mái lợp ngói âm dương, cầu thang lên lầu bằng gỗ. Trên lầu còn có ban công rộng, cửa ra bằng gỗ. Nơi ấy lúc rảnh rỗi, chàng trai trẻ Văn Ba thường ngồi một mình, ngắm cảnh Sài Gòn qua những người lao động lam lũ và suy nghĩ: Tại sao đồng bào mình khổ vậy? Tại sao người Tây lại có quyền bóc lột dân ta? Người dân nước Pháp và các nước khác họ làm ăn, sinh sống như thế nào?

Nếu như có thể hiểu, trả lời được tường tận những điều trên, biết đâu có thể tìm cách giúp đồng bào mình bớt cực khổ? Nhưng anh sẽ ra đi bằng cách nào đây, khi mà cả bộ máy cảnh sát, mật thám của Pháp đang ngày đêm giăng lưới, tra xét nghiêm ngặt?

Những câu hỏi ấy cứ trăn trở, thôi thúc Văn Ba. Bởi thời ấy, không dễ gì một thanh niên có tư tưởng yêu nước và tiến bộ, không có tiền, lại có thể xuất ngoại theo ý muốn.

Văn Ba đã tạm trú ở ngôi nhà kể trên hơn ba tháng[1]. Trong lúc chờ đợi, anh đã xin vào học việc ở một Trường đào tạo công nhân hàng hải và cơ khí (*Eécole des Mécaniciens*). Có thời gian Văn Ba còn đi bán báo ở khu vực thương cảng để kiếm sống và cũng là để có điều kiện tìm hiểu đời sống công nhân, nhân dân lao động cũng như các tàu ra vào cảng Sài Gòn.

Hồi đó, tại thương cảng Sài Gòn có hai Chi nhánh Đại diện của hai Công ty Vận chuyển hàng hải lớn, chuyên chạy tuyến đường Đông Dương tới Pháp và ngược lại là Hãng *Messageries Maritimes*. Hãng này thuộc Công ty Vận tải Hoàng gia Pháp, nên còn được gọi là Hãng *Messageries Impériales*. Nhưng dân mình cứ gọi nôm na là "Hãng Đầu Ngựa", bởi ống khói tàu của họ đều có sơn hình đầu con ngựa. Và Hãng thứ hai là *Chargeurs Réunis*. Dân mình thì gọi là "Hãng Năm Sao", vì ống khói trên tàu của họ có sơn năm ngôi sao.

Trụ sở của "Hãng Đầu Ngựa" nằm ngay trên ngã ba trung tâm khu vực cảng, giữa rạch Bến Nghé và sông Sài Gòn. Đó là một ngôi nhà có kiến trúc pha trộn Á - Âu. Trên bốn góc mái nhà đều có trang trí hình đầu rồng. Có lẽ vì vậy, mà người dân quen gọi ngôi nhà này là "Nhà Rồng". Sau này, bến tàu thủy gần đó cũng được gọi là "Bến Nhà Rồng".

Thời gian này, mật thám Pháp liên tục cho khám xét mọi sự thông thương, cả người và hàng hóa. Bởi chúng đã bắt đầu nghi ngờ tiền nuôi các đồng chí ở nước ngoài trong

[1] Ngôi nhà này hiện đã trở thành Di tích lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở số 5 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguồn tài liệu tham khảo từ Trang thông tin điện tử của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

tổ chức Cách mạng Đông Du và Duy Tân là nguồn lợi tức của Liên Thành thương quán xã...

Nhưng một cơ hội hiếm có đã đến: Cuối tháng 5 năm 1911, Công sứ Pháp ở Bình Thuận là *Claude Léon Lucien Garnier* đã quyết định cử cha tôi là Nguyễn Như Chuyên (tức Trần Lệ Chất) sang Pháp và Anh lo việc buôn bán cho Công ty Liên Thành. Nhân cơ hội này, lấy cớ là cần có người giúp việc trong chuyến đi dài ngày, chăm sóc khi ốm đau, cha tôi làm giấy đề nghị với nhà cầm quyền Pháp xin được đem theo "con trai" đi cùng. Quan công sứ Pháp ở Bình Thuận đã đồng ý cấp phép cho hai người xuất ngoại bằng phương tiện tàu thủy. Lo xong giấy tờ, cha tôi vội thu xếp hành lí và tìm ngay về Sài Gòn.[1]

Cùng thời gian trên, Văn Ba được tin "Hãng Năm Sao" đang tuyển người phụ việc trên tàu. Anh đã quyết định làm đơn xin một chân "bồi" trên tàu, để vừa có thêm thu nhập, vừa có điều kiện học hỏi tiếng Pháp, nhưng đã không được họ chấp nhận.

Dịp may đã tới: Ngày 2 tháng 6 năm 1911, chiếc tàu chở khách của "Hãng Năm Sao" có tên là *Amiral Latouche Tréville* đã cập Bến Nhà Rồng.

Nhờ có đủ giấy tờ hợp lệ, do viên Công sứ Bình Thuận cấp, với nội dung: cho phép hai người sang Cộng hòa Pháp và Vương quốc Anh lo việc buôn bán cho Công ty Liên Thành) cha tôi đã cùng Văn Ba công khai lấy vé xuống tàu,

---

(1) Tư liệu do nguyên mẫu nhân vật chính của cuốn sách này cung cấp, chưa được thẩm định và cần được tiếp tục nghiên cứu. Xin hãy tạm coi đó như một giả thiết và chi tiết mới về việc xuất ngoại của người thanh niên yêu nước Văn Ba (tức Nguyễn Tất Thành) năm 1911.

vượt qua hàng rào xét nét nghiêm ngặt của mật thám Pháp và làm thủ tục xuất cảnh trót lọt.

Sắp xếp hành lý và chỗ ăn ở trên tàu xong, Văn Ba bỗng nói với cha tôi:

- Thưa tiên sinh, cháu định sẽ xin việc để làm thêm ngay trên con tàu này!

Cha tôi nhìn Văn Ba, người không hề ngạc nhiên, mà chỉ ái ngại bảo:

- Số lộ phí ta mang theo đủ để hai người dùng sang tới Pháp và trở về nữa. Cháu cân nhắc kỹ chưa? Việc đó sẽ rất vất vả và nguy hiểm nữa đấy.

Nhưng người thanh niên trí lớn, đầy hoài bão đã nói:

- Thưa, cháu đã cân nhắc và suy nghĩ kỹ rồi. Vấn đề ở đây không chỉ là tiền bạc ạ. Chuyến đi chắc phải kéo dài tới mấy tháng trời mới sang đến nơi, nếu chỉ ngồi không mà chờ đợi sẽ rất phí thời gian. Cháu muốn nhân dịp này sẽ tiếp xúc, học hỏi và rèn luyện thêm...

Cha tôi gật đầu, ủng hộ:

- Cháu nghĩ vậy cũng phải. Còn trẻ, lại mưu sự việc lớn thì phải cố gắng từ việc nhỏ. Cháu cứ thử sức mình, nếu có khó khăn gì, thì tìm gặp ta sẽ giúp cho.

Sau đó, Văn Ba nhờ người giới thiệu cho gặp Thuyền trưởng Lui Edua Macsen của tàu *Amiral Latouche Tréville* để xin việc. Nhìn Văn Ba, thấy dáng người thư sinh, vị thuyền trưởng không tin anh có thể làm được những việc nặng nhọc trên tàu. Nhưng rồi vẻ thông minh, cương nghị và quyết tâm của Văn Ba, đã khiến viên thuyền trưởng này bị thuyết phục. Ông ta đã chính thức nhận anh làm phụ bếp ở trên tàu, kể

từ ngày 4 tháng 6 năm 1911, với mức lương khởi điểm là 45 franc/ tháng (tương đương với 4 đồng 5 hào tiền Đông Dương hồi đó).

Ngày 5 tháng 6 năm 1911, con tàu *Amiral Latouche Tréville* chính thức khởi hành, rời Bến Nhà Rồng, đưa Văn Ba và cha tôi hướng về Pháp... Không ai ngờ được rằng chuyến đi bôn ba tìm đường Cách mạng ấy của người thanh niên yêu nước, mang hoài bão và trí lớn như Văn Ba, đã kéo dài trên 30 năm đằng đẵng...

Khi tới Paris, Văn Ba đã xin ở lại Pháp, rồi sau đó theo tàu buôn sang Mỹ và một số nước khác. Còn cha tôi giao dịch với một nhà buôn của Vương quốc Anh xong đã đổi lại tên cũ Trần Lệ Chất, sang Cộng hòa Pháp làm phóng viên cho một tờ báo, mấy năm sau mới trở về Việt Nam.[1]

*

Khoảng năm 1920, được tổ chức phân công, cha tôi xin về làm Chánh lục sự Tòa án Mỹ Tho.

Mật thám Pháp rất muốn dẹp bỏ "Liên Thành thương quán xã", cũng đồng nghĩa với triệt đường tiếp tế của Cách mạng Duy Tân. Nhưng cha tôi và đặc biệt là ông Hồ Tá Bang (người đã làm "Tổng lí" Công ty Liên Thành liên tục gần 30 năm) đã nhiều lần khôn khéo qua mặt được bọn chúng, góp

(1) Tư liệu do nguyên mẫu của cuốn sách này cung cấp, chưa được thẩm định và cần tiếp tục nghiên cứu thêm. Xin hãy tạm coi đó như một chi tiết mới về việc xuất ngoại của người thanh niên yêu nước Văn Ba (tức Nguyễn Tất Thành) năm 1911.

phần không nhỏ vào phong trào khởi nghĩa chống Pháp đang dấy lên mạnh mẽ ở khắp nơi.

Cha tôi bấy giờ đổi tên trở lại Phạm Đăng Chất, rồi lại đổi thành Đặng Văn Phát khi người tìm về Hà Nội.

Cha tôi quyết định về quê thăm vợ con đã bặt tin nhiều năm trời, ở Tân Ước, Thanh Oai, dự định sẽ thu xếp cho cả gia đình vào Nam sinh sống. Về đến nơi mới biết người vợ đã mất từ lâu, để lại ba người con trai cho bà ngoại nuôi đã khôn lớn, trưởng thành. Anh trai cả (cùng cha khác mẹ) của tôi là Nguyễn Như Bắc lấy vợ, sinh sống bằng nghề may mặc. Anh thứ hai Nguyễn Như Sinh và anh thứ ba Nguyễn Như Mão đã quyết định không theo cha đi Nam sinh cơ lập nghiệp, mà đều xin ở lại với anh Cả Bắc.

Cha tôi quyết định quay trở lại phương Nam. Sau đó, để che mắt mật thám Pháp, người đổi họ tên là Huỳnh Khắc Tỉnh, rồi cưới bà Lâm Huê Trà (tức Trương Ngọc Trầm, em họ của ông Trương Gia Mô) làm người vợ thứ hai. Và đấy cũng chính là mẹ đẻ của tôi sau này.

Khi đã lớn lên và trưởng thành, tôi thường tìm về Bến Nhà Rồng. Nhiều lần một mình tôi ngồi ngồi hàng giờ ngắm mảnh đất thiêng của Sài Gòn xưa và cố tưởng tượng xem vào năm 1911 ấy, Văn Ba và người cha kính yêu của tôi đã sống và còn lưu dấu những gì ở đây, trước khi lên tàu vượt biển ra nước ngoài?

CHƯƠNG II
NHỮNG KÝ ỨC BUỒN ĐAU

Năm 1926, tại Mỹ Tho, có một học sinh mười bốn tuổi bị bắt do rải truyền đơn chống Pháp. Bọn thực dân buộc cậu học sinh nọ tội "loạn đảng" và mở phiên tòa xét xử. Ông Trần Lệ Chất ngồi ghế công tố viên. Bị cáo đó tên là Phạm Văn Thiện (tức Hai Thiện) là con ông Phạm Tâm và bà Bùi Thị Mai, quê ở Long Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long.

Tòa buộc tội cậu học sinh Phạm Văn Thiện (tức Hai Thiện) mang tội danh "loạn đảng" và đề nghị xử hình phạt cao nhất là: Tử hình!

Nhưng cha tôi làm Công tố viên đã bác lời: "*Bị cáo còn là vị thành niên, chưa đủ tuổi lãnh án, yêu cầu cho thân nhân bảo lãnh giáo dưỡng đến lúc trưởng thành*". Trước những lý lẽ xác đáng và đúng luật của Công tố viên, Tòa buộc phải xét lại tình trạng và khung hình phạt được giảm xuống thành án giam, chờ đủ tuổi xử lại.

Sau đó không lâu, cha tôi là Trần Lệ Chất đã lợi dụng chức vụ, bí mật làm công lệnh thả tù nhân vị thành niên Phạm Văn Thiện xong, để đơn từ chức. Khi mật thám Pháp phát hiện thì ông đã đổi tên thành Đặng Hoàng Phúc và cùng anh Hai Thiện bỏ xứ Mỹ Tho trốn về Long Hồ.

Tại đây, cha tôi cùng anh Hai Thiện mở hiệu thu mua lúa, xay gạo, chở về Sài Gòn bán cho ông Thông Hiệp. Đó là một người Hoa buôn bán ở Chợ Lớn, chuyên xuất khẩu gạo đi nước ngoài. Lãi kinh doanh lúa gạo khá cao, giúp được khá nhiều tiền cho phong trào Đồng Minh Hội.

Những năm đó, thông qua hoạt động của Công ty Liên Thành, cha tôi còn thường chuyển tiền cho Văn Ba (tức Nguyễn Ái Quốc) ở nước ngoài hoạt động. Đồng thời, ông tổ chức nuôi và thuê mướn nhiều người làm ruộng để lấy gạo nuôi quân, chờ đợi thời cơ khởi nghĩa...

Năm 1930, anh Hai Thiện đổi tên thành Phạm Hùng[1] và gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Mật thám Pháp bố ráp dữ quá, cha tôi phải về Sài Gòn mở hiệu cầm đồ và bán vàng ở chợ Bến Thành. Chành lúa, trang trại và tráng đinh ở Vĩnh Long, ông giao hết cho anh Hai Hùng quản lý. Công việc cứ thế phát triển đều đặn... Nhưng sau đó anh Hai Hùng lại bị mật thám Pháp bắt. Lần này, chúng đã xử kín, khép anh vào tội chết và tuyên án tử hình. Cha tôi không thể công khai đứng ra bênh vực anh Hai Hùng như hồi còn ở Mỹ Tho được, ông đã nghĩ ra cách dùng bút danh viết bài công khai trên báo chí; tạo một làn sóng dư luận phản đối mạnh mẽ chế độ thực dân và ủng hộ anh Hai Hùng ở cả trong nước và nước ngoài. Chính phủ Pháp phải miễn cưỡng can thiệp, hạ mức án anh Hai Hùng từ tử hình xuống chung thân và đưa anh đi lưu đày tại Côn Đảo...

---

[1] Phạm Hùng (1912 - 1988): Còn có các bí danh: X2, A7, Bảy Cường, Bảy Hồng... Nguyên Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an); Nguyên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (chức danh tương tự như Thủ tướng Chính phủ hiện nay).

Mảnh đất Vĩnh Long đã để lại trong tôi quá nhiều kỉ niệm buồn vui, sướng khổ, đau thương... Từ trong sâu thẳm của tâm hồn mình, tôi luôn xem Vĩnh Long là quê hương ruột thịt thứ hai của mình. Nơi đó, tôi đã vĩnh viễn mất đi cha mẹ và những người thân yêu nhất. Nơi đó, đã cho tôi cảm nhận được mối tình đầu trong sáng và đầy lãng mạn. Và cũng chính nơi đó - mảnh đất Vĩnh Long hiền hòa trù phú của miền Tây Nam Bộ - đã trở thành nơi che chắn an toàn, mang lại sự bình an cho tôi trong những tháng ngày tôi bị kẻ thù truy nã, tính mạng ngàn cân treo sợi tóc...

*

Năm 1928, có tin các đồng chí Tôn Đức Thắng, Nguyễn Duy Trinh làm ở sở Ba Son bị bắt, rồi đến Nguyễn An Ninh và một số đồng chí của họ... tất cả đều bị lưu đày ra Côn Đảo.

Năm 1934, sóng gió bắt đầu bao quanh cha tôi. Mật thám Pháp đã giám sát từng hành động của ông, chỉ chờ lệnh trên là chúng ra tay.

Năm 1942, cha tôi rất phấn khởi khi được tin Văn Ba (tức Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh) đã về ở Cao Bằng. Ông đang tìm cách chuyển ra miền Bắc bắt liên lạc để hoạt động thì xảy ra chuyện Nhật đảo chính Pháp, Sài Gòn hỗn loạn. Rồi quân Nhật đầu hàng Đồng Minh.

Gia đình tôi đang tạm thời rời về Vĩnh Long lánh nạn thì anh cả tôi từ Bắc tìm vào đưa mật thư cho cha tôi. Đó chính là thư của lãnh tụ Hồ Chí Minh thông báo đã liên hệ được với quân Đồng Minh nhờ giúp đỡ, xây dựng căn cứ ở Tân Trào chuẩn bị cho việc Tổng khởi nghĩa. Khi anh cả tôi

về Bắc, cha tôi có giao mật thư cùng một số khá lớn tiền, vàng để Việt Minh mua vũ khí đánh bọn giặc ngoại xâm.

Sự việc trên đã bị mật thám Pháp đánh hơi. Anh cả tôi may mắn trốn thoát ra Bắc.

Rồi Cách mạng tháng Tám long trời lở đất diễn ra. Tôi thấy cha tôi đi vắng nhà suốt.

Nhưng chưa được bao lâu, thì quân Pháp đã trở lại. Chúng bắt đầu đàn áp mạnh những người Cách mạng và yêu nước. Gia đình tôi cũng nằm trong số đó.

Định mệnh nghiệt ngã đã giáng xuống gia đình tôi. Đó là những hình ảnh khủng khiếp nhất, độc ác nhất, dã man nhất, mà trong suốt cuộc đời tôi không bao giờ có thể quên. Chính nỗi đau đớn tột cùng này, đã ám ảnh tôi, thúc giục tôi từ một Quận Chúa "lá ngọc cành vàng", yếu đuối, non nớt, trở thành một người can đảm, gan dạ. Tôi có thể và đã dám làm mọi chuyện, kể cả việc bắn súng, ném lựu đạn giết người, để có thể trả thù cho cha mẹ...

Đó là đêm 25 tháng Chạp năm Ất Dậu (tháng 2 năm 1946), tại gia đình tôi đã diễn ra một cuộc họp quan trọng, có tới mấy chục người trong hội kín cùng tham gia.

Mọi người bàn bạc, chuẩn bị kế hoạch đốt nhà Hội Long Châu và đốt tàu Tây vào đúng dịp Tết Nguyên Đán. Nhưng chính trong cuộc họp này đã có mặt thám Pháp lọt vào mà không ai biết.

Đến chiều ngày hôm sau khi đi học về, trước mắt tôi là cảnh tượng kinh hoàng và đầy hãi hùng: Ngôi nhà của gia đình tôi tan hoang đổ nát, đồ đạc cỏ cây cháy rụi, thi thể của những người máu mủ ruột rà rải rác khắp sân, khắp

vườn. Không khí tanh nồng mùi máu. Tôi thét lên "Cha mẹ ơi!" rồi ngất xỉu.

Tỉnh lại, tôi lại gọi mẹ, gọi cha lạc cả giọng. Gia đình tôi có mười người thì bị giặc giết đến tám. Cả tám người trong gia đình tôi đều bị chém, bị chặt đầu, máu chảy đỏ lòm, lênh láng khắp nơi. Tôi không thể nào tin nổi thi thể không còn tay chân lại là mẹ tôi. Còn cha, cha ơi! Cha ở đâu?

Thật là kinh hoàng!

Tôi lại ngất xỉu, cảm giác như không thể sống nổi nữa, nhưng rồi thất thần tôi bật dậy đứng nhìn bơ vơ, như người mất hồn. Xung quanh tôi toàn là lính Tây đủ cả da trắng, da đen, da vàng... người lớn, trẻ con đông nghẹt xung quanh.

Tôi sợ quá, hoảng hốt khóc tu tu và chạy đi tìm người quen. Tìm mãi thì gặp anh Hai Hùng đang đến, đem theo tám cái hòm để đưa các xác chết đi chôn. Đến tận bây giờ hình ảnh chành lúa bị đốt, nhà lồng chợ bị cháy, phố xá xơ xác, tiêu điều, nhà, sân, vườn loang lổ máu, thi thể người thì thân một nơi, đầu một nơi, tay chân một nẻo, không khí tanh lợm mùi máu, khét lẹt nhức buốt cả mũi, mùi đồ vật cây cối bị đốt cháy... vẫn như còn hiển hiện mồn một trước mắt tôi. Và mỗi khi nhớ lại tim tôi lại nhói đau và bỏng rát như có một mũi dùi vừa nung đỏ vừa xát muối ớt xoáy vào...

Sau khi đã chôn mẹ và các anh em của tôi xong, anh Hai Hùng và đoàn người lên đường đi về Trà Ôn. Thấy tôi bơ vơ vì không còn ai là người thân trên đời này nữa, anh Hai Hùng bèn dẫn tôi theo.

Mãi về sau này tôi mới biết, sau khi anh Hai Hùng bị giam 15 năm tại Côn Đảo đã được Cách mạng cứu thoát,

vừa thoát khỏi nhà tù anh đã đi tìm cha tôi nhiều lần mà không gặp. Sau đó, cũng chính anh Hai Hùng đã tổ chức dẫn theo một đội Liên quân lưu động của Đoàn 307 Liên hợp quốc[1], có cả người Pháp, từ Bến Tre vượt sông Cửu Long qua Vĩnh Long để cứu gia đình tôi. Nhưng vì đội quân đến không kịp, nên mọi người trong gia đình tôi bị thảm sát một cách tàn bạo, dã man và hèn hạ như thế.

Chỉ trong phút chốc, tôi bỗng trở thành trẻ mồ côi không cha không mẹ, bơ vơ côi cút. Lúc tôi mệt quá đi không được, anh Hai Hùng phải cõng tôi. Khi đến cầu tre, anh cõng tôi qua cầu. Tối đó đến chùa Phước Hậu ở Trà Ôn, anh Hai Hùng để cho tôi chơi với các bạn cùng trang lứa đi trong đoàn. Các bạn nghẹn ngào đau đớn kể cho tôi hay: chính cha mẹ của các bạn ấy cũng bị giặc tàn sát y như gia đình tôi vậy.

Bấy giờ tôi mới hoàn hồn tỉnh người lại và cảm thấy đói nữa. Các bạn cho tôi ăn và nói họ đều đã được cứu khi Đoàn 307 đến can thiệp ngăn chặn lính viễn chinh Pháp cướp bóc, đốt nhà, giết người, hãm hiếp phụ nữ... Họ an ủi động viên tôi rất nhiều và khuyên tôi đừng khóc nữa. Tôi đã lấy lại được tinh thần.

Dừng ở Trà Ôn được bốn hôm, sáng mùng Một Tết Bính Tuất, đoàn qua sông Hậu sang Cần Thơ rồi xuống Cái Răng và vô Phụng Hiệp.

---

[1] Một tổ chức vũ trang đa quốc tịch của những người thuộc phe Đồng minh chống phát xít tại Nam Bộ những năm 1945 - 1948. Sau khi Tiểu đoàn 307 được thành lập một thời gian thì những người lính nước ngoài của đơn vị này được trả về cho Liên hợp quốc. Hiện nay, một số người vẫn quen gọi đơn vị liên quân này là "Đoàn 307 Liên hợp quốc".

Sau đó những người ngoại quốc trong Đoàn 307 bàn bạc với anh Hai Hùng, nên nhờ trưởng đoàn là Đại úy bác sĩ Aréne Ciavaldini tìm xem cha tôi đang bị giam ở đâu. Ông Aréne Ciavaldini vui vẻ nhận lời. Đó là ngày mồng Ba Tết Bính Tuất. Ông Đại úy bác sĩ với anh Hai Hùng và tôi tiếp tục đi, còn Đoàn 307 đóng lại Phụng Hiệp chờ tin.

Sau đó chúng tôi đi đến Cái Răng. Đại úy bác sĩ Aréne Ciavaldini vào gặp trưởng đồn Cái Răng, một lát sau thì trở ra đứng cạnh anh Hai Hùng. Họ nói chuyện với nhau một lúc lâu. Sau đó, tôi thấy có một chiếc xe nhà binh ra đón ông Aréne Ciavaldini và một người Pháp cũng mang quân phục cấp bậc Đại úy. Chúng tôi lên xe và cùng đi về Sài Gòn.

Mãi khuya xe mới về tới Sài Gòn. Tôi mệt quá, nên buồn ngủ rũ rượi. Sáng hôm sau tôi bị cảm, hắt hơi, sổ mũi và nhức đầu. Anh Hai Hùng dẫn hai người đàn ông đến để thăm tôi. Đó là anh Năm Lộc (tức Nguyễn Thế Lộc, hay Roste Lộc, quốc tịch Pháp) và Đốc học Nguyễn Thế Lưu (tức Chính Lưu, Hiệu trưởng Trường Pétrus Ký Saigon). Hai anh đều gọi mẹ tôi là dì ruột.

Anh Lộc có xe hơi. Hai anh đón tôi, ông Đại úy Bác sĩ Ciavaldini, Đại úy Charlé cùng đến Sở mật thám Pháp. Anh Hai Hùng ngồi ngoài xe chờ gặp Luật sư Nguyễn Hữu Thọ để nhờ luật sư bảo lãnh cha tôi. Anh Thọ cùng những người kia đi vào Sở Mật thám, nhưng chúng không cho vào. Chúng chỉ tay ra phía bờ sông Sài Gòn. Các anh ấy vội vã đưa tôi ra bến sông. Vừa đi đến nơi thì tôi trông thấy rất nhiều người đứng chăm chú ngó ra sà lan đang neo giữa sông Sài Gòn. Và tôi linh cảm điều bất hạnh lại đang ập lên đầu tôi. Tôi cũng ngó ra sông theo hướng nhìn của mọi người. Thì trời ơi, trên chiếc sà lan đang xuôi dòng, một dãy đàn ông râu

tóc bơ phờ dính liền nhau bởi sợi dây kẽm gai xuyên qua hai bàn tay. Cha tôi mặt cháy nắng nám đen, toàn thân phồng rộp, râu tóc xác xơ, bết máu và mồ hôi. Trên sà lan có mười một người. Tất cả đều giống cha tôi. Họ đều bị xâu dây kẽm xuyên qua hai bàn tay và đều bị xiềng chân bằng xích sắt. Họ đã kiệt sức, đang lả đi vì đói và khát nước. Tôi khóc, chạy đến mép nước bờ sông và gào lên gọi "Cha ơi!". Tôi quay sang nhìn anh Hai Phạm Hùng và anh Năm Lộc năn nỉ:

- Các anh ơi! Hãy cứu cha em. Cha em chết mất!

Nhưng làm sao đem nước ra tàu để cho cha tôi đỡ khát bây giờ?

Nhiều người đứng ở bờ sông cũng khóc như tôi. Anh Thế Lưu lau nước mắt cho tôi và khuyên:

- Em đừng khóc nữa. Cha thấy em khóc thì sẽ khổ lắm. Anh cũng đau lòng thương cha, nhưng không biết làm sao Út ơi. Em phải bình tĩnh để anh tìm cách đem tiền đến chuộc cha. Giờ anh sẽ vô đặt vấn đề với quan Toàn quyền muốn bao nhiêu tiền để bảo lãnh cha ra tù. Vì em đã mất mẹ, nay không thể mất cả cha.

Rồi anh Thế Lưu kéo tôi ra xe.

Tôi ngã dúi xuống đường.

Anh Rottes Lộc lại bồng tôi lên và cho xe lăn bánh.

Khi tỉnh lại tôi thấy mình đang nằm trong bệnh viện.

Tôi lại khóc réo gọi:

- Cha đâu rồi? Mau về với con đi cha ơi!...

Anh Hai Hùng ngồi bên cạnh dỗ dành:

- Các anh đang đi xin cho cha em sớm về. Em cứ yên tâm đừng khóc, kẻo bịnh thì khổ. Em phải mau khỏe để còn chăm sóc cha chứ!

Nghe anh Hai Hùng nói thế tôi cảm thấy yên tâm hơn và ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

Đến chiều tối, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ cùng Đại úy Bác sĩ Ciavaldini và Đại úy Charles đến. Có cả hai anh Rostte Lộc và anh Thế Lưu cũng đi vào. Năm người đó đã đi gặp Toàn quyền Pháp đặt vấn đề xin cho cha tôi được tự do. Nhưng họ chỉ nhận được một cái lắc đầu. Các anh đến ngay bệnh viện kéo anh Hai Hùng ra. Họ xì xầm với nhau "Đừng nói to kẻo con nhỏ nghe được". Nhưng tôi đã nghe thấy tất cả. Chắc là vấn đề nghiêm trọng lắm.

Qua hôm sau, họ lại đi lên gặp Toàn quyền Pháp một lần nữa, nhưng đã bị lính đuổi không cho vào gặp.

Mấy hôm sau, tôi nghe những người lớn nói với nhau rằng cha tôi và các đồng chí của người đã bị giặc sát hại. Tôi không còn đủ nước mắt để khóc nữa. Trong lòng tôi, mặc dù còn bé, nhưng chỉ còn sự căm thù giặc Tây. Tôi mong mình mau lớn để có thể trả thù cho cha mẹ...



Sau thời gian cha mẹ tôi bị thảm tử, không thấy họ nội tìm tôi mà chỉ có họ ngoại. Bà ngoại và hai anh Lộc, Lưu đều lo, nhưng không đón tôi về. Họ để cho anh Hai Hùng nuôi tôi cùng các bạn thất lạc cha mẹ khác.

Trong tâm trí một cô bé non nớt của tôi khi ấy chỉ biết đặt ra câu hỏi: Có lẽ họ sợ liên lụy?

Ông Đại úy Bác sĩ Ciavaldini và bà Martine dạy chúng tôi học văn hóa. Cho đến tháng 12 năm 1948, Đoàn 307 được lệnh giải tán. Họ xin đem theo bốn bạn trai của chúng tôi về nước để nuôi.

Lúc ở Đoàn 307 của Liên Hợp Quốc, không ai trong chúng tôi được gọi theo tên cha mẹ đặt cho, mà gọi theo vần A, B, C... (24 chữ cái) và thứ tự con số. Tôi được đứng vào chữ "H" và số thứ tự là "12" nên mọi người gọi là "H12" của Đoàn 307.

Sau ngày Đoàn 307 Liên Hợp Quốc rút đi, còn lại bảy đứa trẻ. Anh Hai Hùng đã gửi sáu bạn cho sáu tỉnh phía Nam đào tạo để trở thành lính cảm tử. Còn tôi, được anh trực tiếp đưa về Sài Gòn, rồi gửi cho anh Hai Xô (tức đồng chí Phạm Văn Xô)[1], thường được gọi thân mật là anh Tư Thường hoặc anh "Hai Xe Ngựa" (vì anh hoạt động công khai bằng nghề đánh xe ngựa).

Từ ngày tôi được về ở với anh "Hai Xe Ngựa", không ai còn gọi tôi là "H12" như hồi ở Đoàn 307 nữa, mà gọi là Út Anh, họ tên đầy đủ là Phạm Trương Ngọc Anh. Tôi được anh "Hai Xe Ngựa" nuôi và tiếp tục cho đi học văn hóa.

Tôi ở với anh Hai Xô từ 1948 cho tới 1956, nên có rất nhiều kỷ niệm về anh. Hồi đó, anh Hai Xô đóng giả là người chưa biết chữ, nhưng nhờ có trí nhớ tuyệt vời, anh chỉ cần nghe đọc văn bản chỉ thị một lần là thuộc lòng ngay, đọc lại không sai một chữ...

---

(1) Phạm Văn Xô (1919 - 2005): Nguyên Thường vụ Trung ương cục miền Nam, Chủ tịch Hội đồng Cung cấp tiền phương, Phụ trách Ban Tài chính đặc biệt N2683...

Anh Hai Xô còn có biệt tài tính nhẩm rất giỏi. Anh thường ước tính đo bằng mắt thường để cắt may quần áo cho khách, còn chính xác hơn cả đo bằng thước. Hồi đó, có anh Ba Hải, một đồng chí của ta thường đi tàu buôn mua vải từ nước ngoài về, giao cho anh Hai Xô cắt may, xong lại mang quần áo sang Hồng Công và Ma Cao để bán, lấy tiền mua lương thực và vũ khí cho Cách mạng...

Thời gian đó bọn Tây đang chiêu an, dân lần lượt về Sài Gòn, các trường học chiêu sinh miễn phí, chỉ phải thi khảo sát để xếp lớp học. Tôi được anh Rostte Lộc ghi tên xin dự thi tự do và thi đậu vào Trường Gia Long (Sài Gòn). Đó là trường dành riêng cho các nữ sinh.

Những ngày học ở trường Gia Long, tôi luôn là một nữ sinh giỏi. Tuy nhiên, tôi hay bị lũ bạn con nhà giàu trêu chọc và xa lánh, vì là trẻ mồ côi, phải đi bán hàng dạo trên đường phố.

Một buổi chiều, nhà trường họp thông báo: Sáng ngày 24 tháng 12 năm 1949, tất cả học sinh phải mặc đồng phục để đón Vua Bảo Đại và Hoàng hậu Nam Phương đến thăm Trường Gia Long (dành cho các nữ sinh) và Trường Pétrus Ký (dành cho các nam sinh)...

Bên Trường Pétrus Ký tổ chức biểu tình, bên Trường Gia Long được tin cũng tổ chức biểu tình theo. Rồi hầu hết các trường trong nội thành Sài Gòn đến Chợ Lớn cũng đồng loạt biểu tình chống Bảo Đại đưa Pháp vào Việt Nam. Đâu đâu cũng ào ào như sôi với khẩu hiệu: "*Đả đảo Vua Bảo Đại bù nhìn!*".

Tám giờ sáng ngày 24 tháng 12 năm 1949, từ cổng trường, đến sân trường đều được quét sạch, tường được

quét vôi mới, học sinh mặc đồng phục đứng thẳng tắp dưới cờ vàng ba sọc đỏ và cờ tam tài.

Đoàn xe chở Vua cùng Hoàng hậu Nam Phương và Ngự lâm quân, có cảnh binh đông đặc đi kèm bên rầm rộ tiến vào trường. Đúng lúc Vua, Hoàng hậu chuẩn bị lễ chào cờ, thì bất ngờ học sinh nhất loạt ùa ra vây lại cùng túm áo Vua Bảo Đại và Nam Phương Hoàng hậu.

Tôi cũng liều lĩnh xông vào, tìm cách xé áo bào, chụp được cánh tay vua Bảo Đại, rồi bất ngờ cắn chảy máu tay ông ta.

Vệ binh Ngự lâm quân liền xông ngay đến can thiệp, định bắt tôi, nhưng vua Bảo Đại nhìn tôi và bảo lính ngự lâm đừng đánh học trò. Chúng tôi ùa ra giật hết nón của cảnh binh ném xuống cống nước. Bọn chúng mất nón đành phải đứng trơ... Hai mươi phút sau, xe cảnh binh Pháp đến giải tán đám đông đang phấn khích đó.

Vua và Hoàng hậu đều nhếch nhác, quần áo nhàu nát, dính đầy đất. Ngay sau đó hàng trăm học sinh của trường chúng tôi bị bắt vào bót Catina để cảnh sát điều tra xem ai đã tổ chức đánh Vua. Chúng tôi trả lời rằng nghe phía ngoài cổng hô to "*Đả đảo Vua Bảo Đại bù nhìn*" nên bắt chước làm theo cho vui. Chúng tôi bị nhốt vào *khám chẹt* (loại phòng giam chật tới mức người tù chỉ có thể đứng mà không ngồi xuống được) chật cứng. Có bạn bị ngộp thở đến ngất xỉu.

Tới ngày 9 tháng 1 năm 1950, cái chết của anh Trần Văn Ơn, một học sinh mười chín tuổi của Trường Pétres Ký đã thành sự kiện chấn động cả nước, mãi mãi tôi không bao giờ quên...

Trần Văn Ơn sinh ngày 29 tháng 5 năm 1931, trong một gia đình nông dân ở tỉnh Bến Tre. Tháng 8 năm 1945, anh thi đậu vào năm thứ nhất, bậc cao đẳng tiểu học tại Trường Pétrus Ký, Sài Gòn. Trần Văn Ơn đã tham gia vào phong trào học sinh sinh viên yêu nước, gia nhập Hội học sinh sinh viên Nam Bộ, tích cực nhận nhiệm vụ vận động anh em học sinh sinh viên tham gia vào các hoạt động chống thực dân Pháp và bè lũ tay sai. Năm học 1948 -1949, anh học xong năm thứ ba bậc cao tiểu và thi vượt lớp đỗ bằng đệ nhất cấp Pháp (Brevet du 1er cycle). Năm học 1949 - 1950, anh lên lớp năm thứ tư (4 e année) cao tiểu thì được đặc cách lên lớp Ban tú tài (lớp seconde, tương đương lớp 10 bây giờ) Trường Trung học Pétrus Ký...

Hôm đó, sau ngày chúng tôi biểu tình chống Vua Bảo Đại và Hoàng Hậu, Đoàn Thanh niên cứu quốc và Đoàn Học sinh Sài Gòn - Chợ Lớn đã vận động và tổ chức cho hàng ngàn học sinh sinh viên các trường cùng nhiều giáo viên và nhân dân biểu tình đòi đảm bảo an ninh cho học sinh sinh viên học tập, trả tự do cho những học sinh sinh viên bị bắt và mở cửa lại trường học. Tuy nhiên, vào lúc 13 giờ ngày 9 tháng 1 năm 1950, Chính quyền Sài Gòn đã cho cảnh sát và lính Lê Dương đàn áp đẫm máu phong trào biểu tình, trước sự phẫn nộ của đồng bào. Trần Văn Ơn và nhiều học sinh sinh viên lớn tuổi phải hứng chịu các loạt ném đá và dùi cui để che chở cho các học sinh sinh viên nhỏ tuổi. Nhiều học sinh sinh viên bị thương, còn Trần Văn Ơn đã anh dũng hi sinh.

Ngày 12 tháng 1 năm 1950, hàng vạn học sinh sinh viên và nhân dân thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn xuống đường tiễn đưa Trần Văn Ơn về nơi an nghỉ cuối cùng. Đám tang Trần Văn Ơn đã biến thành một cuộc biểu tình rầm rộ, một

cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại bộ máy ngụy quyền của đông đảo học sinh sinh viên cả nước nói chung và học sinh sinh viên Nam Bộ nói riêng.

Tại đám tang Trần Văn Ơn, bài điếu văn của học sinh sinh viên và trí thức Sài Gòn - Chợ Lớn rất xúc động, có đoạn: *Chúng tôi xin kính cẩn nghiêng mình trước anh linh anh Trần Văn Ơn, nghiêng mình trước cảnh tang tóc chung của học sinh sinh viên và trước sự đau buồn yên lặng đang đè nặng lên lòng mọi người chúng ta... Lịch sử sẽ muôn đời ghi nhớ, toàn thể học sinh sinh viên chúng ta sẽ không quên ngày 9 tháng 1 năm 1950, ngày mà anh Trần Văn Ơn cùng các bạn đồng nạn đã anh dũng đem sinh mạng đổi lấy tự do cho các bạn bị giam cầm; gương hi sinh cùng hình ảnh yêu quý của bạn sẽ tồn tại mãi trong lòng chúng ta....*



Sau sự kiện trên, một số nhân sĩ Sài Gòn đã đứng ra ký tên đấu tranh với Toàn quyền Pháp. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ đã gửi kiến nghị yêu cầu Nhà nước Pháp phải thả số học sinh ra khỏi tù để tiếp tục đi học.

Vài ngày sau, bốt Catina buộc phải thả các học sinh về trình giám hiệu nhà trường để tiếp tục học lại. Tuy nhiên, có ba mươi học sinh bị đuổi học do can tội túm áo, làm rách tay chảy máu Vua và Hoàng hậu.

Tôi cũng bị ông Nguyễn Thành Dung, Giám đốc Nha Học chánh Sài Gòn đuổi không cho đi học. Anh Rostte Lộc lại phải chạy lo lót, giúp tôi được học bổng theo chủ trương bảo hộ con mồ côi không có thân tộc, nên tôi mới được học trở

lại. Bấy giờ tôi đã biết suy nghĩ hơn, biết phải cố học để có văn hóa, sau này không bị khổ.

Tôi vốn có sức học tốt, nên không khó khăn gì khi vượt qua những kỳ thi đó. Thương nhớ mẹ cha, tôi chỉ biết vùi đầu vào học tập. Tôi đã đậu điểm cao, lấy được bằng tốt nghiệp Thành chung (hết cấp II bây giờ) và học tiếp để lấy bằng tú tài.



Mặc dù khi đi học tôi được bà ngoại chu cấp tiền, giám hộ của tôi là anh Hai "Xe Ngựa". Nhưng ngày thì đi học, đêm tôi phải đi bán báo, bánh mỳ, đậu phộng rang để qua tai mắt của địch, dễ bề rải truyền đơn, dễ bề ném lựu đạn khi có cơ hội gặp Tây, để trả thù cho cha tôi, cho cả nhà tôi và bao nhiêu người khác.

Có những đêm mưa gió, rét run cầm cập, dù đang lang thang trên đường phố hay ngồi dưới gốc cây cổ thụ, dù ở bất cứ nơi đâu, tôi vẫn không nguôi ý chí trả thù.

Tôi có tội tình gì đâu, mà phải một mình lang thang trong gió rét? Nghĩ vậy và tủi thân quá nước mắt cứ chảy dài tràn trên má. Tôi chỉ ước ao được gục đầu vào trong vòng tay yêu thương của cha mẹ để khóc cho thoả nỗi hờn.

Khi ba mẹ còn sống, tôi được nuông chiều, được yêu thương trong mái ấm gia đình. Trong đầu hiện lên rõ mồn một về những kỷ niệm xa xưa, những ngày êm ấm hạnh phúc. Ngày nay thì khác, tôi đang trơ trọi giữa dòng đời, phải sống nhờ cơm thừa canh cặn của mọi người, phải làm mọi việc để tồn tại. Không biết ông trời ở trên cao có thấy mủi lòng và xót thương cho những đứa trẻ như tôi không?

Trong gia đình, chỉ có anh Rostte Lộc và anh Thế Lưu còn chăm lo cho tôi.

Có rất nhiều đêm tôi nằm khóc một mình. Cho đến mãi tận bây giờ tôi vẫn tự hỏi: Tại sao bà ngoại không tìm tôi về để ở cùng bà? Và anh ruột mẹ tôi là Quan Đốc Phủ sứ, sao không nuôi cháu? Rồi anh ruột mẹ tôi nữa là Bác sĩ Quế - Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy? Tất cả đều thờ ơ với tôi. Họ sợ bị liên lụy với mật thám Pháp, hay còn vì một lý do gì đó nữa?

Cho mãi tới những năm sau này, những kí ức tuổi thơ đầy nước mắt vẫn còn in đậm trong tôi. Tiếng là một "Quận Chúa", nhưng những ngày sống trong "vinh hoa phú quý" như người xưa vẫn nói, với tôi chỉ là những ký ức xa mờ. Những chuyện buồn đau, những hình ảnh đầy máu và nước mắt đã theo tôi đi suốt cuộc đời. Chúng như những thước phim quay chậm thỉnh thoảng lại hiện về trong tôi đêm đêm. Có lẽ vì vậy mà tôi cứng rắn và trưởng thành nhanh chóng. Sau này nhìn lại, chính tôi cũng không ngờ rằng mình đã không gục ngã, mà còn tự vượt qua được những tháng năm đầy sóng gió ấy.



Sau vụ tham gia phản đối vua Bảo Đại, bị bắt và được trả tự do ít lâu, tôi thực hiện trận đánh đầu tiên: Dùng lựu đạn ném vào tụi sĩ quan Pháp trước Rạp chiếu bóng Nguyễn Văn Hảo ở Sài Gòn. Trận đó, tôi đã giết được hai sĩ quan Pháp, làm bị thương một số tên khác. Đó cũng là lần đầu tiên tôi giết người mà không hề run sợ, vì quá căm thù giặc Pháp đã sát hại cha mẹ mình. Tiếp đấy, trong khoảng một tháng, tôi còn hăng hái tiến hành hai trận đánh khác trên

đường phố Sài Gòn, dùng súng ngắn bắn chết hai sĩ quan Pháp đều mang cấp hàm Đại uý.

Tôi được anh Hai Xô vừa phê bình, vừa biểu dương. Phê bình là vì đã tự phát giết giặc, không có sự phân công giao nhiệm vụ của tổ chức, một mình tự hành động như thế là quá nguy hiểm. Còn biểu dương vì tinh thần dũng cảm. Anh Hai Xô đã kêu tôi là "Con nhỏ to gan lớn mật". Biệt danh này, sau đó nhiều người gọi theo.

Cũng vì thành tích trên, sau khi tốt nghiệp xong tú tài bán phần, tôi được tổ chức cho sang Đông Cao Miên (Campuchia) học phản gián cùng với đồng chí Hai Văn (tức Phan Văn Đáng)[(1)].

Chúng tôi rời Việt Nam lên đường từ ngày 10 tháng 7 năm 1952, đến Cao Miên ngày 27 tháng 8, thời gian học một năm. Tôi còn nhớ, trực tiếp phụ trách và giảng dạy ở trường là anh Năm Đời (tức Hoàng Minh Đạo)[(2)]. Sau này, tôi được tin anh hi sinh trên sông Vàm Cỏ Đông năm 1969, khi đang trên đường đi công tác.

Tháng 8 năm 1953, lớp huấn luyện phản gián mãn khóa. Tôi được liên lạc của tổ chức đón về nước cùng đồng chí Hai Văn để chuẩn bị cho kế hoạch hoạt động mới.

---

(1) Phan Văn Đáng (1918-1997): Sinh tại quận Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; nguyên là Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam kể từ khi tái thành lập năm 1961 đến năm 1975.

(2) Hoàng Minh Đạo (1923-1969): Bí danh Năm Thu, Năm Đời, tên thật là Đào Phúc Lộc; sinh tại Móng Cái, Quảng Ninh; là người chỉ huy đầu tiên của Ngành Tình báo Quân sự Việt Nam, sau được truy tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND, nhân vật chính trong bộ phim truyền hình nhiều tập "Con đường sáng" – Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội thực hiện.

Một vinh dự lớn đã đến với tôi: Tổ chức đã xem xét việc kết nạp Đảng cho tôi. Có ý kiến cho rằng tôi còn trẻ, cần phải cho rèn luyện và thử thách thêm.

Nhưng anh Hai Xô đã gạt đi và bảo: Đảng ta đang rất cần những người trẻ tuổi, có văn hóa và biết căm thù giặc như Út Anh.

Vậy là đầu năm 1954, tôi được kết nạp đảng và trở thành Đảng viên chính thức từ ngày 19 tháng 4 năm 1955.

CHƯƠNG III
NGÀI TỈNH TRƯỞNG VÀ LỜI TỎ TÌNH

Tháng 8 năm 1954 tôi thi đỗ vào Trường Đại học Y khoa Sài Gòn. Tôi học rất tốt, thường đạt điểm cao trong các kỳ thi, được bạn bè rất nể phục.

Lúc này hai miền Nam - Bắc đã sắp bị chia cắt. Tôi học khóa Y khoa Sài Gòn được một năm, thì nhà trường có một kỳ thi tuyển sinh du học. Tôi quyết định nộp đơn xin thi thử, với mục đích để biết trình độ của mình đến đâu. Không ngờ, tôi đã đạt điểm "thủ khoa" và được trúng tuyển xuất ngoại du học. Mừng quá, tôi về báo tin ngay với anh Hai Xô, mà chỉ lo anh phê bình:

- Em chưa báo cáo tổ chức, nhưng cứ thi để biết sức học của mình thôi. Không ngờ dư điểm du học. Anh đừng phê bình em vô kỷ luật nha...

Không ngờ, anh Hai Xô kêu lên:

- Thế thì tốt rồi! Tổ chức đã có nghị quyết về đào tạo cán bộ trí thức, sẵn sàng tạo điều kiện cho cô Út qua Pháp học thành tài, để về phục vụ Cách mạng lâu dài.

Tôi muốn hét lên vì sung sướng. Vậy là thi thử mà hoá thật. Trước khi đi du học, tôi được phép về thăm quê ngoại ở Vĩnh Long. Gia đình họ ngoại của tôi thuộc loại "danh gia vọng tộc" quyền thế và giàu có nhất nhì Vĩnh Long hồi đó. Cậu Trương Gia Thành của tôi từng là Đốc phủ sứ, (thường gọi là Đốc phủ Thành), còn cậu Trương Gia Quế (tức Docteur mé décine Quế) thì thường khám chữa bệnh cho cụ Phạm Thị Thân, mẹ của Tổng thống Ngô Đình Diệm[1]. Bà ngoại tôi từng cho giám mục Ngô Đình Thục, anh trai của Diệm mượn nhà để ở (thủa ông ta còn hàn vi), nên gia đình nhà ngoại tôi có mối quan hệ khá đặc biệt với gia đình Ngô Đình Diệm. Năm ấy, ngoại tôi đã gần trăm tuổi, nhưng còn rất minh mẫn và thương tôi hết mực, vì mồ côi từ nhỏ.

Hai ông cậu anh của mẹ tôi (miền Bắc gọi là bác, miền Nam gọi là cậu) đều không ngờ một đứa trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ khốn khổ như tôi mà lại còn học giỏi và đỗ đạt cao như vậy. Họ rất tự hào về tôi.

Tại đây, như duyên số trời định, lần đầu tiên tôi đã gặp Trung tá Trần Văn Phước - Tỉnh trưởng tỉnh Vĩnh Long, một người đàn ông mà cho tới cuối đời vẫn còn khiến tôi đau khổ, dằn vặt và thương nhớ khôn nguôi.

Anh Phước lớn hơn tôi bảy tuổi. Mãi sau này, qua tìm hiểu tôi mới biết cha mẹ và hai em của Phước đã bị quân Nhật sát hại năm 1944. Anh được đồng chí Phạm Thành, phụ trách công tác cung cấp Khu 9 nhận làm con nuôi, được giác ngộ và kết nạp Đảng từ rất sớm. Nhưng Trần Văn

---

[1] Ngô Đình Diệm (1901 -1963): Tổng thống đầu tiên của Chế độ Việt Nam Cộng hoà tại miền Nam trước đây, có cha là Ngô Đình Khả và mẹ là Phạm Thị Thân.

Phước cùng con trai của đồng chí Phạm Thành là Phạm Thanh đã được ông Ngô Đình Thục đỡ đầu, cho sang Pháp du học. Cả hai người đều học rất giỏi, sau khi tốt nghiệp loại ưu Đại học Luật tại Pháp, Phước và Thanh được Ngô Đình Thục giới thiệu với Ngô Đình Diệm. Luật sư Trần Văn Phước được bổ nhiệm làm Tỉnh trưởng Vĩnh Long, còn Luật sư Phạm Thanh là Giang đoàn trưởng Hải quân của "Quân lực Việt Nam Cộng hòa". Nhưng năm 1957, anh Phạm Thanh bị lộ và đã bị bọn mật vụ của Ngô Đình Nhu thủ tiêu rất dã man.

Hồi đó, người như anh Phước - mới ba mươi tuổi mà đã là "quan đầu tỉnh", lại đẹp trai, có trí thức và đầy quyền thế trong tay - là mơ ước của biết bao thiếu nữ.

Có lẽ cái ấn tượng rất mạnh của lần đầu gặp gỡ ấy, khiến cho tới tận bây giờ tôi vẫn như thấy hình ảnh Phước mặc bộ *Complé* sẫm màu, sơmi trắng, cavat thắt đúng mốt, tóc cắt kiểu caré[1] trẻ trung, tươi tắn, điển trai, lịch lãm từ trong chiếc xe hơi sang trọng bước ra. Đi theo anh, ngoài lái xe còn có người lính hầu và thư ký giúp việc. Khi nghe giới thiệu ngài Trung tá- Luật sư Trần Văn Phước, Tỉnh trưởng tỉnh Vĩnh Long, tôi rất ngỡ ngàng, không tin vị Tỉnh trưởng lại trẻ đến thế!

Khi người nhà giới thiệu tôi với anh, tôi chợt thấy Phước đỏ mặt, bối rối và lúng túng thực sự. Trái tim con gái mách bảo tôi rằng: Phước đã yêu và thậm chí còn si mê tôi từ cái nhìn đầu tiên.

Nhưng anh đã rất sai lầm, khi quá tự tin, đã tỏ tình và xin cưới tôi ngay trong lần gặp gỡ đầu tiên ấy. Trong

[1] Care: kiểu tóc cắt như đầu đinh hiện nay.

thâm tâm, tôi cũng rất có cảm tình với Phước. Trái tim tôi cũng bồi hồi xao xuyến từ cái nhìn đầu tiên. Nhưng để yêu và cưới tức thì như anh muốn, thì tôi chưa hề được chuẩn bị xíu xiu gì về tinh thần.

Bởi thế, nên mặc dù bà ngoại, hai cậu của tôi và một số người trong gia đình ra sức vun vào, gần như ép buộc, nhưng tôi vẫn kiên quyết từ chối lời tỏ tình và cầu hôn của Tỉnh trưởng Trần Văn Phước.

Có lẽ Phước cũng ngạc nhiên, khi thấy tôi từ chối. Nhưng chắc anh cho rằng con gái chỉ vờ "làm cao" vậy thôi. Trước khi tạm biệt, anh nói nhỏ, giọng nài nỉ:

- Tối nay tại Dinh Tỉnh trưởng có tổ chức một tiệc nhỏ, mời rất ít khách, sau tiệc vui có nhảy đầm. Tôi muốn mời Ngọc Anh tới dự, vì hôm nay là ngày sinh nhật của tôi. Nếu em từ chối, bữa tiệc sẽ chẳng còn ý nghĩa gì nữa.

Tôi đã định từ chối lời mời của Phước thật, nhưng thấy anh nói tới sinh nhật, nên còn đang phân vân thì bà ngoại và các cậu đã giục tôi nhận lời. Tôi đành miễn cưỡng gật đầu.

Chập tối hôm đó, tôi trang điểm nhẹ. Định mặc áo dài trắng kiểu nữ sinh Sài Gòn, nhưng chợt nhớ ra có nhảy đầm, tôi chọn một chiếc váy màu xanh nhạt, rồi tự ngắm mình trong gương và mỉm cười. Quả thật, từ ngày cha mẹ mất, rất ít khi tôi có điều kiện ăn diện như bạn bè cùng trang lứa. Công bằng mà nói, ơn trời và cha mẹ đã cho tôi một nhan sắc không đến nỗi nào.

Gần tám giờ tối, anh Phước cho xe tới đón. Người lái xe đã lớn tuổi, nhưng ông lịch sự gọi tôi là "cô Hai" và luôn miệng "dạ thưa":

- Dạ thưa, mời cô Hai lên xe, ngài Tỉnh trưởng đang chờ ạ.

Tôi đần đo, rồi quyết định nói với người lái xe:

- Thưa chú, thực ra ra con hổng muốn đi, nhưng nể ngài Tỉnh trưởng quá. Con chỉ muốn vô chừng mươi phút, trình diện và chào mọi người, rồi chú cho con nhờ xe về nhà luôn nha ?

- Dạ như thế đâu có được. Bữa tiệc tối nay cô Hai là nhân vật chính mà. Làm như thế, ngài Tỉnh trưởng sẽ quở trách, coi chừng tui mất việc, vợ con hết nhờ luôn.

- Sao con lại là "nhân vật chính" được? Bữa nay sinh nhật ngài Tỉnh trưởng mà?

- Mời cô Hai cứ vô trong khắc rõ à.

Tỉnh trưởng Trần Văn Phước ra tận nơi mở cửa xe và đón tôi. Nhìn nét mặt anh tự tin và rất vui, chứ không lúng túng, tội nghiệp như hồi sáng.

Lần đầu tiên bước vô Dinh Tỉnh trưởng, cái gì cũng lạ, cũng khiến tôi tò mò. Tôi càng lạ hơn khi phòng tiệc chỉ có hơn chục người, kể cả ban nhạc, lại không có vẻ gì là một bữa tiệc sinh nhật. Tôi rất ngạc nhiên vì trong số khách mời có cả anh Hai Văn (tức Phan Văn Đáng) và dược sĩ Hà Hồng Lạc (là cháu họ, gọi tôi bằng cô). Họ đều là bạn thân của Tỉnh trưởng Trần Văn Phước ư?

- Xin lỗi Ngọc Anh - Tiếng anh Phước nói vừa đủ nghe - Tôi phải làm vậy để em không từ chối. Thực ra đây là bữa tiệc nhỏ, tôi muốn dành cho em sự bất ngờ và thật vui trước khi em rời tỉnh lẻ về lại Sài Gòn.

Anh Phước đã không biết rằng tôi sắp sang Pháp du học, tưởng tôi chỉ học Đại học ở Sài Gòn. Và tôi cũng không dám nói thật.

Bây giờ thì đến lượt tôi lúng túng và bối rối.

Tôi không nghe rõ anh đã nói gì với mọi người, chỉ thấy xung quanh mình tiếng vỗ tay ran ran.

Rồi mọi người khui rượu champagne và chạm cốc; rồi tiếng nhạc ru dương cất lên...

Phước mời tôi nhảy. Tôi như người trong mơ. Nhưng tôi vẫn nghe rõ tiếng anh:

- Những điều anh nói với em hồi sáng. Giờ em nghĩ sao?

- Em đã trả lời anh rồi mà.

- Anh không nghĩ vậy. Nếu em đồng ý, chúng ta sẽ làm đám cưới...

- Em còn nhỏ. Em còn phải đi học mà.

- Thì cưới rồi, em vẫn đi học, có sao đâu. Anh sẽ lo cho em tất cả. Anh biết là em đã tự lập từ bé, nhưng giờ có anh giúp, em sẽ đỡ vất vả hơn.

- Em đã hứa với vong linh cha mẹ em là phải học xong đã rồi mới tính chuyện chồng con. Nếu anh còn thương em, thì ráng đợi em học xong. Biết đâu, khi đó anh sẽ chọn được người xứng đáng với anh hơn em?

Phước còn nói thêm nhiều lắm. Nhưng lúc đó tôi thấy anh Hai Văn nhìn tôi cười. Tôi không hiểu ý anh. Đầu óc tôi rối bời.

Thấy tôi im lặng, Phước rất buồn. Anh nói rằng hi vọng tôi sẽ nghĩ lại. Và anh sẽ chờ đợi câu trả lời của tôi sau khi kết thúc khóa học trở về...

*

Tôi về Sài Gòn chuẩn bị cho chuyến du học.

Tiền bạc phụ cấp cho tôi xuất ngoại du học có anh Rosttes Lộc, anh Thế Lưu lo các thủ tục giúp tôi. Ngoài ra, bà ngoại tôi còn tặng riêng tôi khoản tiền mặt 5.000 đồng Đông Dương, một số tiền khá lớn hồi ấy.

Đó là thời kỳ Cuộc "*Chiến tranh Đông Dương*"[1] đã kết thúc, quân Pháp bại trận và đang rút về nước, lợi dụng thời cơ đó, tôi theo tàu của họ đi ngay sang Paris.

Tôi xuất ngoại ngày 20 tháng 7 năm 1955 và thi vào Trường Đại học Y khoa Paris.

Nhưng tôi nhập học mới học được chưa đầy một tháng thì có sự cố xảy ra: Nhà trường tuyên bố tôi không có học bổng nữa (vì Chính phủ bù nhìn của Bảo Đại đã sụp đổ). Từ chỗ một sinh viên được Nhà nước bảo hộ, tôi bỗng trở thành kẻ bơ vơ giữa đất khách quê người, không còn chỗ nương tựa, người ta buộc tôi phải chuyển chỗ đi ở nhờ nơi khác... Tôi không tránh khỏi cảm giác hụt hẫng, chơi vơi. Nhưng lý trí mách bảo tôi phải can đảm lên, không thể lùi bước. Lòng tự trọng khiến tôi trở thành một nữ sinh viên dũng cảm, không chịu khuất phục số phận.

---

[1] Hầu hết các sách báo nước ngoài đều gọi Cuộc Kháng chiến 9 năm chống Pháp (1946-1954) của Việt Nam là "Chiến tranh Đông Dương", hoặc "Chiến tranh Việt - Pháp".

Để có tiền ăn học tiếp, tôi chấp nhận đi làm thêm ngoài giờ mọi việc vất vả, kể cả đi rửa bát thuê cho một nhà hàng.

Thấy tôi có nhan sắc và phong thái khác người, một người đàn ông là quý tộc, khách quen của nhà hàng đã yêu cầu tôi trực tiếp phục vụ bàn ăn cho ông ta. Cuối mỗi bữa ăn, ông ta thường "bo" cho tôi khá nhiều tiền. Nhưng tôi chỉ nhận đúng số tiền mà sức lao động của mình được hưởng. Ông quý tộc thấy vậy, tỏ ra ngạc nhiên.

Một hôm, người đàn ông quý tộc tới nhà hàng và như thường lệ vẫn yêu cầu tôi trực tiếp phục vụ các món ăn. Sau khi đã dọn xong đồ ăn theo yêu cầu của ông khách lên bàn, tôi nói:

- Chúc quý ông có một bữa ăn ngon miệng!

Ông khách liền nói:

- Cô bé! Cháu hãy ngồi ăn cùng với ta nào!

Khi đó tôi rất đói vì từ sáng tôi chưa có chút gì bỏ bụng, nhưng do nội quy nhà hàng không bao giờ cho phép người phục vụ được ngồi ăn chung với khách nên tôi lịch sự từ chối:

- Cảm ơn ông, nhưng cháu không thể làm như thế được.

Ông khách tiến lại gần tôi rồi nói:

- Cháu đừng sợ! Ta cho phép mà! Ta đã nói với ông chủ rồi!

Vậy là tôi ngồi xuống bàn ăn với ông khách quý tộc nhưng trong lòng vẫn nơm nớp lo sợ. Bao nhiêu câu hỏi lo

lẩng ập đến và cứ lởn vởn trong đầu óc tôi: Có thật là ông khách có xin phép ông chủ cho tôi? Nếu ông ấy chưa xin phép ông chủ mà mình lại ngồi thế này, ông chủ mà thấy thì chắc chắn, mình sẽ bị đuổi việc? Lúc ấy mình lại biết tìm việc chỗ nào? Đâm đầu vào đâu giữa Paris hoa lệ và xa lạ này? Nhưng con người này với ánh mắt hiền từ và gương mặt nhân hậu, cùng phong thái lịch thiệp kia lẽ nào lại có thể làm cho mình lâm vào đường cùng? Nghĩ vậy, tôi cũng thấy yên tâm phần nào.

Trong bữa ăn, ông khách cứ nhìn tôi bằng ánh mắt dịu dàng và thương cảm. Ánh mắt của ông khiến tôi ngạc nhiên, nhưng tôi không dám hỏi vì tôi biết trong bữa ăn của người Pháp không nên nói chuyện. Bỗng ông khách hỏi:

- Cháu tên là gì? Cháu bao nhiêu tuổi? Cha mẹ cháu đâu mà cháu phải vào làm ở nhà hàng này?

Tôi giật mình! Chẳng lẽ có người theo dõi tôi vì biết tôi là con của một người chống Tây? Nếu đúng là như vậy thì chuyện gì sẽ chờ đợi tôi ở phía trước? Thế là tôi oà khóc. Đúng hơn là tôi khóc vì sợ.

Thấy tôi khóc, người đàn ông quý tộc liền nói:

- Ta biết cháu là người Việt Nam. Ta cũng đã từng ở Việt Nam, hiện vợ và con gái ta vẫn còn ở đó. Từ ngày về Pháp tới giờ ta vẫn chưa nhận được tin tức gì của họ. Mỗi khi nhìn thấy cháu ta lại nhớ tới vợ và con gái. Có lẽ con gái ta cũng bằng tuổi cháu.

Tôi thở phào nhẹ nhõm trong lòng. Thì ra những gì tôi nghĩ đều là sai. Tôi thấy yên tâm nhưng vẫn không tránh khỏi cảm giác lo sợ. Biết đâu đây là chiêu bài của bọn mật thám theo dõi tôi? Tôi nhớ tới lời dặn của anh Hai Xô trước

khi sang Pháp là không được nói cho ai biết sự thật về gia đình mình, vì nếu không sẽ rất nguy hiểm. Thế là tôi đành nói dối:

- Cháu tên Ngọc Anh, tên Pháp là Léna Phạm. Cháu và ba mẹ cùng chạy loạn lên tàu cùng đoàn người sang Pháp năm 1955. Thế nhưng khi ở bến cảng người đông quá, cháu lạc mất ba mẹ rồi bị đẩy lên tàu. Cháu nghe một người quen với gia đình nói có nhìn thấy ba mẹ cháu đã lên tàu và khuyên cháu cứ sang Pháp rồi chờ ba mẹ cháu ở bến cảng là sẽ gặp. Thế là cháu theo con tàu sang Pháp nhưng khi tới nơi cháu chờ mãi ở bến cảng một tuần mà vẫn không thấy ba mẹ cháu. Không biết giờ này ba mẹ cháu đang ở đâu nữa.

Nói đến đây tôi lại khóc như để chứng minh cho lời nói của mình là đúng. Thấy tôi nức nở mãi, ông khách an ủi:

- Tội nghiệp cháu bé! Hay là để ta đăng tin tìm kiếm ba mẹ cháu trên báo. Biết đâu khi biết cháu đang ở đây, ba mẹ sẽ đến đón cháu.

- Cháu cảm ơn ông!

Rồi tôi cho người đàn ông quý tộc tên của cha mẹ tôi - hai cái tên không có thật và chỉ mình tôi biết cuộc kiếm tìm ấy sẽ không bao giờ thành công.

Nhưng điều mà tôi không ngờ đã xảy ra. Chính cuộc nói chuyện hôm ấy và mẩu tin tìm kiếm ba mẹ tôi trên góc một tờ báo Pháp đã tạo ra một vỏ bọc hoàn hảo cho tôi khi ấy cũng như sau này. Ở trường, thầy cô và bạn bè nhìn tôi thương cảm hơn và họ giúp đỡ tôi rất nhiều trong học tập. Còn khi về nước, nhìn vào tập hồ sơ, không ai còn nghi ngờ tôi là con gái của một "loạn đảng" như ngày nào. Chính vì

thế tôi càng có điều kiện hoạt động trong chính quyền Sài Gòn mà không gặp bất kỳ sự theo dõi nào của bọn mật thám.

*

Chiều ngày 1 tháng 10 năm 1955, bà giám thị nhà trường tên là Lary cho gọi tôi lên, thông báo có thân nhân đến thăm và cho phép ngồi tiếp tại phòng khách của nhà trường.

Tôi ngạc nhiên hết sức, vì không có ai thân quen trên đất Paris này, sao gọi là "thân nhân"? Tuy vậy, tôi vẫn cẩn thận mặc áo dài Việt Nam đi tiếp khách. Trời bắt đầu se lạnh, tôi khoác áo ấm và choàng thêm chiếc khăn nữa.

Khi đến phòng khách, tôi giật mình khi thấy Cựu hoàng Bảo Đại đang ngồi ở salon. Tôi tiến đến cất tiếng chào. Bảo Đại đứng lên bước tới bắt tay tôi và ôm hôn xã giao theo phương Tây.

Trông Bảo Đại hôm ấy lịch sự và nhã nhặn hơn cách đó bảy năm về trước, khi tôi gặp ở Trường Gia Long.

Ông ta bắt đầu câu chuyện của một người nói tiếng Việt giọng Huế rất kém, thỉnh thoảng phải chêm vài câu tiếng Pháp, hơi điệu đà và khó nghe:

- Mấy hôm trước, Đức Bà Từ Cung ở Huế, Việt Nam vừa có thư, biểu chị Phạm Trương Ngọc Anh là con của Hoàng Bá Phạm Đăng Chất, hiện đang học Đại học Tổng hợp ở Paris. Bữa nay tui đến thăm chị. Răng chừ nước mất nhà tan, còn gia tộc phải tìm Hoàng phái hỉ. Chị là Quận Chúa, nên dù Triều đình ta không còn, nhưng danh phận thì ngàn thu vẫn còn...

Cái giọng Huế của cựu hoàng Bảo Đại không lẫn vào đâu được, với rất nhiều từ địa phương, hay đệm chữ, dù xa quê đã lâu, nhưng tôi nghe vẫn hiểu:

- Bữa ni trông chị Ngọc Anh ra dáng cành vàng lá ngọc hỉ. Nề, chu choa, nhớ lần gặp Quận Chúa vào năm 1949. Lúc nớ Quận Chúa còn quá trẻ hỉ? Cách nhau chưa đầy mười niên, nay đã trở thành cô gái xuân mỹ rùi đó... Ngày nớ, tui đến Trường Gia Long coi chị Ngọc Anh có học ở nớ để đón về cho Đức Bà Từ Cung, nào ngờ... Hôm nớ, các trường trong Sài Gòn nổi loạn biểu tình chống Tây. Chu choa, lòng tui đau đớn khi nhìn thấy chị mà buồn răng, mà than thở hỉ. Hoàng tộc có ai hiểu tui răng chừ. Răng tôi được thoát cái ách nô lệ? Làm Vua bù nhìn như tôi khổ lắm Quận Chúa ơi!"

Tôi nghe không thể lọt tai những lời đó, lập tức hỏi Bảo Đại:

- Ông nói vậy là sao? Vậy ông có nghĩ đến cái ngày má tôi bị giặc chặt đầu, ba tôi bị giặc lấy dây kẽm xâu tay bắt phơi nắng trên xà lan ngoài sông Sài Gòn không hỉ?

Bảo Đại vẻ ngơ ngác rồi thật thà bảo:

- Bề nào chị cũng là chị của tui hỉ. Một ông nội sinh ra ba chị là Phạm Đăng Chất, ba tui Phạm Đăng Lãm... Sau nầy tui nghe kể: Mạ tui có thai thì bị người ta bắt cóc và loan tin mất tích. Chẳng ai biết hồi đó người ta đã mưu mô những gì để tìm người phúc trạch phong đế? Mạ tui mần răng mà quen biết được ông Khải Định? Ba tui mất vợ tìm kiếm không ra. Người ta đã đem giấu kín mạ cho đến khi sinh. Thấy con bà sinh ra to đẹp, người ta liền đem trình Đức Bà Thái hậu Từ Dũ, xin Đức Bà nhận cháu. Rồi nhanh chóng đưa mạ con tui sang Pháp làm con tin. Hồi đó, mạ con tui cũng khổ lắm

chớ! Tui ngồi ngai vàng điện ngọc đâu có được yên với quan triều dòng Tôn Thất. Họ đao to búa lớn bức tui đủ thứ. Ngồi ngai vua mà không có quyền hành chi mô. Có cha mà tìm không được. Bây chừ lưu vong xứ người thì nghe ba tui đã đi tu làm hòa thượng cao tăng. Mạ tôi nhiều lần tìm gặp ông mà ông không nhìn...

Tôi nghe vậy, ức quá, cùng nhại giọng Huế:

- *Nề* ông Vĩnh Thụy, ông ngồi ngai vàng mấy năm khôn hỉ, răng ông không nghĩ sớm, chừ mới than? Tiên tổ tạo dựng cơ nghiệp đến ông là lưu vong, ông có nghĩ đến việc phục hưng không? Ri nề hay để cho nhà Ngô họ đào lăng cuốc tẩm ông cha mình lên hả ngài Vĩnh Thụy? Ông có biết người ông gọi là Quận Chúa, là chị Ngọc Anh mười năm qua phải côi cút không nơi nương tựa, tưởng chừng chết đói chết rét ngoài vỉa hè đường phố? Nếu không nhờ Cộng sản thương tình nuôi dạy nên người, liệu tui có còn sống đến giờ để đến đây nghe ông kể khổ? Một Hoàng đế như ông mà cũng biết khổ à? Giờ đây tui thù cái thế giới điêu ngoa này, thù những người giả dối, bù nhìn như ông...

Ngày mô học thành tài, tui phải làm trả nợ áo cơm cho Cộng sản, cho những người nuôi tui nên người và báo thù cho cha mẹ, anh em và Tổ quốc Việt Nam của tui. Phải đánh đuổi hết bọn lòng lang dạ sói cướp nước Việt Nam và bọn tham quan vô lại đua nhau phè phỡn trên sự cùng khổ của đồng bào. Chỉ đến lúc đó những người như ba mẹ, anh em tui mới được cười vui nơi chín suối!

Bảo Đại cúi đầu, rồi ngó lơ một lúc lâu trước khi cất tiếng:

- Tui hiểu tâm tư của Quận Chúa mà. Ri nề, lúc Đức Bà Từ Dũ Ngọc Lan băng hà có để lại di chúc cho Chị một số

vốn, tôi được là người giám hộ cho chị, khi ra trường chị có thể mua một cái biệt thự trên đất Pháp này, số tiền còn lại chị gửi ở Ngân hàng Thụy Sĩ làm vốn lấy lãi nuôi thân. Tui khuyên Quận Chúa: mình con nhà khuê các, con gái đừng dùng súng gươm, nên học Y khoa *Docteur médecin* làm nhân đạo cho đời.

Quận Chúa hỉ! Thân tui đâu khác chị ngày mô, sau này chị sẽ rõ. Khi mạ tui mang thai, vua Khải Định bắt mạ giam cầm. Tui sanh mới được hai tuổi thì Pháp bắt làm con tin. Mạ tui đành theo con đi qua Pháp. Khi tui được mười tuổi, Pháp bắt mạ tui ri nề, chúng nó không cho tôi nhìn mạ. Mạ tui dạy tiếng Việt cho tui từ năm lên ba. Đến năm tui mười tuổi, mạ con phải chia tay nhau.

Mạ về Huế bị Pháp cấm tìm ba tui. Mạ tui sinh sống nhờ số tiền tiết kiệm được ở Pháp nhưng không đủ. Mạ đành về ngồi bán thuốc lào Cẩm Lệ ở chợ Đông Ba. Ai ai cũng biết bà Hoàng Thị Cúc bán thuốc lào Cẩm Lệ ở chợ Đông Ba đó. Ông Khải Định lại thường xuyên cho người theo dõi cấm ngặt không cho mạ con gặp nhau, không cho mạ tìm ba. Đến khi Khải Định chết, tui nhận mạ và phong là Đức Hoàng Thái hậu Từ Cung. Nhưng tui tìm ba tui mô gặp hỉ? Ông đã đi tu rồi...

Tui làm Vua, nhưng khổ lắm chị ơi! Hoàng tộc lúc mô cũng đao to búa lớn. Chứ họ còn đao to búa lớn không hỉ? Tôi và chị đều là nạn nhân của xã hội quyền quý cao sang mà thực chất là bù nhìn, là chiếc bình phong chắn gió để bọn tham quan bán nước cho thực dân. Sau ni chị có tuổi, chị sẽ thấy lời của tui là nạn nhân của cái gọi là "Hoàng tộc".

Hôm ni chị chị cứ chửi tôi đi. Chị nên chửi như ri nề: Vĩnh Thụy, mi là từng là Vua bù nhìn, là đồ vong ân phản bội Tổ quốc chi chi mô cũng được...

Tôi ức quá to tiếng:

- Ông có khi nào tự nghĩ Tổ tiên dày công gây dựng khởi nghiệp, phút chốc bị con cháu đem bán rẻ và cam tâm làm nô lệ không hỉ? Răng chừ lấy thước nào mà đo được hỉ?

Bảo Đại biết tôi ấm ách tức, ông ta vội cướp lời chuyển hướng:

- Tiên tổ của Quận Chúa và Vĩnh Thụy có chung một ông ở Động Hoa Lư mà chị biết không hỉ? Từ lúc lên ngôi Vua, tôi chưa một lần về vùng núi đá vôi nớ thăm viếng. Quận Chúa ôi, xưa tui làm Vua có được như hôm ni đâu. Bọn Pháp nó nắm quyền hết. Tui đi rồi, bọn Tôn Thất bán nước ngày nay có ân hận không hỉ? Mạ tui, bà Từ Cung buộc tui phải tìm ba tui bằng được. Sau ni có tuổi xin chị nhớ lời, tui không có tệ bạc đâu. Tui xin Quận Chúa đừng nói tiếng không tộc không họ chi chi mô. Quận Chúa cứ chửi thẳng em ni: mi là gỗ là đá, tao đánh mi, tao giết mi tui bằng lòng nghe tất. Ngày mô chị thích thì đánh tui, cẩn tui như năm 1949 nớ!

Nghe tới đó, tôi phì cười. Không hiểu sao, những lời đối thoại của Cựu hoàng Bảo Đại hôm đó, tôi nhớ trong lòng như in, cứ như ông ta vừa mới nói hôm qua vậy. Khi có thời gian rảnh, tôi đã chép lại ra sổ tay, đọc lại càng thấy buồn cười và thú vị.

Sáng hôm sau, ngày 2 tháng 10 năm 1956, nhà trường có phần chiêu cỗ cho phần ăn sáng của tôi, nên suất

ăn ngon hơn. Tôi còn được chuyển chỗ ở lên một căn phòng đầy đủ tiện nghi hơn.

Từ đó cứ hai tuần, tôi lại gặp Vĩnh Thụy một lần cho đến lúc thi đỗ ra trường đầu tháng 8 năm 1958.

Tôi quyết định thi tự do vượt cấp để giảm bớt thời gian học. Do đạt điểm cao nên tôi đã lấy được bằng Đại học Tổng hợp Y khoa dễ dàng. Tôi được quyền khám chữa bệnh, được xét nghiệm, thậm chí còn được quyền bào chế thuốc nữa.

Một ngày cuối tháng 8 năm 1958, vợ chồng Bảo Đại đến thăm và đưa cho tôi vé máy bay cùng số tiền tài khoản trị giá 10.000 Phơrăng:

- Đây là chút tiền nhỏ chúng tôi làm quà cho Quận Chúa. Tiền Đức Bà cho chị thừa kế, tôi còn giữ nguyên. Chờ khi nào Quận Chúa cần, tôi sẽ chuyển ngay - Bảo Đại nói.

Tôi cảm ơn, nhận tiền và vé máy bay. Sau đó ba ngày, vợ chồng Bảo Đại đã tới đưa tôi ra phi trường lên máy bay về Việt Nam. Cùng đi trên chuyến bay này còn có cả nữ Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa(*).

Cũng từ đó cho đến nay, tôi hầu như không còn liên lạc gì với Bảo Đại nữa.

Tôi cũng không rõ khoản tiền thừa kế mà cựu hoàng Bảo Đại thông báo là Hoàng tộc đã dành cho tôi theo di chúc, có còn trong tài khoản tại Pháp, hoặc Thuỵ Sĩ, hay ông ấy đã sử dụng chúng vào việc gì?

(*) Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, sau là Bộ trưởng Bộ Y tế của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

CHƯƠNG IV

NGƯỜI ĐẸP "SÁT THỦ" VÀ GÃ "YÊU RÂU XANH"

Tôi về đến Sài Gòn vào ngày 21 tháng 8 năm 1958. Lúc bấy giờ ở một số nước Châu Âu đang có dịch bệnh, nên tôi phải ở lại phi trường, không chỉ làm thủ tục nhập cảnh, mà còn phải để cho các Bác sĩ Việt Nam khám bệnh, thử máu xong mới cho về nhà.

Rời sân bay, tôi háo hức tìm ngay về cơ sở của anh Hai "Xe Ngựa". Gặp tôi, anh Hai Xô khen:

- Út Anh ngày nào ốm ho, giờ chững chạc và ra dáng trí thức lắm!

Tôi đã báo cáo mọi chuyện trong quá trình học tập với anh Hai Xô để tổ chức cấp trên biết.

Anh Hai Xô động viên tôi, rồi giao nhiệm vụ:

- Trước mắt, bằng mọi cách, cô Út phải cố gắng xin vào làm ở một Bệnh viện lớn ngay tại Sài Gòn, nếu được Bệnh viện Chợ Rẫy, hoặc Bệnh viện Đô Thành là tốt nhất. Cô Út không được đi làm xa, để tổ chức có điều kiện tiếp xúc và giao nhiệm vụ khi cần. Hiện tại, các cơ quan trong Xứ uỷ rất

thiếu nguồn thuốc chữa bệnh và dụng cụ y tế. Chỉ có làm ở một Bệnh viện lớn mới có điều kiện tiếp tế cho Cách mạng được hiệu quả.

Tôi nghĩ ngay đến người cậu ruột của mình là Docteur mé décine Trương Gia Quế, bởi ông thường chữa bệnh cho mẹ của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Khi Docteur Quế dẫn tôi đến vấn an cụ bà Phạm Thị Thân và đề nghị giúp đỡ, bà cụ chẳng những đã đồng ý luôn, lại còn khen tôi là người đoan trang và hiền thục. Cụ cho gọi ngay Ngô Đình Diệm tới, giới thiệu tôi là cháu người bà con "Phạm tộc" ở quê, vừa du học từ Pháp về. Bà cụ còn yêu cầu Tổng thống tạo điều kiện hết mức. Diệm vốn là người quý mẹ, ông ta liền điện ngay cho Bộ trưởng Bộ Y tế; đồng thời, còn lệnh cho cơ quan an ninh cấp cho tôi một "*Giấy phép sử dụng súng*" của Tổng thống phủ. Nội dung ghi khá lạ lùng, bây giờ tôi vẫn còn nhớ: "*Cho phép Docteur mé décine Léna Phạm (tức cô Phạm Trương Ngọc Anh) được quyền cầm súng bảo vệ thân thể khi gặp những người sàm sỡ đối với mình và trừng trị bọn đàn ông đểu cáng*". Bên dưới có đóng dấu và ký tên Ngô Đình Diệm. Đó là điều vượt quá mong ước của tôi.

Ngày hôm sau, tôi đến Bộ Y tế của Chính quyền Ngô Đình Diệm để trình diện Bộ trưởng và nộp giấy tờ.

Người thư ký dẫn tôi vào một căn phòng rộng, kiến trúc và nội thất kiểu Pháp, rất sang trọng và bảo ngồi chờ. Căn phòng khiến tôi có cảm giác vừa thân quen vừa bỡ ngỡ. Thân quen, bởi tôi đã học ở Pháp cả mấy năm trời, bỡ ngỡ vì tôi đang ở Sài Gòn, ở Việt Nam Tổ quốc tôi chứ không phải ở Paris hoa lệ. Tôi đang miên man với những cảm xúc suy tưởng về quá khứ và hiện tại thì ông Bộ trưởng bước vào. Trái ngược với những gì tôi tưởng tượng về ông Bộ trưởng,

Giáo sư Trần Đình Đệ là người đàn ông nhỏ nhắn, trán hói, lịch lãm và nói giọng nhẹ nhàng. Sau khi xem qua giấy tờ và văn bằng của tôi, ông ân cần hỏi:

- Tổng thống đã "phôn" cho tôi, xin cô cứ yên tâm. Cô vừa đi xa về, có cần nghỉ ngơi ít ngày cho khỏe, như về quê thăm hỏi gia đình, bà con, cô bác?

Tôi thưa:

- Cha mẹ tôi đều đã mất cả. Tôi đang rất khỏe, nên muốn được làm việc ngay.

Bộ trưởng nhìn tôi với ánh mắt đầy vẻ cảm thông, chia sẻ:

- Thế cũng được. Hiện Bệnh viện Đô Thành rất cần bổ sung thêm Bác sĩ khoa Ngoại - Sản. Cô có đồng ý làm việc tại đó?

- Thưa Bộ trưởng, được ạ. - Tôi đồng ý ngay không một chút phân vân vì đã trúng nguyện vọng của mình.

Ông lại nói tiếp với vẻ rất chân thành và cởi mở:

- Tôi có mở một nhà bảo sanh tư nhân, một nhà thương tư. Nếu cô cần lương cao thì đến làm thêm cho tôi ngoài giờ, sẽ có lương cao hơn Nhà nước trả.

- Xin đa tạ tấm thịnh tình của ông. Nhưng tôi còn trẻ, lại vừa mới ra trường, nên việc làm thêm xin từ từ hẵng hay.

Ông Bộ trưởng gật đầu, tán thưởng:

- Cô lựa chọn thế cũng tốt. Theo tiêu chuẩn, cô là người được Tổng thống phủ quan tâm, nếu làm Nhà nước, cô được cấp nhà riêng và xe hơi. Cô có thể tự lái xe, hoặc

thuê tài xế. Mời cô qua bộ phận hành chánh nhận các quyết định.

Ngay sau đó tôi được nhận giấy tờ để sở hữu một căn nhà ở 34 Trần Cao Vân thuộc Quận I, Thành phố Sài Gòn. Đó là một ngôi biệt thự nhỏ, có 4 phòng. Ngoài ra, tôi còn được cấp một chiếc xe hơi nhỏ hiệu *Dauphie* để tự lái đi làm. Thời ấy, một "đốc tờ" đào tạo ở Tây về, có Tổng thống bảo lãnh, nên đã được ưu ái và đãi ngộ vậy đó.

Tôi cảm ơn ông Bộ trưởng. Trước khi tạm biệt, Giáo sư Trần Đình Đệ còn bắt tay tôi, nói rất chân tình:

- Theo tôi, cô nên về Vĩnh Long thăm cụ cố vài ngày rồi hãy đi làm. Nếu cô thích làm việc ở Vĩnh Long, tôi cũng sẽ tạo điều kiện hết mức. Chỗ tôi với *Docteur mé décine* Trương Gia Quế là bạn đồng môn thân thiết cả mà.

Thì ra, Giáo sư Trần Đình Đệ biết rất rõ gia đình nhà ngoại tôi. Mọi việc diễn ra cứ như một giấc mơ.



Chiều hôm đó, tôi tới Bệnh viện Đô Thành Sài Gòn nộp giấy tờ và nhận việc ngay, để sáng hôm sau, bắt đầu đi làm. Tôi được phân công cùng một ê-kíp trực với Bác sĩ Triết và Bác sĩ Thuận. Hai đồng nghiệp đều hơn tuổi và rất tận tình giúp đỡ tôi...

Vậy là tôi đã trở thành một người lớn thực sự, đã làm ra tiền và có địa vị trong xã hội.

Khi mới về nước, Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, bạn học bên Pháp của tôi thì mở phòng mạch riêng tại nhà, không cần đi làm cho nhà thương công.

Lũ bạn tôi học cùng Trường Gia Long ngày trước là con nhà giàu, hay cười chê tôi là trẻ mồ côi (từ thời tôi còn phải đi bán rong trên đường phố Sài Gòn), bây giờ thấy tôi là Bác sĩ, có xe hơi Nhà nước cấp tự lái đi làm ở Bệnh viện Đô Thành... bọn họ đều trố mắt nhìn ngạc nhiên, tâng bốc đủ kiểu, làm tôi cảm thấy buồn cười.

Tôi mới làm việc được khoảng một tuần. Công việc đang diễn ra đều đặn và rất tốt đẹp, thì một buổi sáng, mới đầu giờ, tôi nhận được ám hiệu liên lạc báo đến gặp anh Hai Xô gấp. Tôi phải nhờ Bác sĩ Triết trực thay, rồi lái xe đến điểm hẹn.

Anh Hai Xô, nhìn trước ngó sau, rồi nói ngay:

- Cô Út có nhiệm vụ về Vĩnh Long thăm ngoại ngay sáng nay. Tổ chức có một nhiệm vụ quan trọng giao cho cô. Cố gắng làm cho tốt.

- Nhiệm vụ gì anh Hai?

- Thì cô cứ về đó, gặp anh Tám Xê, ở Tỉnh ủy Vĩnh Long sẽ rõ. Nhớ ăn mặc đẹp và mang theo súng nghe!

Rồi anh Hai Xô nói vừa đủ nghe:

- Thăm nhà ngoại xong, đúng mười hai giờ trưa, cô phải có mặt ở căn cứ Cái Ngang, sẽ có người đón cô. Mật hiệu là...



Lòng tràn ngập niềm vui, vì được tổ chức tin tưởng, tôi tự lái xe về Vĩnh Long thăm bà ngoại đã sống trên một trăm tuổi. Trong lòng phơi phới niềm tự hào, vì mình đã có

bằng "dốc tờ", lại là Người Nhà nước, đã làm ra tiền và được xã hội tôn trọng.

Bà ngoại tôi đang ngồi chơi, lại có cả hai ông cậu tôi đang ngồi uống nước và hầu chuyện. Tôi vòng tay, cúi đầu lễ phép chào:

- Thưa bà cố con mới về ạ. Thưa ông Năm, ông Sáu con mới tới ạ.

Gặp lại đứa cháu bé bỏng, ngoại tôi mừng quá, cứ ôm tôi khóc hoài, bà nhắc tới ba mẹ tôi, làm tôi tan nát cõi lòng.

Rồi ngoại hồ hởi nhắc đến Luật sư Trần Văn Phước - Tỉnh trưởng tỉnh Vĩnh Long năm xưa. Qua lời bà, tôi xao xuyến, bồi hồi khi được biết anh vẫn còn đợi tôi qua bao tháng năm xa cách, cho dù giữa tôi và anh không một cánh thư và anh không hề biết tôi học Đại học Y khoa tại Pháp trong những năm tháng đó.

Xúc động quá, tôi ôm chặt bà rồi hỏi nhỏ:

- Bây giờ ảnh..., ảnh vẫn làm Tỉnh trưởng Vĩnh Long hả ngoại?

- Nó đã chuyển đi nhận nhiệm vụ ở đâu đó, nhưng mới đến thăm ngoại cách đây vài bữa. Nó hỏi thăm con hoài à. Ngoại nói, do họ nội ở Huế vội đón về quê nên con không kịp từ giã ngoại... Nghe vậy, nó bảo: "Ngoại à, con đã chờ Ngọc Anh được ba năm rồi. Khi nào gặp lại, con sẽ hỏi tại sao cổ không đáp lại lời cầu hôn của con".

Tôi cảm thấy mặt mình nóng ran và tim đập loạn xạ, sợ ngoại nghe cả nhịp tim bất thường của tôi, tôi vờ buông ngoại ra và giả lả:

- Để con nhổ tóc sâu cho ngoại.

- Cha tổ mầy. Ngoại còn sợi tóc đen nào nữa mà cô đòi nhổ tóc sâu cho ngoại.

Tôi ngớ người ra, vội dúi đầu vào ngực ngoại để cố giấu nỗi xúc động và sự mắc cỡ của mình.

Các cậu cũng xúm vào trách tôi. Cậu Năm bảo:

- Cái con nhỏ này. Cậu thiệt không hiểu nổi cháu. Luật sư Phước vừa tử tế lại vừa đẹp trai. Lại giỏi giang nữa chớ. Vậy mà mày còn óng eo cái gì hả Út?

- Con đâu có chê ảnh, tại... tại... - Tôi vội vàng chống chế.

Cậu Sáu thì cốc đầu tôi và nói:

- Đừng có kén cá, chọn canh, đừng có cành cao nữa tiểu thơ. Kéo rồi ế, gần ba mươi tuổi rồi đó nghe! Bao nhiêu đứa tiểu thơ con nhà giàu, con nhà danh giá đang chèo kéo Luật sư Phước đó.

Thấy các cậu "tấn công" tôi "dữ dội", ngoại liền lên tiếng bênh tôi:

- Ngọc Anh là phải giỏi giang như cha nó, chớ không thể tầm thường như mấy đứa con gái mới lớn ở xứ mình được. Ngọc Anh phải học rộng, đỗ đậu cao, có chức trọng trong xã hội chứ. Ngoại nói vậy có đúng không hè?

Tôi cười, tay luồn sâu vào mái tóc bạc phơ của ngoại, thủ thỉ:

- Vậy bây giờ anh Phước ở đâu hả ngoại?

- Hình như nó không làm ở đây nữa. Không biết đổi về tỉnh nào. Để khi nào có dịp, ngoại hỏi ông Giám mục Ngô Đình Thục.

Thú thực, lúc ấy, nghe ngoại nói vậy, tôi hơi thất vọng và dường như có một nỗi gì mơ hồ sâu thẳm chợt đến trong tâm tư tôi. Nhưng rồi tôi lại quên ngay vì nghĩ: có lẽ tình cảm của Phước dành cho tôi không đến nỗi sâu đậm như lời anh nói?



Gần trưa, nhớ lời anh Hai Xô dặn, tôi vội xin phép ngoại đi thăm bạn bè, rồi bí mật lái xe đi căn cứ Cái Ngang, thuộc quận Tam Bình để bắt liên lạc với anh Tám Xê, nhận nhiệm vụ mới.

Dọc đường vào căn cứ, tôi phải qua mấy trạm gác của lính địa phương. Vừa nhìn thấy xe tôi, chúng không cần xét giấy mà cho qua luôn, vì đoán tôi là "tiểu thư quyền thế", chứ dân thường, hay Cộng sản trong căn cứ, thì lấy đâu xe hơi mà xài.

Nhưng khi xe của tôi mới tới được Long Hồ, thì đường hẹp và xấu quá, không thể đi tiếp được nữa. Đang còn lúng túng thì tôi thấy một chiếc thuyền câu nhỏ, có một người đàn ông đội chiếc nón lá che gần kín mặt. Ông chợt gọi tôi bằng giọng người Khơ Me:

- Cô mặc váy đầm ơi! Có mua tôm tươi, xuống tôi bán cho vài kí.

Tôi suýt reo lên, vì nhận ra dáng người quen thuộc của anh Tám Xê. Tôi vội chạy xuống, vừa đi vừa ngó xung

quanh, thấy không có ai, liền ngồi xuống cạnh anh, vờ xem tôm. Anh Tám vừa vớt tôm vào giỏ, vừa nói vừa đủ nghe:

- Cô Út có mang theo súng Tổng thống cho phép sử dụng không?

Tôi nói ngay:

- Em có khẩu Rulo và sáu viên đạn, luôn sẵn sàng.

- Tốt quá! Đầu giờ chiều nay, cô kiếm cớ vào dinh Tỉnh trưởng, "làm thịt" ngay tên Bảy Văn đi. Hắn là người đã gây rất nhiều nợ máu với Cách mạng. Còn hắn thì phong trào ở đây còn bị đàn áp và anh em mình sẽ chết hết vì tên ác ôn này!

Tôi hơi bất ngờ, nhưng vẫn bình tĩnh hỏi lại:

- Em chưa điều tra cụ thể, lại chưa nắm vững quy luật sinh hoạt và làm việc của hắn; nếu hành động ngay, e là mạo hiểm, khó thành công và không chắc thắng?

Anh Tám động viên tôi:

- Thực ra, kế hoạch tiêu diệt tên ác ôn này đã được anh em bí mật chuẩn bị từ lâu. Chúng ta đã nắm rất vững quy luật, thói quen của hắn. Chiều nay, theo lịch, là ngày hắn thường chơi thể thao và hú hí với em út. Nhược điểm của Bảy Văn là hắn rất háu gái và nổi tiếng là "yêu râu xanh". Hắn có vợ và hai con trai đã lớn, nhưng vẫn công khai có cả chục cô bồ nhí... Bất cứ cô gái nào có nhan sắc, ở xứ này hắn đã gặp và muốn là phải chiều hắn, nếu không sẽ sống chẳng được yên.

Tôi đã cho người thông báo trước là chiều nay sẽ có người đẹp đến "cầu kiến" để xin việc. Hắn đã chuẩn bị tiếp

cô Út rồi đó. Nhưng mà nhớ là phải thật cảnh giác, hắn mời gì cô cũng đừng ăn và đừng uống, kẻo bị hại đó nghe.

Tôi lắng nghe, nhập tâm từng lời của anh Tám. Trước khi chia tay, anh còn dặn kỹ:

- Nhất định Bảy Văn sẽ tán tỉnh, rồi thậm chí cưỡng ép cô... Nhân cơ hội đó, cô khử hắn luôn, Hành động xong, cứ bình tĩnh, mang "chứng cứ" sang ngay đồn Cảnh sát cạnh đó để trình báo với "nhà chức trách". Mình chỉ là "tự vệ chính đáng", là do "súng cướp cò" thôi mà. Trong đồn Cảnh sát hôm nay đang có người tin cậy của mình trực. Ông "Cò" (Cảnh sát trưởng) nhất định sẽ bảo vệ cô... Nếu có phải ra Tòa, thì Thẩm phán cũng là người của mình, cứ yên tâm mà hành động. Chúc đồng chí vào trận mới thành công!

Tôi xách theo cái giỏ với mấy kí tôm ra xe, thầm cảm ơn đồng đội đã chuẩn bị quá kĩ cho trận đánh mới chiều nay của mình.



Tôi cho xe quay về thị xã, trang điểm lại một chút, cố tình ăn mặc bắt mắt, rồi chạy thẳng đến Dinh Tỉnh trưởng Vĩnh Long vào đầu giờ hành chính buổi chiều. Hồi ấy, dinh này được xây ở gần mé sông Cửu Long. Cách đó chừng vài trăm mét có một Nhà thờ nhỏ của Bệnh viện (chuyên để cha cố rửa tội cho những người xấu số). Tôi không đi cổng chính qua công quán, mà theo đường cổng Bệnh viện qua Nhà thờ để tới Dinh Tỉnh trưởng.

Thấy có chiếc xe sang trọng biển số Sài Gòn, lính gác giơ tay chào, rồi mở cổng cho xe chạy vào tận cửa dinh. Tôi bước lên thềm, anh "loong toong" lễ phép:

- Thưa bà...

- Tôi cần gặp ngài Tỉnh trưởng!

Anh ta không cần hỏi tên tôi, mà vội nói ngay:

- Dạ phiền bà đợi một chút, tôi vô trình ổng.

Tôi nghe rõ tiếng anh "loong toong" báo cáo:

- Có một cô rất sang, trẻ và xinh đẹp, muốn gặp ngài có việc riêng chi đó.

Tiếng Bảy Văn đầy tự tin và đắc ý:

- Thôi đưa vô đây đi! Người của tao đó!

Anh "loong toong" dẫn tôi vào, rồi cúi đầu chào và ý tứ khép cửa lại đi ra ngay.

Bảy Văn đang ngồi trên ghế bành, trước một cái bàn làm việc rộng, bày biện rất sang trọng, xa hoa. Ông ta mặc một bộ đồ màu trắng, có viền sọc đỏ, trông như anh lính kèn. Năm ấy, Bảy Văn chừng ngoài năm mươi tuổi, người béo tốt và cao to vạm vỡ. Vừa thấy tôi, mắt ông ta như sáng lên, đứng bật dậy, chạy ra tận ngoài, vồn vã đón khách:

- Ô, chào "ma đam"! Mời "ma đam" ngồi. Tôi có thể giúp gì cho người đẹp đây?

Tôi mỉm cười và nói:

- Thưa Tỉnh trưởng, tôi là Léna Phạm, vừa tốt nghiệp "đốc tờ" ở bên Pháp về. Ông Bộ trưởng Bộ Y tế đã chấp nhận cho tôi ở Sài Gòn, nhưng tôi muốn làm việc ở Vĩnh Long để được gần họ hàng, gia đình...

Nói rồi, tôi mở chiếc ví đầm, lấy ra tấm bằng đưa cho Bảy Văn. Ông ta chẳng cần xem, xua tay và bảo:

- Thôi người đẹp cất tấm bằng đi! Tôi hứa sẽ giúp em mà!

Lúc đó, anh "loong toong" đã mang hai li nước vào. Bảy Văn giục tôi:

- Người đẹp uống nước mát đi, rồi cần gì anh sẽ lo cho em như ý muốn.

Tôi nhớ lời anh Hai Xô và anh Tám Xê dặn từ trước: *"Mầy đi đâu, thấy tụi sĩ quan, đàn ông háu gái mà mời nước, thì chớ có uống, kẻo bị hại đó".*

Tôi chỉ cười cười, rồi vờ liếc mắt đưa tình...

Chỉ đợi có thế, Bảy Văn buông lời tán tỉnh ngay:

- Nói thật nhé: Tôi chưa có người "nâng khăn sửa túi" đâu. Hình như Chúa Trời xui khiến, đưa em đến làm vợ tôi phải không? Em đồng ý nha?

- Dạ thưa ngài, nếu được như thế thì còn gì quý bằng và vinh dự cho tôi lắm. Nhưng chuyện ngài nói đường đột quá. Ngay bây giờ tôi... tôi... chưa trả lời được.

Thấy tôi lúng túng, ngập ngừng vậy, Bảy Văn dời ghế đứng dậy, lại gần, rồi bất ngờ vuốt tóc tôi một cách sàm sỡ, cười giả lả:

- Cho tôi... hun em một cái đã nha. Chao ơi, người đâu mà xinh đẹp và dễ thương quá trời vậy!

Tôi giận run người, theo phản xạ bản năng con gái, tôi né tránh ông ta rồi đứng bật dậy, chạy vòng qua bàn. Nhưng vô tình lại đứng trước cánh cửa phòng ngủ khép hờ kế bên của Bảy Văn. Ông ta lao đến, dùng sức đẩy tôi vô trong phòng ngủ đó.

Khi tôi còn đang lúng túng chưa biết thoát thân bằng cách nào, thì "Ngài Tỉnh trưởng" đã lộ diện và biến thành gã "yêu râu xanh". Ông ta cởi phăng chiếc áo đang mặc, để lộ bộ ngực trần, đầy lông lá như người Tây, đôi mắt vằn lên thèm khát. Ông ta từ từ tiến lại, còn tôi thì hoảng hốt lùi dần, lùi dần cho tới khi tôi vướng vào chiếc giường ngủ. Ông ta đẩy tôi ngã ngửa ra giường. Nhưng cũng lúc đó, tôi đã né người lấy được khẩu súng ngắn ra khỏi ví, giơ lên và quát to:

- Nếu ông còn tiến lại, làm bậy, tôi bắn đó nha!

Bảy Văn tưởng tôi đùa, cười nhăn nhở:

- Ôi người đẹp! Đằng nào thì em cũng làm vợ anh. Tiếc gì cái "ngàn vàng" cơ chứ! Chiều anh một chút xíu thôi, rồi em sẽ là "Đệ nhất phu nhân" của cái xứ này!

Vừa nói, ông ta vừa tụt nốt cái quần dài, trên người chỉ còn độc mỗi cái silip nhỏ xíu, có cột dây bên hông. Tôi vừa mắc cỡ, vừa bực mình, ngồi dậy và chạy vòng qua chiếc bàn nước nhỏ trong phòng, tay vẫn lăm lăm khẩu súng nhỏ đã lên đạn.

Bảy Văn đuổi theo tôi, lúc chạy sau, lúc đón đầu, như mèo vờn chuột. Người ông ta nhễ nhại mồ hôi và thở hổn hển mỗi lúc một to hơn. Đuổi đi, đuổi lại được mấy vòng, chừng như đã mệt, ông ta quay lại giường ngủ, ngồi phịch xuống, giọng năn nỉ tức cười:

- Thôi mà người đẹp! Đằng nào em cũng là vợ anh, không thoát được đâu. Lại đây chiều anh đi mà! Rồi em muốn gì sẽ được nấy. Anh chịu hết mà!

- Giờ tôi chỉ muốn bắn ông!

- Được thôi. Vậy em lại gần đây mà bắn anh đi!

Vừa nói, không hiểu nghĩ gì, Bảy Văn vừa vớ chiếc gối ngủ áp vào ngực mình, giọng mùi mẫn như gã trọc phú ca cải lương:

- Ôi, trái tim anh đang đau khổ, đang nhỏ máu... Vì tình yêu, anh sẵn sàng dâng hiến cả xứ Cửu Long này cho em. Còn nếu được chết bởi tay người đẹp, thì cũng là điều hạnh phúc nhất đời anh!...

Nhìn đôi mắt lim dim, khuôn mặt đờ đẫn của Bảy Văn, tôi bình tĩnh tiến lại gần. Tưởng tôi đã xiêu lòng, bất ngờ, ông ta túm lấy nòng súng kéo sát vào ngực mình:

- Đây là trái tim anh. Em cứ bắn đi, anh không hề ân hận và oán trách nửa lời. Còn nếu không bắn, thì em hãy tự cởi đồ ra, rồi... lên giường với anh...

Vừa rên rỉ như người lên đồng, Bảy Văn vừa vòng một tay qua eo kéo tôi lại gần hơn. Rồi bất ngờ, một tay ông ta vuốt mông tôi, tay kia thô bạo luồn dưới chiếc váy đầm, định kéo chiếc quần lót của tôi...

Những tiếng súng nổ vang. Nòng súng quá gần mục tiêu, khiến cho đôi tai tôi như ù đi, kêu ong ong. Tôi đã bóp cò ba phát liền, mà chẳng nhớ mình đã hành động như thế nào. Bảy Văn đổ gục xuống, máu xối ra đầy ngực, thấm đỏ cả chiếc gối ngủ.

Sau mấy giây đã trấn tĩnh lại, tôi vội vàng giật chiếc quần silip của Bảy Văn ra khỏi người ông ta, rồi tự cởi cả chiếc quần lót của mình vứt cạnh vũng máu. Tôi nhặt khẩu súng cho vào ví, rồi bình tĩnh đi ra ngoài. Dường như căn phòng tôi vừa hành động quá kín, nên tiếng súng không lọt được ra ngoài, trong dinh Tỉnh trưởng chưa ai biết chuyện gì. Phòng khách trống trải, vắng hoe...

Tôi bình tĩnh ra xe nổ máy, gật đầu chào người lính gác rồi lái thẳng đến Đồn Cảnh sát gần đó, theo đúng kế hoạch của anh Tám Xê. Vừa vào tới phòng trực ban, tôi vờ hớt hải kêu to:

- Tôi xin gặp ông "Cò"! Tôi có chuyện khẩn cấp trình báo nhà chức trách! Tôi vừa bị "yêu râu xanh" làm hại...

Tiếp tôi là ba người, trong đó có một sĩ quan cảnh sát nhìn quen quen, nhưng tôi không nhớ là mình đã gặp ở đâu. Tôi kể lại toàn bộ sự việc, rồi nhấn mạnh: *Ngài tỉnh trưởng đã sàm sỡ, cưỡng bức tôi, súng đã cướp cò và vô tình tôi đã giết ông ta*... Biên bản ghi lời khai đã làm xong. Được đọc lại, rồi cùng ký bên dưới.

Ông "Cò" tiễn tôi ra tận cửa, rồi nói nhỏ:

- Cô Léna Phạm! Nhà ngoại cô ở số Mười tám, phố Thoại Ngọc Hầu phải không?

Tôi giật mình và gật đầu.

- Sao ông "Cò" lại biết?

Ông ta không trả lời, mà nói nhanh:

- Cô về thu xếp đồ và trở lại Sài Gòn ngay chiều nay. Cô nhớ phải bình tĩnh và giữ nguyên lời khai như vừa rồi với bất cứ ai, nếu họ yêu cầu. Cô đi luôn đi, mọi việc ở đây đã có chúng tôi lo...

CHƯƠNG V
NỮ BÁC SĨ CŨNG ĐI PHÁ NGỤC CƯỚP TÙ

Tự tay tôi đã bắn chết Tỉnh trưởng Vĩnh Long ngay trong dinh thự của ông ta, mà sau đó vẫn bình an vô sự.

Tôi lái xe trở lại Sài Gòn mà cứ tưởng mình còn sống trong mơ. Như vậy, tổ chức đã theo sát từng bước chân của tôi, bảo vệ tôi và luôn tạo điều kiện cho tôi hoàn thành nhiệm vụ, dù khó khăn và nguy hiểm đến đâu.

Cũng từ ngày đó, cứ một vài tháng, tôi lại tự lái xe về thăm ngoại một lần. Với tôi, ngoại là hiện thân của mẹ và những gì gần gũi, thân thương nhất mà một đứa trẻ mồ côi khao khát.

Một lần, bà giữ tôi ở lại, rồi chậm rãi lục tìm trong tủ và đưa cho tôi tờ giấy "lược đầu đất" (tương tự như sổ đỏ bây giờ) ghi rõ: *Bà Dương Thị Trâm (họ tên bà ngoại tôi) có con gái là Lâm Huê Trà (tức Trương Ngọc Trầm) đã quá cố và cháu ngoại là Phạm Trương Ngọc Anh, được quyền thừa hưởng 30 mẫu đất ruộng, không ai được tranh chấp.* Bên dưới có cả chữ ký và đóng dấu xác nhận của Chưởng khế.

Tôi thưa với ngoại:

- Giờ con đã là "đốc tờ", đã đi làm Nhà nước, có lương cao, ngoại không còn phải lo lắng như ngày xưa nữa. Chỗ ruộng này, ngoại cứ để dưỡng già.

Ngoại tôi lại mắng yêu:

- Cha tổ mầy! Ngoại già rồi, sống đến ngày này cũng là nhờ phúc đức tổ tiên để lại. Của ngoại cho thì cứ cầm lấy, sau này lấy chồng làm của hồi môn, nếu không thì làm từ thiện, cúng cho Nhà chùa, Bệnh viện... có sao đâu.

Tôi cười, muốn ôm lấy ngoại, tưởng như mẹ tôi còn sống ngày nào mà hạnh phúc rưng rưng.

Cứ sau mỗi chuyến đi Vĩnh Long, trên đường về, những kỷ niệm yêu thương về những ngày tháng thơ ấu tôi còn Mẹ, còn Ba lại ùa về làm đau nhói trái tim tôi. Tay điều khiển vô lăng nhưng tâm trí tôi không hề để ý gì tới con đường trước mặt. Nước mắt cứ tuôn trào không cách gì ngăn được.

Bấy lâu nay, mọi cảm xúc dường như phải kìm nén rất nhiều khiến tôi già trước tuổi. Giờ mỗi lần trở về thăm quê, được sống trong vòng tay yêu thương của bà ngoại làm tôi như được nhắc nhở rằng mình cũng cần có một gia đình, một mái ấm để nương tựa. Phải chi còn Cha, còn Mẹ thì tôi đâu có gặp trái ngang cay đắng, bơ vơ thèm khát được gọi Mẹ, gọi Cha, thèm khát vòng tay dịu dàng của Mẹ, thèm khát vòng tay ấm áp của Cha đến cháy ruột, cháy gan thế này. Vẫn dòng kinh ấy, vẫn con sông này, vẫn rặng dừa lửa cao vút kia cùng mái nhà ấm áp của ngoại,... Nhưng Cha, Mẹ thì...

Hình ảnh Mẹ tôi đầu một nơi, tay chân một nơi,... nằm trong vũng máu. Hình ảnh Cha tôi, da cháy đen vì phơi

nắng, râu tóc bơ phờ, chân bị xiềng, tay bị xâu bằng dây kẽm gai cùng mười người đàn ông khác... lại ập về trong tâm trí tôi đan xen cùng hình ảnh Ngoại tôi và hình ảnh cỏ cây đất trời quê ngoại Vĩnh Long khiến tôi có thêm nghị lực để vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm của cuộc kháng chiến mà mình đã dấn thân.



Công việc tại Bệnh viện của tôi vẫn diễn ra đều đặn và tốt đẹp. Tôi đã chuyển cho anh Hai Xô một số lượng khá lớn thuốc chữa bệnh để gửi vào căn cứ.

Hàng ngày, nếu không phải trực đêm thì bảy giờ rưỡi tối, tôi về nhà nghỉ, giao ca trực đêm cho Bác sĩ Thuận. Tôi buộc phải chấp nhận thực tế là mỗi đêm trở về nhà chỉ có một mình với căn phòng đầy đủ tiện nghi (những vật vô tri vô giác) nhưng trong lòng thì trống trải kinh khủng. Nhiều đêm ôm gối bông, mãi không ngủ được.

Tôi thèm khát có một ai đó bên cạnh để chia sẻ nỗi buồn vui. Nhưng dường như ông trời không muốn dành sự ưu ái đó cho tôi. Tôi chợt nhớ tới anh Phước - người mà bao năm qua vẫn đợi câu trả lời của tôi. Bỗng dưng tôi mỉm cười như để tự an ủi: "Mình ngốc thật! Biết đâu giờ này anh ấy đang hạnh phúc bên người con gái khác xinh đẹp và tài giỏi hơn mình". Vậy là giấc ngủ nhẹ nhàng đến với tôi lúc nào không hay!



Cũng thời gian đó, cấp trên chuẩn bị thành lập Trung ương Cục miền Nam. Tôi được tổ chức biên chế vào đó và mang mật danh "T.2" thuộc Trung ương Cục. Cũng từ đây, cuộc đời tôi gắn bó với sứ mạng thiêng liêng của một chiến sĩ hoạt động trên trận tuyến thầm lặng, phụng sự Tổ quốc và lý tưởng. Sẵn sàng làm bất cứ nhiệm vụ gì khi tổ chức giao phó.

Một hôm, được tin đồng chí Tư Du (tức Lê Văn Phan) cùng trong Đội hoạt động của chúng tôi bị mật vụ bắt giam tại bốt cảnh sát Khánh Hội, tôi lo lắng vô cùng.

Ngay đêm đó, chúng tôi họp bàn phương án giải thoát cho Tư Du ra tù sớm. Nếu để chậm, chúng sẽ đưa đồng chí ấy lên Tổng nha Cảnh sát và đưa vào Khám lớn Chí Hòa. Và nếu vậy, việc Tư Du bị lưu đày ra Côn Đảo sẽ khó tránh khỏi.

Chúng tôi bàn bạc nhiều biện pháp để cứu đồng chí Tư Du và giải pháp cuối cùng là cướp ngục. Tôi được giao nhiệm vụ nắm bắt tình hình của địch và trình bày lại với tổ chức.

Hôm sau, tôi sang khảo sát địa bàn Khánh Hội. Thấy phía sau là cánh đồng cỏ lác có rào kẽm gai rất thấp, không có gài lựu đạn, mìn cũng không. Nghe tôi báo cáo, đồng chí Hai Xô thống nhất thời gian hành động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người.

Đến giờ hành động, chờ tôi dùng kìm cắt dây kẽm xong, từ ngoài bờ ruộng, đồng chí Bình tiến vào dùng búa phá cửa. Mặt trước, đồng chí Đổ chặn địch, đồng chí Đê ném lựu đạn vào đám cảnh sát đang đứng trong cổng gây thương

vong cho chúng khá nhiều. Những tên còn lại đuổi theo, bị đồng chí Đổ ném lựu đạn chặn tiếp. Đồng chí Hội cũng ném lựu đạn vào giữa đám lính cảnh sát đang ùa ra...

Lợi dụng lúc đó, tôi len vào phá cửa sau. Thấy Tư Du bị cột bằng xích sắt. Tôi lấy búa dùng hết sức của mình chặt đứt xích, cõng đồng chí ấy ra khỏi nơi giam giữ và giao cho đồng chí Bình cõng tiếp.

Bọn cảnh sát bị đánh bất ngờ, không kịp phòng bị nên bị chết hai và bị thương năm tên. Phần tôi, giao Tư Du cho đồng chí Bình xong là tìm đường đến chỗ để xe và lái về nhà vô sự. Vừa tới bệnh viện thì tôi tiếp nhận một ca sản phụ sinh khó. Giải phẫu xong là chín giờ tối, tắm rửa nghỉ ngơi một lát rồi lại tiếp tục trực ca đêm. Hai giờ sáng hôm sau, đồng chí Bình đưa Tư Du đến Bệnh viện Đô thành giao cho tôi lo điều trị.

Qua việc này, tôi càng ý thức mình không còn là đứa bé ngày nào đi bán rong, bán dạo trên đường phố Sài Gòn nữa, mà đã là một bác sĩ, một Đảng viên Cộng sản, sống, làm việc và hi sinh cho Tổ quốc. Thù nhà, nợ nước chất đầy trên hai vai gầy guộc của tôi.

Đêm đó, tôi thắp ba cây nhang tưởng nhớ đến cha mẹ và anh chị em tôi, xin mọi người chứng giám cho đứa con còn sống sót này quyết chí giết hết bọn bán nước cầu vinh. Xin cha mẹ phù hộ cho con đầy nghị lực để vượt qua được tất cả những trở ngại, khó khăn trên bước đường Cách mạng của con!



Công việc của tôi ngày đó nhọc nhằn lắm, tất bật vô cùng. Làm việc cho Bệnh viện để kiếm sống, để tồn tại; làm việc cho Cách mạng để đánh đuổi bọn cướp nước và bán nước.

Nhiều đêm tôi phải thức trắng làm công việc cứu bệnh nhân. Sáng ra, tôi bơ phờ, hai con mắt lờ đờ thâm quầng. Nhờ đôi kính cận che nên mọi người không biết tôi thiếu ngủ. Có đêm tôi gục đầu xuống bàn ngủ thiếp đi mãi đến khi nghe y tá trực gọi có cấp cứu... Nhưng sức trẻ đã giúp tôi vượt qua tất cả...

Nhìn thói đời xã hội quá chua chát, đắng cay. Tôi nghiệp cho những phụ nữ bị chồng đánh đập đến gãy chân tay, tôi tự hỏi do đâu gia đình đổ vỡ? Nam giới là đấng mày râu mà vì sao lại đánh những người phụ nữ yếu đuối vậy?

Tôi quá bất bình với nhiều ông ăn mặc sang trọng, luôn tỏ ra mình có tác phong đạo đức, nhưng không biết do đâu mà mượn rượu tự huỷ hoại sức khỏe của mình.

Rồi nhiều mệnh phụ phu nhân giàu sang phú quý, không biết vì lý do gì mà sinh xong, liệng con bỏ hè đường, khiến bao đứa trẻ chưa lớn đã mồ côi?

Một hôm đi làm về khuya, tôi đã bắt gặp một đứa bé như thế được bọc trong khăn lông tã lót rất đẹp, bị bỏ rơi dưới gốc me bên đường. Khi tôi mở ra xem, thấy một lá thư viết mấy dòng tha thiết ngậm ngùi: "*Tôi là một người mẹ tội lỗi. Xin hãy cứu lấy đứa bé. Nó phải được sống làm người. Nó không có tội*". Một Bác sĩ chưa lập gia đình như tôi, thấy đứa bé bị bỏ rơi thật quá đau lòng, đành ôm nó vào xe rồi

đưa về nhà. Suốt đêm tôi loay hoay cho nó uống sữa, thay tã lót, dỗ nó ngủ.

Sáng hôm sau vào Bệnh viện, tôi gặp các đồng sự trong khoa nói rõ sự việc.

Xơ Maxor Martin cũng có mặt ở đó, liền hỏi:

- Bác sĩ, đứa nhỏ là trai hay gái?

- Thưa xơ, là con trai và rất đẹp.

- Bác sỹ định để cho ai nuôi?

- Tôi đã đem bé vào phòng trực và cho uống sữa rồi, nhưng chưa biết làm sao thuê được vú em để nuôi nó?

Do biết tôi chưa lập gia đình, xơ Martin liền hỏi xin đứa bé ấy cho các xơ trong tu viện được nuôi làm phúc. Tôi cũng tự nhận ra cái khó của mình. Thôi cũng đành để cho các xơ nuôi đứa bé vậy.

Từ đó, sáng đi làm, trưa tôi ở lại tu viện ăn cơm cùng các nữ tu. Tôi ít khi về nhà, bởi nhà trống vắng, cô quạnh lắm, vì đã lâu rồi chẳng thấy bóng người. Tôi ao ước có được tình thương mái ấm gia đình...

Nụ cười trên môi tôi dường như tắt hẳn và rất ít nói. Tôi thường hay gắt gỏng và lao vào công việc hòng khỏa lấp nỗi cô đơn. Không khóc, tôi đã luyện cho mình thói quen tự kiềm chế tình cảm.

Nếu có thời gian rảnh rỗi tôi chỉ thích đọc sách nghiên cứu khoa học và sách truyền dạy lễ giáo của các bậc tiền bối. Tôi rất ghét tiểu thuyết lãng mạn văn vẻ "ba xu" và cũng rất ghét những mối tình trăng hoa, dễ đưa người ta đi đến hưởng thụ và truy lạc...

*

Tôi nhận được giấy triệu tập của Tòa án tỉnh Vĩnh Long, với tư cách là người bị kiện vì đã giết người. Mà người đó nguyên là Tỉnh trưởng Vĩnh Long.

Tôi báo cáo xin chỉ thị từ anh Hai Xô. Nghe xong, anh hỏi lại tôi:

- Vậy cô Út dự kiến nên đi hay ở, như thế nào?

Tôi nói rất thực lòng:

- Không đi thì không được. Mà đi thì rất nguy hiểm, vì em chưa thuê được luật sư. Mà có thuê được thì đàn em và đệ tử của Bảy Văn còn nhiều. Không dễ gì chúng để cho cho mình yên. Em lo lắm. Chuyến này có lẽ "lành ít, dữ nhiều" đó.

Anh Hai Xô cười và động viên tôi:

- Cô Út cứ yên tâm. Tòa án gọi thì cô nên về. Tổ chức đã tính toán kĩ và bố trí rồi, kể cả việc thuê "thày cãi" nữa. Cô cứ bình tĩnh giữ đúng lời khai trước sau như một. Mình bị kiện, nhưng cũng là người bị hại, vì bảo vệ danh dự, phòng vệ chính đáng mà vô tình giết người, lo gì chứ. Nhất định mình sẽ thắng kiện trong vụ này!

Được lời của anh Hai Xô, tôi cũng yên tâm hơn.

Đúng ngày giờ hẹn, tôi ăn mặc lịch sự, có mặt tại Tòa hình tỉnh Vĩnh Long. Tham dự xét xử và chứng kiến tại phiên tòa hôm ấy chỉ có khoảng vài chục người, nhưng đầy đủ các thành phần.

Hình như đã có sự can thiệp, bố trí của chính quyền, nên cảnh sát bảo vệ rất chặt, xét giấy từng người. Họ không cho kí giả đến quay phim chụp hình, dân thường không được vào, nên cũng hạn chế sự hiếu kì của dân chúng.

Chỉ có đại diện gia đình Bảy Văn là có mặt tham dự phiên tòa đông nhất.

Phiên tòa diễn ra khá trật tự. Tôi nhớ người ngồi ghế quan tòa xét xử vụ án người ta kiện tôi hôm đó là ông Cao Minh Hoàng, dáng vẻ oai vệ, nói năng khúc triết và đầy vẻ quyền uy.

Sau khi lần lượt làm tất cả các thủ tục theo đúng trình tự quy định, nghe hai bên luật sư trình bày, tranh tụng... Tòa nghị án rất nhanh, rồi quan tòa Cao Minh Hoàng dõng dạc tuyên án:

- Bản chức xét thấy bị cáo là một người con gái son trẻ, xinh đẹp, mà bị nhục mạ, phải bảo vệ thân thể, may là chưa mất cái tấm băng trinh. Nếu không, đó là nỗi sỉ nhục nhất đời người con gái; có thể sẽ dẫn đến hậu quả khôn lường, như nhảy xuống sông, hoặc lao đầu vào xe hơi, treo cổ tự tử... Gây dư luận xấu cho xã hội.

Xét thấy, bị cáo khi bị cưỡng bức đã phòng vệ chính đáng, vì bảo vệ thân thể mà hành động theo đúng pháp luật, được Tổng thống cho phép... Như vậy, hành động đó là vô tội. Bản chức truyền tha bổng!

Đối với nguyên cáo, vì không chứng kiến, đã cáo sai, vu khống, đổ tội cho người tốt, Tòa phạt phải bồi thường "Đồng bạc danh dự", phải chấp hành ngay và không được quyền kháng án!

Tôi thấy đại diện gia đình Bảy Văn kêu trời, vì họ đã thua kiện.

Ngày đó, mỗi khi kiện nhau ra tòa, người ta không sợ bị phạt tù bằng sợ bị phạt bồi thường "*Đồng bạc danh dự*". Có nhiều người bán hết gia sản đi cũng không đủ trả nợ vì bồi thường cho "*Đồng bạc danh dự*".

Riêng vụ án của tôi, không rõ người ta tính như thế nào về danh dự nhân phẩm của một nữ Bác sĩ, tài sản ruộng đất, nguồn gốc tôi xuất thân trong gia đình Hoàng phái; thậm chí, người ta còn tính cả danh dự gia đình ông cậu và ngoại của tôi nữa... cộng tất cả các khoản lại, sau mười ngày gia đình Bảy Văn phải bồi thường danh dự cho tôi một khoản là 367.000.000 đồng (*ba trăm sáu mươi bảy triệu đồng)* tiền cũ. Đó là một tài sản khổng lồ lúc bấy giờ. Tôi đã mang về nộp hết cho anh Hai Xô, để làm vốn kinh tài cho kháng chiến.

Sau này, tôi được biết trong vụ tiêu diệt tên ác ôn "yêu râu xanh" Bảy Văn, tôi đã được tổ chức và gia đình hỗ trợ rất nhiều, từ trước khi vụ án diễn ra, cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Thứ nhất, là "Ông Cò" đã lấy lời khai hôm tôi hành động là anh Nguyễn Thế Vĩnh, một người anh họ bên ngoại của tôi, đồng thời cũng là người của ta cài vào trong lực lượng cảnh sát của địch ở Vĩnh Long. (Năm 1960, anh Vĩnh tập kết ra Bắc, lấy vợ ở phường Cống Vị, Hà Nội, nay đã mất vì tuổi già. Anh Vĩnh là em ruột của ông Nguyễn Thế Truyền, người đã cùng ông Nguyễn Chánh Thi tổ chức vụ đảo chính Ngô Đình Diệm bất thành năm 1961).

Thứ hai là, trước khi phiên tòa diễn ra, ngoại tôi đã sai cậu Trương Gia Quế đến kêu với mẹ của Tổng thống Ngô

Đình Diệm. Bà cụ cho gọi ngay ông Diệm lại, nói rõ đây là dịp để trả ơn gia đình tôi, trước đây từng giúp đỡ ông Ngô Đình Thục, giờ lại thường xuyên chữa bệnh, chăm lo sức khoẻ cho gia đình bà cụ.

Ngô Đình Diệm là người bảo thủ, vốn chúa ghét chuyện trai gái, đã lập tức ra lệnh đình chỉ điều tra vụ án. Ông điện về Vĩnh Long yêu cầu phải xét xử kín và làm sao cho "êm chuyện", tránh để cho Cộng sản và các phe phái đối lập lợi dụng, làm ảnh hưởng đến uy tín của chính quyền và lợi ích quốc gia.

Như vậy là, trước khi phiên tòa diễn ra, đã có lệnh Tổng thống Ngô Đình Diệm "bật đèn xanh": Tòa án phải ủng hộ tôi!

Thứ ba là, sau này tìm hiểu tôi mới biết quan toà Cao Minh Hoàng lại là người cháu họ xa, kêu tôi bằng cô họ, nên ông đã ngầm bênh tôi.

Còn nếu không có những sự can thiệp kể trên, chắc chắn với tội danh ám sát một quan chức cao cấp của chế độ, tôi có thể bị tử hình, nhẹ cũng là chung thân lưu đày Côn Đảo.

Sau này, mỗi lần nghĩ lại tôi không khỏi mỉm cười một mình: Vậy là chính Tổng thống Ngô Đình Diệm đã cấp giấy phép cho tôi dùng súng bắn chết một quan chức trung thành của ông ta. Rồi chính ông Ngô Đình Diệm lại can thiệp để tòa án tha bổng cho tôi.

Tuy nhiên, vụ việc trên, không phải ai cũng hiểu sự thật và chuyện "hậu trường" của nó. Bởi báo chí Sài Gòn ngày đó đã đồng loạt đưa tin: *Ngài Bảy Văn đã bị Việt Cộng*

sát hại và hi sinh vì chánh nghĩa quốc gia, trên đường công cán(!).

Hồi đó, không chỉ ở Vĩnh Long, mà nhiều tỉnh thành miền Nam khác, cán bộ của ta được "cài cắm" vào các cơ quan, chính quyền của địch khá nhiều. Điển hình là việc tổ chức của ta đã "cài cắm" thành công Đại uý Tỉnh đoàn trưởng Tỉnh đoàn Bảo an Phạm Ngọc Thảo.[1]

---

[1] Phạm Ngọc Thảo (1922-1965): Gốc người Bến Tre, sinh tại Sài Gòn; Đại tá tình báo, liệt sĩ Anh hùng LLVTND; được đối phương mệnh danh là "Nhà đảo chính chuyên nghiệp"; được cho là mẫu đời thực của nhân vật chính Nguyễn Thành Luân trong tác phẩm điện ảnh nổi tiếng nhiều tập "Ván bài lật ngửa" của tác giả Nguyễn Trương Thiên Lý..

CHƯƠNG VI
LẤY CHỒNG VÀ KẾT HÔN THEO SỰ XẾP ĐẶT CỦA TỔ CHỨC

Một lần, anh Hai Xô cho gọi tôi đến và bảo:

- Tổ chức muốn giao cho đồng chí thực hiện một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Đồng chí nghĩ sao?

Tôi đáp mà không hề suy nghĩ:

- Là một Đảng viên, một Chiến sĩ Cách mạng, tôi xin nguyện làm tròn bất cứ nhiệm vụ gì mà tổ chức phân công, dù phải hi sinh tính mạng!

Anh Hai Xô cười:

- Nhiệm vụ này vô cùng quan trọng, nhưng chỉ cần quyết tâm là làm được, không cần phải hi sinh đâu!

Tôi sốt ruột bảo:

- Xin anh Hai cứ giao nhiệm vụ, em đã sẵn sàng vào trận rồi.

Tới lúc ấy, anh Hai Xô mới nói với tôi, giọng hết sức tình cảm:

- Út đã lớn và trưởng thành rồi, lại là một cô gái xinh đẹp. Cha mẹ đã không may qua đời. Em có coi anh như anh trai của mình không?

Tôi xúc động quá, nghẹn ngào muốn khóc:

- Em không còn ai là người thân thiết. Đã từ lâu, em coi anh là anh trai của em rồi.

- Vậy anh trai nói thì em gái có nghe lời không?

- Em xin nghe lời dạy bảo của anh mà.

- Thế thì tốt rồi. Hôm nay anh giao nhiệm vụ cho em, vừa là đại diện cho Tổ chức, vừa là tình cảm anh em. Chuyện là thế này... Tổ chức muốn em phải lấy chồng. Và kết hôn ngay trong tháng này.

Tôi tròn mắt, tưởng mình vừa nghe nhầm, lắp bắp hỏi lại:

- Em... em... phải lấy chồng hả? Nhưng mà... ai lấy? Và sẽ... lấy ai?

- Chú rể là Giáo sư, Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt. Anh ấy biết em từ lâu và cũng rất mến em.

Tôi ngồi lặng đi, chẳng biết nói gì nữa.

Thì ra đã có một sự sắp xếp của Trung ương Cục. Đồng chí Hai Xô đã được giao nhiệm vụ làm công tác tư tưởng để cho tôi phải hoàn toàn tự nguyện.

Tôi đề nghị được suy nghĩ, sau mười ngày sẽ trả lời nhưng anh Hai Xô gạt đi, nói thẳng:

- Đây là yêu cầu của Đảng, cũng là nhiệm vụ: Em phải kết hôn với nhà trí thức yêu nước Đào Tuấn Kiệt! Đó là người cùng nghề y, lại rất có uy tín. Chỉ làm như vậy, tổ

chức mới dễ bề nới rộng mạng lưới hoạt động chính trị, xã hội và kinh tài... Cách mạng đang rất cần tranh thủ những trí thức như Đào Tuấn Kiệt. Mà nhiệm vụ này chỉ có em mới có thể hoàn thành được.

Đêm ấy, tôi trở về nhà và đã suy nghĩ nhiều lắm. Suốt đêm không ngủ được.

Bấy giờ, Giáo sư Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt đã là một trí thức khá nổi tiếng ở Sài Gòn. Anh là tác giả của nhiều cuốn sách, trong đó có cuốn được nhiều người biết là "*Vì sao tôi ăn chay*" (sau này tái bản nhiều lần và đổi thành "*Ăn chay*"). Nhưng tôi cũng mới chỉ nghe danh, chứ chưa từng tiếp xúc với Giáo sư Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt bao giờ, nên càng không hề thân quen.

Qua anh Hai Xô, tôi được biết Giáo sư, Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt từng du học tại Pháp và là bạn đồng môn với các Giáo sư nổi tiếng như Hồ Đắc Di, Phạm Ngọc Thạch, Trần Văn Phấn... Đặc biệt, Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt chơi rất thân với anh Ba Nghĩa (tức Luật sư Nguyễn Hữu Thọ)[1] họ là bạn đồng niên, đồng tuế với nhau. Hai người cũng chơi rất thân với anh Hai Phạm Hùng. Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt từng là Giám đốc các Sở Y tế ở Gia Định, Thủ Đức, Trà Vinh, Long An, Vĩnh Long, Long Xuyên... (Sau này, ông còn là một nhà hoạt động từ thiện xã hội nổi tiếng Sài Gòn, với việc lập nhà tình thương nuôi hàng ngàn lượt trẻ em mồ côi, tật nguyền).

Tuy nhiên, Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt hơn tôi tới hai "giáp". Nghĩa là khác tôi cả một thế hệ! Tôi cố tưởng tượng, hình dung, gò ép, cố tìm mọi cách tự điều chỉnh bản thân, nhưng

---

[1] Luật sư Nguyễn Hữu Thọ (1910 - 1996): Chủ tịch đầu tiên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

vẫn không hề có được một chút tình cảm nào với người mà tổ chức yêu cầu tôi phải lấy làm chồng.

Tôi lo nghĩ nhiều quá tới độ ù cả tai, hoa cả mắt... Thậm chí uất ức quá, không biết làm thế nào, tôi đã cầm súng đặt vào mang tai, với ý định tự sát mà không thành. Tổ chức biết tư tưởng của tôi rất phân vân, nên lúc nào cũng cử người theo dõi sát, đề phòng tôi dại dột, thiệt thân.

Mấy đêm liền tôi mất ngủ. Tôi bỗng nghĩ đến anh Phước. Trời ơi, giá như ngày ấy tôi nhận lời cầu hôn của ảnh? Giá như về nước, tôi gặp được ảnh ngay? Thì giờ đây tôi không khó xử và đau khổ thế này. Phước ơi, anh đang ở đâu, sao không đến cứu em? Là phụ nữ, đâu phải tôi không khao khát được yêu thương, mong ước sau một ngày làm việc sẽ trở về mái ấm gia đình, được ngả vào vòng tay chở che vững chắc của người đàn ông mình thương yêu mà nũng nịu. Nhưng vì công việc, cả chuyên môn và của tổ chức giao phó, tôi chưa có thời gian để tìm lại người xưa để hồi đáp lời cầu hôn ấy. Phước ơi! Anh đang làm gì? Ở đâu? Anh có hiểu thấu nỗi lòng của em không?

Cấp trên vẫn tiếp tục gặp gỡ và làm công tác tư tưởng cho tôi nhiều lần... Hình như từng giờ, từng phút tôi chờ mong phép màu đưa Phước đến. Nhưng vô vọng,... Tôi không biết làm thế nào để tìm Phước...

Và cuối cùng, cái đám cưới tôi không hề mong đợi ấy vẫn đến với tôi vào ngày 29 tháng 8 năm 1959.

Đó là một đám cưới lớn, được tổ chức theo phong cách Tây phương. Hôn lễ diễn ra tại Nhà thờ Lớn Sài Gòn. "Họ nhà trai" quá đông, trong khi đại diện "Họ nhà gái" chỉ có ba anh Rotter Lộc, anh Thế Lưu và Luật sư Nguyễn Hữu

Thọ. Cảnh tượng ấy lại càng làm tôi bỡ ngỡ trước đám cưới tân thời này.

*

Tôi kết hôn với Giáo sư Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt mà không có tình yêu. Trong thiệp mời, gia đình bên anh còn tự thêm tên chữ Trọng Ngạn của họ nhà chồng vào tên một đứa trẻ mồ côi là tôi.

Vì cực cho thân phận của mình, nên ngay sau đám cưới, tôi tự ý bỏ về căn nhà riêng ở 34 Trần Cao Vân.

Lễ cưới đã tổ chức được một tuần, nghĩa là đã bảy đêm trôi qua nhưng chú rể Đào Tuấn Kiệt vẫn không được "động phòng", không có đêm tân hôn. Và trong suốt tuần lễ đó, anh thường đến nhà tôi ngồi ở cửa, chờ hàng tiếng đồng hồ.

Mỗi lần đi làm về vẫn thấy anh đi đi lại lại trước nhà. Mệt mỏi và ức chế hết chịu nổi, tôi bực tức hỏi:

- Anh nghĩ sao về cuộc hôn nhân này?

Anh Kiệt lớn tuổi hơn tôi nên ứng xử bình tĩnh. Tôi không ngờ anh chậm rãi hỏi lại:

- Còn em nghĩ thế nào, hả Út?

Tôi nói như quát:

- Thì ít nhất cũng phải có thời gian làm quen tìm hiểu lẫn nhau chứ. Chí ít thì anh phải để cho khái niệm về tư tưởng, hôn nhân và hạnh phúc gia đình cũng tương đối đồng thuận với nhau. Tình yêu đâu phải là thứ để mua bán và áp đặt được?

Anh bình tĩnh đáp:

- Nhưng anh đâu có áp đặt Út hồi nào? Đón dâu về nhà, quan khách vừa ra về là em tự ý lái xe về nhà ngay. Anh đến đây để giải trần sự hiểu lầm mà em không tiếp. Anh thiết nghĩ em là người có học và hiểu biết Tây phương. Vậy thì em phải tỏ ra lịch sự, dù là tối thiểu đối với anh chứ. Em nên nói thật cho anh biết, có người đàn ông nào đã được em hứa hôn chưa? Nếu em có rồi, anh sẵn sàng vui vẻ làm người không quen biết, để em được hạnh phúc. Còn như em chưa có ý trung nhân, hãy cho anh cơ hội được thể hiện tình yêu chân chính và cao thượng với em. Dù sao, hôn lễ của chúng ta cũng đã được cử hành rồi. Nhưng anh vẫn tiếp tục xin em một cơ hội?

Tôi thấy mình thật quá đáng và vô cớ, liền dịu giọng:

- Em chưa hứa hẹn với ai hết. Chỉ năm mười tám tuổi về quê ngoại, có cậu của em là Bác sĩ Quế giới thiệu cho em gặp Tỉnh trưởng Trần Văn Phước và anh ấy có cầm tay em. Anh Phước đã cầu hôn, nhưng em chưa đáp lời, thì thi đậu rồi đi du học, thế thôi.

Anh Kiệt mừng ra mặt, hỏi:

- Chỉ có vậy, sao bây giờ em không đáp lại tình cảm của anh?

- Em... xin lỗi, em chưa hề chuẩn bị làm vợ anh và cũng chưa hề chuẩn bị cho mình chút gì trong việc sẽ về làm dâu gia đình anh... Thành thử em không chỉ bỡ ngỡ và lúng túng mà còn sợ hãi khi bước chân vào nhà anh. Em là cô bé mồ côi, sống cực, sống khổ quen rồi. Nay bước vô nhà anh, không chỉ nhà cửa, cảnh trí mà cả những con người trong gia đình cũng đều... quá xa lạ với em. Nên em đã lúng túng lại càng lúng túng hơn, không biết ứng xử thế nào cho phải

phép. Ánh mắt, lời nói của chị dâu, của bà Hội đồng Nhuận,... tất cả đều làm em sợ...

Anh Kiệt cười hiền lành:

- Em không thích ở chung thì anh mua nhà riêng cho em. Anh cũng mồ côi từ lúc tám tuổi. Mẹ anh mất sớm, để lại ba anh em tụi anh. Bà Hội đồng chỉ là chị dâu trong họ. Anh chị Hội đồng đều khen em có nét dịu hiền, đảm đang và còn nói là sẽ yêu thương em nhiều hơn anh. Vậy là hai chúng mình đều cảnh ngộ mồ côi như nhau. Còn tình yêu của em, anh không ép. Nếu thấy anh có điểm nào để cho em chấp nhận được thì trả lời cho anh biết. Còn điểm nào chưa được thì bảo để anh sửa? Chuyện vợ chồng là chuyện trăm năm. Buổi đầu chưa ai hiểu ai, nhưng anh tin thời gian sẽ giúp chúng ta hiểu nhau và tình yêu sẽ đến.

Thấy tôi làm thinh, coi bộ đồng ý, anh Kiệt tiếp:

- Anh đã xin phép cơ quan và đăng ký vé để chúng mình cùng đi Nhật Bản nghỉ ngơi ít ngày. Đồ cho em thay, anh đã cho người chuẩn bị sẵn hết rồi. Mai anh đến đón em, chúng mình cùng ra phi trường nhé.

Tôi ngạc nhiên:

- Tại sao đi Nhật Bản mà anh không hỏi xem em có đồng ý hay không? Em còn rất nhiều công việc ở Bệnh viện. Bây giờ đi thì biết giao lại cho ai?

- Mấy ngày nay anh đều đến nhà chờ để được gặp em nhưng em cứ tránh mặt anh, đến bệnh viện em cũng không tiếp. Dù sao vé máy bay anh đã mua và anh cũng đặt khách sạn rồi. Biết đâu chuyến đi này sẽ giúp chúng ta hiểu nhau hơn?

- Nhưng...

Như hiểu được sự lo lắng của tôi, anh Kiệt nói:

- Công việc của em trong thời gian đi vắng anh đã lo xong rồi. Anh đã xin Bộ trưởng và ông ấy đã đồng ý sắp xếp người thay vị trí của em trong thời gian em không ở Bệnh viện. Xin em đừng phụ lòng tốt của mọi người nữa.

Thấy tôi vẫn làm thinh, anh Kiệt lẳng lặng ra về.

Sáng hôm sau, xe đến rất sớm để đón tôi ra phi trường. Tôi đã lên máy bay cùng anh Kiệt, ngồi cạnh người chồng mới cưới mà cảm giác vẫn cứ như là với người xa lạ, không hề quen biết, không một chút xao xuyến,...

Tôi hiểu rằng chúng tôi đi xa là để tránh tiếng cho gia đình nhà chồng: cô dâu mới cưới mà bỏ đi. Không phải ai cũng biết rằng tôi bị ép buộc. Cũng không phải ai cũng biết là chúng tôi chưa "động phòng". Tất cả đều chúc cho "tuần trăng mật" của chúng tôi thật ngọt ngào nơi "Đất nước Mặt trời mọc".

Cho đến giờ, tôi vẫn không quên được "lần đầu tiên" với anh. Là chồng của tôi, lẽ ra anh có quyền buộc tôi phải chấp nhận. Nhưng không, sau khi đã hết cách thuyết phục mà tôi không thuận, anh Kiệt đã mở cửa ra đứng ở ban công nhà cao tầng và... rút súng ngắn ra rồi tuyên bố:

- Anh yêu em là thật lòng, nhưng không bao giờ muốn cưỡng ép em làm chuyện ấy. Anh sẽ nhảy xuống đất, hoặc tự bắn một viên đạn vào đầu. Anh sẽ chết trước mặt em để em thấy tấm lòng của anh đối với em như thế nào.

Nói rồi anh ứa nước mắt, lên đạn và chĩa súng vào đầu.

Tôi hiểu là một trí thức Tây học, trọng danh dự và lịch lãm như Đào Tuấn Kiệt, anh không thể nói đùa.

Tôi vội hét lên:

- Không! Anh đừng thế. Dù không yêu anh, nhưng em cũng là vợ anh rồi. Em bây giờ là của anh.

Chúng tôi chính thức làm vợ chồng với nhau từ ngày đó. Nằm bên anh trong một căn phòng sang trọng của khách sạn hạng nhất, mà tôi vẫn tưởng mình đang mơ.

Mười lăm ngày sau, chúng tôi trở về Việt Nam.

Cũng trong chuyến đi này, tôi đã có thai.

Không biết là nên vui hay nên buồn nữa?

Sau này tôi mới biết, không phải riêng tôi, mà một số đồng chí khác, theo yêu cầu của tổ chức, cũng phải "yêu" và cưới theo kiểu xếp đặt, vận động và thuyết phục như trên.

Và hầu hết hạnh phúc của những đôi lứa như trên đều "dở khóc dở cười".

CHƯƠNG VII

HẠNH PHÚC TRONG NƯỚC MẮT

Ngày 16 tháng 10 năm 1959, Ngô Đình Diệm phát động chiến dịch thi hành Luật 10-59. Chính quyền của ông ta ráo riết thực thi chiến dịch xây đồn, lập ấp chiến lược, bắt lính, chém giết những người kháng chiến và lùa dân vào ấp chiến lược.

Theo lệnh Ngô Đình Diệm, trong những tháng ngày đen tối đó, những chiếc máy chém đã được kéo lê đi khắp miền Nam, rất nhiều chiến sĩ Cách mạng trung kiên đã bị bắt và chém đầu.

Máu của những người yêu nước đã đổ ở khắp nơi. Phong trào Cách mạng trở nên khó khăn và đời sống người dân cũng vô cùng khốn khổ.

Tổ chức của ta ra sức phát động quần chúng chống bắt lính, phá ấp chiến lược và rải truyền đơn chống Diệm.

Ngày 29 tháng 12 năm 1959, cấp trên cử tôi và đồng chí Lê Thanh Liêm về Đồng Nai Thượng để gây dựng phong trào, thành lập Khu 6 gồm các tỉnh Tuyên Đức, Bình Thuận, Buôn Mê Thuột, Plâyku...

Tôi được tin thì vội vã lên đường về Đà Lạt. Lúc đó chồng tôi đang làm tại Bệnh viện Gia Định. Tôi ghi vội mấy dòng để lại cho anh:

"Anh Kiệt!

Út đi công tác xa và báo cho anh biết một tin quan trọng là chắc chắn em đã có thai! Khi ổn sẽ thư sau.

Em Út".

Để hợp thức hóa nhiệm vụ Cách mạng giao cho ở nơi mới, trước khi về Khu 6, tôi xin Bộ Y tế (Chính quyền Sài Gòn) cho tôi được làm việc tại Bệnh viện Đà Lạt. Bộ trưởng Trần Đình Đệ đồng ý ngay. Ông còn hoan nghênh, vì đó là "Xứ Thượng", vùng Cao Nguyên, là nơi "chó ăn đá, gà ăn sỏi", là vùng rất khó khăn. Ông hứa sẽ trả lương cao cho tôi.

Hồi đó, vùng Đà Lạt còn rất hoang vu. Ban ngày, rất nhiều thú rừng hoang dã như hươu, nai... về tận Biệt điện 3 (dinh 3 của cựu hoàng Bảo Đại). Ban đêm, nhiều khi hổ báo còn vào tận nhà dân để bắt lợn và bò của đồng bào.

Đặc biệt, khí hậu Đà Lạt hồi đó lạnh hơn bây giờ. Nhiều buổi sáng, hồ Xuân Hương đóng váng nước như có băng. Các cửa kính mỗi buổi sáng trời lạnh còn có "hoa tuyết". Có nhiều trận mưa kéo dài cả tháng liền. Nhà nào cũng phải có lò sưởi. Đêm phải đốt lò cho đủ ấm mới ngủ được.

Tôi lên Đà Lạt đúng thời gian Bệnh viện Đà Lạt đang thiếu nữ Bác sĩ. Sau khi trình Bác sĩ Trưởng ty Y tế tỉnh Tuyên Đức là Nguyễn Hữu Lương, ông ta phân công ngay cho tôi làm Giám đốc Bệnh viện Phương Lan.

Tôi sang Tòa Hành chánh tỉnh để trình diện Tỉnh trưởng, thì chỉ gặp ông Phó Tỉnh trưởng Cao Minh Hiệu và

Phó Tỉnh trưởng Lê Văn Phú. Ông Phú phụ trách Nội an, nổi tiếng là kẻ chống Cộng ác liệt, trước kia ông ta là mật vụ của Ngô Đình Cẩn ở Quảng Nam, được đưa vào Đà Lạt để bắt dân theo đạo Thiên Chúa.

Tôi là một nữ Bác sĩ làm việc hai mặt, ngày là công chức của Nhà nước Chính quyền Diệm, còn đêm lại là cán bộ điệp báo của Cộng sản.

Tôi hoạt động phong trào bằng việc khám bệnh giúp dân nghèo và cho thuốc miễn phí. Tôi tuyên truyền bằng hành động giúp dân và nói thầm cho dân nghe: Thuốc này là của miền Bắc, do cụ Hồ Chí Minh gửi vào giúp nhân dân miền Nam.

Người của chính quyền Ngô Đình Diệm lúc này được lệnh bắt bớ đủ kiểu. Người dân đi chùa cũng bị bắt. Ngoài làm Giám đốc Bệnh viện Phương Lan, tôi còn có phòng mạch khám tư tại số 101 đường Hàm Nghi, cách chùa Linh Sơn khoảng 150 mét. Đây cũng là nơi có phong trào quần chúng ủng hộ Cộng sản khá mạnh.

Ngày 28 tháng 6 năm 1960, tôi chuyển dạ, sinh được một bé gái nặng gần ba kí lô, kháu khỉnh, dễ thương, đặt tên là Đào Kim Chi.

Cuộc đời cháu Kim Chi không mấy ngày được hạnh phúc bên mẹ. Vì yêu cầu nhiệm vụ hoạt động và hoàn cảnh chiến tranh, tôi đã phải gửi cháu vào trường tư thục của nữ tu viện dòng Thánh Phaolo nuôi giúp. Tôi thật sự ân hận vì đã sinh ra cháu và làm khổ con mình cho tới ngày cháu bị tai nạn, đột ngột qua đời năm 1985...



Qua năm 1961, chúng tôi thành lập xong Khu 6. Sau khi bàn giao cho các đồng chí Hai Lê (tức Trần Lê), Bí thư Khu ủy Khu 6; Ba Lớn (tức Vũ Anh Ba), Phó Bí thư phụ trách Kinh tài - Hậu cần và đồng chí Năm Ngà (sau này là Thượng tướng Nguyễn Minh Châu), tâm trí tôi khá thảnh thơi sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ.

Tôi đăng ký làm thêm và khám bệnh cho nhân viên Viện Pasteus Đà Lạt. Lúc ngoài giờ, tôi thường xuống Tùng Nghĩa gặp đồng chí Ba Lớn, hoặc về nông trại Thanh Thanh trồng cà phê cạnh phi trường Liên Khàng (nay là sân bay Liên Khương).

Hồi bấy giờ, mạng lưới viễn thông của tỉnh Tuyên Đức tại thị xã Đà Lạt còn kém, nông trại Thanh Thanh lại có máy truyền tin trong hầm bí mật, nên tôi thường sử dụng chiếc máy này để liên lạc với các đồng chí trong tổ chức. Thỉnh thoảng tại căn hầm bí mật của trại Thanh Thanh diễn ra những cuộc họp quan trọng để những người như tôi nhận chỉ thị triển khai phong trào quần chúng.

Ngày 30 tháng 8 năm 1961, tôi đến Bệnh viện và cấp cứu kịp thời hai nạn nhân khá đặc biệt là ông bà Trần Trung Dung, Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục, cháu của Tổng thống Ngô Đình Diệm, bị lật xe ở dưới đèo Sông Pha Drăn.

Ông Trần Trung Dung bị dập gan, đứt ruột, bể bao tử và gãy hai chân; bà vợ ông đang có thai, nhưng đã bị bể tử cung và gãy chân. Điều đáng lo ngại là Bệnh viện chúng tôi rất thiếu phương tiện kỹ thuật. Cũng không còn thời gian để đưa nạn nhân về Sài Gòn, vì chắc chắn họ sẽ chết trên đường. Chúng tôi đã hội ý nhanh, rồi quyết định phải tổ

chức cùng lúc hai bàn mổ. Ca phẫu thuật kéo dài tám tiếng liên tục và đã thành công tốt đẹp.

Tiếng tăm của tôi càng lan rộng trong giới Bác sĩ không chỉ ở Đà Lạt. Điều này tạo điều kiện để tôi có thể hoạt động Cách mạng tương đối thuận lợi mà không gặp sự theo dõi, nghi ngờ nào.

Hồi này, bé Kim Chi của tôi ngoan lắm, không quấy. Tôi chỉ cho bé bú sữa mẹ no là bé ngủ. Tôi không cho anh Kiệt hay tin khi mình sinh con. Sau giờ làm ở Bệnh viện, tôi về nhà và chơi đùa với con cho quên đi ngày tháng.

Có lúc tôi tự trách sao không nghe lời bạn bè ở lại Paris - Thủ đô của nước Pháp để sống và làm việc có hơn không? Về Việt Nam, cô đơn vô cùng.

Tuy tôi đã lấy chồng, sinh con nhưng từ ngày về Đà Lạt đã hơn một năm, chồng tôi - anh Kiệt - vẫn không đến tìm mẹ con tôi. Dù cố quên đi mọi chuyện cho yên ổn để nuôi bé Kim Chi khôn lớn, để sống và làm việc nhưng tôi vẫn không thể nào vơi, không thể nào nguôi nỗi buồn khôn tả vì những nhớ thương ngậm ngùi đau xót khi nghĩ về những người ruột thịt thân yêu của tôi đã vĩnh viễn ra đi và về tình cảnh chồng con của mình.

Nhiều đêm tôi âm thầm lặng lẽ khóc một mình, xót xa thương cho số phận hẩm hiu và cuộc hôn nhân bắt buộc vì nghĩa vụ Tổ chức giao cho của mình.

Tôi bỗng cảm thấy vô cùng thèm khát, ao ước có một vòng tay yêu thương quàng chặt bờ vai mình để xua tan nỗi trống trải, bơ vơ trong tâm hồn một người đàn bà tưởng chừng như rất mạnh mẽ...

Là Bác sĩ Giám đốc Bệnh viện, lại có phòng mạch tư, tôi kiếm được rất nhiều tiền. Nhưng như người ta nói: Có tiền có thể mua được ngôi nhà đẹp, nhưng không thể mua được tổ ấm; có thể mua được thể xác, nhưng không thể mua được tình yêu... Tôi luôn cảm thấy thiếu một cái gì đó. Một tình yêu mà suốt đời ai cũng mong muốn, một mái ấm gia đình trọn vẹn theo đúng nghĩa của nó?

Tôi cô đơn quá! Tại sao cô đơn cứ đeo đẳng bám riết tôi như vậy?

Đà Lạt về đêm thường mưa và rét vô cùng. Tiếng thông reo vi vu trong đêm nghe càng thêm não lòng. Tôi không ngủ được, nằm trằn trọc, trăn trở, thở dài ôm chặt đứa con gái vào lòng, nhìn con thiếu tình cha, nghĩ vợ thiếu tình chồng mà lòng quặn đau.

Tôi cố xóa hình bóng anh nhưng cứ nhìn thấy con là lại rất nhớ anh. Cảm giác cô đơn lại ập tới...

Những phút giây, những tháng ngày chờ đợi hồi hộp, căng thẳng, lo lắng và cả những suy nghĩ viển vông. Trong cái thế giới bao la rộng lớn này, có thể anh đã đắm chìm ở một nơi xa lạ nào đó? Anh sẽ không bao giờ trở về nữa thì sao?

Chúng tôi đã lấy nhau, cưới xin lễ nghi đàng hoàng tử tế. Anh Kiệt đã làm tròn trách nhiệm, bổn phận đối với tôi. Anh trân trọng yêu quý tôi. Chỉ có điều là anh lớn hơn tôi tới hơn hai mươi tuổi, chênh lệch quá nên khó hòa hợp.

Tôi đã ra đi mà không chào anh lấy một câu. Chỉ vẻn vẹn mấy dòng thư báo tin chắc chắn mình đã có thai để lại.

Như vậy anh Kiệt có trách tôi không? Anh có lo lắng cho mẹ con tôi không? Những lúc như thế này đây, sao tôi thấy số phận mình cay đắng nghiệt ngã quá vậy.

Những đêm dài không ngủ, những câu hỏi lại hiện lên trong óc... Tôi tự hỏi: Tại sao anh Kiệt không tìm kiếm vợ con?

Nhớ lúc cùng nằm chung chăn gối, anh Kiệt thường nói: Con người sống trên đời này, nam giới lấy đạo đức nhân trí dũng làm đầu, nữ phải trung trinh đức hạnh, dù hoàn cảnh nào cũng đừng để đời sau chê cười...

Tôi tự xét mình không có lỗi với anh. Tất cả đều do sự xếp đặt của tổ chức cấp trên. Công bằng mà nói, Đào Tuấn Kiệt còn là một Giáo sư có tài và rất nổi tiếng ở Sài Gòn thời đó. Vậy tại sao chúng tôi sống không hạnh phúc?

Giữa tôi và anh Kiệt dù không có tình yêu, nhưng hai người đều luôn tôn trọng việc làm lẫn phẩm chất của nhau cơ mà? Trước khi lấy nhau, anh là người đàn ông có tài, có địa vị và lại rất nổi tiếng trong xã hội nữa. Còn tôi cũng là một cô gái nhan sắc, có trình độ. Đám cưới của chúng tôi cả Sài Gòn đều biết. Chúng tôi còn được sang Nhật để hưởng tuần trăng mật. Điều ấy, không phải người nào cũng có được. Vậy sao tôi vẫn cảm thấy không hạnh phúc?

Có nhiều lúc tôi muốn hét thật to: Tại sao tạo hóa lại bất công với tôi như vậy? Tại sao một nữ Bác sĩ đa khoa còn trẻ, mà suốt ngày không có một tiếng cười dù là tiếng cười trong đau đớn tuyệt vọng, trong đắng cay tủi phận?!

Nhìn bé Kim Chi đang say sưa trong giấc ngủ mà nước mắt tôi không kìm lại được. Tội nghiệp con tôi, sinh ra mà chưa một lần được nhìn thấy bố.

CHƯƠNG VIII

NHỮNG NGƯỜI YÊU MẾN Ở ĐÀ LẠT

Đà Lạt trời mát lạnh quanh năm, nên rất dễ chịu, còn mùa mưa thì kéo dài tới sáu tháng.

Tôi là một nữ Bác sĩ còn trẻ, có nhan sắc, đương nhiên có nhiều người đàn ông theo đuổi. Ở Bệnh viện, tôi chỉ biết im lặng khám chữa cho bệnh nhân. Nhưng khi trở về với căn nhà của mình, tôi vẫn không tránh khỏi cảm giác cô đơn khủng khiếp và nhiều lúc tôi chỉ muốn đổ quỵ.

May là còn có bé Kim Chi là nguồn an ủi, chứ nếu không thì không biết tôi sẽ sống thế nào ở đất Đà Lạt này. Mỗi khi nhìn ánh mắt và nụ cười của con bé, tôi lại thấy mình có thêm nghị lực để sống.

Vào một buổi sáng đầu mùa đông, tôi vẫn đang khám bệnh như mọi ngày thì có một bệnh nhân nam, họ tên trên bệnh án là Vương Toản, bốn mươi tư tuổi, nhà ở 21 đường Yaguot Đà Lạt tìm đến phòng mạch của tôi. Khi đến lượt ngồi vào bàn khám bệnh, ông Toản không trả lời những câu hỏi của Bác sĩ nêu ra, mà ấp úng thổ lộ:

- Tôi yêu quý bác sĩ nên đến đây, chứ không có bệnh tật gì cả.

Tôi lạnh lùng trừng mắt qua đôi kính cận, nhìn Vương Toản:

- Ông đã biết tôi có chồng con, đâu phải độc thân, sao còn làm vậy?

Vương Toản nhìn lại tôi, nói rất tự tin:

- Tôi đã âm thầm điều tra từ lâu rồi, từ lúc Bác sĩ mới về làm việc tại Bệnh viện Phương Lan và sinh cháu bé. Lý lịch của Bác sĩ, tôi nắm khá rõ. Tôi biết Bác sĩ đang cô đơn... Tôi đã nhiều lần tìm cách đến gặp, nhưng Bác sĩ lúc nào cũng bận rộn. Hôm nay chỉ mong Bác sĩ vui lòng tiếp tôi trong ba phút.

Không chờ tôi đồng ý, Vương Toản liền nói tiếp:

- Xin tự giới thiệu: Tôi là Vương Toản, vợ mất năm ba sáu tuổi, cha mẹ hiện ở miền Nam nước Pháp, có hai con do ông bà nội nuôi tại Tulu. Các cháu đều đã lớn, đang học lấy bằng cử nhân. Hiện tôi là Chánh án Tòa hình Đà Lạt. Tôi xin được cầu hôn Bác sĩ Ngọc Anh.

Tôi hoàn toàn bất ngờ trước lời cầu hôn của người đàn ông đối diện, nhưng tôi vẫn bình tĩnh trả lời:

- Có lẽ ông chưa hiểu hết về gia đình tôi. Vợ chồng tôi hiện cùng nghề y. Chồng tôi – Giáo sư - Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt - hiện đang làm Giám đốc Bệnh viện Nguyễn Văn Học tỉnh Gia Định. Ông cứ điện hỏi Docteur Medécin Kiệt xem chúng tôi sống thế nào thì rõ. Vậy nhé. Xin lỗi ông. Tôi cần làm việc tiếp bởi bệnh nhân đang chờ.

Nói xong tôi lịch sự chào ông ta và đứng lên ra ngoài bảo người phụ tá gọi bệnh nhân tiếp theo. Luật sư Vương Toản tiu nghỉu ra về.

Thế nhưng ngay đầu giờ chiều, Vương Toản lại đến và tặng tôi một bộ sách y khoa *Anatomy cơ thể học*. Ông ta nói như nài nỉ:

- Vậy cho phép tôi mỗi tuần gặp Bác sĩ một lần và xin được kết bạn những lúc buồn vui?

- Nếu cần gặp, ông cứ đến Bệnh viện, ngồi đợi ở phòng khách, khi nào rảnh rỗi tôi sẽ tiếp ông. Còn đến nhà, thì xin lỗi ông, tôi không có thời gian rảnh,.

Vương Toản cười buồn và chào tôi ra về. Luật sư Toản còn có rất nhiều lần nữa mời tôi đi *picnic*, nhưng tôi đều từ chối thẳng thừng đến phũ phàng, vì tôi sợ ông ta ngộ nhận.



Sáng ấy vừa đến Bệnh viện làm việc, thì chúng tôi nhận được lệnh từ Sở Y tế tỉnh đưa xuống: Tất cả ê kíp Bác sĩ giải phẫu và y tá phục vụ trong ca cấp cứu vợ chồng ông bà Trần Trung Dung ngày 30 tháng 8 năm 1961 không ai được vắng mặt, phải dự hội nghị tại Dinh Tỉnh trưởng, sau đó dự tiệc chiêu đãi.

Tôi lo làm xong việc ở Bệnh viện, rồi tất tả về làm ở phòng khám tư để chiều nghỉ sớm lo cho bé Kim Chi.

Đến tối, tôi trang điểm nhẹ nhàng, rồi một mình tự lái xe đến Dinh Tỉnh trưởng. Từ ngày về Đà Lạt đến nay, đây là lần đầu tiên tôi mặc lễ phục áo dài.

Đoàn Bác sĩ của Bệnh viện đi trước. Chỉ có mình tôi đi sau cùng.

Khi tôi vào bàn và đang tìm chỗ ngồi thì Docteur Nguyễn Sĩ Dinh đã tận tình chỉ chỗ cho tôi. Trong phòng đã có khoảng hai mươi quan chức, gồm đại biểu Cao nguyên Trung phần, Tòa Hành chánh tỉnh, Sở Y tế và Công an mật vụ...

Hội nghị kết thúc. Khi sang phòng khách dự tiệc, tôi giật mình và lặng người đi khi bất ngờ nhìn thấy một gương mặt vô cùng thân thuộc... Trời ơi, anh Phước! Lòng tôi thầm kêu lên và như không tin vào mắt mình. Tôi đưa tay dụi mắt một cách vô thức... Anh là Luật sư Trần Văn Phước bằng xương bằng thịt đây rồi! Tim tôi bỗng đập thình thình. Tôi uống vội ngụm nước để lấy bình tĩnh và tự trấn an mình...

Với trọng trách là Tỉnh trưởng tỉnh Tuyên Đức, Trung tá Trần Văn Phước thong thả đi từng bàn mời rượu. Chỉ mới mấy năm xa cách, nhưng dáng vẻ của anh đã đầy phong trần. Trông anh có vẻ trầm tư, không còn tươi trẻ và thư sinh như hồi tôi gặp ở Vĩnh Long trước khi đi du học... Nhưng sao anh đi một mình? "Tỉnh trưởng phu nhân" đâu? Những buổi tiếp tân quan trọng thế này, thường không thể thiếu Phu nhân của Tỉnh trưởng! Hay là anh Phước vẫn chưa cùng ai? Tôi đang miên man suy nghĩ thì Phước đã tiến đến bàn tôi ngồi. Dường như anh thoáng sững người, rồi nhanh chóng lấy lại phong thái đĩnh đạc. Nhưng mắt anh, gương mặt anh thì không giấu nổi nỗi ngạc nhiên, vui mừng...

Sau giây phút bất ngờ, anh bước nhanh đến cạnh tôi, tươi cười đưa li rượu sóng sánh cho tôi và thốt lên:

- Trời ơi, Ngọc Anh! Bao năm qua anh vẫn mong tin èm từng ngày. Em trốn đi đâu mà biệt tích vậy? Anh đi tìm em ở khắp nơi, từ Bến Hải đến tận Cà Mau. Nay không tìm mà vô tình gặp. Thiệt là quả đất tròn!

Tôi cũng mừng vui đáp:

- Dạ! Em đi du học ở Pháp, rồi về đây làm việc được gần hai năm rồi.

- Trời đất! Em đi du học thiệt hả? Vậy mà sao không nói với anh một lời? Tới đây hai năm rồi, mà sao anh không hề biết ?

Lúc ấy, bác sĩ Nguyễn Sĩ Dinh cũng vừa bước tới, ông thay lời tôi:

- Thưa Tỉnh trưởng! Docteur Phạm Trương Ngọc Anh về làm việc tại Bệnh viện Phương Lan đã gần hai năm rồi. Có lẽ Tỉnh trưởng không biết, nếu không có sự thông minh của docteur Ngọc Anh đã tận dụng thiết bị hiện có, tạo lập hai bàn phẫu thuật nhỏ rồi nhanh chóng giải phẫu cùng lúc thì làm sao có thể kịp thời cấp cứu vợ chồng ông Bộ trưởng Trần Trung Dung và các nạn nhân khác? Đây là một docteur giải phẫu tài giỏi nhất Đà Lạt đó!

Bác sĩ Nguyễn Sĩ Dinh từng là Giám đốc Bệnh viện Phương Lan. Một người có chuyên môn rất giỏi, dù đã thôi làm quản lý, nhưng được các đồng nghiệp luôn nể trọng. Ông không chỉ coi tôi như một đồng nghiệp trẻ, mà còn như con gái mình, luôn tạo mọi điều kiện ủng hộ và động viên tôi làm việc. Những lời khen ngợi của ông dành cho tôi, khiến tất cả mọi người cùng vỗ tay ran lên. Tôi đỏ mặt e thẹn và xen lẫn tự hào.

Anh Phước nhìn tôi tươi cười và tiếp tục vui với những bàn khác.

Sau đó, đến phần khiêu vũ, tôi có nhảy cùng Phước khoảng mười lăm phút. Tôi thoáng nghĩ: Trời ơi giá như đây là của cái ngày tôi chưa đi du học. Tại sao chúng tôi

không gặp lại sớm hơn hôm nay hai năm, chỉ hai năm thôi, khi cuộc hôn nhân theo sắp xếp của Tổ chức chưa xảy ra? Nhưng rồi tình cảnh hiện tại giúp tôi lạnh lùng nhắc nhở trái tim đang thổn thức của tôi: "Mình là gái có chồng!"...

Chúng tôi cùng im lặng. Phước nhìn tôi đắm đuối, khiến tôi mắc cỡ, không dám nhìn thẳng vào mắt anh.

Lý trí lạnh lùng đã giúp tôi lấy lý do mệt, xin được về sớm, trong lúc các bạn còn đang vui chơi. Phước tiễn tôi ra xe. Anh mở cửa cho tôi lên xe, rồi nói nhỏ:

- Trưa mai anh tới Bệnh viện thăm em nhé?

Tôi đáp:

- Trưa mai em làm bên Viện Pasteur.

- Anh sẽ đến đón em.

- Em có xe.

- Hai xe đi cùng cũng vui mà.

Tôi cười và gật đầu chào.

Anh Phước vẫy tay và đứng nhìn theo mãi.



Trên đường về tôi cứ suy nghĩ miên man. Tôi gặp Phước quá bất ngờ. Nhưng bây giờ tôi đã có chồng và có con. Số phận thật là cay nghiệt quá! Phải chi hai năm trước tôi gặp anh thì đâu có ngang trái thế này!...

Tại sao số phận lại đặt tôi vào hoàn cảnh trớ trêu như vậy? Tôi đã làm gì sai ư?

Tôi cố nghĩ xem ngày mai phải làm sao, trả lời thế nào để cho anh Phước hiểu đây? Lòng tự hỏi lòng, trời sinh ra tôi không để một khắc sống yên, luôn bị sóng gió dập vùi. Những bạn bè đồng trang lứa với tôi, nhiều người còn thua kém nhiều thứ, nhưng sao họ vẫn hạnh phúc hơn tôi nhiều?

Đã có những lúc bế tắc, quẫn trí, tôi muốn chết đi cho yên thân. Nhưng rồi lại nghĩ: chết là hèn! Nên đành tự an ủi mình: ít nhất mình vẫn còn may mắn hơn nhiều người. Nên tôi phải sống.

Tôi cố tự ru mình trong giấc ngủ mệt mỏi, khi biết mình cần phải sống. Nhất là bây giờ, tôi đã tạo ra một sinh linh bé nhỏ - bé Đào Kim Chi, đứa con gái ngây thơ, non nớt, bé bỏng và đáng yêu của tôi.



Đà Lạt, ngày 5 tháng 9 năm 1961.

Tôi làm xong việc tại Bệnh viện Phương Lan, lại sang khám bệnh cho bệnh nhân ở Viện Pasteur. Khi kết thúc công việc, nhìn lên thì kim đồng hồ đã chỉ mười một giờ.

Tôi ra xe, đã thấy xe của anh Phước đứng đợi ngoài cổng. Xe Phước đi trước, xe tôi đi theo sau thẳng đến nhà hàng Sansuchi.

Phước vừa mời cơm trưa, vừa nhắc lại việc cầu hôn với tôi. Tôi thực sự xúc động nhưng chỉ biết nhìn anh cười buồn:

- Năm xưa anh cầu hôn, em đâu được quyền quyết định. Khi ba mẹ và cả nhà em bị giặc Pháp thảm sát, nhà cháy rụi, em không còn chỗ nương thân. Triều đình Huế và

Hoàng thân quốc thích không ai tìm em. Ngoại già yếu. Hai cậu thì sợ đem em về bị liên lụy với Việt Minh. Tây giết ba mẹ em rồi còn tìm mọi cách giết luôn cả em. May mắn còn có "Đoàn 307 của Liên Hợp Quốc" nuôi em...

Khi gặp anh lúc đó, em đang chuẩn bị cho chuyến đi du học tại Pháp. Lời cầu hôn của anh trong đêm hôm ấy cấp bách quá, lại đường đột quá, nên anh làm em sợ. Em đã không thể nhận lời cầu hôn của anh được. Và em cũng không dám nói thật với anh.

Lúc ở Pháp, em khó khăn lắm, nên cũng không viết thư cho bất kỳ ai. Còn anh, sau đó cũng có nói gì với em đâu? Em mà gửi thư lỡ anh cười em sao?

Nghe tới đó, Phước lấy tay cốc nhẹ vào đầu tôi, hệt như anh Hai Thiện với tôi hồi nhỏ:

- Thì bây giờ chúng mình cưới nhau cũng đâu có muộn!

- Muộn quá rồi! Giờ em đã là gái có chồng, có con. Dù em không yêu, nhưng số trời đã định việc hôn nhân...

- Em nói gì? Em đã lấy chồng? Mà lấy ai chớ?

Giọng Phước lạc đi thảng thốt. Gương mặt anh biến sắc cùng ánh mắt thẫm lại với một nỗi đau buồn thất vọng tới mức tôi phải lảng tránh không dám nhìn trực diện vào mắt anh.

- Em đã kết hôn với Giáo sư - Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt.

- Trời đất!

Phước đập mạnh tay xuống bàn, giọng anh như thở hắt ra. Rồi anh đau đớn ôm đầu gục xuống bàn rền rĩ.

Thấy vậy, tôi sợ quá. Tôi liền hấp tấp đứng dậy bước tới nâng đầu Phước lên. Hai mắt anh đỏ rực như hai cục than. Tay Phước run run như muốn cầm một vật gì đó mà không thể được. Anh lại thở hắt ra, rồi lại thở dài nghe não lòng và tê tái.

Nhìn Phước đau đớn, nghĩ đến thân phận của mình, tôi bỗng bật khóc nức nở như hồi còn bé, rồi buột miệng nói:

- Em cũng khổ lắm Phước ơi! Cuộc hôn nhân này là do bắt buộc... Em không hạnh phúc, nhưng... dù sao thì em cũng là gái đã có chồng...

Tôi đã khóc nhiều lắm, hai mắt sưng húp, trong lúc anh Phước úp mặt xuống bàn ăn. Nhà hàng dọn thức ăn, người hầu đứng chờ anh với những đĩa thức ăn trên tay đã nguội lạnh.

Tôi lấy khăn lau nước mắt cho mình và cho cả Phước. Anh chụp lấy bàn tay tôi và bóp chặt, thật đau.

Tôi nói với anh trong giàn giụa nước mắt:

- Phước ơi! Cố sống và quên Út đi! Em đâu đã kịp hứa với Phước điều gì. Xin anh đừng trách nha. Út đã khổ lắm rồi!

Anh Phước làm thinh. Hồi lâu, anh nhìn tôi rồi nói:

- Mấy năm qua, anh thường về Vĩnh Long gặp ngoại. Ngoại nhớ em lắm. Thực ra, em không nói thì anh cũng hiểu tình cảnh của em. Nhưng anh đâu có khác em đâu. Cha mẹ bị mất trong loạn phát-xít Nhật, nhờ họ tộc giúp đỡ thì anh mới nên người. Nay gặp lại em, thấy em đồng cảnh ngộ nên càng có thể cùng nhau chung sống hết cuộc đời này. Thôi,

bỏ qua hết chuyện chồng con đi. Anh em mình ăn cơm rồi về. Em còn công việc và anh cũng nhiều việc phải làm lắm.

Chúng tôi ăn trưa xong thì đã tới giờ làm việc buổi chiều. Tôi về đến nhà thì bé Kim Chi vẫn còn đang ngủ. Có mấy người khách đang chờ khám bệnh. Tôi lao vào làm việc để cố quên câu chuyện buồn...



Tôi mới làm việc được một lúc thì anh Phước đến. Thấy bé Kim Chi đã dậy, đang chập chững bước đi, anh cúi xuống bế bé. Kim Chi sợ quá khóc to. Tôi quay ra nhìn anh đang dỗ cháu. Tôi bước tới bế Kim Chi, thì bé đòi ti. Tôi xin lỗi, đem cháu vô phòng cho bú độ mười phút.

Khi tôi quay ra, vẫn thấy Phước ngồi chờ. Tay anh cầm một cái phong bì dày cộp, đưa cho tôi và nói:

- Đây là tiền của Tổng thống Phủ thưởng cho ê kíp mổ cứu vợ chồng ông Trần Trung Dung hôm 30 tháng 8 vừa qua.

Tôi cảm ơn Phước và nhận số tiền anh đưa. Tôi thấy Phước rất vui, làm tôi cũng vui lây. Anh nói:

- Từ đây về sau, lúc nào rảnh cho phép anh đến nhà em ăn cơm nhé. Mong em đừng từ chối.

- Được thôi. Tiền em kiếm cũng dư sức nuôi cơm trưa anh mà.

Anh Phước cười thật tươi, rồi chào tôi ra về.

Chúng tôi còn đang bịn rịn chia tay thì Bệnh viện cho xe đến đón tôi vào ca cấp cứu. Tôi liền đi ngay.

Ca cấp cứu là một sản phụ sinh khó. Tôi là Bác sĩ học đa khoa, ngày còn làm ở nhà thương Sài Gòn tôi cũng làm việc tại khoa Ngoại - Sản. Nay về Đà Lạt, tôi làm tại khoa Sản - Ngoại chẩn.

Vừa xong ca mổ cho sản phụ sinh khó, lại gặp một ca cấp cứu khác do dùng súng bắn nhau...

Tôi trở về nhà thì đã mười giờ đêm. Tôi vô nhà thấy anh Phước còn ngồi chờ ở phòng khám phía ngoài và trên tay là tờ báo cũ, vội lên tiếng:

- Tối nay anh rảnh sao?

- Chắc em mệt lắm? Vào thay đồ rồi ra ăn tối, anh chờ.

Tôi vào thay đồ rửa mặt xong đã thấy bàn ăn thịnh soạn. Tôi và anh vui vẻ cùng ăn.

Đã lâu lắm rồi tôi mới có cảm giác vui vẻ như buổi tối hôm nay.

Phước ân cần hỏi tôi công việc ở Bệnh viện và cũng không quên nhắc nhở tôi phải giữ gìn sức khoẻ để còn chăm sóc bé Kim Chi.

Xong bữa, tôi tiễn Phước lên chiếc xe đợi sẵn ngoài cổng để ra về.

Anh Phước bước lên xe mà ánh mắt nhìn tôi như muốn nói điều gì.

Đêm ấy, ánh mắt anh đã đi vào giấc ngủ của tôi...

CHƯƠNG IX
TRẬN QUYẾT ĐẤU KHÔNG THÀNH

Sáng ngày 7 tháng 9 năm 1961.

Tôi đến Bệnh viện và họp mọi người để chuyển số tiền mà anh Phước giao tặng cho ê kíp mổ ông bà Trần Trung Dung mấy ngày trước đây, thì được tin có đoàn của Bộ Y tế từ Sài Gòn lên thăm Đà Lạt.

Trưởng đoàn là Bộ trưởng Giáo sư Trần Đình Đệ, cùng nhiều người khác như các Bác sĩ Trần Thiện, Dương Quỳnh Hoa, Trần Quới Tử, Lương Phán, Trương Minh Ký, Dương Lâm Hạnh, Đặng Văn Đan, Lâm Phụng...

Đoàn của Bộ Y tế lên thăm là sự kiện chưa từng có ở Bệnh viện Đà Lạt này. Nhưng còn một điều bất ngờ hơn: Phó đoàn chính là Giáo sư, Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt - người chồng của tôi.

Tôi và các Bác sĩ ở Bệnh viện lo đón đoàn. Khi khách tham quan thấy Bệnh viện được trang bị quá thô sơ, mà vẫn cứu chữa được ông bà Trần Trung Dung thì ai cũng khen ngợi hết lời.

Sau khi thăm quan Bệnh viện, Giáo sư Trần Đình Đệ đã thay mặt Bộ Y tế ký duyệt chi một khoản tiền khá lớn, đủ

để xây lại phòng mổ, làm phòng lạnh điều hòa và giúp thêm dụng cụ y khoa, bàn giải phẫu y cụ mới cho Bệnh viện.

Xong việc, vợ chồng chúng tôi mới có thời gian gặp riêng. Anh Kiệt hỏi vẻ hơi buồn:

- Sao em không liên lạc với anh?

Tôi giận dỗi:

- Câu đó lẽ ra phải là của em mới đúng chớ! Anh biết là em đã có thai, biết là em đến tháng sinh con. Vậy mà anh chẳng hề để ý quan tâm gì đến em cả. Anh có biết em một mình nuôi con vất vả thế nào không? Lại còn công việc kiếm sống hàng ngày nữa. Anh đã biết rõ mà, em đâu còn thời gian...

Anh Kiệt dịu giọng:

- Thôi mà, anh cũng bận quá. Dịp em sanh con, Tổ chức phân công anh ra nước ngoài làm nhiệm vụ đặc biệt. Khi về lại bị bệnh một thời gian... Giờ thì đỡ rồi. Em sinh con trai hay con gái?

- Con gái. Nó giống anh y chang à.

Tôi bỗng thấy thương anh Kiệt. Tôi biết, ngoài công việc chuyên môn, anh còn nhiệm vụ của Tổ chức giao là lo việc kinh tài cho Mặt trận nữa. Mà sức khỏe của anh thì rất kém. Cùng thời gian chúng tôi tổ chức đám cưới, anh phát hiện mình bị một khối u trong gan. Sợ tôi lo lắng nên anh đã giấu nhẹm đi không cho vợ biết. Mãi sau này, một đồng nghiệp thân thiết đã tiết lộ với tôi. Sợ anh buồn, tôi cũng không bao giờ nhắc đến chuyện ấy. (Xin được nói thêm là anh Kiệt đã phải "sống chung" với khối u trong gan bằng một chế độ ăn kiêng đặc biệt, kéo dài gần hai mươi năm cho

tới ngày anh mất, vì khối u đã phát triển tới giai đoạn cuối, thành ác tính)...

Nghe tôi báo tin là con gái, anh Kiệt rất vui, liền xin phép đoàn rồi giục tôi về sớm. Ra tới xe, anh Kiệt ngồi vào ghế lái và bảo:

- Lâu lắm rồi, anh không được lái xe đưa đón em. Hạnh phúc giản dị thế, mà với vợ chồng mình cũng khó. Hôm nay để anh lái nhé!

Tôi cười, kiên quyết không chịu:

- Thôi, anh cứ để em cầm lái. Xe này em quen rồi. Và lại anh không rành đường phố Đà Lạt, lại chẳng biết mẹ con em đang ở đâu, thì định lái về Sài Gòn chắc?

Nghe tôi nói vậy, anh Kiệt cũng bật cười, đành trao lại tay lái cho tôi.

Khi chúng tôi về tới phòng mạch thì khách chờ khá đông.

Lần đầu tiên anh được gặp con gái đầu lòng, vừa thấy Kim Chi, anh đứng ngẩn người ra nhìn, vẻ mặt lúng túng vì xúc động. Rồi anh tiến ngay lại lóng ngóng, vụng về bế con bé. Nhưng Kim Chi thấy lạ, bé khóc thét lên nên chỉ được một lúc Kiệt đã phải trả lại con cho tôi. Rồi anh thay tôi khám cho bệnh nhân.

Tôi cho Kim Chi bú xong, bé no nê nên chạy lại chập chững gọi "ba ba". Anh Kiệt mừng quá, vội bàn giao bệnh nhân cho tôi rồi chạy lại bế con. Bé Kim Chi cầm tay của cha bỏ ngón vào miệng cắn. Kiệt lấy tay ra thì Kim Chi khóc.

Trong lúc tôi làm việc, anh Kiệt nhìn tôi với ánh mắt vừa thương yêu vừa trách móc. Anh hỏi:

- Tại sao em có thai mà lại bỏ anh ra đi?

- Nhiệm vụ của em, anh đã biết rồi đó, tại sao còn đòi cưới, rồi anh lại trách em? Giờ anh thấy ân hận rồi sao?

Kiệt thở dài, rồi nói:

- Anh về đến nhà thì thấy thư của em để trên gối. Đến Bộ Y tế thì không được gặp Trưởng phòng quản trị, xin gặp Bộ trưởng thì lúc nào cũng báo bận.

Anh hỏi Hai Xô thì anh ấy bảo: "Cô Út bận công tác". Anh bảo là em đang mang thai. Anh Hai Xô bảo: "Chú đừng lo, cô ấy có thai thì chúng tôi có người lo cho cô ấy". Còn anh Hai Văn thì nói: "Anh cứ yên tâm công tác, nay mai xong công việc cô ấy sẽ về." Anh ấy khuyên anh không được gửi thư hoặc dò tìm để em hoàn thành nhiệm vụ. Nay tình cờ gặp được em và con, anh mừng quá.

Anh Kiệt mở cặp táp, lấy một tập ngân phiếu ra ký sẵn, rồi đưa cho tôi:

- Em cầm tập ngân phiếu này, khi nào đến ngân khố lĩnh tiền, em muốn bao nhiêu thì điền vào mà lĩnh. Tổng số tiền có trong tài khoản, anh đã ghi trong tờ giấy nhỏ này.

- Em có dùng gì đến tiền đâu mà cần nhiều thế. Tự em kiếm tiền cũng đủ nuôi con mà.

Anh Kiệt lắc đầu:

- Tính em vẫn bướng như ngày trước vậy. Tiền này đâu chỉ cho riêng em và con, còn lo việc chung nữa chứ. Anh giao cho em còn là chấp hành lệnh của anh Hai Xô nữa đó.

Nghe vậy, tôi cầm tập ngân phiếu định cất đi nhưng anh Kiệt ngăn lại:

- Nghe anh dặn thêm này: Đây là ba mươi tờ ngân phiếu. Em nhớ ghi số tiền dưới mười triệu thì không phải lĩnh làm hai lần. Ngân khố ở các tỉnh họ không phát như Sài Gòn đâu. Ngân phiếu này, có "bảo chứng" nên lãnh từ vĩ tuyến 17 đến Cà Mau đều được.

- Em nhớ rồi. Anh yên tâm đi.

- Anh chuẩn bị trước vì sợ em đi bất ngờ như vừa qua. Em thấy đó, từ lúc em đi mang thai ba mươi ngày, nay con đã chập chững bước đi và đã biết gọi ba. Anh xuống ký lô nhiều lắm vì lo cho em, cho con, sợ nhất lúc em sinh nở một mình...

- Nhưng anh thấy đó, một mình em vẫn lo được cho con, vẫn công tác tốt mà.

- Không được chủ quan. Hiện nay Ngô Đình Diệm đang ráo riết tìm cách tiêu diệt các đảng viên Cộng sản, trí thức yêu nước, trong đó có anh và em, nên em phải hết sức cảnh giác, cẩn trọng nghe em...

Nghe Kiệt nói những lời chân tình, lòng tôi thấy nhẹ bớt. Tôi nhớ lại những sự việc giữa tôi và Kiệt, càng thấy anh là một người tốt.

Sau khi cho bé Kim Chi ngủ, tôi và anh ra phòng khách tâm sự. Anh nhìn tôi thật lâu rồi nói:

- À, anh đi xin lá số tử vi thì thấy em sinh con gái, nhưng công danh sau này không hiển đạt lắm đâu. Ông thầy xem quẻ cho anh còn khuyên mình nên gửi nó vô chùa... Ông còn bảo anh sẽ gặp em vào năm Tân Sửu, chia tay vào năm Nhâm Dần và cũng trong năm này em sẽ có thêm đứa con trai, sau đó mình lại tiếp tục chia li. Cho đến năm Canh Tuất, em có một đại nạn nhưng qua được. Mình sẽ sum họp nhưng chỉ được một thời gian... Sao thầy phán kỳ quá nhỉ!

Tôi cười:

- Anh là nhà khoa học mà mê tín dị đoan vậy sao?

Anh Kiệt nhìn tôi nói như phân trần:

- Thật là trớ trêu quá. Tạo hóa sao lại tạo ra cảnh đau lòng nầy chớ? Lúc chưa cưới em, anh đâu có hay suy nghĩ như bây giờ. Lúc nào anh cũng nghĩ vợ chồng cùng nghề thì dễ dàng thông cảm và hiểu cho nhau hơn. Nhưng sau khi hưởng tuần trăng mật về anh vẫn thấy em không vui. Anh đã hỏi Luật sư Nguyễn Hữu Thọ mới hiểu ra ngọn ngành và cảm thấy thật có lỗi với em...

Tối hôm đó, lần đầu tiên anh Kiệt kể cho tôi nghe về cha tôi khi sinh thời. Cha tôi là một nhà ngoại giao cho hoàng triều Huế. Cha tôi là người uyên bác, thông thạo nhiều thứ tiếng Âu Châu, Thái Lan, Lào, Miến Điện, Hán và thông thạo chữ Nho. Cha tôi trọng nhân, trọng tín, trọng người siêng học...

*

Đà Lạt, trưa ngày 9 tháng 9 năm 1961.

Khi tôi về đến nhà đã thấy anh Phước đang ngồi chờ. Nhìn thấy tôi trước, anh Phước liền đứng lên. Còn Kiệt đứng phía sau đang bế bé Kim Chi. Anh Phước bảo:

- Chẳng mấy khi anh Kiệt có dịp lên Đà Lạt. Tôi muốn mời vợ chồng anh đi ăn cơm trưa, với tư cách cá nhân, thân tình, chớ không phải là khách của Tỉnh trưởng Tuyên Đức.

Anh Kiệt nói ngay:

- Chúng tôi mới ăn cùng đoàn, xin hẹn Tỉnh trưởng kỳ sau.

Anh Phước nhìn thẳng vào anh Kiệt:

- Thế thì chúng ta đi uống cà phê. Thực ra, tôi có câu chuyện đàn ông muốn thẳng thắn nói với anh.

Kiệt nhìn tôi như có ý thăm dò. Tôi đành bảo:

- Vậy các anh cứ đi uống cà phê. Em xin phép cùng bé Kim Chi nghỉ trưa một lát.

Khi hai người đàn ông đã đi rồi. Tôi chợt nhận ra thái độ rất khác lạ của anh Phước và linh cảm sẽ xảy ra một chuyện gì đó không bình thường. Đợi cho Kim Chi ngủ, tôi dặn dò người giúp việc vài câu rồi vội vàng chạy ra đường vẫy taxi tới cái quán cà phê mà anh Phước vẫn thích ngồi.

Thấy xe của anh Phước đậu ngay bên lề đường, tôi hớt hải chạy vào định đi thẳng lên lầu, nhưng người bồi bàn đã ngăn lại:

- Thưa bà, ngài Tỉnh trưởng dặn không cho ai lên lầu, vì có câu chuyện riêng cần trao đổi.

Tôi trừng mắt:

- Cậu không biết tôi là ai à? Tôi là vợ của ổng. Chính ổng vừa gọi điện thoại bảo tôi tới mà!

Vừa nói, tôi vừa xăn xổ đẩy anh bồi bàn ra, mặc cho anh ta ú ớ chẳng biết xử sự ra sao. Nhưng vừa tới đầu cầu thang, tiếng của anh Phước đã giữ chân tôi lại:

- Anh nói thiệt với tôi đi: Anh có phải là người đàn ông yêu vợ không?

Tiếng anh Kiệt:

- Anh lấy tư cách gì mà hỏi tôi như vậy?

- Một người đàn ông!

- Chỉ là đàn ông bình thường thôi thì chưa đủ.

- Đúng thế. Vì tôi là người yêu cô Út trước anh. Tôi đã, đang và sẽ mãi mãi yêu cô ấy!

- Nhưng tôi mới là chồng của Út!

- Chỉ là chồng danh nghĩa thôi thì chưa đủ! Anh thừa biết đó là một cuộc hôn nhân do sắp đặt, không có tình yêu.

- Dù đó là do sắp đặt hay tình yêu thì sao chớ? Chúng tôi đã có con, đã có những phút giây hạnh phúc bên nhau...

- Anh đừng tự dối mình. Vợ chồng anh đã không hạnh phúc!

- Ai nói với anh điều ấy?

- Chẳng ai nói cả. Tôi đọc được trong ánh mắt của Út và của anh nữa.

- Anh không có quyền nói với tôi như vậy!

- Tại sao không? Tôi còn có quyền yêu cầu anh đừng làm khổ Út nữa! Hãy để cho cô ấy tự quyết định lựa chọn hạnh phúc của mình.

- Nhưng Út đã lựa chọn tôi!

- Không đúng. Cô ấy đã bị ép buộc!

- Anh đừng xúc phạm tôi!

- Chính anh đang xúc phạm tôi!

- Có lẽ chúng ta không cùng quan niệm luyến ái. Nếu cứ đôi co thế này sẽ chẳng có tác dụng gì. Tôi đề nghị phải có biện pháp phân xử công bằng và khách quan.

- "Phân xử công bằng và khách quan"? Vậy thì chỉ còn cách... đấu súng!

- "Đấu súng"? Có cần thiết đến vậy không? Chỉ có kẻ thù mới bắn giết nhau. Chúng ta có thể là "tình địch", nhưng chưa phải là kẻ thù.

- Nhưng chúng ta đều là trí thức, đều là những người "Tây học" và trọng danh dự. Chỉ có đấu súng mới dễ phân xử chuyện này. Anh nhiều tuổi hơn tôi, lại không phải nhà binh. Để công bằng, anh có thể hơn tôi một viên đạn, hoặc có thể bắn trước...

Nghe tới đó, tôi không thể chịu nổi nữa. Tôi lao vào, đứng giữa hai người đàn ông của mình và hét lên:

- Các anh im đi! Điên khùng cả rồi sao! Nếu cần đấu súng, thì xin hai anh hãy nhắm vào tôi mà bắn trước đã. Tôi chết rồi, các anh tha hồ muốn làm chi thì làm!

Cả Kiệt và Phước đều tròn mắt nhìn tôi, không nói được gì.

Sau đó Phước lặng lẽ bỏ đi, chỉ còn lại tôi và Kiệt.

Chúng tôi im lặng. Một lúc sau, tôi hỏi:

- Tại sao anh lại làm như vậy? Anh có biết trong thời gian qua Phước đã tốt với hai mẹ con em thế nào không? Nếu không có sự giúp đỡ của anh ấy thì không biết giờ này anh có còn được gặp em và con nữa không.

Tôi bỗng oà khóc.

Kiệt ôm tôi rồi nói:

- Anh xin lỗi! Anh lại làm em buồn rồi. Có lẽ Phước đã nói đúng. Cuộc hôn nhân của chúng ta không có tình yêu và anh không thể đem lại hạnh phúc cho em. Chính anh cũng được tổ chức bố trí sắp đặt là phải lấy em. Có thể đây là sai lầm lớn nhất trong đời anh...

Vừa lau nước mắt cho tôi, anh Kiệt vừa nói:

- Tuy mới tiếp xúc với Phước nhưng anh cảm nhận được Phước là một người tốt. Và anh cũng nhận thấy tình cảm Phước dành cho em. Phước sẽ làm được điều mà anh không thể đem lại cho em và con.

Nghe Kiệt nói thế tôi càng khóc to hơn. Tôi hỏi:

- Tại sao anh lại nói như thế? Đúng là anh Phước rất tốt với hai mẹ con em, nhưng em chưa bao giờ nghĩ sẽ bỏ anh để đến với anh ấy. Tuy cuộc hôn nhân của chúng ta do Tổ chức sắp đặt nhưng em đã đồng ý, dù em không yêu anh. Cái tội bất trung với Đảng và phản quốc là không thể tha thứ được; cái tội có chồng mà bỏ chồng cũng là vi phạm đạo đức con người, thật đáng chê trách. Là con nhà gia giáo, từ nhỏ đã được cha mẹ dạy các lễ nghi đạo đức nên em không thể làm mất nhân phẩm, đức hạnh của mình. Em

không muốn sau này Kim Chi sẽ phải xấu hổ vì có một người mẹ như thế.

Nghe nói thế, anh Kiệt ôm tôi và khóc:

- Anh xin lỗi! Anh đã không hiểu em! Hãy cho anh cơ hội để làm một người chồng và người cha tốt!

*

Đà Lạt, trưa ngày 10 tháng 9 năm 1961.

Hôm nay là ngày cuối cùng, các thành viên trong đoàn của Bộ Y tế đi tham quan đã về đông đủ tại nhà khách. Ai cũng bận rộn đóng gói hàng và chuẩn bị hành lý để 14 giờ 30 phút phải có mặt tại phi trường Liên Khàng lên máy bay về Sài Gòn.

Ông Trưởng đoàn, Bộ trưởng Trần Đình Đệ đang bắt tay cảm ơn sự đón tiếp trọng thị của Tỉnh trưởng Trần Văn Phước.

Rồi tất cả cùng lên xe.

Anh Kiệt còn nán lại để chia tay vợ con.

Anh lúng túng, vụng về hôn bé Kim Chi, hôn tôi và bắt tay Phước:

- Tôi xin lỗi vì chuyện hôm trước. Nhờ anh chăm sóc Út và bé Kim Chi hộ tôi. Thời gian tới chắc Út sẽ rất khó khăn mà tôi lại không ở bên cạnh cô ấy.

Anh Phước đáp:

- Chuyện hôm trước cũng có lỗi của tôi, đã không giữ được bình tĩnh. Chúng ta hãy coi như chưa có chuyện gì xảy

ra. Anh yên tâm, trong điều kiện có thể, tôi sẽ chăm sóc hai mẹ con cô ấy.

Thấy anh Kiệt sắp đi, tôi đã không tiễn mà lại bảo:

- Em đang mệt. Anh cứ lấy xe đến khách sạn, rồi nhờ tài xế Bệnh viện đem trả lại cho em.

Nhưng cũng lúc đó, anh Phước sốt sắng nói:

- Vậy để tôi thay Út đưa anh Kiệt tới phi trường!

Rồi Phước để xe của mình đó, tự lái xe của tôi để đưa Kiệt về khách sạn lấy vali.

Thế là hai người đàn ông quan trọng của cuộc đời tôi (một người có nghĩa, một người có tình) cùng ào đến, rồi lại cùng đi một lúc. Bỏ lại sự trống vắng vô cùng trong lòng tôi.

Tôi bỗng cảm thấy hụt hẫng kinh khủng!

Không hiểu sao, tôi đã nổi cáu vô lý, vội chạy ra lấy xe của Phước lái đuổi theo đoàn. Tới khách sạn, tôi hét lên, đòi lấy lại xe từ anh Phước, rồi tự mình lái đưa Kiệt xuống phi trường Liên Khàng.

Anh Phước đứng nhìn theo tôi và lắc đầu.

Suốt chặng đường dài cả tiếng đồng hồ, anh Kiệt không nói gì. Tôi cũng im lặng. Không khí bức bối vô cùng. Khi xe chạy tới đỉnh đèo Prem, tôi mở hết kính cửa cho không khí lạnh và mùi nhựa thông thơm nồng ùa vào. Gió ù ù thổi vuốt ngược hai bên thành xe.

Mãi khi tới sân bay, tôi mới nhận ra hình như hai mắt anh Kiệt ươn ướt. Không hiểu tại anh vừa khóc, hay vì gió rừng thông Đà Lạt?

Đoàn khách đã vào hết trong phòng đợi ra máy bay, tôi vẫn thấy Kiệt đứng nhìn tôi qua cửa kính. Tôi bỗng thấy thương anh quá. Người đàn ông của tôi, người chồng hợp pháp là như thế ư?

Vậy là vợ chồng chúng tôi chia tay.

Chúng tôi lại tiếp tục xa nhau.

Kiệt lại sống trong cô đơn.

Còn tôi thì sống trong lạnh giá.



Đưa Kiệt đi rồi, lòng tôi trống trải vô cùng. Thân thể tôi như rã rời từng mảnh. Về tới nhà, tôi lảo đảo ngã xuống nền nhà bất tỉnh, vì mấy đêm rồi không ngủ được, lại khóc sưng cả mắt.

Lúc tỉnh lại, tôi thấy Bác sĩ Phạm Dụng Hưởng đang loay hoay sơ cứu cho tôi. Anh Phước thì bế bé Kim Chi đứng bên cạnh, nét mặt đầy lo âu và xót thương. Thấy tôi hé mắt, anh thốt lên mừng rỡ:

- Docteur Ngọc Anh tỉnh lại rồi!

Bác sĩ Hưởng nhìn tôi nói chậm rãi:

- Rất mừng là Docteur Ngọc Anh đã tỉnh lại. Bây giờ chị cần yên tĩnh, nghỉ một lúc cho bình phục hẳn. Chiều nay tôi sẽ quay lại kiểm tra lần cuối.

Quay sang anh Phước, Bác sĩ Hưởng nói:

- Tôi có thể gặp riêng ngài Tỉnh trưởng năm phút được không?

Tôi nhìn anh Phước rồi lại nhìn Bác sĩ Hường. Tại sao Bác sĩ lại không nói trực tiếp với tôi? Hay là sức khoẻ của tôi có vấn đề gì chăng? Từ trước tới giờ tôi chưa bị ốm nặng lần nào mà? Như đọc được sự lo lắng trong mắt tôi, anh Phước nắm nhẹ bàn tay tôi rồi nói:

- Không có chuyện gì đâu, em đừng có lo. Bây giờ em chợp mắt một lúc đi, anh ra tiễn Bác sĩ rồi quay trở lại với em.

Anh Phước ra phòng khách gặp Bác sĩ Hường. Tôi cố gượng mình dậy để ra phòng khách nhưng không thể. Tôi đành phải ở lại trong phòng ngủ và chờ anh Phước quay trở lại.

Sau này tôi mới nghe người giúp việc kể lại cuộc nói chuyện giữa anh Phước và Bác sĩ Hường.

- Thưa Docteur, sức khoẻ của cô Út có vấn đề gì sao?

- Thực ra cũng không có gì nghiêm trọng lắm nhưng có điều này tôi nghĩ Tỉnh trưởng nên biết. Tinh thần của Docteur Ngọc Anh không được tốt. Hình như thời gian qua đã có chuyện gì xảy ra làm cho cô ấy phải suy nghĩ và mất ngủ khá nhiều. Cộng thêm với quá nhiều việc ở Bệnh viện nên cô ấy khá căng thẳng. Tôi nghĩ, ông nên nhắc nhở cô ấy nghỉ ngơi và tránh để cô ấy phải suy nghĩ nhiều. Nếu không, tôi sợ... Chắc Tỉnh trưởng hiểu ý của tôi?

Anh Phước cảm ơn và tiễn Bác sĩ Hường ra về. Anh trở lại phòng tôi. Thấy tôi vẫn còn thức, anh bảo:

- Em cần phải nghỉ ngơi thì mới có thể mau chóng bình phục chứ! Em mà ốm thì ai sẽ chăm sóc Kim Chi?

- Bác sĩ Hường nói gì với anh vậy?

- Không có gì đâu. Bác sĩ nói hiện tại em đang rất yếu, cần phải ăn nhiều và ngủ nhiều thì mới khỏi bệnh.

Rồi anh Phước cầm lấy tay tôi:

- Chiều nay anh định đến đón em ăn cơm và cho em biết một số số liệu, nào ngờ... Thôi em à, anh đã hiểu thêm nhiều và không trách em đâu. Bình tĩnh giải quyết, mọi việc chưa phải là đã muộn.

Nghe anh Phước nói những lời đó, tôi lại úp mặt xuống giường khóc nức nở.

- Anh nói em phải nghe, em phải sống vì còn bé Kim Chi nữa. Con mồ côi thì tội lắm. Mấy năm qua, anh đã cố tìm em. Bây giờ, anh đã tìm được em, thì cho dù ngang trái thế nào anh cũng sẽ cùng em vượt qua....

Khóc nhiều quá, nên hai mắt tôi sưng húp, tựa hồ mở không ra. Lại còn lên cơn sốt run cầm cập nữa. Người tôi như không còn một chút sức lực nào để có thể hồi tỉnh. Tôi được đưa đến Bệnh viện cấp cứu và chìm vào hôn mê đến ngày hôm sau mới tỉnh lại. Mở mắt ra, tôi thấy Phước đang nhìn tôi với ánh mắt vừa thương yêu xót xa, vừa lo lắng. Tôi bồi hồi quặn thắt trong tim, nhưng im lặng và không nói gì.

- Nghe Bệnh viện báo tin em bệnh nặng nên anh lập tức lên lo cho em. Út à, việc đâu còn có đó. Em đừng khóc nữa, đau lòng anh lắm!

Tôi mệt mỏi nhắm mắt lại như không muốn nghe rồi tôi lại chìm trong giấc mộng nặng nề của cuộc đời mình...



Sau khi khỏi bệnh, tôi lao vào công tác, lấy nhiệm vụ của đời lính biệt động đơn tuyến để cố quên anh Kiệt, nhưng thật khó khăn.

Hôm nay, ngồi hồi ức lại cuộc đời, tôi càng thương cho mình, thương cho Kiệt và thương cho cả Phước nữa. Tôi đã tự nguyện dấn thân vào con đường đầy chông gai, vì yêu thương cha mẹ, vì khát khao được sống yên bình. Tôi chỉ mong muốn được yêu thương, muốn được chia sẻ. Tôi khát khao hạnh phúc. Nhưng tại sao tôi vẫn chưa có một ngày hạnh phúc?

Có lẽ người hiểu tôi chỉ là bản thân tôi, tìm đâu người chia sẻ? Nhiều đêm Đà Lạt lạnh giá, tôi thường nằm khóc một mình.

Cũng may, là tôi còn Kim Chi an ủi. Chính con gái bé bỏng đã giúp tôi tỉnh táo lại, vững vàng lên với trách nhiệm một người cán bộ Cách mạng đang hoạt động trên trận tuyến thầm lặng. Thêm nữa, tôi vẫn phải thay cả anh Kiệt để chăm sóc, dạy dỗ con gái lớn khôn.

Tôi vẫn tiếp tục phải sống và chiến đấu.

Trời ơi! Đoạn trường ai có qua mới thấy thấm thía nỗi đau âm thầm. Chừng nào anh Kiệt sẽ hiểu được rằng dù tôi là vợ của anh nhưng hạnh phúc vẫn thấy xa xôi quá? Chừng nào Phước mới hiểu được rằng dù anh có yêu tôi bao nhiêu đi nữa, thì chúng tôi cũng không thể làm vợ chồng của nhau được? Dường như tạo hóa đã muốn vậy. Hay tôi phải chết rồi để hai người đàn ông của tôi được có hạnh phúc thật sự? Nhiều lúc ý nghĩ chợt đến, tôi muốn quên mình đi. Nhưng rồi, tôi lại lo lắng: nếu mình không còn thì anh Kiệt sẽ sống

ra sao? Anh Phước sẽ sống ra sao? Và đặc biệt, còn Kim Chi nữa? Đứa trẻ nào chẳng cần mẹ chăm sóc.

Tôi hiểu, cả anh Kiệt và anh Phước đã gần như suốt đời phải sống cô đơn. Có lẽ vì vậy mà sau đó anh Kiệt nhận nuôi cả trăm đứa trẻ bị bỏ rơi không cha, không mẹ. Anh đã lấy việc nuôi trẻ mồ côi làm nguồn vui. Nhưng nguồn vui đó có đắp đổi được nỗi trống trải, mặc cảm hiển nhiên với chính đứa con ruột mình đã sinh ra? Còn anh Phước thì cũng lấy công việc, sự dấn thân làm niềm an ủi. Cho tới cuối đời, anh ấy vẫn chỉ có công việc và công việc.

Còn tôi, lại lao vào công tác với nhiệm vụ của một cảm tử quân, bằng mọi cách phải luôn sâu trong lòng địch và sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc.

CHƯƠNG X

LẤY HÀNG CỦA NGÔ ĐÌNH DIỆM ĐỂ TIẾP TẾ CHO... VIỆT CỘNG

Tuổi thơ tôi vô tội, giặc tràn đến cướp đi cả cha lẫn mẹ và gia đình của tôi. Họ tộc chỉ thương hại và làm tôi tuyệt vọng. Tôi đi theo Cách mạng, dù phải chịu nhiều hi sinh gian khổ, nhưng nhiều đêm vẫn tự hỏi: Tại sao cuộc đời và lòng người lại trớ trêu như thế với tôi?

Chế độ "gia đình trị" của Ngô Đình Diệm độc đoán, chuyên quyền đã giết hại không chỉ những chiến sĩ yêu nước mà còn nhiều người dân vô tội. Chúng bắt buộc mọi người phải theo đạo Thiên Chúa, bằng không sẽ bị bắt bỏ vào bao tải dìm nước cho chết ngạt, nhất là những gia đình có người tập kết ra Bắc. Chúng bắt được những người bị nghi ngờ theo Cộng sản là tra khảo, tù đày bằng nhiều hình thức rất dã man. Nếu không khai sẽ bị chúng thủ tiêu.

Chính quyền Ngô Đình Diệm không trọng sĩ phu. Chúng kìm kẹp đủ điều, làm người dân sống trong căm hờn tủi nhục. Trai làng bỏ nhà theo Mặt trận Giải phóng. Cha mẹ ở nhà bị bắt khảo tra roi đòn đến tàn tật. Là một Bác sĩ, tôi đã phải chứng kiến không biết bao nhiêu

chuyện đau khổ về thể xác, đắng cay về tinh thần của người dân trong thời binh lửa.

Những năm 1959 - 1961 là thời gian vô cùng khó khăn, gian khổ và ác liệt của Cách mạng miền Nam. Chiến sĩ vùng Đà Lạt - Khu 6 cũng vậy, phải chịu cực khổ, thiếu thốn đủ thứ: lương thực, đạn dược, thuốc men....

Hồi đó, Khu 6 bị địch phong tỏa đường tiếp tế lương thực. Đói khốc liệt, phải đào củ mài nấu cháo ăn, hết củ mài thì ăn lá bép, hết lá bép thì dùng dọc man mác, lá lệ tiên (chanh dây) để luộc ăn cho đỡ đói. Lâu ngày, ăn mãi các thứ lá đó rồi cũng hết, lại đói quay đói quắt...

Bên ngoài, nhân dân cũng cực khổ đủ đường, làm quần quật mà vẫn đói rét xác xơ. Bọn tay sai Ngô Đình Diệm bán gạo cứu đói, mỗi đầu người chỉ được 8 cân ăn trong một tháng. Đã vậy, bọn lính còn thường xuyên đi cướp của dân. Gạo không có ăn, trồng lúa đến ngày sắp được gặt thì chúng đem quân đến lấy sạch.

Trời Đà Lạt bốn mùa thường giá lạnh, rừng cây lá dày tán thấp âm u, con người thiếu ăn là run rẩy, lên cơn sốt rét. Phần do nước độc, phần do muỗi, vắt, bọ, rệp cắn đốt, làm mất máu, nhiều chiến sĩ Cách mạng đã bỏ mạng giữa rừng hoang.

Hôm ấy, sau một thời gian khá lâu tôi mới về căn cứ. Trên lưng tôi vác một ba lô cơm khô khá nặng dành để ăn lúc đi đường. Thấy một đồng chí đang ôm súng ngồi trên vọng gác, từ xa tôi đã đánh tín hiệu liên lạc, nhưng không thấy đáp lại. Ba lần đánh tín hiệu đồng chí gác vẫn im lặng như vừa điếc vừa đui, thản nhiên ôm súng ngồi.

Thế này thì mất cảnh giác quá!

Bực mình, tôi sải bước dấn lên, đấm bùm bụp vào lưng anh ta cho đỡ tức. Đang trong tư thế ngồi, đồng chí gác ấy bỗng đổ gục xuống. Tôi kinh hãi, hoảng hốt khi nhận ra người đó đã chết, lạnh khô từ bao giờ mà chẳng ai hay. Vậy mới biết lòng trung kiên của người chiến sĩ Cách mạng: thà chết đói, chết rét chứ nhất định không chịu đầu hàng giặc.

Tôi vội la to và bắn một phát súng tín hiệu báo động tập trung có giặc. Đợi mãi, đợi hoài mà chẳng một ai ra ứng chiến, như tất cả đều đã điếc đặc. Tôi chạy bằng đôi chân bủn rủn, theo lối mật vào Bộ chỉ huy. Nhưng trước mắt tôi chỉ là những đồng đội chết đói trong rừng một cách trầm mặc, uy nghi...



Năm 1961, đồng chí Tư Du được điều về công tác tại Thành ủy Đà Lạt. Tôi chịu trách nhiệm làm trợ lý kinh tài cho đồng chí Ba Lớn (tức Vũ Anh Ba) - Thường vụ Khu ủy Khu 6.

Tư Du báo cho tôi biết tình hình thiếu đói trầm trọng của cán bộ và chiến sĩ ta trên địa bàn Khu 6.

Tôi suy xét đủ đường để quyết định phương kế cuối cùng là đến gặp Tỉnh trưởng Trần Văn Phước, lấy hàng của chính quyền Ngô Đình Diệm tiếp tế cho ta.

Mười hai giờ trưa ngày 20 tháng 9 năm 1961, tại tư dinh của Tỉnh trưởng, Phước mừng rỡ ra đón tôi:

- Ôi, Út...! Cơn gió lành nào đã đưa em đến với anh vậy?

Thấy anh tươi cười, tôi yên tâm hơn:

- Anh dùng cơm chưa?

- Anh còn đang nghĩ đi ăn ở đâu đây? Anh định ra nhà hàng đặt cơm đem đến nhà ăn cùng em cho vui mà chưa kịp đi.

- Thôi khỏi cần đi anh.

- Hôm nay Út rảnh hay sao mà hạ cố đến thăm anh?

- Có việc cần, em chỉ còn biết nhờ anh! Em đang gặp phải tình thế khó khăn nan giải lắm.

- Quan trọng lắm sao? Cứ nói anh nghe, đừng ngại!

- Vâng, đó là số phận những công nhân của em đang khai thác gỗ trong rừng. Họ đói quá! Gặp lúc Tổng thống cấm tự do bán gạo, phải có tem phiếu mới được mua. Mật vụ thấy ai mua nhiều gạo là nghi tiếp tế cho Cộng sản, họ bắt. Đã hai tháng nay em không mua được gạo chuyển vào. Công nhân của em bỏ không khai thác gỗ và cạo mủ thông, chắc chắn kỳ này em phá sản quá.... Phước ơi! Từ ngày em khôn lớn tới nay, phải đương đầu với bao việc khó khăn. Quanh em không một ai chia sẻ. Có nhiều lúc em thấy tủi cho thân phận mồ côi của mình.

Tôi sụt sùi khóc. Tội cho Phước, anh nhìn tôi và hỏi:

- Út còn có Kiệt cơ mà, anh ấy không phụ giúp em sao?

- Kiệt rất tốt với em. Nhưng...

Phước cười chua chát:

- Dù sao anh ấy cũng là Giáo sư - Bác sĩ, người nổi tiếng hơn anh nhiều mà...

Nghe Phước nói với giọng cay đắng, tôi uất quá, bật khóc và đứng lên.

Phước đến bên tôi nhẹ nhàng:

- Anh xin lỗi Út! Anh biết em đau khổ khi gặp hoàn cảnh trớ trêu. Em đâu có lỗi gì. Anh nói, chỉ để coi em phản ứng thế nào. Anh vẫn biết Kiệt rất yêu quý em và rất tôn trọng em, nên anh khó xử lắm... Nhưng thôi, số trời đã vậy.

Ngừng một lát, Phước hỏi tiếp:

- À, hôm nay em gặp anh chỉ có việc lo gạo cho công nhân thôi à? Em cần bao nhiêu gạo, gởi vô bằng cách nào? Lúc nào trong kho an toàn của Tiểu khu cũng dự trữ sẵn lương thực, mùng mền, áo quần. Ngoài ra còn có những nhu yếu phẩm khác như sữa, đường, muối, nước mắm, bột ngọt. Em cần bao nhiêu để tiếp tục nuôi công nhân đây? Anh sẵn sàng cung cấp cả phương tiện vận chuyển cho em!

Tôi mừng quá, nhưng không dám lộ ra mặt, đáp:

- Phước có, cho bao nhiêu, em cũng nhận hết...

Cho đến giờ, ngồi nhớ lại câu chuyện này, mà lòng tôi vẫn thấy việc làm kể trên là quá liều lĩnh. Tôi đã quá tự tin rằng Phước yêu tôi, Phước "dại gái"... mà không cảnh giác, hay đong đếm dè dặt. Cho dù tôi biết Phước có cảm tình với Cách mạng. Nhưng chỉ vì yêu tôi thôi, liệu một người đang đứng trong cương vị Tỉnh trưởng bên phía kẻ thù như Phước có dám liều mình đến vậy không?

Còn ngược lại thì sao?

Không! Bao giờ Phước cũng làm được hơn thế vì tôi! Bởi mãi sau này tôi mới biết Phước cũng là một Đảng viên Cộng sản - cao cả hơn nhiều trước tình yêu Phước dành

riêng tôi. Và dù Phước không nói ra, nhưng anh rất hiểu công việc mạo hiểm mà tôi sắp làm. Phước đã chấp nhận chia sẻ phần mạo hiểm ấy với tôi. Dù biết rằng có thể phải trả một cái giá rất đắt, nếu công việc bại lộ.

Nhưng tại sao vĩnh viễn giữa Phước và tôi không thể có hạnh phúc với nhau trong đời?

Phước nhìn tôi, đôi mắt anh đang vui, tự nhiên sẫm lại. Anh hỏi:

- Có xe, nhưng mà tìm đâu ra người tin cậy để lái cho em đây?

Tôi đáp liền:

- Em tự lái được.

- Em tự lái? Nhưng đây là xe vận tải cơ mà?

- Em làm được. Hãy tin em!

- Thôi được rồi - Giọng Phước cả quyết - Anh sẽ cấp cho em cả gạo và nhu yếu phẩm là năm tấn, chất trên một chiếc GMC. Em có chắc chắn lái được chiếc xe vận tải quân sự loại bự đó không?

Tôi khẳng định lại:

- Chắc chắn lái được mà! Và lại chỉ có em biết đường. Không thể nhờ ai khác lạ được.

Phước thở dài, lo lắng:

- Thôi đành vậy. Để thuận tiện trên đường vận chuyển lương thực giao cho công nhân, anh sẽ cấp cho em bộ quân phục nữ, đủ cả ba hoa mai vàng trên nón rộng vành và trên cổ áo. Hiện nay, Việt Cộng hoạt động mạnh, nên có lệnh cấm tự do bán gạo.

- Cảm ơn anh nhiều lắm!

- Nhưng tại sao em làm việc này? Khai thác gỗ, khai thác nhựa thông và nhất là việc vận chuyển tiếp tế là việc của đàn ông. Anh nghĩ, em có bằng Bác sĩ thì chỉ nên lo phòng mạch và chăm sóc bé Kim Chi là đủ lắm rồi.

Tôi nhỏ nhẹ đáp lời:

- Lỡ rồi, mong anh hiểu cho em.

Phước cười buồn. Rồi anh ra bàn làm việc ngồi viết tờ lệnh thay phiếu xuất kho cho tôi.

Chúng tôi cùng đi ăn cơm, rồi tôi về bắt tay vào việc ngay. Tôi thay đổi y phục quân nhân và đeo cả kính đen to để che bớt mặt.

Nhận hàng xong, tôi cho xe ra khỏi kho, chạy về hướng Cam Ly, qua cây cầu sắt, vào đến chân núi Tà Nung...

Dọc đường đi khá an toàn. Vì có giấy xuất hàng của Tỉnh trưởng Trần Văn Phước nên tôi qua các trạm kiểm soát khá dễ dàng. Nhưng có một chuyện xảy ra mà đến bây giờ khi nhớ lại tôi vẫn thấy sợ.

Đó là sau khi qua được trạm kiểm soát cuối cùng, tôi lái xe vào hướng cánh rừng để chuyển hàng cho căn cứ theo kế hoạch. Con đường khấp khểnh và khá hẹp. Dù rất thành thạo trong việc lái xe nhưng đây là lần đầu tiên tôi lái xe tải nên không khỏi lo lắng. Vì vậy, tôi rất căng thẳng và tập trung lái xe đi thật nhanh tới điểm hẹn. Bỗng có một bóng đen nhảy lên mũi xe của tôi. Lúc đó không phải nói tôi sợ đến mức nào. Tôi tưởng có một tên mật thám, hay cảm sát chìm nào đó đã theo dõi và trốn vào xe khi ở trạm kiểm

soát. Tôi cho xe dừng lại và nhận ra đó là một con báo. Nhờ cửa xe đóng kín nên con báo không thể chui vào cabin của xe được. Không biết phải làm thế nào để đuổi con báo đi, tôi đành bóp còi xe inh ỏi với hi vọng đồng đội ở trong rừng nghe thấy sẽ tới cứu. Nhưng không ngờ cách đó lại có tác dụng. Con báo nghe tiếng còi xe sợ quá liền nhảy xuống và chạy trốn vào trong rừng. Tôi uống vội ngụm nước để lấy lại bình tĩnh rồi cho xe chạy tiếp đến căn cứ. Dọc đường đi tôi luôn cảnh giác vì sợ sẽ gặp những con báo khác.

*

Mặc dù đã nhận được tin báo là sẽ có hàng tiếp tế công khai cho căn cứ, nhưng không ai tin là tôi sẽ thành công. Ai cũng bảo rằng quá mạo hiểm. Thậm chí còn có sẵn phương án chiến đấu, vì lo bị giặc lừa.

Xe hàng vào tới nơi, anh em mừng quá trời. Trong đêm tối, tất cả cùng ùa ra, kể cả người ốm yếu, thương binh, động viên nhau mang vác hàng, náo nức như hội.

Khi tôi cho xe quay về tới Đà Lạt đã nửa đêm.

Tôi sang chỗ gửi xe tại tư dinh của Phước. Tại đây, cửa cổng còn để ngỏ như chờ đợi tôi. Tôi bước lên thềm tam cấp nhìn vào thấy Phước đang đi đi lại lại dáng vẻ sốt ruột lo lắng lắm.

Tôi đánh tiếng và chào theo kiểu quân sự:

- Thưa Trung tá, nhiệm vụ đã hoàn thành!

Phước chạy vội ra bắt tay tôi và dắt vào bàn ăn ở phòng trong. Anh không giấu được vẻ vui mừng:

- Anh lo quá! Lỡ em có bề nào thì anh sẽ ân hận suốt đời. Anh tự giận mình vì đã để em đi, từ chiều tới giờ đứng ngồi không yên đó, em biết không?

Tôi nhìn anh với đôi mắt ấm áp và thầm biết ơn.

Nhìn vào bàn ăn, thấy có hai cái bát, hai đôi đũa, tôi hồn nhiên hỏi Phước:

- Anh chưa ăn cơm tối sao? Thế vợ con anh đâu?

Phước cười, chỉ vào tôi:

- Vợ anh đang ngồi và đang hỏi anh đó.

Tôi trừng mắt nhìn và lắc đầu.

Anh Phước cười to, rồi gắp thức ăn cho tôi và bắt tôi kể chuyện về chuyến đi. Tôi kể cho anh nghe cách tôi đã qua khỏi các trạm kiểm soát như thế nào, cũng như niềm vui của công nhân khi nhận được gạo tiếp tế và cũng không quên cả chuyện con báo nhảy lên xe của tôi giữa cánh rừng đêm không một bóng người.

Phước lo lắng:

- Anh có đưa súng trường để em tự vệ sao em không bắn nó? Lỡ nó tấn công em thì sao?

- Lúc đó em mà mở cửa xe ra để bắn thì nó chui vào xe ngay. Em ấn còi inh ỏi, nó sợ quá đành bỏ chạy. Anh thấy đấy, em vẫn an toàn trở về mà.

Tôi cười tươi nhìn Phước như để xua tan nỗi lo lắng trong anh. Nhưng Phước vẫn không an tâm:

- Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng em làm việc này đấy nha! Không phải là anh không muốn giúp em nhưng anh không muốn bé Kim Chi vừa không có cha bên

cạnh nay lại mất mẹ. Anh đã hứa với Kiệt là sẽ chăm sóc hai mẹ con thật tốt. Em nghĩ sao nếu anh không giữ được lời hứa với Kiệt? Em hiểu ý anh chứ?

Biết có giải thích thế nào thì cũng không có kết quả nên tôi đành hứa để Phước yên lòng:

- Dạ! Lần sau em sẽ cho một công nhân về lấy hàng. Như thế được không anh?

- Thế cũng được! Em ăn cơm đi. Thức ăn nguội hết rồi.

- Xin Trung tá cho em để lần khác. Em không có bụng dạ nào ngồi ăn uống được, vì quần áo đang dơ dáy. Hơn nữa, con gái em chờ mẹ về, đang khóc cũng nên...

Thấy tôi kiên quyết từ chối, Phước bảo:

- Vậy em về đi, đừng để Kim Chi thức nhớ sữa mẹ. Tội cho con đó em ạ. Lâu rồi không được gặp con bé, anh nhớ nó quá! Lần sau em cho con đi cùng nhé! Không biết con còn nhớ anh không?

- Dạ! Lần sau em sẽ cho con bé đến thăm anh.

Tôi chào anh ra về và không quên cảm ơn anh lần nữa. Anh Phước nhìn tôi rồi trách:

- Em không cần cảm ơn anh đâu! Được giúp đỡ và lo lắng cho hai mẹ con là niềm hạnh phúc của anh mà!

Phước đưa tôi ra tận xe, anh nói:

- Anh cho lính rửa xe cho em rồi. Anh cũng đổ xăng đầy bình đó, Út ạ!

Tôi về tới nhà đã gần một giờ sáng.

Tôi cho xe chạy vào gara và vô nhà thấy bé Kim Chi đã ngủ ngon. Bế bé vào lòng, tôi hôn nhẹ lên khuôn mặt con và bỗng nhiên ứa nước mắt.

Tôi chợt nghĩ: Nếu chuyến hàng không an toàn thì liệu tôi có còn được gặp đứa con bé bỏng này nữa không?

Tôi nhớ tới câu nói của Phước: Nếu tôi không trở về thì ai sẽ chăm sóc con bé?

Tôi sợ một ngày nào đó con bé lại cũng rơi vào số phận giống tôi ngày trước.

Đêm ấy mệt quá, giấc ngủ đến tự lúc nào tôi cũng không hay...

CHƯƠNG XI
"TỈNH TRƯỞNG PHU NHÂN"

Đà Lạt, ngày 25 tháng 9 năm 1961.

Ở Bệnh viện có một sản phụ sinh khó. Tôi phải mổ cấp cứu cả hai mẹ con, đến bây giờ tôi mới xong.

Vừa về đến nhà, bước vào phòng mạch, tôi đã thấy anh Phước đang ngồi đùa với bé Kim Chi.

Phước đưa búp bê cho bé Kim Chi chơi, bé cắn rồi ném. Anh lượm đưa lại cho bé chơi tiếp. Thấy tôi về, anh đi ra cửa đón. Vì không có người chơi chung nữa, bé Kim Chi òa khóc.

Khi chị giúp việc ra bế bé Kim Chi, Phước nói rất tình cảm, vừa đủ cho tôi nghe:

- Anh cũng vừa đến thôi. Để con chơi với anh. Em cứ thay đồ rồi ra ăn cơm. Anh chờ em đói quá rồi.

Trong lúc ăn cơm, Phước ngó tôi nói:

- Những gì anh đã nói với Út hôm trước chắc Út hiểu chứ?

Tôi ấp úng:

- Dạ...! Em...!

Thấy thái độ lúng túng của tôi, Phước nói tiếp:

- Việc Út làm hôm qua không có gì là sai. Nhưng theo anh, em nên giao lại cho đám đàn ông làm sẽ thuận lợi và an toàn hơn. Em nên lo làm v.ệc nhân đạo, khám chữa bệnh giúp đời. Anh thương em đồng cảnh mồ côi, nên mới nói vậy.

Rồi Phước tâm sự:

- Năm 1945, Nhật giết chết ba má anh. Lúc đó, ông giám mục Ngô Đình Thục sợ Nhật, chạy vào rừng theo Việt Minh, gặp anh đang thất lạc cha mẹ, ông ấy đã nhận nuôi anh.

Trong lúc chạy giặc, anh giấu đem theo được một số vàng của ba mẹ anh. Khi Tây chiếu an, anh trở về nhà không người thân thích, nhờ số vàng đó anh tự nuôi thân và tiếp tục đi học. Năm 1948, anh đậu xong tú tài phần hai. Ông Giám mục cho anh sang Pháp du học...

Lấy bằng cử nhân luật xong, anh về nước thì được Ngô Đình Diệm gắn cho anh cái lon Thiếu tá Tỉnh trưởng và anh đã gặp em. Khi anh cầu hôn, em lại sang Pháp du học không một lời từ biệt.

Út đâu biết rằng bấy lâu nay, anh sống trong cô đơn và mòn mỏi tìm em. Nay gặp em giữa bao nhiêu ngang trái. Anh biết làm thế nào đây, hả Út? Vẫn hi vọng sau này em sẽ hiểu rõ anh hơn. Còn việc làm của em vừa rồi, dứt khoát phải dừng lại ở đây. Anh không muốn có ngày nhìn thấy em bị tù đày...

Lúc ấy, tôi muốn nói tất cả sự thật để anh hiểu. Rằng tôi không phải vận chuyển lương thực cho công nhân như đã nói dối anh mà là tiếp tế cho những người đồng chí Cách

mạng đang bị đói rét trong rừng. Nhưng tôi sợ hay đúng hơn là tôi không tin Phước sẽ giữ bí mật cho tôi dù tôi biết rằng anh ấy có tình cảm với tôi. Trong suy nghĩ của tôi khi đó, không thể có chuyện một Tỉnh trưởng của chính quyền Sài Gòn lại đi giúp đỡ cho một người Cộng sản, dù cho người đó là ai. Thế là tôi lại im lặng.



Đêm ấy (và nhiều đêm sau nữa), tôi đã nằm trằn trọc, thao thức không ngủ được. Tôi cứ suy nghĩ mãi về những điều anh Phước đã nói:

- Út à, em nên dừng tại đây để tập trung vào việc nhân đạo. Anh không muốn xâm phạm đến việc riêng tư của em mặc dù anh rất hiểu công việc mà em đang làm. Hiện nay bọn phản gián đang dò tìm thân thế cha mẹ của em. Bây giờ em phải đóng kịch cho đạt, hãy làm một người vợ tốt và rất ghen tuông của anh để che mắt bọn chúng. Mọi chuyện sau đó cứ để anh lo...

Tôi không rõ mức độ anh Phước đã nói "tường tận" về tôi đến đâu. Nhưng nhìn vẻ chân thành của anh và với cảm nhận của người phụ nữ, tôi tin Phước yêu và lo lắng cho tôi thật lòng. Từ đó, cứ đều đặn cách một ngày, anh lại đến nhà ăn cơm với tôi vào buổi tối.

Theo lời dặn của Phước, vào mỗi buổi chiều tan sở, tôi thường lái xe đến đón anh về nhà. Có hôm tôi đi thẳng vào phòng làm việc của ngài Tỉnh trưởng, mặt nghiêm nghị, không cười, nện gót giày nghe cồm cộp. Bởi thế, nhiều người nói «Ông Tỉnh trưởng có bà vợ ghen tuông quá»!

Một hôm, nhân lúc vui vẻ Phước gợi chuyện:

- Ai cũng hỏi anh sao ít đi chơi. Anh trả lời, tôi có vợ đẹp, con ngoan, còn đi tìm gái lạ làm gì nữa cho mệt óc. Sáng nay, vừa lái xe tới văn phòng, mấy thằng bạn anh hỏi sao ông không ở nhà với vợ? Anh đáp, vợ tôi là Bác sĩ nên sống rất khoa học, ở riêng để tránh bệnh hoạn...

Nhưng theo anh, có lẽ em nên về ở cùng anh để họ khỏi nhòm ngó. Anh có thể ngủ trên sô pha mà! Hoặc anh dọn cho em một phòng riêng ở tư dinh?

- Nhưng em không thích ở đó. Ra vào không tự nhiên.

- Vậy nên anh mới hỏi ý kiến em. Em biết không, ông Trần Minh Mẫn, Chánh án Tối cao Pháp viện cũng rất quan tâm đến em đó. Hiện ông ta đang nghỉ tại dinh của anh. Ông khích anh: "Là quan đầu tỉnh, vua một cõi, mà còn để vợ mở phòng mạch ngoài giờ vất vả làm chi !".

Ông ta còn nói: "Nếu vợ tôi đẹp như *madam* Ngọc Anh thì tôi sẽ cõng suốt đời! Dù mới gặp bà nhà có một lần nhưng tôi ấn tượng ghê gớm. Giá như có một lần được bà ấy khám bệnh cho thì có chết tôi cũng cam lòng!".

Tôi bật cười:

- Thiệt hả anh? Trên đời này vẫn còn người si tình đến vậy sao? Hay ông ta chỉ giả vờ? Từ ngày cha mẹ mất tới giờ em vẫn sợ các ông bên Phòng Hai phản gián tìm giết cho tuyệt dòng họ lắm!

Anh Phước trầm ngâm hồi lâu có vẻ lo lắng:

- Hay là em xin nghỉ trên Bệnh viện một tuần đi? Đóng cửa phòng mạch luôn rồi đưa con đi đâu chơi cũng được. Anh sẽ có cách với ông Mẫn.

Tôi lo lắng:

- Có vấn đề gì nghiêm trọng không anh? Anh làm em bắt đầu thấy bất an rồi đó.

Phước xua tay:

- Không có gì đâu. Tại em nhắc anh mới nhớ ra vấn đề nghiêm trọng hơn anh tưởng. Thôi, mình ăn cơm đi. Anh đói lắm rồi. Em yên tâm, có anh bên cạnh thì không ai dám đụng đến móng tay em đâu.

Ngày hôm sau, Phước trở về báo tin:

- Hú vía! Anh đã nhờ được bà Cố vấn Trần Lệ Xuân xác nhận em là con gái đỡ đầu của bà và là vợ của anh, đã có một đứa con chứ không bọn Trần Minh Mẫn và Trương Long thủ tiêu em rồi. Có ai đó đã báo tin em là con Cộng sản, nên anh Kiệt nhờ anh che giấu thân phận của em. Cái thằng Mẫn và thằng Long là bọn đại gian ác. Hễ thấy bọn nó ở đâu là em phải tránh mặt đi nghen!



Thế là từ hôm đó, tôi sống cảnh "vợ chồng hờ" với Tỉnh trưởng Trần Văn Phước.

Lúc nào tôi cũng như ngồi trên đống lửa, lo ngại ngày nào đó sẽ gặp chuyện không hay. Một mình tôi thì không sao, tôi có thể chịu đựng được vì một khi đã dấn thân vào con đường hoạt động bí mật này thì phải chấp nhận sự hi sinh bất cứ lúc nào. Nhưng còn Kim Chi và anh Phước nữa? Tôi sợ mình sẽ gây liên lụy đến hai người mà mình yêu thương nhất trên cõi đời này.

Một điều tôi cũng suy nghĩ nhiều nữa là sự thiệt thòi của anh Phước. Anh ấy đã và đang phải hi sinh quãng đời tuổi trẻ của mình để bảo vệ tôi. Liệu rồi tôi có giữ được lòng mình trước tình cảm vô cùng nhiệt thành của anh?

Bao nhiêu câu hỏi cứ xoay vần trong tôi, cùng biết bao toan tính cho công tác dân vận, nắm bắt tình hình kẻ thù... đã làm tôi thật sự mệt mỏi và rối bời.

Một buổi chiều, Phước về nhà với khuôn mặt tươi rói:

- Út ơi, anh có một tin vui cho em đây. Hôm nay anh được Tổng thống thăng cấp Đại tá. Tối nay anh sẽ đãi tiệc ở nhà hàng Đà Lạt, có rất nhiều quan chức đến chúc mừng. Anh nghĩ đây cũng là dịp tốt để em xuất hiện với vai trò là vợ của anh. Xin em vui lòng đứng cạnh anh, hoặc mang bó hoa tặng anh và chụp ảnh cùng anh là được.

- Hay quá! Chúc mừng anh được thăng cấp nghen! Em sẽ mang theo bé Kim Chi, để chứng tỏ với mọi người. Làm gì, làm thế nào cũng được, miễn là lòng chúng ta trong sạch. Từ hồi ba mẹ mất cho đến nay, chỉ khi được ở bên anh, em mới có được những giây phút vui vẻ, mới có được cảm giác bình an...

Anh Phước cười rạng rỡ và đặt lên mái tóc tôi một nụ hôn như ngày đầu mới gặp ở Vĩnh Long...

*

Đà Lạt, tối ngày 29 tháng 9 năm 1961.

Tôi và bé Kim Chi đi dự dạ hội tại nhà hàng Đà Lạt. Tại đây, các quan khách hành chính, quân sự cả tỉnh đã có

mặt đầy đủ. Có cả Đại tướng Lê Văn Ty từ Sài Gòn lên làm lễ phong cấp bậc hàm Đại tá cho Tỉnh trưởng Tuyên Đức Trần Văn Phước.

Phước đưa tôi và Kim Chi đi đáp lễ từ bàn này qua bàn khác. Tôi cố tỏ ra rất tình tứ với anh để mọi người không nghi ngờ gì. Quan khách dự tiệc đều không tiếc lời khen ngợi Tân Đại tá Tỉnh trưởng có "vợ đẹp, con ngoan".

Sau bữa tiệc, mọi người cùng khiêu vũ trong tiếng nhạc nhẹ nhàng. Được một lát thì tôi nhận được tin báo phải về Bệnh viện gấp do có ca cấp cứu. Một thợ săn và lính bắn nhau ở Lạc Dương.

Lúc ra xe, bé Kim Chi cứ đòi theo Phước nên tôi phải giao con gái lại cho anh Phước.

Công việc cấp cứu ở Bệnh viện kéo dài đến một giờ sáng. Bệnh nhân mất máu khá nhiều do chạm súng. Sáu giờ sáng, anh Phước đến Bệnh viện đón tôi về nhà và bắt nghỉ ngơi.

- Em mới bệnh xong, giờ thức khuya nữa là không tốt đâu. Cố gắng ngủ một xíu đi. Bé Kim Chi đã có anh lo rồi.

Tôi xúc động nhưng do mệt mỏi quá nên chỉ nói được một câu cám ơn rồi lui về phòng, ngủ một mạch tới mười một giờ trưa mới thức dậy làm việc tiếp.

Nhìn bề ngoài ai cũng nói gia đình chúng tôi thật hạnh phúc. Mà quả thật những ngày tháng ấy tôi thấy mình đã rất hạnh phúc. Tôi được yêu và cảm thấy được chăm sóc, được bảo vệ che chở bởi người yêu mình.

Phước đối với tôi lúc nào cũng dịu dàng, ân cần như muốn bù đắp tất cả những thiệt thòi mà tôi đã phải trải qua.

Tôi luôn biết ơn anh một cách sâu sắc về điều đó. Mặc dù vậy, tôi vẫn cố gắng giữ một khoảng cách nhất định đối với anh. Nghĩa vụ và trách nhiệm với Cách mạng còn lớn hơn tình yêu mà chúng tôi dành cho nhau.

Sau này, mỗi khi có thời gian nhớ lại khoảng thời gian ấm áp, ngọt ngào đó, tôi luôn cảm thấy an ủi và có một sức mạnh vô hình động viên mình phải đứng dậy, phải vượt qua những khó khăn, trắc trở mà cuộc đời tôi phải gánh chịu...

Một lần, đang khám cho bệnh nhân thì anh Phước bước vào, nồng nặc men rượu. Đi cùng anh còn có một người khách nữa. Khi tôi bước ra chào hỏi thì nhận ra người đó là Trần Minh Mẫn - Chánh án Tối cao Pháp viện, kiêm Trùm tình báo phủ Tổng thống Sài Gòn. Ông ta nhờ tôi khám bệnh, nhưng Phước không chịu và còn nói toàn những lời khó nghe với tôi:

- Anh đâu có để vợ con đói mà em phải khám cho người đàn ông khác...

Tôi phải xin lỗi, nài nỉ mãi anh mới thôi không ghen tuông.

Sau lần ấy ông Mẫn phải công nhận chúng tôi là vợ chồng thật và không còn điều tra về thân thế của tôi nữa.

Tôi cũng không ngờ sự việc được giải đáp tốt như vậy. Màn kịch do anh Phước đạo diễn đã thành công ngoài sự mong đợi của tôi. Tôi lại tiếp tục hoạt động Cách mạng trong lòng địch, mà anh Phước chính là tấm lá chắn an toàn nhất cho tôi thời gian đó.

CHƯƠNG XII

NHỮNG CHIẾC SAMSONITE ĐẦY VÀNG VÀ ĐÔ-LA

Có một chuyện xảy ra trong quá trình chúng tôi đóng vai "vợ chồng hờ" mà mãi đến sau này tôi mới lý giải được.

Một buổi trưa, anh Phước đang nằm ngủ trên ghế sô pha thì có tiếng chuông cửa. Tôi ra mở thì thấy người đàn ông da ngăm đen nói tiếng Việt không chuẩn. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Anh cần gì?

Anh ta lúng túng, không biết diễn tả như thế nào nên rút cây bút trong túi ra ghi mấy chữ vào tấm danh thiếp rồi đưa cho tôi. Thì ra là anh ta muốn gặp Đại tá Tỉnh trưởng Trần Văn Phước.

Tôi mời người đàn ông ấy vào nhà rồi qua phòng ngủ của anh Phước gọi anh dậy. Nghe mô tả sơ qua về người lạ, anh Phước liền bật dậy, bước ra phòng khách, siết chặt tay người đàn ông rồi giới thiệu với tôi:

- Đây là anh Xanh Ksơn, người gốc Viên Chăn, bạn làm ăn của anh. Còn đây là Ngọc Anh, vợ của tôi, người sẽ đi cùng anh hôm nay.

Tôi còn đang trố mắt ngạc nhiên, thì anh Phước quay sang giải thích:

- Vội quá nên anh chưa kịp nói với em. Hôm nay em đi cùng anh này qua Viên Chăn nhận giúp anh một số hàng hóa. Em đi chuyến bay lúc một giờ rưỡi chiều nay nhé!

Tôi hốt hoảng:

- Em làm gì có giấy xuất cảnh mà đi, lại chưa xin phép Bệnh viện nữa?

- Em yên tâm, anh đã lo thủ tục xuất cảnh cho em rồi. Còn giấy phép thì cứ để anh giải quyết. Em mang theo một ít quần áo, lúc đi thì nhớ mặc theo kiểu phụ nữ người Hoa. Mười giờ ngày mai anh sẽ đợi em ở sân bay Liên Khàng.

- Nhưng đi ra nước ngoài là việc lớn. Ít nhất thì anh phải cho em biết trước thời gian, cùng bàn bạc, chuẩn bị nữa chứ! Sao anh tin rằng em sẽ đồng ý. Em có phải là lính dưới quyền của anh đâu!

- Thì anh nhờ em thôi. Việc này quan trọng lắm, liên quan đến nhiều người, lẽ ra anh phải trực tiếp đi. Nhưng Xanh Ksơn sang bất ngờ. Anh đã cân nhắc kỹ rồi. Chỉ có em đi là thích hợp nhất. Để lúc nào điều kiện cho phép, anh sẽ kể hết em nghe... Giờ không còn thời gian nữa. Máy bay đã sẵn sang và đang chờ em ở Liên Khàng rồi đó.

(Hồi đó, sân bay Liên Khương ở Đà Lạt còn mang tên là Liên Khàng. Đó cũng là tên một thác nước và tên một cao nguyên nổi tiếng ở đây. Đọc theo âm K'Ho bản địa thì *Liên Khàng* có nghĩa là *Tố Kiến Vàng*. Từ năm 1962, người ta đã khánh thành *Sân bay Liên Khương* và cái tên *Sân bay Liên Khàng* cũng bị lãng quên dần từ đó).

Nói xong, không đợi tôi phản ứng anh Phước đã đẩy tôi vào trong để lo thu xếp đồ đạc. Còn hai người đàn ông bên ngoài nói với nhau bằng tiếng Lào nên tôi không hiểu được.

Nửa tiếng sau, tôi rời khỏi nhà cùng Xanh Ksơn đến sân bay. Chiếc Đacota bay chậm, rất ồn, rung và xóc...

*

Vừa tới Lào, đã có xe chờ đón chúng tôi. Tôi nghỉ tại Khách sạn *Sanghai*. Đứng trên lầu nhìn xuống đường phố, tôi thấy có cả khách ngoại quốc, phương Tây, phương Đông và nhiều cửa hàng của Pháp, Anh, Hoa kiều,... Xanh ksơn đưa bộ đồ của phụ nữ Lào cho tôi thay, đợi tôi trang điểm rồi đưa đi dạo phố.

Vừa bước ra khỏi khách sạn thì tôi bị một người đàn bà trên lầu đổ nước ướt hết bộ đồ mới. Xanh Ksơn giải thích hôm nay là ngày Lễ tạ ơn của người Lào, ai đi ngoài phố được tưới nước là may mắn lắm. Tôi không biết may mắn cỡ nào, mà chỉ biết dở khóc dở cười với bộ đồ ướt rất khó chịu.

Một đoàn người, độ hai mươi người đàn ông đầu trọc, mặc áo cà sa vàng đi ngoài phố. Vừa lúc đó, có một người đàn ông mặc cổ trang đang ngồi ngất ngưởng trên thớt voi,

thấy đoàn tăng lữ đi qua liền cho voi quỳ lạy. Tôi chợt hiểu người dân của đất nước Triệu Voi rất sùng đạo Phật.

Đêm đó, Xanh Ksơn biến đi đâu, mãi bảy giờ sáng hôm sau mới về. Anh ta xách theo một chiếc samsonite có khóa số, giục tôi chuẩn bị gấp. Rồi chúng tôi đi taxi đến một cửa hàng kim hoàn trên một con phố nhỏ.

Xanh Kson nói gì đó với ông chủ cửa hàng. Lát sau, ông ta mang ra khoảng hai mươi bọc giấy nhỏ nhưng khá nặng, được buộc bằng chỉ xanh và chỉ đỏ, xếp vừa khít vào chiếc samsonite.

Chúng tôi quay lại khách sạn, ăn sáng vội vàng, trả phòng, rồi lại lên xe phóng gấp ra sân bay. Vì là xe của Nha quan thuế nên đã đưa hai người vào tận cầu thang máy bay mà không bị ai xét hỏi gì. Xanh Kson trao cho tôi chiếc samsonite và vẫy chào tạm biệt.

Chiếc Dacota hạ cánh xuống sân bay Liên Khàng lúc 10 giờ 30 phút. Khi xách chiếc samsonite bước xuống, tôi đã thấy anh Phước tươi cười đón đợi dưới chân cầu thang có cả bé Kim Chi. Con bé mừng rỡ ôm lấy tôi, miệng tíu tít như con chim non.

Tiếp nhận chiếc samsonite nặng khoảng hai chục cân từ tay tôi đưa, anh Phước đặt cẩn trọng lên xe. Trên đường về anh Phước hỏi:

- Em qua Lào trong một thời gian ngắn như vậy có kịp quan sát sinh hoạt bên đó không? Khi nào có thời gian anh sẽ đưa em qua Thái Lan và Miến Điện để em thấy được nền kinh tế của người ta phát triển đến mức nào. Mạnh nhất thì phải kể đến Mã Lai. Bên đó người ta dùng nhớt cặn để ngâm gỗ và dùng gỗ đó để làm trụ điện. Việt Nam mình toàn

khai thác gỗ thông rồi đưa sang đó thuê ngâm cặn dầu, tám tháng sau thì trả về.

Tôi đang còn ậm ừ và ngạc nhiên về những hiểu biết của anh Phước thì anh đã tiếp lời:

- Em thấy nước ngoài giữ vệ sinh môi trường không? Ở nước mình thì chẳng để ý tới mấy chuyện đó, cứ chạy theo chiến tranh, đưa vũ khí, đưa Cố vấn Hoa Kỳ vào Việt Nam. Mỹ hiếu chiến lắm. Anh đang điên đầu với bao nhiêu công việc chồng chất, đối nội thì lo kinh tế dân sinh, đối ngoại thì lo tiếp đoàn ngoại quốc vào Đà Lạt.

Đang còn loay hoay giữ bé Kim Chi khỏi nhoài người ra khỏi cửa thì anh Phước chụp lấy tay tôi bóp nhẹ và nói khẽ như sợ ai nghe thấy:

- Em có biết mình vừa vận chuyển loại hàng gì từ Lào về không?

Tôi lắc đầu cười. Nguyên tắc bí mật, không cho phép tôi tò mò. Nhưng tôi chỉ cảm nhận được rằng cái samsonite rất có giá trị.

- Toàn vàng và đôla đó. Chỗ này, đủ để một người bình thường sống cả đời chưa hết. Chúng ta phải có nghĩa vụ vận chuyển, bảo vệ tuyệt đối an toàn, dù phải hi sinh cả mạng sống...

Thấy tôi im lặng. Phước tiếp lời:

- Tuy nhiên, không thể cái chi cũng liều mình để rồi hi sinh. Hôm nay anh muốn nói với Út điều này: Chuyện làm ăn của em, anh không bao giờ xâm phạm. Anh chỉ nhắc em cẩn thận về việc khai thác nhựa thông và trụ đèn. Em nên để cho các nhà thầu họ đấu thầu. Còn em nên tập trung vào

công tác nhân đạo cứu người chớ anh thấy em bạo gan quá. Dám lái xe đi trong đêm... Ở đây anh tuyệt đối không nói gì về vấn đề Cộng sản hoạt động mạnh. Chỉ có thể khuyên em nên dừng lại để đàn ông họ làm. Nguy hiểm lắm, dễ vào tù như chơi...

Tôi ngồi nghe mà hoang mang cực độ, không biết nói gì mà chỉ im lặng nhìn về phía trước. Có lẽ anh Phước đã đoán ra mọi việc mà tôi đang làm?

Nhưng còn anh Phước thì sao? Tôi vẫn còn đang thắc mắc về những vật chứa trong chiếc samsonite kia, nhưng không dám hỏi anh một điều gì vì hiểu tính anh Phước, cái gì cần nói thì anh đã nói rồi.

Tôi về thẳng Bệnh viện để bàn giao công việc cho Bác sĩ Phạm Dụng Hường vì anh Phước nói còn một số công việc ở Sài Gòn cần tôi đi cùng.



Sáng hôm sau, chúng tôi lên máy bay quân sự để cùng về Tân Sơn Nhất.

Đã có xe đợi sẵn, đưa tôi và anh Phước cùng về Tân Thuận, đến một ngôi chùa. Xe dừng, tôi ngạc nhiên thấy anh Hai Xô đang bỏ khoai cho chùa.

Anh Phước bước vội xuống, xách cái samsonite đi vào chùa, anh Hai Xô vác bao khoai đi sau. Tôi nghe giọng anh Phước thoảng trong tiếng tụng kinh, gõ mõ:

- Dạ, đây là mười sáu ký, tôi xin giao lại cho anh Tư Thường!

Anh Phước vừa ra khỏi phòng thì anh Hai Xô từ nhà bếp tới, vẻ cung kính:

- Thưa thầy, tôi đã để khoai ở bếp, xin thầy cho tiền công.

Tiếng trầm ấm của người đàn ông trong gian phòng vang lên:

- Mời ông vào lấy tiền công!

Anh Hai Xô vào độ năm phút sau thì đi ra, ôm theo một túi giấy dầu khá nặng.

Tôi không dám hỏi thêm vì thấy mặt anh Phước rất căng thẳng, lại cũng không dám gọi tên anh Hai Xô, bèn lẽo đẽo theo sau lên xe, lòng vẫn phân vân không thôi về cái cặp samsonite ấy và về cả anh Phước nữa.

Tại sao anh Hai Xô thấy tôi nhưng vờ như không nhận ra?

Bây giờ, khi ngồi nhớ lại chuyện này, tôi mới thấy mình còn rất nhiều yếu kém trong việc nhìn nhận, đánh giá một sự vật, hiện tượng.

Lúc nào tôi cũng tự tin vào bản năng của mình, nhưng lại không lý giải được những hành động bí mật của anh Phước.

Tôi luôn cảm thấy mệt mỏi vì những suy nghĩ, đấu tranh trong tư tưởng của mình...

CHƯƠNG XIII

ĐẠI TÁ TỈNH TRƯỞNG ĐÃ TỰ TỬ VÌ TÌNH?

Đà Lạt, ngày 5 tháng 10 năm 1961.

Đó là ngày sinh nhật của Đại tá Tỉnh trưởng Trần Văn Phước.

Lúc mười chín giờ, anh Phước đến nhà tôi cười nói vui vẻ. Anh mặc chiếc áo vetton cài hoa trắng trông rất lịch sự. Anh nói trong men rượu:

- Ngọc Anh! Anh vừa mới dự tiệc xã giao với các quan khách. Bây giờ, đến thời gian của hai đứa mình, chỉ có anh và em thôi. Anh đi đón vợ anh về dinh mừng sinh nhật nên trang trọng thế này đây, em có vui không?

- Lâu lắm rồi, em mới thấy anh toàn mặc sơ mi và quần âu, chưa thấy anh mặc vetton bao giờ. Hôm nay, trịnh trọng quá ha!

Phước đến gần tôi, nói nhỏ:

- Từ ngày gặp em đến nay, soi xét kỹ chính bản thân mình, anh chưa làm điều gì tội lỗi. Một lần, về Gia Định gặp Docteur Đào Tuấn Kiệt, anh đã hỏi Kiệt là: "Tại sao cưới em

đã có con, mà hai người lại hai ngả?". Kiệt nói: "Chúng tôi lấy nhau sống trong lễ giáo, có con đó là hạnh phúc rồi". Thấy mâu thuẫn quá, anh lại hỏi Kiệt: "Docteur tự dối lòng, đem bình phong che tội lỗi? Tại sao ép buộc Ngọc Anh rồi lại chia tay?". Kiệt đáp: "Tôi có chia tay bao giờ, vợ đẹp con xinh, Út là người có tài có đức, lại con nhà gia giáo. Chúng tôi tuy xa mà gần, do công việc Nhà nước xếp đặt...".

Phước lại nói tiếp:

- Hôm nay, chỉ có anh và em với ngọn đèn này, anh muốn hỏi em một điều: Quan hệ của vợ chồng em có đúng như anh Kiệt nói không?

- Nghĩa là sao? Em chưa hiểu ý anh?

- Có đúng là em và Kiệt vẫn yêu nhau, nhưng vì công việc mà phải xa nhau. Em và Kiệt vẫn hạnh phúc?

- Tại sao anh lại hỏi vậy?

- Vì anh cần biết điều đó. Thực sự nó rất quan trọng đối với anh.

- Nếu đúng thì sao? Và không đúng thì sao? Và các anh còn định "đấu súng" với nhau nữa không?

- Trời ơi! Sao em nỡ hỏi anh như thế? Chẳng lẽ em không nhận ra tình cảm của anh đã dành cho em bấy lâu nay hay sao? Trong trái tim em, không có một chút nào dành cho anh hay sao?

Tôi xót xa thương mình, thương Phước vô hạn, nhưng tôi phải kìm nén lòng mình. Cố kìm nước mắt đang chực trào tuôn, cố kìm những tiếng nức nở đang muốn vỡ oà lồng ngực, cố ra vẻ bình tĩnh, tôi nói với anh:

- Xin anh đừng nói thế. Em cảm ơn tình cảm của anh đã đã dành cho em. Nhưng em đã có chồng và có con. Em đang hạnh phúc vì điều ấy. Em không muốn là người phản bội Kiệt...

Phước bỗng bật dậy, giọng nói và vẻ mặt đầy quyết liệt:

- Em nói dối! Em đang tự dối mình và dối anh. Anh biết rằng em và Kiệt không hề hạnh phúc. Anh đọc được điều ấy trong ánh mắt, giọng nói, gương mặt của em và cả của Kiệt nữa.

Thấy tôi im lặng, Phước uống một cốc rượu đầy, buông người ngồi phịch xuống ghế. Nỗi chán chường và thất vọng hiện ra mặt anh.

Rồi Phước bất ngờ nghẹn ngào nói:

- Út ơi! Anh rất yêu em, yêu hơn cả mạng sống của mình, em có biết không? Anh luôn sẵn sàng làm bất cứ việc gì em yêu cầu. Nếu cần, anh có thể sẽ chết cho em sống vui vẻ và hạnh phúc. Thà như thế còn hơn hàng ngày để hạnh phúc đó chà đạp lên trái tim anh!

- Nhưng em đã có chồng! Em không còn là cô thiếu nữ mười tám tuổi năm xưa mà anh đã từng yêu.

- Dù em có là ai thì tình yêu anh dành cho em vẫn không thay đổi, vẫn vẹn nguyên như ngày nào. Em biết không, nhiều đêm anh đứng ngắm nhìn em đang say sưa trong giấc ngủ mà thầm ao ước được ôm em vào lòng. Lúc em lên cơn sốt run vì lạnh, anh muốn nỗi đau đó truyền sang anh. Nhìn tấm ảnh của em chụp cùng anh và con mà anh mỉm cười tự an ủi chính mình: vợ mình thật đẹp, con mình thật xinh...

Thấy thái độ của Phước rất khác lạ, tôi liền dịu giọng nói:

- Em hiểu lòng anh mà. Em cảm ơn anh nhiều vì đã dành tình cảm cho em. Nhưng em đã không còn xứng đáng với anh nữa. Xin hãy coi em như một người em gái của anh...

- "Em gái"? Đôi khi anh cũng cố kìm nén tình cảm của mình để có thể coi em là một người em gái nhưng trái tim anh không cho phép anh làm điều đó. Mỗi khi anh đi làm có em tiễn chân ở cổng, và lúc về lại được ngắm nhìn khuôn mặt em, rồi chúng mình cùng nhau quây quần bên mâm cơm... Tất cả với anh là một mái ấm gia đình mà chỉ có em và con mới có thể đem lại cho anh hạnh phúc...

- Rồi anh sẽ tìm được hạnh phúc thực sự, một mái ấm gia đình với người con gái khác tốt hơn em.

- Không! Không bao giờ anh muốn như vậy! Hôm nay, anh muốn chúng mình hãy thật sự là của nhau... Dù chỉ một lần thôi...

- Anh say rồi!

- Không, anh đang tỉnh hơn bao giờ hết. Anh muốn say lắm, nhưng uống mãi rồi mà vẫn cứ tỉnh mới khổ cho anh chớ! Út, nghe anh đi. Mình hãy thật sự là của nhau đi! Một lần thôi...

- Anh mà còn nói thế nữa, em bỏ về luôn đó!

- Thôi mà, em không đồng ý, anh đâu có cưỡng ép chớ!

Phước lại rót thêm một cốc rượu đầy. Tôi muốn ngăn anh lại, nhưng không kịp. Phước đã nhanh chóng uống cạn một hơi.

- Em xin anh đừng uống nữa. Anh say mất.

- Kệ anh. Hãy cho anh say một lần vì em. Rồi anh sẽ chết trong cơn say cũng thú vị lắm đó...

Tôi cứ tưởng Phước chỉ nói đùa vậy, để chứng tỏ tình cảm của mình dành cho tôi mãnh liệt nhường nào. Nhưng không, anh bất ngờ rút khẩu súng Col 45, lên đạn và chĩa vào ngực mình...

Tôi hoảng quá, hét lên:

- Đừng mà anh. Nghe em nói đã nào...

Rồi tôi lao tới để gạt nòng súng ra. Tôi tìm cách khóa tay anh. Chúng tôi giằng co, loạng choạng rồi ngã chồng lên nhau. Một tiếng súng nổ vang, chiếc bàn ăn đổ nghiêng, bát đĩa rơi loảng xoảng.

Tôi dìu Phước đứng dậy, hết hồn khi nhìn thấy một dòng máu đỏ từ bụng anh chảy ra ướt cả áo sơ mi trắng. Vậy mà trên môi Phước lại đang nở một nụ cười như mếu:

- Được chết trên tay người mình yêu, anh thật hạnh phúc!

Phước làm tôi lo sợ và cuống cả lên. Vừa thương, vừa bực mình, vừa lo lắng, tôi vội giục người lính hầu cận cùng dìu anh Phước đưa lên xe đến Bệnh viện.

Tôi định sẽ tự mình tiến hành ca giải phẫu bất đắc dĩ cho anh ngay sau đó. Nhưng rất may là sau khi súng cướp cò, viên đạn chỉ gây vết thương phần mềm, chưa vào đến ổ

bụng, không thủng đoạn ruột nào... Tôi đã tiêm thuốc tê, rồi khử trùng, khâu vài mũi là xong.

Khi tỉnh lại, Phước nhìn tôi buồn lặng lẽ.

Tôi tự chăm sóc anh khoảng một tuần thì xuất viện.

Thấy Phước bỗng ít nói, ít cười, như thay đổi tính nết, tôi trách anh:

- Ngày sinh nhật của anh, Út phải làm việc quá nhiều. Em còn phải khóc vì giận mình, vì thương anh bị trúng đạn. Đã vậy còn bị cảnh sát hoạnh họe lôi thôi nữa chứ.

Phước bật dậy:

- Kẻ nào dám hỏi?

- Anh hỏi để làm gì? Anh đâu có thương em! Anh chết rồi, còn có ai khóc, còn có ai thưa kiện cho anh đâu? Chỉ có em là người anh thường lui tới. Nếu chẳng may anh trúng đạn chỗ hiểm, em phải vào tù, anh muốn thế sao?

Phước căng mặt làm thinh trước những lời của tôi. Không muốn làm anh Phước thêm buồn, tôi động viên:

- Anh cần nghỉ ngơi để bình phục hoàn toàn rồi chúng mình nói chuyện với nhau. Em nghĩ, chúng mình còn rất nhiều chuyện cần giải quyết.

Nghe tôi nói vậy, Phước nắm chặt tay tôi:

- Em sẽ không rời xa anh chứ?

- Sao anh lại nói vậy? Nếu anh không muốn em và Kim Chi rời xa anh thì anh phải mau chóng khỏe lại để còn chăm sóc hai mẹ con em.

Sau khi đã ép anh uống hết li sữa, tôi chào anh ra về. Từ đó, tôi cũng hạn chế gặp Phước để tránh chuyện tương tự xảy ra.



Thời gian sau, Phước lại đến nhà ăn cơm với tôi như lúc trước và không nhắc gì đến chuyện đã xảy ra.

Một hôm tôi mệt, phải nghỉ việc ở Bệnh viện. Phước đến hỏi tôi:

- Gạo nuôi công nhân có cần chở thêm, thì anh cho xuất kho. Còn mười ngày nữa anh phải bàn giao chức vụ Tỉnh trưởng cho ông Nguyễn Ngọc Bích.

Nghe Phước thông báo, tôi giật mình. Tôi hỏi anh:

- Tại sao lại thế ạ? Em và con đã làm gì có lỗi hay sao mà anh lại ra đi?

Anh Phước nhìn tôi rồi nhẹ nhàng nói:

- Không phải vậy đâu! Hôm nào có thời gian anh sẽ kể cho em nghe. Có thể đây là lần cuối cùng anh giúp được em và con. Vì vậy, em cần bao nhiêu hàng cứ nói, anh sẽ đáp ứng đầy đủ theo nhu cầu.

Dù chưa biết lý do tại sao anh Phước lại chuyển đi, nhưng lúc đó thời gian không cho phép tôi đắn đo suy nghĩ. Tôi nói với anh số lương thực cần để tiếp tế cho công nhân. Anh Phước im lặng một lát rồi nói:

- Sáng mai anh sẽ cho xuất kho đúng số hàng em cần. Hi vọng số hàng này sẽ giúp em bớt phần khó khăn.

Tôi nhìn anh và nói:

- Mẹ con em cảm ơn anh. Anh đã vì hai mẹ con em quá nhiều! Thế mà em...

Tôi cố ngăn dòng nước mắt không khóc trước mặt anh nhưng lại không thể. Thấy vậy, Phước ôm tôi vào lòng, đặt một nụ hôn lên trán tôi rồi nói:

- Em đừng như vậy. Anh giúp em cũng chính là anh đang giúp mình mà.

Tôi muốn nói với anh điều gì đó nhưng chợt nghĩ có lẽ im lặng sẽ tốt hơn cho cả hai. Tôi hẹn anh đúng giờ sẽ có mặt ở kho hàng và xin phép anh ra về chuẩn bị cho chuyến đi sắp tới.

Về nhà, tôi dặn kỹ người giúp việc, nhờ lo cho bé Kim Chi ăn ngủ cẩn thận, phòng xa đêm ấy tôi không kịp về. Mỗi chuyến đi như thế này, thực sự là người chiến sĩ vào trận đánh, sẵn sàng đổ máu và hi sinh. Tôi chợt nghĩ, nếu mình có mệnh hệ nào, bé Kim Chi mồ côi mẹ sẽ sống ra sao. Tôi ôm chặt con bé ôm hôn nó mà nước mắt ứa ra. Nhưng đây là cơ hội, một xe hàng tiếp tế được cho căn cứ quý vô cùng, có thể cứu được bao nhiêu cán bộ chiến sĩ, thương binh, bệnh binh... nên dù phải mạo hiểm, hi sinh tính mạng một cá nhân như tôi thì có là gì, nên không thể không thực hiện. Phải bằng mọi giá hoàn thành nhiệm vụ!

Lần này, Phước xuất kho cho tôi bốn tấn gạo và một trăm ký muối hạt; Ngoài ra, còn có một số hòm thuốc quân y và rất nhiều đường, sữa, bột ngọt, thuốc lá. Phước cho tôi mượn chiếc xe tải Desoto để chở hàng. Tôi nhận xong, lại tự lái xe đưa về hướng cửa khẩu Đại Ninh. Nhờ có chiếc xe và công lệnh đặc biệt của Đại tá Tỉnh trưởng, tôi đã vượt qua tất cả trạm kiểm soát gắt gao của địch. Giao hàng cho căn

cứ của ta khá thuận lợi. Khoảng 20 giờ, tôi về tới thành phố Đà Lạt, đem xe vào trả cho Tỉnh trưởng...

Phước mặc thường phục, đang ngồi lặng lẽ đợi tôi bên mâm cơm và một chai rượu nhẹ. Thấy tôi về, anh mừng ra mặt, vội đứng lên, giọng không giấu được sự hồi hộp:

- Anh thật là kẻ đáng trách! Đã bao lần anh nói với em rằng công việc em vừa làm là của đàn ông... Vậy mà không hiểu sao hôm nay anh lại chủ động gợi ý cho em đi. Từ lúc em lên xe, anh đứng ngồi không yên. Nếu em có chuyện gì thì anh sẽ ân hận suốt đời. Mà không có em thì anh biết sống sao đây? Em về bình an nguyên vẹn thế này là anh yên tâm lắm rồi. Thôi từ nay anh không cho em mạo hiểm nữa. Nào, chúng mình cùng ăn cơm đi, anh đợi em mãi, giờ cũng thấy đói lắm rồi.

Được Phước tạo điều kiện hoàn thành nhiệm vụ, lại lo lắng, quan tâm, chăm sóc... tôi cảm động lắm đã định ngồi xuống bàn ăn, nhưng chợt nhớ ra, vội kêu lên:

- Ôi, em không thể ngồi ăn được, vì vừa đi xa về, người đầy mồ hôi, quần áo dơ lắm... Thôi để em về tắm rửa, thay đồ... chứ ngồi cạnh anh thế này kỳ quá à. Anh chịu khó ăn một mình nha. Bữa khác em sẽ đến...

Anh Phước nhìn tôi, lắc đầu, cười thật hiền:

- Biết đến bao giờ chúng mình mới lại có cơ hội được bên nhau thanh thản như thế này đây? Em không cần phải về, hay đi đâu cả. Trong phòng tắm đã có sẵn đồ cho em thay đó. Anh mua cho em lâu rồi mà chưa có dịp dùng, em vào tắm, rồi thử đồ luôn đi, nhanh còn ra ăn cơm.

Không còn lý do nào từ chối, tôi ngoan ngoãn vào phòng tắm của Phước và xả nước ấm nên người. Cái phòng

tắm nhỏ, xinh nhưng hình như anh đã chuẩn bị sẵn cho tôi không thiếu một thứ gì: từ dầu gội, sữa tắm, xà bông thơm, nước hoa Pháp... Bộ đồ mặc trong nhà, Phước mua cho tôi mặc hơi rộng một chút, nhưng màu rất hợp, tôn màu da trắng hồng của tôi lên thêm...

Khi tôi vừa từ phòng tắm bước ra, Phước nhìn, không giấu được vẻ sững sờ, thốt lên:

- Em mặc bộ đồ này rất hợp, đẹp quá!

Tôi biết anh không hề nịnh, nên đỏ mặt vì lời khen, vội nói:

- Thôi mình ăn cơm đi, em cũng đói bụng rồi.

Phước rót đầy hai ly rượu sữa hảo hạng của Pháp, trao cho tôi một ly, giọng rất xúc động:

- Em có nhớ hôm nay là ngày đặc biệt gì không? Kỷ niệm tròn một tháng, ngày em đã cứu chữa cho anh thoát chết. May sao viên đạn từ chính khẩu súng của anh bắn ra, lại không vào đầu, hay vào ngực, mà chỉ sượt nhẹ qua bụng...

- Ôi, nhanh thật, em vô tâm quá, mà anh đã bình phục hẳn chưa?

- Anh khỏi lâu rồi. Giờ chỉ còn lại một vết thẹo đáng nhớ trong đời... Chúng mình phải uống mừng sự kiện này.

- Vâng, chúc mừng anh đã "tai qua nạn khỏi"!

Chúng tôi cùng cạn ly. Phước rót đầy một ly khác:

- Còn ly rượu này, anh muốn cảm ơn em vì chuyến đi bất ngờ sang Lào tháng trước, đã giúp anh hoàn thành nhiệm vụ. Anh được trên biểu dương, nhưng thực ra đó là thành tích của em...

Phước lại rót đầy ly rượu thứ ba. Tôi vội ngăn lại, và kêu lên:

- Phải cho em ăn đã chứ, kẻo xỉn mất đó

- Xỉn sao được, rượu nhẹ mà. Nghe anh nói đã: Ly rượu này anh muốn cảm ơn em về chuyến hàng vừa rồi. Một lần nữa anh xin lỗi em vì sự mạo hiểm mà một nữ bác sĩ chân yếu tay mềm như em phải gánh chịu. Anh cảm ơn em đã thay anh làm được một việc lớn và trở về với anh an toàn.

- Không, em phải cảm ơn anh mới phải, vì anh đã lo cho mẹ con em mà bất chấp nguy hiểm. Anh đã mang cả uy tín của một vị Đại tá – Tỉnh trưởng ra để bảo lãnh cho em hoàn thành tâm nguyện. Em không biết lấy gì để trả ơn anh.

- Em đừng nói thế, kẻo anh buồn đó. Chỉ cần em uống cạn thêm ly này nữa là anh vui lắm rồi.

Lại một lần nữa, toàn những lý do không thể từ chối, tôi đã uống cạn ly rượu thứ ba. Rồi anh Phước giục tôi ăn cơm. Anh gắp thức ăn đầy chén của tôi...

Vì trong bụng đang đói, lại uống liền ba ly, nên dù là rượu nhẹ, nhưng đầu đã hơi ngây ngất. Tôi ăn vội vàng chén cơm và thức ăn trong men say chếnh choáng. Uống thêm chén canh nóng nữa, thì tôi cảm thấy đầu óc lơ mơ chỉ muốn đi nằm.

Tôi láng máng thấy Phước dìu tôi vào giường. Nhưng không phải là tôi đi, mà hình như đã cùng anh bay lên rất nhẹ nhàng uyển chuyển. Điều kỳ diệu hơn là chúng tôi cùng mặc đồ cưới. Phước lịch lãm trong bộ comple màu kem trắng. Trông anh trẻ lắm, hệt như hồi mới làm Tỉnh trưởng Vĩnh Long. Còn tôi trong chiếc váy cưới hở vai, bó sát người, viền đăng ten quý phái, voan trắng muốt... Đêm đó, cả hai chúng

tôi cùng hạnh phúc vô cùng... Tôi đã trao cho anh tất cả với niềm yêu thương, nhung nhớ và nỗi đam mê đến cháy bỏng...

Tôi chỉ thật sự tỉnh dậy khi trời đã sáng hẳn. Ngó nhìn căn phòng ngủ và mùi nước hoa thơm dịu nhẹ, tôi vẫn ngỡ là mình đang mơ. Nhưng không phải tôi mơ, mà Phước còn đang nằm bên cạnh đây. Tôi hiểu chuyện gì đã xảy ra đêm qua và bỗng dưng bật khóc. Tôi khóc vì ân hận, bởi đã làm điều sai trái với Giáo sư – Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt, người chồng tốt bụng đang ở nơi xa; tôi cũng khóc cho hạnh phúc muộn mằn giữa tôi và Phước. Khóc cho mối tình oái ăm, hư thực, với cái danh ảo "Tỉnh trưởng phu nhân"của tôi.

Biết tôi đã tỉnh ngủ, Phước quay lại lặng lẽ ôm lấy tôi. Bộ ngực trần vạm vỡ, tin cậy, cánh tay săn chắc, che chắn, mùi mồ hôi gây nồng của người đàn ông vừa lạ, vừa quen... Tất cả đã khiến tôi không cưỡng lại được chính mình về sự khao khát dâng hiến đã bị kìm nén bao lâu nay. Tôi chủ động đặt nụ hôn lên môi anh. Chỉ đợi có thế, Phước đè lên người tôi, ôm chặt hơn. Những giọt nước mắt nóng hổi nơi khoé mắt tôi cứ tuôn trào, nước mắt của dằn vặt của khao khát, của cô đơn, của yêu thương. Phước khẽ khàng uống hết những giọt nước mắt ấy của tôi. Toàn thân anh nóng ran, căng cứng. Phước vòng tay xiết chặt tôi hơn. Thời gian như ngừng. Tất cả như ngừng, chỉ nghe rất rõ hai trái tim đang quyện thành một nhịp, hối hả khám phá, tận hưởng. Chúng tôi đã cùng quấn riết lấy nhau, tưởng chừng như không bao giờ rời xa được...

Tôi đã sống những giây phút hiếm hoi, đúng như bản năng của một người đàn bà khao khát được yêu và đã được nếm trải những giây phút yêu đương cùng Phước. Đó là những giây phút hạnh phúc tuyệt vời mà suốt đời tôi không thể nào quên được.



Ngày 15 tháng 11 năm 1961.

Tôi tranh thủ về Sài Gòn để báo cáo với anh Hai Xô về tình hình công tác mấy tháng qua. Trước khi, gặp anh Hai Xô, tôi đã tranh thủ ghé qua nhà thăm anh Kiệt một đêm.

Tôi bỗng mặc cảm vì mình là người đàn bà có lỗi, nên đã âm thầm chăm sóc, bù lại tình cảm cho người chồng hợp pháp của mình. Đó là đêm tôi tự nguyện đến với Kiệt. Lúc đầu, anh lúng túng, vì ngạc nhiên, nhưng sau thì hạnh phúc lắm. Hình như đó cũng là đêm đầu tiên chúng tôi đối xử với nhau thật sự đằm thắm như vợ chồng. Chỉ một đêm ngắn ngủi thôi, nhưng đã làm thay đổi tất cả. Sáng hôm sau, Kiệt trực tiếp lái xe đưa tôi đến tìm gặp, làm việc với anh Hai Xô, rồi mới về đi làm. Tôi có phải là người đàn bà hư hỏng không, khi chỉ trong trong vòng một tháng đã ngủ với hai người đàn ông, một người vì tình, còn một người vì nghĩa? Câu hỏi ấy, đã làm tôi dằn vặt và day dứt suốt đời.

Tôi đã báo cáo với anh Hai Xô toàn bộ công việc mình đã thực hiện từ khi nhận nhiệm vụ lên Đà Lạt. Tình hình hoạt động của địch ở Tuyên Đức, phong trào quần chúng, đồng bào các dân tộc ủng hộ và hướng về Cách mạng ra sao... Đặc biệt là việc tôi đã kết nối được với Đại tá, Tỉnh trưởng Tuyên Đức, và mạo hiểm nhờ Tỉnh trưởng lấy hàng của địch để tiếp tế cho Khu 6 cứu đói.

Anh Hai Xô biểu dương tinh thần dũng cảm và sáng kiến của tôi, nhưng cũng khuyên tôi nên hết sức thận trọng và cảnh giác với địch, để còn hoạt động lâu dài.

Anh Hai Xô đã truyền đạt vắn tắt Nghị quyết mới của Đảng và thông báo những tin tức hết sức quan trọng: Đảng ta đã quyết định thành lập lại Trung ương Cục Miền Nam. Tháng 10 năm ấy, tại căn cứ Mã Đà, miền Đông Nam Bộ, Trung ương Cục Miền Nam đã họp phiên đầu tiên gồm có các đồng chí: Mười Cúc (tức Nguyễn Văn Linh), Năm Công (tức Võ Chí Công), Hai Văn (tức Phan Văn Đáng), Hai Hậu (tức Trần Lương, Trần Nam Trung), Hai Xô (tức Phạm Văn Xô), Ba Bường (tức Phạm Thái Bường), Sáu Dân (tức Võ Văn Kiệt)...[1]

Hội nghị đã bầu ra Ban Thường vụ, gồm năm người với các chức vụ sau: Bí thư Nguyễn Văn Linh, các Phó Bí thư Võ Chí Công và Phan Văn Đáng, các Ủy viên Thường vụ Phạm Văn Xô và Trần Lương.

Đặc biệt, cũng trong hội nghị này Trung ương Cục Miền Nam còn quyết định thành lập các T1, T2, T3, T4... thay cho các Liên Tỉnh ủy trước kia; đồng thời, quyết định chuyển căn cứ về Bắc Tây Ninh...

Đây cũng là thời điểm đầy sôi động trên mặt trận chính trị, ngoại giao của Cách mạng miền Nam. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã được thành lập từ ngày 20 tháng 12 năm 1960, nhưng chưa có lãnh tụ, do đó Hội nghị Trung ương Cục Miền Nam còn tập trung chỉ đạo tổ chức một lực lượng đặc biệt bí mật giải thoát cho Luật sư Nguyễn Hữu Thọ bị địch bắt ở Phú Yên, từ sau khi tên Hai Thành ra chiêu hồi.

---

[1] Sau Đại hội lần thứ 2 (1951) của Đảng, Trung ương Cục Miền Nam ra đời, thay cho Xứ uỷ Nam Bộ có từ năm 1946. Tháng 9 năm 1954, Bộ Chính trị đã quyết định giải thể Trung ương Cục Miền Nam và thành lập lại Xứ uỷ Nam Bộ; tháng 10 năm 1961, đã tái lập lại Trung ương Cục Miền Nam.

CHƯƠNG XIV
CÙNG TẠM BIỆT ĐÀ LẠT

Mười giờ sáng ngày 20 tháng 11 năm 1961.

Đại tá Trần Văn Phước nhận được lệnh điều động rời Tuyên Đức để về Sài Gòn.

Anh đến chào tôi tại Bệnh viện, đầu đội nón sắt, quân phục chỉnh tề. Phước nói:

- Tổng thống điều anh về làm Tỉnh trưởng Gia Định. Khi nào em cần gì cứ đến tìm anh. Anh sẽ chờ câu trả lời của em thêm năm năm nữa. Quá thời hạn đó, em không chịu, anh cũng bắt em phải nhận lời kết hôn với anh đó nghe!

Tôi cười:

- Được thôi! Năm năm còn chán thì giờ suy nghĩ. Chỉ sợ anh thay lòng, treo cẳng treo chân Út đó thôi.

- Có điều này anh muốn nói với em nhưng cứ lần lữa mãi vì thấy chưa thích hợp. Lần em bị bệnh nặng, anh đã đánh điện báo cho Kiệt lên thăm. Lúc về anh Kiệt đã nói hết cho anh nghe về hoàn cảnh của hai người. Bao lâu nay anh chờ đợi, kiếm tìm em mà đâu có ngờ em đã phải chịu nhiều đau khổ. Kiệt có nhờ anh chăm sóc Út, vì em chính là người mà Kiệt yêu quý nhất trên đời. Giờ thì anh không thể ở bên

em mãi được. Mong em bảo trọng. Có việc gì khó khăn cứ đến tìm anh, đừng ngại ngần gì cả. Anh đi nghen!

Phước cười đượm buồn, đưa khăn mùi xoa lau những dòng nước mắt đang chảy dài nhoè nhoẹt trên gương mặt tôi. Anh cúi người xuống hôn má tôi rồi đi luôn. Trời Đà Lạt hôm đó toàn màu mây xám xịt, u ám như đôi mắt vốn đã buồn bã của anh. Tôi không hiểu là mình đã mất anh, hay vừa cởi trói cho lương tâm của mình? Thực sự tôi cũng không biết nữa. Cảm giác mất mát khiến cho đôi chân tôi như muốn chạy theo để níu giữ anh lại, để ôm chặt lấy anh, nhưng lý trí cũng ngăn đôi chân tôi vô cảm đứng im tại chỗ. Trái tim như muốn gào thật to, lướt theo gió mà gọi tên anh mà nói thỏa lòng: Phước ơi! Em yêu anh!

Tôi so người trong chiếc áo len rộng, bước chông chênh trên đường. Trời Đà Lạt hôm nay sao lạnh quá! Những lời nói của Phước lại văng vẳng bên tôi đầy nhức nhối: *"Sóng gió rồi cơn bão sẽ qua, trời quang mây tạnh. Em đâu có tội gì mà cứ tự trách vẫn bản thân mình. Anh biết tất cả đều do hoàn cảnh chiến tranh gây ra. Nhưng dù như thế nào thì em vẫn là Ngọc Anh ngày xưa của anh mà. Anh vẫn yêu và quý trọng em như ngày mới gặp. Chúng mình đã có những giây phút hạnh phúc tuyệt vời bên nhau. Hãy cùng trân trọng giữ gìn điều đó em nhé. Em phải sống để đền đáp công lao của cha mẹ. Cả anh và Kiệt đều là trẻ mồ côi nên luôn tự kiếm bản thân là đừng để em phải khổ thêm nữa. Anh có ý thức và lý trí của người quân tử, chỉ lo sợ em là nữ lưu cố chấp, làm thiệt thân thôi..."*.

Khi trở về nhà, nhìn căn phòng quạnh hiu, vắng vẻ, bé Kim Chi ngủ ngon lành trên võng, tôi chợt thấy thương cho thân phận mình biết bao...

Cuộc đời sao có quá nhiều trái ngang. Không có Phước bên cạnh, tôi bỗng thấy chơi vơi và hụt hẫng. Tôi thấy mình thật giống loài hoa phù dung sớm nở tối tàn. Phải chăng những ngày tháng hạnh phúc đã chấm dứt đối với tôi và trước mắt chỉ là một tương lai đầy đau khổ và nước mắt? Đó là những điều tôi không mong đợi mà cũng không dám nghĩ đến, nhưng vẫn ám ảnh trong tâm trí tôi. Tôi lại lao vào công việc để có thể quên đi tất cả những gì đã diễn ra.

*

Ngày 25 tháng 11 năm 1961.

Tôi bất ngờ nhận được công văn của Bộ Y tế Chính quyền Sài Gòn điều động tôi từ Đà Lạt ra Bệnh viện Trung - ương Huế, với nhiệm vụ giảng dạy và hướng dẫn thực tập cho số Bác sĩ sắp ra trường, thời hạn là sáu tháng.

Để thuận lợi cho công việc mới, tôi phải đưa Kim Chi về Sài Gòn cho anh Kiệt nuôi giúp. Trong khi chờ đợi các thủ tục giấy tờ hành chính, vợ chồng tôi lại có điều kiện sum họp. Vợ chồng con cái bên nhau được một tuần thì tôi đi.

Thời gian trôi qua mau, anh Đào Tuấn Kiệt ra Huế thăm tôi. Anh có đem theo con gái Kim Chi. Vừa nhìn thấy mẹ, bé chạy ào đến ôm chầm lấy.

Hôm anh Kiệt đem con đón tôi về là ngày 1 tháng 5 năm 1962. Lên máy bay về tới Sài Gòn ngày 2 tháng 5 năm 1962. Đến nhà, quan hệ vợ chồng tôi thời gian này đã không còn căng thẳng, nặng nề như trước nữa.

*

Đang ở Huế, tôi lại nhận được lệnh về Sài Gòn gấp để nhận nhiệm vụ từ anh Hai Xô. Vừa thấy tôi, anh Hai Xô mừng quá đã nói ngay, không úp mở rào đón:

- Ba tháng nay, đồng chí Ba Hải ở nước ngoài không gửi viện trợ. Kinh phí hỗ trợ hoạt động của ta đang thiếu hụt trầm trọng. Lương thực hậu cần Khu 6 đã cạn kiệt từ lâu. Mỹ - Diệm phong tỏa tuyến đường tiếp tế, các chiến sĩ hầu như phải ăn lá man mán, lệ tiên, củ mì, khoai lang... Anh em đã trăn trở, suy nghĩ rất nhiều, nhưng chưa ai tìm được hướng giải quyết. Tôi chợt nghĩ đến đồng chí Út, biết là đang làm nhiệm vụ ở xa, nhưng không còn cách nào khác, buộc phải triệu tập em về gấp. Út xem có cách nào lo được chút lương thực cho Khu 6 cứu đói không?

Lúc đó, tôi đã mang thai lần thứ hai được bảy tháng, đi lại hơi nặng nề, nhưng trước sự việc cấp bách, quan trọng như vậy, tôi vẫn cố gắng nghĩ ra nhiều phương án giải quyết, nhưng tất cả đều không hợp lý.

Bất chợt, tôi lại nhớ tới anh Phước và lời dặn của anh trước khi rời Đà Lạt. Đúng rồi! Chỉ có anh Phước mới có thể giúp tôi trong việc này. Nhưng tôi chợt nghĩ: Liệu anh Phước có nghĩ là tôi đang "lợi dụng" anh ấy để làm việc riêng hay không?

Sau nhiều ngày suy nghĩ, tôi quyết định đến gặp Đại tá Trần Văn Phước, đang là Tỉnh trưởng tỉnh Gia Định. Khi lính đưa tôi vào, Phước mừng rỡ ra đón. Tôi lại trình bày lý do chở gạo nuôi công nhân và nhờ anh giúp lo cho giấy tờ. Phước đồng ý ngay mà không đắn đo suy nghĩ như lần trước:

- Có ngay. Anh sẵn sàng giúp em tối đa, cái gì cũng được. Nhưng em nên nhờ ai đó vận chuyển, áp tải hàng. Anh không muốn em mạo hiểm tính mạng như những lần trước nữa.

Tôi mừng quá, vội cảm ơn Phước và hứa sẽ thực hiện theo lời anh dặn. Đã chào nhau chia tay, như chợt nhớ ra điều gì, Phước còn kéo tôi lại:

- Út nè, về nhận nhiệm vụ ở đây hơn nửa năm rồi, nhưng hiện nay anh vẫn chưa có người nội trợ riêng. Chờ em trả lời, em cứ làm thinh. Anh Kiệt chưa chắc yêu em bằng anh đâu. Anh thương yêu em nhiều lắm! Xin em cho anh có được người bạn đời cùng chung lý tưởng sống, biết tôn trọng nhau trong lời nói và việc làm, cùng một ý chí vì hạnh phúc dài lâu... Anh sẵn sàng cưới em, một lễ cưới thật long trọng...

Tôi cười cười, nói tránh đi:

- Thôi mà, anh đừng làm khó em nữa. Út biết anh thương thật tình nhưng đã hứa là đợi năm năm nữa vẫn còn được mà. Anh cố gắng giúp em nhen, sau này em trả công luôn thể!

Khi trở về nhà, tôi thấy trên bàn trang điểm có bì thư, nét chữ của anh Kiệt:

Sài Gòn, ngày 30 tháng 6 năm 1962.

Ngọc Anh yêu dấu!

Anh có việc phải đi gấp lắm xin em hiểu lòng anh. Bé Kim Chi ngủ, mai anh Lộc đến. Anh đã nhờ anh ấy chuyển cho em và con những đồ cần thiết cho cuộc sống. Bên ta vẫn còn nhiều người khổ đau do chiến tranh gây nên.

Anh sẽ về vùng Cà Mau. Đến khi không còn súng nổ, bom rơi, đất nước thanh bình, nếu còn sống anh sẽ về gặp em và hai con.

Nếu sinh con trai em hãy đặt tên là Tấn Phúc, con gái là Hoàng Nguyên. Anh biết lời nói của anh làm em không vui, nhưng việc làm của em cũng là quan niệm sống của anh. Con người sống phải tự tin và đạo đức, nhân đạo. Trong khói lửa, chúng ta vẫn vui hạnh phúc.

Mọi việc cá nhân, riêng tư hãy dẹp qua một bên để phụng sự lý tưởng. Ngày nào người dân Việt Nam không còn bị roi đòn tra tấn của kẻ thù chúng thì ngày đó vợ chồng chúng ta sẽ đoàn tụ.

Em ơi, dẹp tình riêng, người người góp sức chung lo đánh đuổi giặc, đem lại an bình cho đất nước Việt Nam. Dù có hi sinh thì cũng là vinh danh đất Việt.

Anh tin rằng xem thư xong em sẽ vui cười rạng rỡ. Anh tin rằng em đủ nghị lực để vượt qua tất cả. Chúng ta sẽ luôn ở bên nhau...

Hẹn ngày sum họp. Cho anh hôn em và con. Nhớ sinh con trai cho anh!

Chồng của em.

Đào Tuấn Kiệt.

Tôi xem thư xong đứng trơ như khúc gỗ, không biết mình là ai và đang ở đâu nữa. Dẫu chúng tôi kết hôn là do tổ chức, sống với nhau vì nghĩa, nhưng sự ra đi đường đột của anh giữa lúc hương lửa của vợ chồng tôi đang nồng nàn làm tôi chống chếnh vô cùng. Anh Lộc đến lúc nào cũng không hay. Anh khuyên nhủ và an ủi tôi nên bình tĩnh để ứng xử.

Mắt tôi mờ đi bởi những dòng nước mắt cứ thi nhau tuôn rơi... Anh Lộc đi ra đi vô liên tục mà không biết làm sao để tôi đừng khóc nữa.

Một lúc lâu sau, khi bé Kim Chi cất tiếng gọi "Má ơi, Ba ơi!", thì tôi mới sực tỉnh. Tôi vội vàng xuống bếp chuẩn bị cơm nước.

Vợ chồng anh Lộc đến ăn cơm cùng tôi vì sợ tôi buồn. Phải hơn một tuần sau tôi mới trở lại trạng thái ổn định. Trước đây tôi chưa bao giờ dễ xúc động như vậy. Hễ một điều gì liên quan đến anh Kiệt và đứa bé sắp sửa ra đời là tôi ứa nước mắt và thấy như có ai đó đang cứa nát trái tim mình...

*

Tây Ninh, ngày 23 tháng 7 năm 1962.

Tại Trung ương Cục Miền Nam, tôi được gặp và trực tiếp báo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với đồng chí Phạm Văn Xô.

Anh Hai Xô nghe xong, sau một lúc se sắt trầm tư đã nồng nhiệt bắt tay chúc mừng những việc làm của tôi. Anh dặn dò thêm:

- Em về nhớ coi trước coi sau, làm việc phải cân đo, sàng lọc thật kỹ. Đảng giao việc cho đảng viên, phân công làm việc gì, phải suy nghĩ đắn đo, cân nhắc kỹ mới giao. Lâu nay anh bận nhiều việc lắm. Địch cũng đang luồn vào bên ta, nguy hiểm lắm. Em cẩn trọng nghe!

Rồi anh Hai Xô chuyển hướng câu chuyện:

- Lúc em còn bé, em chưa rõ cái chết của ba em. Nay Út đã trưởng thành, anh nhớ anh Hai Hùng cho anh biết: Ba em là một nhà ngoại giao rất có tài của triều đình Huế. Ba em không làm quan phò vua. Anh Hai Hùng không bao giờ quên ơn ba em đã cứu ảnh thoát chết tại Mỹ Tho năm 1926, vì tội rải truyền đơn chống Pháp, ảnh lúc đó mười bốn tuổi, tên Phạm Văn Thiện, bị Tây bắt và thủ tiêu trên sông. Ba em, trong vai trò Công tố viên đã cứu ảnh tại Tòa, rồi cũng chính ông cứu ảnh ra khỏi nhà tù của Pháp ở Mỹ Tho. Và vì cứu ảnh mà ông phải bỏ cả cơ nghiệp lớn của gia đình ở đấy. Ảnh trở thành đảng viên Cộng sản, ảnh có ngày hôm nay là nhờ ba em. Ảnh xem ba em còn hơn cả cha ruột của mình.

Trong số học trò của ba em, còn có Trọng Ngạn, tức Đào Tuấn Kiệt là chồng em bây giờ. Nên em đừng phản ứng gay gắt quá với ý định tác hợp của cấp trên. Biết đâu đó cũng là ý nguyện sinh thời của ba em, hơn nữa còn vì nhiệm vụ.

Hiện ở ngoài Bắc, ba em còn có ba người con trai với người vợ trước ở Ước Lễ, Tân Lễ, Thanh Oai, Hà Đông. Con trai cả của ba lớn hơn anh Hai Hùng bảy tuổi. Khi nào thống nhất, anh em mình ra Bắc tìm ba người anh của em.

Bây giờ, việc đầu tiên là em về gửi con. Phải thuê mướn người nuôi Kim Chi cho kỹ, đừng để lộ. Em tuyệt đối không được để cho người ngoài biết em là mẹ của cháu. Cẩn kín kẽ, tránh địch truy phăng.

Em đã đi du học, em có nhận định để thấy, không phải anh đem lý thuyết suông nói với em đâu. Đánh giặc năm năm hoặc mười năm trường kỳ gian khổ, ý chí tinh thần phải vững chắc như gang như thép, như tùng như bách,

quyết không sờn lòng mới mong được ngày tươi sáng. Anh em chúng ta và các đồng chí đồng đội quyết chí xông pha, một lòng son sắt diệt giặc ngoại xâm.

Miền Bắc đã đánh đuổi được Thực dân Pháp và hiện nay đang là hậu phương vững chắc chi viện cho miền Nam đánh đuổi bọn Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm. Cả nước đồng lòng, chẳng bao lâu đất nước Việt Nam ta sẽ giải phóng hoàn toàn, Út ạ!

Cho đến giờ, sau mấy chục năm, tôi vẫn không thể nào quên lời dạy bảo đầy tình anh em, tình đồng chí của anh Hai Xô:

- À Út nè! Em phải nhớ, lời đường mật là kẻ thù, tài danh đi đôi tù tội, chỉ có chân thật là vĩnh cửu. Tình nghĩa gia đình, anh là anh của Út. Còn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc do Đảng lãnh đạo, anh là lãnh đạo, là đồng chí của Út. Đảng giao việc, các đồng chí phải hoàn thành. Muốn đánh thắng giặc Mỹ, các đồng chí phải lấy đạo đức Cách mạng làm đầu, lấy nhu thắng cương. Phải tuyệt đối gần dân, lấy dân làm gốc, làm chỗ dựa vững chắc ở mọi nơi mọi lúc. Được dân ủng hộ là trăm trận trăm thắng.

Hiện nay quân Mỹ - Ngụy đang gặp sự phản đối rất quyết liệt của người dân Mỹ và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Ta đem tình thương xoa dịu thương đau, ta bám vào sự sơ suất của địch mà lấy lòng dân, đó là nhu thắng cương. Đảng từ dân mà có. Đảng lớn mạnh do dân. Hiện nay bọn Ngụy ỷ vào viện trợ của Mỹ, súng lắm tiền nhiều sinh ra tự cao tự đại, mặc sức chống phá Cách mạng và nhiễu loạn nhân dân. Đảng Cộng sản chiến đấu vì độc lập tự do của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Em đã từng đi du học ở nước ngoài, em hiểu nhiều. Anh Hai chỉ nhắc nhở

để em làm việc cẩn thận, đừng có mắc mưu kẻ thù, vướng mắc vào chuyện tình cảm vợ chồng là nguy hiểm.

Tôi trả lời:

- Em đâu có. Chuyện vợ chồng em do tổ chức quyết định. Em đã toàn tâm toàn ý khi sống với Kiệt và hiện nay đang mang thai cháu thứ hai mấy tháng rồi.

Sau lần trò chuyện ấy, tôi sống tại Trung ương Cục Miền Nam hai tháng để học tập thêm chính trị và nghiệp vụ. Tôi cũng như mọi người, thường xuyên phải học tập và quán triệt "Mười phòng": *Phòng gian, phòng hỏa, phòng tai nạn bất chợt, phòng địch chui sâu, phòng đại pháo của địch, phòng ngừa một mặt hai lòng* v.v.. Chính anh Hai Văn mỗi lần gặp đều nhắc tôi chuyện đó. Có lần tôi chụm gót đưa tay chào theo quân lệnh:

- Dạ! Em xin chấp hành nghiêm lệnh của đồng-chí-thủ-trưởng-anh-Hai!

CHƯƠNG XV

CON TRAI BỊ BẮT CÓC

Hai tháng sau, tôi về lại Sài Gòn để chuẩn bị sinh con. Thấy tôi thuê người không được, anh Phước ngày nào cũng đến thăm, lái xe đưa đón. Anh lo cho tôi chẳng khác nào một người chồng lo cho vợ mình. Nhiều lúc tôi muốn từ chối sự giúp đỡ của anh, nhưng vì sợ anh buồn nên lại thôi.

Thấy bụng có vẻ nặng nề, tôi nghĩ mình sắp sinh đến nơi nên định đi chợ mua khăn, đồ lót. Anh Phước nghe vậy liền bảo:

- Em rảnh thì đi với anh qua nhà thương của Bác sĩ Trương Nghĩa Hùng đặt trước phòng sanh cho yên tâm. Bên đó rộng rãi, sạch sẽ và thoáng mát.

Tôi cảm động quá, nhưng vẫn ái ngại:

- Cám ơn anh, nhưng em có thể tự lo được mà.

Phước bực mình:

- Cảm ơn cái gì chứ. Đó là nghĩa vụ, trách nhiệm và hạnh phúc của anh nữa. Em làm anh không yên tâm xíu nào. Người ta nói "Đàn ông đi biển có đôi, đàn bà đi biển mồ côi một mình". Anh không muốn em phải khổ sở thêm nữa!...

Tôi cãi bướng:

- Nhưng hồi sinh Kim Chi em cũng chỉ một mình có sao đâu. Anh cứ khéo lo. Em là Bác sĩ, em tự lo được mà!

Thế là anh Phước dỗi ra về, hơn một ngày sau không đến thăm tôi.



Sài Gòn ngày 23 tháng 9 năm 1962.

Tôi bắt đầu chuyển dạ sinh con lần thứ hai.

Tôi cảm thấy mình rất khỏe, chỉ có đi lại hơi khó khăn nên tự nấu nước, nấu đồ nghề sát trùng rồi lên giường cố gắng hít thở sâu...

Con trai! Một đứa bé thật kháu khỉnh. Tôi tự cắt rốn, quấn tã lót cho con rồi nằm nghỉ. Độ một giờ sau, thấy khỏe hẳn tôi mới gọi điện thoại báo cho anh Phước hay tin.

Chỉ mười lăm phút sau thì anh có mặt với vẻ buồn buồn, cáu kỉnh.

- Con có khóc to không em?

Anh Phước đưa tay định bế nhưng tôi ngăn lại.

- Con mới băng rốn và đang được ủ ấm.

Anh Phước cằn nhằn tôi sao chủ quan rồi nhìn đứa bé với ánh mắt trìu mến. Sau đó anh mời nữ Bác sĩ Trần Thị Thêm nhờ xem lại sức khỏe cho tôi. Vừa làm bà Thêm vừa kể chuyện.

- Chị quê ở Mỹ Tho còn Phước ở Cai Lậy, cùng tỉnh và cùng họ. Lúc ông bà Tuần án còn sống là chỗ thân tình kết

nghĩa với ba má chị nên em yên tâm. Con của hai em cũng là con của chị mà!

Xong xuôi, Phước đưa Bác sĩ Thêm về.

Ngày nào Phước cũng có mặt ở nhà tôi.

Bà Hai Phi - vợ của ông Hội đồng Nhuận, chị dâu của anh Kiệt hay tin cũng đến thăm. Tôi đặt tên con trai là Tấn Phúc theo đúng mong muốn của anh Kiệt.

Thấm thoắt cũng đã một tháng. Tôi ra bưu điện đánh điện tín khẩn cho anh Kiệt biết tin.

Trên đường về, tôi gặp anh Hai Xô. Anh cùng tôi về thăm cháu, rồi nói nhỏ:

- Cô nên thay đổi chỗ ở vì ở đây bọn mật vụ đang bám sát. Hai Thành đã ra đầu thú, hợp tác với Trương Long. May còn có người giúp đỡ và che chở cho cô nên mới an toàn đến bây giờ đó.

Đang nói chuyện thì anh Phước về. Anh Hai Xô vội đi ngay. Anh Phước mang theo một hộp to:

- Đây là quà của Bà Cố vấn gởi cho em, mừng gia đình ta có cọn trai nối dõi.

Tôi cám ơn anh rồi lựa lúc vui vẻ trong bữa cơm bàn chuyện:

- Anh ơi, anh xem thế nào sắp xếp cho em về Đà Lạt chứ ở đây nóng quá con bị nổi ghẻ, nổi rôm tùm lum. Em còn bị xuống cân, người cảm thấy mệt muốn chết luôn!

Nghe tôi nói, anh Phước đi đón Bác sĩ Thêm về khám. Bà Thêm cũng khuyên nên về Đà Lạt cho thoáng mát rồi đến mùa đông thì về lại Sài Gòn. Bác sĩ về rồi, anh Phước hỏi tôi:

- Út à, em nghĩ sao mà lại tránh anh như vậy?

- Trời đất ơi, anh đã vui vẻ đồng ý cho em đi, giờ lại nói khó em. Tất cả là do anh định liệu mà, em đâu có dám cãi "Đức Ông"!

Anh Phước trợn mắt nhìn tôi giận dữ:

- Lúc này mà em còn đùa được sao Út?

Tôi thấy ân hận vì đã quá lời:

- Em xin lỗi! Chỉ vì em nghĩ sẽ không có chuyện gì xảy ra với em và con thôi. Anh đừng quá lo lắng!

- Em có biết linh tính báo cho anh là nếu em và con đi xa thì sẽ nguy hiểm không? Em ráng thêm mười lăm ngày, nửa tháng nữa anh đi phép về Đà Lạt sẽ đưa em đi luôn.

Rồi thật bất ngờ, Phước nói ra những lời khó nghe mà mãi đến sau này tôi mới hiểu ra được phần nào tâm tư của anh:

- Tôi thật là khờ, tôi nối lại để hai người có thêm tình cảm. Tôi tỏ ra quân tử, em có biết không? Ngày nào đó cả hai nằm chung nấm mồ, bỏ hai đứa con nhỏ cho xã hội cười cái khờ của tôi, em nghe rõ chớ?

Tôi nổi hết gai ốc, lo lắng nhìn anh bỏ qua phòng bên cạnh, tiếng gót dày nện cồm cộp trên sàn. Một lát sau, anh bước sang mang theo tờ báo *Phụ nữ diễn đàn* cho tôi, nét mặt đã tươi vui hơn làm tôi cảm thấy yên tâm.

Chuông cửa reo vang, anh Phước ra mở, Trần Minh Mẫn đến thăm. Ông ta mang theo giấy khai sinh của con trai tôi là Trần Tấn Phúc (mang họ anh Phước, chứ không phải họ của anh Kiệt).

- Nghe nói phu nhân sinh con trai đã được ba mươi ngày, nên tôi đến thăm. Bà Cỗ vẫn đang chờ cho cháu đủ ba tháng sẽ đưa đi rửa tội.

Anh Phước bế Tấn Phúc trên tay nựng nịu, cười nói:

- Con trai tôi còn nhỏ quá, bế đi Nhà thờ sợ bị gió, nắng là nguy.

Đang nói chuyện thì Trương Long cũng đến, đi phía sau ông ta còn có Hai Thành. Anh Phước đang ngồi bỗng bật dậy gọi hai lính cảnh binh:

- Bắt tên Cộng sản kia lại cho tao!

Hai Thành tái mặt lùi lại, nấp sau lưng Trương Long.

Anh Phước tiếp:

- Tao biết quá rõ mầy. Sở Mật thám đã giao hình của mày cho tao, lệnh là hễ gặp mày là bắt ngay. Đừng có thanh minh chính sự gì ở đây, cứ về Nha Phòng Hai thì rõ.

Lúc đó Trương Long mới lên tiếng:

- Đại tá nóng nảy quá! Đây là người của tôi, tôi xin bảo lãnh. Như thế được chưa ngài Tỉnh trưởng?

Anh Phước chỉ thẳng vào mặt Trương Long rồi gằn từng tiếng:

- Mầy là thằng một mặt hai lòng. Tao tha để mầy vô Tổng thống phủ báo cho bọn Ban Hai à? Đây là nhà riêng của tao, ai cho phép mầy vào? Đây là công lệnh của Chánh án Tối cao Pháp viện, tao bắt thằng Hai Thành rồi còng mầy luôn!

Thấy không khí có phần căng thẳng, Trần Minh Mẫn vội đứng ra can thiệp:

- Thôi cho tôi xin! Trương Long chẳng qua là con cờ thế tốt để bắt xe...

Anh Phước vẫn tức tối:

- Lần này ông tha cho mầy, từ nay thấy mặt ông là tránh xa đi, đồ chó ghẻ!

Nói xong, anh Phước, Trần Minh Mẫn và Trương Long cùng ra xe. Tôi hết hồn, vội đóng cửa nhà. Khoảng hơn ba tiếng sau thì anh Phước về, khóa cửa cẩn thận và cho hai cảnh vệ gác bên ngoài. Anh cười vui:

- Sao em không ăn cơm đi? Anh đã cho dằn mặt cái thằng phản bội ấy rồi. Không ra tay trước nó thì nó giết cả anh và em cùng nhiều người nữa!

Tôi ngạc nhiên:

- Sao lại giết cả hai chúng ta?

- Sau này em sẽ hiểu. Thôi, em bồng Tấn Phúc đi với anh vào Tổng thống phủ yết kiến bà cụ Ngô Đình Khả.

Chúng tôi vào Tổng thống phủ, cụ bà Ngô Đình Khả vui mừng ẵm cháu nhỏ. Hôm đó có cha Ngô Đình Luyện, em của Tổng thống Diệm đã làm phép rửa tội cho con trai tôi và đặt tên thánh là *Tôma*.

Một lát sau Tấn Phúc khóc quấy, nên chúng tôi xin phép ra về.

Về tới nhà, ăn trưa xong xuôi anh Phước mới kể chuyện:

- Hôm nay anh không cho lính bắt Hai Thành thì chết cả đám. Nó ra đầu thú Chính phủ gần bốn tháng rồi, chỉ điểm đánh phá tứ bề. Nó chụp được hình em đưa cho ông

Mẫn. Anh nói người giống người, vợ tôi cha mẹ dân Tây nên trùng tên, trùng họ, thiếu chi.

Lúc nãy ông Mẫn thấy anh vào Tổng thống phủ được Tổng thống chiếu cố cho ngồi ở vị trí danh dự, được ăn trưa cùng Tổng thống nên cũng kiêng nể.

Anh phải bảo vệ em. Anh cố ý để khai sinh Tấn Phúc mang họ Trần của anh. Con của em là con anh. Em đừng nghĩ ngợi lung tung, mệt óc. Việc của thằng Hai Thành thì cứ để anh lo. Cộng sản cũng là con người có chí hướng tốt. Anh làm quan nhà Ngô nhưng suy nghĩ của anh luôn hướng về đất Việt. Em phải hiểu cho anh điều đó và đừng hỏi gì nhiều.



Việc Hai Thành ra đầu thú trước đó đã gây những khó khăn lớn cho Khu 6 và Mặt trận Giải phóng miền Nam. Hai Thành đã ôm 5.000 USD (số tiền dùng để đưa Hai Trung - tức Phạm Xuân Ẩn[1], chuẩn bị sang Mỹ học báo chí và tình báo) giao cho Ngô Đình Nhu để lập công và chỉ điểm cho địch đánh phá cơ quan đầu não của ta. Lúc này, các cơ sở của Mặt trận Giải phóng miền Nam bị đánh phá lung tung và có nguy cơ bị tan rã, kế hoạch đưa Phạm Xuân Ẩn ra nước ngoài có khả năng bại lộ. Vừa đối phó với những trận đánh của lính Ngụy, các chiến sĩ Khu 6 và Khu 7 còn phải đối mặt với nạn đói khốc liệt do hàng viện trợ của đồng chí Ba Hải không có đường vào. Đồng chí Mười Hương (tức Trần Quốc Hương) là người đỡ đầu cho Phạm

---

[1] *Phạm Xuân Ẩn (1927 - 2006) sau này trở thành Thiếu tướng Tình báo, được mệnh danh là "Điệp viên hoàn hảo".*

Xuân Ẩn tìm mọi cách để có thể đưa Phạm Xuân Ẩn sang Mỹ, vì nếu ở lại Việt Nam thì rất nhiều người sẽ gặp nguy hiểm. Sau đó, tôi đã nhờ ông Hứa Gia Liêm - một cơ sở ngầm của Mặt trận làm nghề buôn bán ở Chợ Lớn lo 2.500 USD và "C16" - Trần Văn Phước lo 2.500 USD, gom đủ số tiền USD cần thiết, nên một thời gian sau, chúng ta đã đủ điều kiện để Phạm Xuân Ẩn xuất ngoại...

*

Sài Gòn, ngày 29 tháng 10 năm 1962.

Tôi sửa soạn chuẩn bị về Đà Lạt. Anh Phước cho xe đưa đi và khuyên tôi nên gửi Kim Chi cho các dòng tu vì ở đó yên tĩnh và có Bác sĩ nên sẽ yên tâm hơn.

Hai ngày sau tôi về tới Bồng Lai. Ngôi nhà lâu lắm rồi không ai chăm sóc nên lối đi ngập toàn cây cỏ. Anh Phước khuyên tôi nên về Đà Lạt cho tiện nhưng tôi từ chối.

Anh Phước rất chu đáo, chỉ mấy ngày sau đã gửi cho tôi những nhu yếu phẩm cần thiết. Sau khi đã ổn định chỗ ở, tôi tranh thủ đưa con đi lên Đà Lạt thăm Kim Chi và ghé lại phòng mạch cũ. Nhà cửa có người dọn dẹp nên sạch sẽ, đồ đạc vẫn còn nguyên vẹn.

Cô Phương, người giúp việc cũ mừng rỡ chạy ra đón:

- Bệnh nhân đến khám đông lắm mà không có Bác sĩ. Chị giờ sống ở đâu?

- Tạm thời chị ở Bồng Lai cho yên tĩnh vì mới sinh con được hơn một thằng.

- Trời ơi, ở đó các đồng chí bên mình hoạt động mạnh lắm, chị vẫn chưa gặp à?

- Chưa thấy ai hết em à. Chắc cũng phải ít bữa nữa.

Trò chuyện một lát rồi tôi đưa Tấn Phúc về. Thằng bé ngoan ngủ say trong túi ấm. Về nhà đã thấy xe của anh Phước gửi lên rất nhiều sách báo, thức ăn, quần áo ấm, có cả trái cây tươi, nho khô và rượu champagne.

Thấy những thứ Phước gửi lên, lòng tôi bỗng dâng trào những cảm xúc yêu thương và xót xa. Giờ đây bên tôi có hai đứa con, anh Kiệt lại đi xa, chỉ có Phước là luôn chăm sóc, lo lắng cho tôi từ miếng ăn đến giấc ngủ. Nhiều lúc tôi tự hỏi nếu không có anh Phước bên cạnh thì cuộc sống của ba mẹ con tôi sẽ thế nào?

Mà sao từ hôm đó tới giờ không nhận được thư anh Kiệt, không rõ cuộc sống mới của anh thế nào? Tôi vừa giận vừa thấy thương anh. Vậy là lần thứ hai anh không được nhìn thấy con mình khi nó chào đời. Tôi cười trong nước mắt. Cuộc đời thật trớ trêu.



Ngày 11 tháng 10 năm 1962.

Mọi nhà dân ở Bồng Lai đều treo cờ chào đón Tổng thống Ngô Đình Diệm kinh lý Đà Lạt. Đến mười giờ rưỡi sáng thì một chiếc xe đỗ xịch trước cổng, anh Phước vào, miệng tươi cười:

- Anh thấy em đã khá hơn nhiều rồi đó. Mới có hơn mười ngày xa em mà anh tưởng đã mười năm.

Anh cúi xuống nhìn thằng bé đang nghịch ngợm, làm xấu và hôn trên tóc tôi.

- Hôm nay anh được nghỉ ba ngày về thăm gia đình. Gần đây có nhà nghỉ của bà Cố vấn, nên có nhiều lính canh gác nghiêm ngặt, trước mặt nhà bên kia lộ là nhà của Đại úy Phi công Nguyễn Cao Kỳ, lân cận đây toàn là nhà của Pháp kiều và công chức Sài Gòn nên anh cũng yên tâm phần nào. À, em đã nhận đủ đồ anh gửi lên rồi chứ?

- Dạ rồi.

- Vậy là được. Thôi, em lo thu xếp cơm nước cho anh và mấy thằng cảnh vệ nghen. Anh đi nghỉ một xíu đây, cái lưng hơi ê ẩm.

Ăn cơm xong, trao đổi với nhau mới được vài câu thì Phước đã nhanh chóng chìm vào giấc ngủ say. Tôi lấy chăn bông đắp cho anh và thầm nghĩ, giá như cuộc sống của mình cứ yên ổn, hạnh phúc mãi thế này thì sung sướng biết bao...

*

Ba ngày sau, khi Phước trở lại Sài Gòn, một số cán bộ Khu 6 về gặp và họp tại nhà tôi về việc phát động quần chúng phá ấp chiến lược.

Tôi bắt đầu hoạt động, cho mở cửa lò than, đốn củi cây dẻ đốt than, lột vỏ cây bời lời phơi khô, xay thành bột bán cho người Hoa ở Chợ Lớn để làm nhang. Đồng chí Tư Du thì chuyển than đi bán.

Cứ buổi sáng, tôi sang lò than và nhà máy bột nhang xem công việc về là cho con bú, xong xuôi lại khóa cửa xuống suối giặt giũ tã lót.

Con trai tôi đã được một tháng hai mươi bốn ngày, rất ngoan và háu ăn.

Sáng hôm ấy, đang lúi húi dưới suối thì tôi nghe tiếng xe nổ máy và tiếng trẻ con khóc. Chạy vội lên thì thấy cửa sổ bị cạy bung ra, tôi chạy vội vào mở cửa thì thấy đồ đạc còn nguyên nhưng Tấn Phúc thì đã biến đâu mất.

Tôi hoảng hốt, cuống cuồng tìm kiếm khắp nhà nhưng cũng không thấy Tấn Phúc đâu. Tuy bủn rủn cả chân tay nhưng tôi cố hết sức để chạy qua bên lộ 20. Gặp Bác sĩ Yến đang ở nhà Nguyễn Cao Kỳ, ông ta cho hay:

- Mới cách đây mười lăm phút có chiếc Đauphuye, biển số NB4... dừng trước nhà bà và có ba người đàn ông đi vào đều mặc vetton.

Tôi nghẹn ngào nói trong nước mắt:

- Trời ơi, có ai đó giúp tôi với? Con trai tôi đã bị bắt cóc rồi!

Tôi có cảm giác như mình sắp quỵ tới nơi, không còn chút hơi sức nào nữa, nhưng tôi vẫn cố gắng giữ bình tĩnh để đi báo với cảnh sát Tùng Nghĩa, cảnh sát Đà Lạt, sau đó tức tốc về Sài Gòn để nhờ anh Phước giúp đỡ.

Nghe xong sự việc, anh Phước hỏi:

- Thế lâu nay em có để ý thấy ai hay lui tới nhà em không?

Tôi suy nghĩ một lát rồi đáp:

- Dạo này em cũng bận công việc ở lò than nên không để ý lắm. Nhưng họ bắt Tấn Phúc để làm gì chứ? Thằng bé chưa đầy hai tháng tuổi mà.

Nói xong rồi tôi lại oà khóc. Anh Phước an ủi tôi:

- Em đừng quá lo lắng! Bé Tấn Phúc sẽ không sao đâu. Anh nghĩ chắc có gì uẩn khúc trong chuyện này. Việc đó em cứ để anh lo.

Bỗng tôi nảy ra ý định, vội nói với Phước:

- Hay là em cho đăng tin lên báo tìm con?

- Em đừng làm như vậy! Nếu em mà đăng tin lên báo thì cả em và con sẽ gặp nguy hiểm đó. Có thể bọn nào đó bắt Tấn Phúc để tìm kiếm và khống chế em? Để anh cho thám tử tìm kiếm con. Anh tin là sẽ có tin của con thôi.

- Nhưng...

Hiểu được sự lo lắng của tôi, anh Phước nắm chặt tay tôi rồi nói:

- Hãy tin ở anh! Tuy anh và em chỉ là vợ chồng "hờ" hình thức, nhưng lúc nào anh cũng nghĩ Kim Chi và Tấn Phúc là con của anh. Anh sẽ làm tròn trách nhiệm của một người cha.

Rồi anh Phước khuyên tôi về nhà nghỉ ngơi chờ tin của anh tới. Thế nhưng, đã hai tháng đằng đẵng trôi qua trôi qua, tin tức về Tấn Phúc vẫn biệt vô âm tín.

Tôi lại tiếp tục chờ đợi trong mỏi mòn, héo hắt và vô vọng.



Tôi đã tuyệt vọng, hoang mang, đau đớn đến quay quắt mà không biết tâm sự cùng ai.

Hàng ngày, tôi cứ ngồi ôm chiếc gối bé xíu của Tấn Phúc mà khóc ròng.

Anh Kiệt thì đang ở nước ngoài. Tôi không biết làm sao để tìm ra con trong lúc nước sôi lửa bỏng lúc này?

Tôi giao lại cái nhà của anh Kiệt cho chị dâu rồi qua ở nhờ bên anh Phước để tránh theo dõi của mật thám và hi vọng sẽ có tin gì về Tấn Phúc.

Hàng ngày, tôi cứ quanh quẩn trong nhà để chờ người của anh Phước về báo tin nhưng vẫn không có manh mối gì về thằng bé. Không biết giờ này con trai tôi đang ở đâu? Đà Lạt hay Sài Gòn?

Để giúp tôi đỡ buồn, anh Phước đề nghị đưa tôi đi dạo phố hay đến rạp xem phim nhưng tôi đều từ chối. Tâm trạng của tôi lúc này chỉ nghĩ đến đứa con đang bị bắt cóc mà thôi.

Không hiểu vì sao mà Trung ương Cục Miền Nam lại biết chuyện về Tấn Phúc. Hai tháng sau, Trung ương Cục Miền Nam phân công tôi nhiệm vụ mới, tôi như con quay giữa bộn bề công việc. Trước đây tôi phụ trách kinh tài hậu cần, bây giờ phụ trách luồn sâu và đặc nhiệm.

Lúc này tôi không còn làm ở phòng mạch tư, chỉ đi làm thuê cho các Bệnh viện tư. Đêm đi ca hát, hoặc khiêu vũ ở các vũ trường để tiện dò tìm khai thác tình hình địch vừa để dò la tin tức về Tấn Phúc.

Giờ đây, tôi là chiến sĩ biệt động thành thuộc liên khu các tỉnh và đô thành Sài Gòn. Nay tỉnh này, mai tỉnh kia, nơi nào cần là tôi đến, đánh giặc xong là tôi đi, không cố định chỗ ở.

Tôi phải gửi bé Kim Chi cho vú nuôi và hạn chế gặp con. Tôi sợ lại mất thêm đứa con nữa.

Lúc làm việc thì thôi, rảnh rỗi là tôi không sao kìm được nỗi xót xa cho những đứa con bé bỏng của mình.

Tôi luôn cảm thấy mình có lỗi, dằn vặt, đau đớn vì đã không làm tròn phận sự của một người mẹ.

CHƯƠNG XVI
ĐẢO CHÍNH THẬT, GIẢ VÀ PHẢN ĐẢO CHÍNH

Tháng 8 năm 1963.

Tổ chức phân công tôi về Đồng Nai Thượng để kiểm tra số liệu quân trang, quân dụng. Tôi thấy súng đạn thiếu, võng không có, vải đi mưa và nhiều loại trang bị thiết yếu khác rất thiếu.

Mùa mưa ở cao nguyên kéo dài cả sáu tháng. Trong tình hình khó khăn chung, khu nhà mồ của Nguyễn Hữu Hào còn một hầm chưa chôn người chết, tôi về Đà Lạt phải ngủ trong hầm mộ đó. Ban ngày, tôi đi các vùng xung quanh lấy số liệu, nắm tình hình.

Khi xuống vùng Định An - Quảng Hiệp, tôi gặp khá đông số dân tị nạn ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên (gọi tắt là Nam - Ngãi - Bình - Phú). Phần nhiều là anh chị em Vệ quốc đoàn bị mất liên lạc khi đi tập kết ra Bắc. Lúc trở về quê sinh sống với gia đình, họ bị đám mật vụ chỉ điểm (thường gọi là "Bao bố bịt mặt"), bọn áo đen xây dựng nông thôn (tức lính Phượng hoàng nón vải rộng bo) săn lùng ráo riết, bắt bớ đánh đập dã man.

Những người từng tham gia Vệ quốc đoàn đó phải dắt díu vợ con bỏ làng, bỏ quê lên lánh nạn tại đây tìm kế sinh nhai và tìm cách móc nối với đường dây của Mặt trận Giải phóng miền Nam. Họ chạy vào Đà Lạt làm thuê cho Pháp kiều có trang trại, hoặc các nhà giàu ở Sài Gòn mua đất cất nhà nghỉ mát cho du khách thuê mướn.

Thời đó ở miền Nam, ngoài lực lượng chính quy luôn ráo riết chống phá Cách mạng, bọn tề xã cũng thường xuyên là mối hiểm họa khôn lường.

Tôi đã trực tiếp vận động được khá nhiều số dân tỵ địa trên vào khu vực Bồng Lai. Rừng ở đây còn nguyên sinh, giáp với đồn điền cà phê SICT của một Pháp kiều.

Tôi động viên họ khai hoang làm rẫy, chỗ có nước làm lúa, vừa nuôi gia đình vừa bỏ hũ gạo tình thương dành để nuôi quân. Ai muốn thoát li theo Mặt trận Giải phóng thì tôi đón đưa đi.

Tôi hướng dẫn họ: thỉnh thoảng ban đêm đánh trống gõ mõ và la to *"Xung phong! Tiến lên anh em ơi!"* để chủ đồn điền cà phê Pháp tưởng có giao tranh thật, sợ bỏ đi. Ta sẽ dùng an toàn khu đó làm nơi sinh hoạt Đảng, nơi tổ chức huấn luyện và sinh hoạt của du kích địa phương.

Từ đó, tôi cũng tìm cách đưa người của ta vào làm lính địa phương quân của địch, chờ thời cơ đánh úp chúng. Đưa dân vào Bồng Lai xong, tôi định về Sài Gòn.

Nhưng chân ướt, chân ráo đến Tuyên Đức, tôi gặp anh Phước ngay và đặt thẳng vào vấn đề luôn:

- Bây giờ, em có thể khai thác gỗ cạnh nông trường đó được không?

Phước lại nhiệt tình giúp tôi xin được giấy phép của kiểm lâm để khai thác gỗ. Đó là hình thức hợp pháp hóa để cho dân có nơi khai hoang sinh sống, để các chủ đồn điền Pháp không thể chiếm hay nới rộng đất; đồng thời, xây dựng căn cứ địa chiến lược cho những hoạt động của ta.

*

Sài Gòn, ngày 15 tháng 10 năm 1963.

Anh Phước nói với tôi:

- Út à! Từ ngày anh Kiệt đi xa, em không ở cố định chỗ nào. Điều đó làm anh rất đau lòng và không an tâm. Theo anh, em cần phải mở phòng mạch, làm việc nhân đạo giúp đời. Nếu em ngại nhà chồng, anh sẽ giúp em một căn nhà để có chỗ dừng chân. Em ổn định chỗ ăn ở rồi muốn làm việc gì thì làm. Ở đó có tên của anh, không ai dám làm gì khó dễ cho em đâu. Còn việc làm của anh, sau này em sẽ rõ. Em đi đâu, em làm gì, anh đều biết rõ cả. Em trốn tránh anh làm chi? Trong cuộc sống, ai cũng có khái niệm và việc làm riêng tư tự do của mình. Anh có nguyên tắc của anh và không bao giờ làm mất tự do của người khác. Chí hướng của em, anh rất tôn trọng.

Nói xong Phước làm giấy giao cho tôi căn nhà ở gần Chợ Cây Quéo - Gia Định.

Tôi nhận nhà ngày 16 tháng 10 năm 1963, rồi lập tức trở về thôn Bồng Lai hướng dẫn cho số dân tị nạn mới ở Quảng vô.

Sáng hôm sau, tôi về lại Sài Gòn, dọn sang nhà mới. Phước rất chu đáo, anh đã sắm sửa bàn ghế, giường ngủ, đồ

gia dụng và cả bàn trang điểm cho tôi... hầu như trong nhà không thiếu thứ gì. Nhìn căn phòng tôi lại rưng rưng thương cảm và càng thấy mình mắc nợ anh nhiều quá.

Nghỉ ngơi được mấy hôm, anh Phước cho người đến nhà nhắn lại với tôi:

"Hôm nay đã là ngày 20 tháng 10 năm 1963, Út nhớ ở nhà đừng đi đâu để chờ anh. Lúc nào rảnh, anh sẽ đến gặp em, có một số việc rất quan trọng cần bàn với em!".

Hôm sau, anh Phước tới ăn cơm trưa tại nhà tôi. Anh vui vẻ bảo:

- Chúng mình ăn bữa cơm gia đình, mai anh phải đi vào Tổng thống phủ có việc rất quan trọng.

Chúng tôi uống champagne và khiêu vũ. Trong lúc nhảy, Phước dịu dàng hôn tôi và thì thầm:

- Nụ hôn này chúc em đủ nghị lực để chiến đấu trước kẻ thù, nụ hôn này là chúc em hạnh phúc và sự nghiệp của chúng ta thành công!

Từ ngày gặp Phước tới giờ, lần đầu tiên trong đời tôi thấy anh vui tươi đến vậy. Tôi cảm thấy hình như anh đang giấu tôi chuyện gì đó? Tại sao lại là sự nghiệp của chúng ta? Anh là Tỉnh trưởng của chính quyền Ngô Đình Diệm, còn tôi tuy là một Bác sĩ nhưng thực chất là chiến sĩ Cộng sản. Anh đâu có biết tuy cùng là người Việt Nam nhưng hai chúng tôi lại đang phục vụ cho hai chế độ đối lập nhau. Lúc này, bỗng dưng tôi cảm thấy mình có tội vì đã nói dối anh.



Chiều 31 tháng 10 năm 1963.

Tôi nhận được lệnh: Phải có mặt tại Trung ương Cục Miền Nam sớm để nhận chỉ thị mới.

Mười một giờ đêm hôm đó, tôi đang sắp xếp hành lí để sáng hôm sau lên đường sớm thì nghe tiếng xe Jeep đỗ ở sân. Tôi chạy ra mở cửa, thấy anh Phước mặc quân phục, đầu đội nón sắt, bê một bao khá to và nặng.

Anh Phước vừa thở mạnh vừa nói:

- Út ơi! Còn mấy giờ nữa là Sài Gòn có biến cố lớn. Anh gặp em giao trọng trách này. Em phải thi hành theo lời dặn dò: Anh là "C16" thuộc Trung ương Cục Miền Nam. Hôm nay anh đến gặp em trao số tiền ba trăm triệu này. Em phải phân tán ra mua vàng, dành để nuôi quân cho Mặt trận Giải phóng miền Nam. Hiện nay Cách mạng còn thiếu nhiều vũ khí, nên trang bị quá thô sơ. Phần anh, đêm nay không biết sống chết ra sao. Hai bên sẽ đấu súng rất ác liệt. Em đừng ra ngoài, rất nguy hiểm và dễ lộ. Phải ở nhà lo cất giấu đồ đạc và số tiền anh để trong bao đó.

Tôi bàng hoàng không thốt lên được một lời nào. Tôi lặng lẽ nhìn anh và gật đầu. Anh Phước nói tiếp:

- Ngọc Anh! Anh yêu em chân tình! Anh không dám thổ lộ thân phận, sợ bị địch giết cả anh lẫn em. Việc làm của em và Đào Tuấn Kiệt do sắp đặt của tổ chức là trọng trách của hai người. Còn thân phận anh bao năm qua, em biết rõ. Chúc em sức khỏe, vượt qua khó khăn. Nhớ tự bảo vệ mình, có sức khỏe mới bảo vệ thành công sự nghiệp Đảng giao em ạ. Anh tin em đủ nghị lực và khôn ngoan để hoàn thành trọng trách này. Có vậy, anh mới yên tâm trước lúc đi xa.

Phước còn nói rất nhiều nhưng tôi chỉ còn biết đứng chết lặng nhìn anh và nghe anh nói. Phước đến bên tôi, ôm tôi vào lòng, anh hôn tôi thật lâu rồi vội vã ra xe. Tôi bừng tỉnh chạy theo anh thì chỉ còn đám bụi mờ cuốn tung theo gió.

*

Sài Gòn, ngày 1 tháng 11 năm 1963.

Dương Văn Minh đảo chính Ngô Đình Diệm, với sự hậu thuẫn bí mật của Cố vấn Mỹ.

Khắp nơi đì đoàng tiếng súng.

Các ngõ ngách Sài Gòn đầy binh lính các phe phái.

Chính quyền mới ra lệnh nghiêm cấm họp chợ, các ngả đường không ai đi lại, chỉ có lính bộ binh rồng rắn tuần tra.

Hôm sau, ngày 2 tháng 11 năm 1963, trong Thành phố không nghe tiếng súng nổ. Dương Văn Minh công bố đảo chính thành công. Có tin hai anh em Tổng thống Ngô Đình Diệm và Cố vấn Ngô Đình Nhu sau khi tự nộp mình cho quân đảo chính tại Nhà thờ Cha Tam - Chợ Lớn đã bị một sĩ quan bắn chết trên đường.

Dương Văn Minh ra lệnh chiêu an dân.

Không thấy anh Phước về, tôi cảm thấy lo sợ nên vội đi đến Dinh Tỉnh trưởng Gia Định cố tìm người cận vệ của anh Phước mà không gặp.

Đến ngày 4 tháng 11 năm 1963, tôi gặp Phó Tỉnh trưởng Gia Định thì được ông ta cho biết, lúc đó súng, đạn bắn như mưa. Ông ta bị mảnh xây xát chút đỉnh và có nghe

tiếng Đại tá Tỉnh trưởng Phước la: "Tôi bị thương rồi, các chiến hữu nên lui quân cố thủ chờ tin mới" và thất lạc Tỉnh trưởng từ đó. Sáng hôm sau tìm thấy bốn xác chết và nhiều vết máu tại hiện trường nhưng không thấy Tỉnh trưởng đâu.

Tôi ôm tấm hình anh Phước chụp cùng tôi và bé Kim Chi ở Đà Lạt mà nước mắt ngắn dài. Tôi chạy đến các Bệnh viện, nhà tù Sài Gòn... nhưng hoàn toàn vô vọng.

Tôi trở về, người ngẩn ngơ như mất hồn, không tin rằng anh Phước đã ra đi mãi mãi. Tôi chỉ muốn hét to, muốn gào thét thật lớn để giải tỏa hết những uất ức chất chứa trong lòng. Muốn khóc cho anh cũng không thể được, đành ôm chặt nỗi đau trong lòng...

Nén đau thương, tôi chạy về báo đồng chí Phạm Văn Xô toàn bộ sự việc và đem số tiền ba trăm triệu đồng giao cho anh Hai Xô. Anh Hai Xô chỉ nhận một trăm năm mươi triệu đồng, còn lại tôi đem về Trung ương Cục Miền Nam - Tây Ninh giao trực tiếp cho bộ phận kinh tài.

Tại cuộc họp ngày hôm đó (ngày 20 tháng 11 năm 1963), đồng chí Phó Bí thư Trung ương Cục phát biểu:

- Từ ngày thành lập đến nay, Trung ương Cục Miền Nam đã đưa được khá nhiều cán bộ xuất sắc luồn sâu vào trong lòng địch. Các đồng chí phải hết sức cẩn thận, phối hợp tác chiến thật kỹ trước khi làm nhiệm vụ kẻo lắm lẫn thì thiệt hại rất lớn cho Cách mạng.

Nay đồng chí C16 chưa rõ sống chết thế nào. Chúng ta phải lấy tấm gương mưu trí, dũng cảm, bản lĩnh, luôn luôn hoàn thành xuất sắc trọng trách Đảng giao của "C16" để noi theo. Tinh thần chiến đấu hi sinh của đồng chí "C16"

hết sức xứng đáng được tuyên dương công trạng, xứng đáng là Anh hùng của chúng ta.

Tôi ngồi chết lặng. Tại sao lại như thế? Anh Phước tại sao lại là "C16" được? Vậy là anh đã giấu tôi trong suốt thời gian dài vừa qua? Những việc tôi làm trước đây anh đều biết nhưng vẫn cố tỏ ra là người không hay biết, không nghi ngờ?

Lúc này tôi nhớ tới câu nói của anh trong buổi tối trước khi chia tay: *"Chúc cho sự nghiệp của chúng ta thành công huy hoàng"*. Bây giờ thì tôi đã hiểu, vì sao anh lại nói "Sự nghiệp của chúng ta".

Thì ra bao lâu nay, Phước và tôi đều là người của tổ chức đưa vào hoạt động trong lòng địch. Tôi thấy giận anh Hai Xô và giận chính bản thân tôi.

Tại sao anh Hai Xô không nói cho tôi biết anh Phước là người của tổ chức? Tôi giận mình vì sống cùng anh bao lâu mà vẫn không hiểu hết về anh, không biết được những việc anh làm giúp tôi ngoài tình cảm riêng tư còn là tình đồng chí, đồng đội. Tôi thương anh quá!

Cầu mong cha mẹ phù hộ cho anh bình an. Nếu anh không trở về thì tôi càng cảm thấy mình có lỗi.

Anh Phước ơi! Giờ này anh đang ở đâu? Út thương anh nhiều lắm anh có biết không?

Sau đó, tôi được phân công về Khu 6 phụ trách kinh tài hậu cần, đồng thời luồn sâu trong lòng địch tìm kiếm cơ hội làm lợi cho ta.

Tôi chịu trách nhiệm từ Đà Lạt sang Plâyku, Kontum, Đắc Tô. Ở đâu cần thì tổ chức điều tôi đến, giải quyết xong là tôi đi.

Với tôi thời đó, việc tự bảo vệ mình trong lúc làm nhiệm vụ đã thật là khó, việc bảo vệ tài sản riêng tư càng khó khăn hơn. Tôi phải thường xuyên khóa cửa căn nhà của Phước cho. Tất cả đồ đạc cũng phải gói ghém cất vào tủ, vào rương khóa lại cẩn thận. Nhiều chuyến đi công tác quá dài ngày, nếu không được các đồng đội hoạt động bí mật ở Sài Gòn do anh Hai Xô cắt đặt, trông coi giúp chắc chắn nhà tôi sẽ chẳng còn gì.

Ngôi nhà vắng chủ hơn một năm nên lạnh lẽo vô cùng. Cảm giác ngậm ngùi cứ xâm chiếm tâm hồn làm tôi cảm thấy mệt mỏi rã rời như vừa qua một chuyến đi dài về.

Có lẽ đó là khoảng thời gian ngắn ngủi, riêng tư quý giá mà tôi có được, nhưng sao mà xót xa, tủi buồn, lạnh lẽo đến thế.

Người xưa cảnh cũ đâu rồi?

*

Ngày 1 tháng 6 năm 1964.

Giao liên đến đón tôi về Trung ương Cục Miền Nam.

Gặp tôi, anh Hai Xô hỏi liền:

- Út! Năm 1963 anh đã nói, em thấy có sai chút nào không? Đồng chí "C16" bị mất tích là tổn thất quá lớn cho lực lượng của ta đó Út! Trước đây, lúc giao tiền và đồ đạc cho em, "C16" dặn dò như thế nào? Út nhớ báo cáo cụ thể

cho hội nghị ban ngành nghe và biết rõ để phân công cho em nhận việc mới. Công tác kỳ này có nhiều cam go và trở ngại đó. Út phải cân nhắc đo lường chính xác tuyệt đối, không được thất thoát...

Sau bữa cơm là vào hội nghị, tôi gặp đồng chí Hai Văn. Đồng chí Phó Bí thư Trung ương Cục hỏi:

- Hôm đảo chính Diệm - Nhu, trước lúc ra trận tuyến, đồng chí "C16" có cho đồng chí biết kế hoạch sắp đến không? Đề nghị đồng chí Út Anh trình bày cho hội nghị biết!

Tôi báo cáo:

- Hôm đó, đồng chí "C16" đến giao số tiền ba trăm triệu đồng, bảo tôi tìm cách chuyển cho Trung ương Cục để mua vũ khí, trang thiết bị và lương thực nuôi quân, chuẩn bị lực lượng đánh bọn Mỹ sắp đổ quân vào Việt Nam. Anh ấy còn nói: Trận chiến sắp đến sẽ gay go lắm. Phải hi sinh rất nhiều nhân lực, trí lực và tài lực mới mong đem lại thành công cuối cùng. Sắp tới, chúng ta phải tập trung chuẩn bị cho tốt, phải khắc phục tâm lý sợ Mỹ, phải tích cực chủ động tấn công với nhiều cách đánh sáng tạo, thì mới có thể thắng Mỹ được. Nói được mấy câu, "C16" vội vàng ra đi, tôi không kịp hỏi nữa.

Các đồng chí lãnh đạo như Hai Văn, Hai Xô, Tư Vạn và hầu như tất cả mọi người trong hội trường đều rưng rưng xúc động. Có người không ghìm được còn bật khóc rất to, thương tiếc đồng chí "C16". Không biết bọn ngụy đã thủ tiêu hay là đang giam cầm đồng chí ấy trong nhà tù nào?

Lãnh đạo Trung ương Cục nêu rõ quyết tâm và chỉ thị cho một số bộ phận phải tích cực rà soát tìm ra tung tích đồng chí "C16", một tấm gương tài trí....

Riêng tôi, hối hận ngậm ngùi, khóc sụt sùi bao nhiêu nước mắt cũng không đủ. Tại sao bao năm qua, anh che chở cho tôi rất nhiều, anh rất tốt với tôi, anh yêu tôi và âm thầm chịu ngang trái, mà tôi... Tôi vong ơn, tôi vô tình quá. Nay, không biết anh ở đâu, làm sao tôi tìm được anh bây giờ?

Bây giờ tôi mới hiểu ra câu nói của anh "*Ngày nào đó cả hai cùng nằm chung nấm mồ*". Tôi thấy đau lòng quá và nhớ anh vô cùng. Lâu nay cứ tưởng mình tài giỏi, che mắt được kẻ thù và từ chối cả tình cảm mà anh đã dành trọn vẹn cho tôi.

Anh Phước ơi! Thật ra, bao lâu nay em vẫn cố giấu tình cảm của mình. Vì quyết chí diệt kẻ thù mà em phải luôn chế ngự lòng mình, không dám bộc lộ. Tình yêu và niềm tin em đã trao gửi cho anh ngay từ buổi đầu gặp mặt.

Nhưng xin anh hãy hiểu và tha thứ cho em. Phước ơi! Em đã nợ anh quá nhiều.

Nước mắt tôi cứ tuôn chảy như khóc bù cho bao ngày không được khóc, bao nhiêu ngày phải kìm nén. Có mọi người bên cạnh khóc theo, tôi cũng đỡ thẹn lòng.

CHƯƠNG XVII

TRẬN ĐÁNH TÒA ĐẠI SỨ MỸ

Việc đứa con trai bị bắt cóc, sau đó lại mất đi một người đàn ông yêu quý nhất trong đời, đã làm tôi chới với, hụt hẫng rất nhiều nhưng vẫn phải gắng gượng tiếp tục công việc của mình. Tuy vậy, nhưng tôi luôn tự hứa với lòng mình là phải sống và tiếp tục chiến đấu.

Ngày mùng Năm Tết (1964), chúng tôi tiến hành phục kích đánh địch tại cây số 5 (Di Linh - Lâm Đồng).

Buổi sáng hôm đó, tên Quận trưởng Hồi dẫn tốp lính đi bố ráp thì lọt vào ổ phục kích. Chúng tôi đánh úp, giết chết tên Hồi và 18 tên lính. Sau trận đánh đó, đồng chí Bé Năm bị địch bắt. Do bị đánh đập dã man, nên Bé Năm đã khai báo, chỉ điểm một số cơ sở. Chúng tôi mất thêm 72 đồng chí, trong đó có Huỳnh Thanh Quế (tức Ba Sơn) cùng vợ là Trần Thị Kim Cúc và cơ sở là chị Âu Thị Ven. Đồng chí Quế bị lưu đày ra Côn Đảo, bỏ lại đàn con nhỏ cho bà ngoại nuôi.

Sau sự kiện đó, tôi về Trung ương Cục báo cáo và được lệnh chuyển địa bàn về Đức Trọng.

Về đến đèo Pren, căn cứ của Mỹ cây số 13, để đưa số quân du kích Mặt trận Giải phóng miền Nam vào lòng địch, tôi

xin Quận trưởng Trần Văn Anh cho phép đăng lính địa phương, lính bảo an để bảo vệ làng. Quận trưởng Anh đồng ý với đề đạt của tôi, ông ta tiếp nhận và phát vũ khí đầy đủ cho các chiến sĩ du kích của ta mà không hề hay biết.

Lúc bấy giờ, Dương Văn Minh đòi trung lập với Pháp. Các cơ quan trong nước, nhất là học sinh và sinh viên tổ chức biểu tình đòi phế bỏ Dương Văn Minh lập Phan Khắc Sửu, Bác sĩ Phan Quang Đáng, Trần Văn Hương lên làm nội các. Toàn dân Sài Gòn xuống đường biểu tình... Các tướng lĩnh Sài Gòn đua tranh quyền binh.

Cơ hội đến, mùa mưa, tôi về họp tại Khu 6 xin chỉ thị đánh căn cứ Mỹ ở cây số 13 để lấy uy thế, tiếp theo sẽ đánh úp đồn Hiệp Thạnh. Tôi trình bày với cấp trên ý định của mình: "Hiện nay, bọn chính quyền Sài Gòn đang tranh quyền cướp ngôi, ta nên đánh lấy một trận mừng sinh nhật Bác". Và tôi cũng trình bày luôn dự kiến kế hoạch đánh căn cứ này. Ý kiến của tôi được chấp thuận. Được Khu 6 cho Đoàn 810 yểm trợ, chúng tôi đã đánh căn cứ Mỹ cây số 13 vào ngày 17 tháng 5 năm 1964. Trận đánh thắng lợi. Trên đà đó, ta đánh úp đồn Hiệp Thạnh dễ dàng như đã định. Cùng với việc thu khá nhiều chiến lợi phẩm, bắt gọn bọn tề xã ngụy, lực lượng vũ trang Liên khu còn được tăng cường thêm một trung đội có trang bị vũ khí đầy đủ và đã trải qua thử thách.

Trận đó thắng lợi lớn. Địch truy lùng gắt gao nên các chiến sĩ rút luồn sâu vào căn cứ, tôi trở về Trung ương Cục ở Tây Ninh xin chỉ thị và được lệnh chuyển về Sài Gòn.

Tôi đến trình tổ chức, anh Hai Xô giao trả chìa khóa nhà và cho tôi về, chờ chỉ thị mới.

Tôi về lại nhà cũ của anh Phước ngày 29 tháng 5 năm 1964. Nhìn các kỷ vật càng thấy nhớ anh Phước đến ứa nước mắt. Chiều chiều, theo thói quen, tôi vẫn ra ngõ ngóng bóng anh về nhưng chẳng thấy. Tôi ngậm ngùi treo tấm hình của anh lên tường, vừa là để đỡ trống trải căn phòng, vừa tránh tai mắt của địch. Anh Phước luôn là tấm bùa hộ mệnh an toàn nhất mà tôi có được trong những tháng ngày gian khó và hiểm nguy ấy.

*

Lúc anh em nhà Diệm - Nhu rước Cố vấn Hoa Kỳ vào Việt Nam, chúng đã đặt Đại sứ quán Mỹ tại góc đường Mạc Đĩnh Chi, cạnh bốt cảnh sát Quận I, Sài Gòn. Cảnh sát trưởng của Quận này là Kiều Công Bì, một người "hai mang", ngày là công chức hưởng lương của chế độ ngụy quyền, đêm là chiến sĩ Cộng sản.

Lực lượng Cách mạng đã lên phương án đánh vào Sứ quán Mỹ trong dịp Diệm - Nhu bị đảo chính. Nhưng do "C16" bất ngờ mất tích, kế hoạch bị đổ vỡ. Nay kế hoạch ấy lại được mang ra bàn tiếp tại Trung ương Cục. Đây là biện pháp cụ thể nhằm gây tiếng vang phản đối chiến tranh trên thế giới và bước đầu cản trở kế hoạch đổ quân của Mỹ vào miền Nam Việt Nam.

Tôi được giao nhiệm vụ tổ chức đánh mục tiêu này từ đầu tháng 6 năm 1964, khi Sứ quán Mỹ chuẩn bị chuyển từ đường Hàm Nghi về Mạc Đĩnh Chi. Trước đó, đã diễn ra một cuộc họp quan trọng do đồng chí Phó bí thư chủ trì, nghe trình bày các phương án đánh Tòa Đại sứ Mỹ. Đội Biệt động Sài Gòn đề nghị dùng một lực lượng cảm tử, bí mật, bất ngờ, tấn công trực diện. Phương án của tôi đưa ra là: sử dụng lực lượng nhỏ, ít người, bằng con đường công khai, khéo léo tiếp cận, gây

cảm tình với một nhân viên cao cấp của Sứ quán Mỹ, bí mật đặt mìn trong thời gian thích hợp khi điều kiện cho phép. Khi bỏ phiếu kín, phương án của Đội Biệt động Sài Gòn được ba mươi hai phiếu, còn phương án của tôi đạt năm mươi phiếu. Vậy là phương án của tôi được chấp nhận. Một số đồng chí đã góp ý, bổ sung cho phương án chiến đấu này được hoàn chỉnh, chắc thắng hơn. Một số lực lượng cũng được giao nhiệm vụ phối hợp tác chiến.

Trong đội hình phối hợp tác chiến, tôi được giao nhiệm vụ vừa nghiên cứu phương án khả thi, vừa trực tiếp đặt bom tấn công Tòa Đại sứ Mỹ.

Lúc này, tại Sài Gòn, tôi phải tìm cách luồn sâu vào lòng địch bằng đủ mọi cách. Khó khăn lớn nhất là do Tòa Đại sứ Mỹ đã bị tấn công nhiều lần, thậm chí năm 1963 nó đã bị Biệt động Sài Gòn đánh sập một lần, nên sau khi chuyển về địa điểm mới, bọn Mỹ cho canh phòng Đại sứ quán rất cẩn mật, khó có cơ hội thâm nhập để thực hiện kế hoạch.

Tôi phải đóng vai ca sĩ Thu Nga, đêm đêm đến phòng trà ca hát để nắm thông tin từ bọn lính Mỹ - Ngụy khi chúng say khướt. Tôi không thích làm cái việc mà người ta gọi là "chim mồi". Nhưng khi nghe anh Hai Xô nói: "Cấp trên đã tin cậy mới giao cho đồng chí công việc đó, bởi vì họ tin tưởng rằng đồng chí sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ" thì tôi biết tôi chẳng còn sự lựa chọn nào khác. Tôi phải hoàn thành thì mới xứng đáng là một đảng viên trên trận tuyến thầm lặng.

Thấm thoát gần năm đã trôi qua, mọi kế hoạch tiếp cận vào Đại sứ quán Mỹ tôi đều không thể thực hiện được.

Tưởng đã tuyệt vọng, một hôm tôi gặp ông Hoàng Đức Nhã[1] - Cố vấn Tổng thống phủ, đi cùng Đại tướng Cao Văn Viên - Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Ông Nhã đưa tôi đến chào Cao Văn Viên và khéo léo giới thiệu:

- Thưa ngài Đại tướng, đây là cô Thu Nga, một nữ ca sĩ nổi tiếng ở đất Sài Gòn này, không chỉ xinh đẹp mà còn hát rất hay. Ngày trước, mỗi lần có tiệc thì bà Cố vấn Ngô Đình Nhu đảm trách việc tiếp tân, nay bà ấy sang Pháp rồi. Tôi nhận thấy cô Thu Nga là người thông minh, hiểu biết phong cách lịch thiệp của phương Tây. Người như vậy rất khó tìm. Vì thế, ngài có vui lòng cùng tôi mời cô ấy vào tiếp tân tại Dinh Độc Lập, nhân ngày chào đón ngài Cố vấn C.Taylor không?

Cao Văn Viên vốn xuất thân là lính phòng vệ Tổng thống phủ, văn hóa kém, nhưng ông Nhã đã khôn khéo đề cao ông ta để giới thiệu tôi với các tướng lĩnh của Việt Nam Cộng hòa.

Sau một hồi ca tụng lẫn nhau, ông Nhã lịch sự hôn tay tôi và nói:

- Nếu cô thực sự rảnh thì hãy dành cho tôi và Đại tướng đây một ngày, khoảng mùng hai tháng chín, đến Dinh Độc Lập để đón các Cố vấn Hoa Kỳ nhé! Tôi sẽ cho xe đón cô lúc bảy giờ, được chớ?

---

[1] Hoàng Đức Nhã: Một bí danh của Thiếu tướng Vũ Ngọc Nhạ (1928 - 2002), Ông còn nhiều bí danh khác: Vũ Ngọc Nhã, Hai Nhã, Thầy Bốn, Vũ Đình Long, Hai Long, Lê Quang Kép... Bí danh Hoàng Đức Nhã do Linh mục Hoàng Quỳnh đặt, (trùng tên với một người em họ của Nguyễn Văn Thiệu, từng làm tham tán báo chí cho Tổng thống của Chính quyền Sài Gòn).

Tôi sung sướng như mở cờ trong bụng, nhưng bên ngoài chỉ lịch sự cười nhẹ nhàng đáp lại:

- Xin ông Cố vấn giúp cho tôi có được việc làm là tôi cảm ơn nhiều! Và xin Đại tướng chiếu cố giới thiệu tôi cho ông C.Taylor, tôi xin trân trọng cảm ơn hai ông!

Cần nói thêm một chút về ông Hoàng Đức Nhã: Hồi đó, tôi không biết nhiều về ông. Chỉ thấy ông ăn mặc và sinh hoạt hết sức giản dị, thường đi làm bằng chiếc xe máy Mobilet cũ. Nhiều người gọi ông là "Thày Bốn", vì nghe nói ông rất giỏi giáo lý Thiên Chúa Giáo. Nhưng không hiểu sao, ai trong Tổng thống phủ cũng kính nể ông. Tôi cảm nhận ông là người tốt, mãi sau này, mới biết ông là người của ta. Những lúc chỉ có hai người, tôi thường thân mật gọi ông là anh Hai Nhã...

Hôm đó, sau khi đã ký với Mỹ hiệp định về việc phía Mỹ đưa máy bay, tàu chiến, xe bọc thép và nhiều loại vũ khí quân sự tối tân vào miền Nam Việt Nam để cùng với quân lực Việt Nam Cộng hòa tăng cường cuộc chiến hủy diệt Cộng sản, tại đại sảnh Dinh Độc Lập, ông Hoàng Đức Nhã cùng với các tướng Cao Văn Viên, Đặng Văn Quang, Đỗ Cao Trí, Tôn Thất Đính, Lâm Quang Thi đã tổ chức lễ tiếp tân chiêu đãi C.Taylor - Cố vấn đặc biệt của Chính phủ Hoa Kỳ.

Ban nhạc Nguyễn Hữu Thiết - Ngọc Cẩm được mời phục vụ tiếp rượu và biểu diễn ca nhạc góp vui.

Trong tiệc rượu, thấy tôi trang điểm nhẹ, mặc áo dài trắng Việt Nam, C.Taylor chỉ tôi và nói gì đó với Đại sứ Vương Văn Bắc. Ông Vương Văn Bắc đứng dậy mời tôi đến giới thiệu cho C.Taylor. Tôi không ngờ một người Mỹ (thoạt nhìn chưa tới năm mươi) lại nói tiếng Việt rất chuẩn như C.Taylor.

- Chào người đẹp Việt Nam!

Tôi tươi cười tiếp rượu và chạm li cùng uống với ông ta. Khi tan tiệc rượu, C.Taylor gặp tôi tại bậc thang cửa Tổng thống phủ, có cả ông Hoàng Đức Nhã và Trương Long - tên tình báo gian ác đứng cạnh ông Nhã. C.Taylor tiến đến bên tôi và vẫn bằng tiếng Việt rất chuẩn ông ta xin được gặp tôi lúc tám giờ tối tại nhà hàng Caraven.

Hôm đó là ngày 20 tháng 12 năm 1964. Tôi phấn khởi thầm nghĩ chứng kiến cảnh này, chắc chắn tên tình báo gian ác xảo quyệt kia sẽ đỡ nghi ngờ, truy xét tôi.

Tính từ đảo chính Ngô Đình Diệm, còn mười hai ngày nữa là đúng một năm. Lòng tôi ngậm ngùi nhớ đến "C16" - Trần Văn Phước. Bây giờ anh ở đâu, Phước ơi? Giá như có anh bên cạnh, em sẽ đỡ lo lắng bao nhiêu khi gặp C.Taylor? Giá như có anh để ta cùng vui cùng buồn, cùng chia sẻ những nan giải này. Thời cơ đã đến rất gần, cầu xin vong linh cha mẹ phù hộ cho con. Anh ở đâu, Phước ơi, hãy nghĩ đến em để giúp em có đủ nghị lực vượt qua những thử thách này.

Về đến nhà, tôi nghĩ ngợi rất nhiều và quyết định đi gặp anh Hai Xô báo cáo sự việc. Anh vui mừng động viên:

- Em yên tâm, có Hoàng Đức Nhã bên cạnh thì không sợ trở ngại. Cứ tùy cơ mà ứng biến nha!

Anh Hai Xô còn nói sẽ cài một số biệt động thành vào nhà hàng giả làm khách ăn chơi, nghe ca nhạc, ngầm bảo vệ cho tôi.

Tôi vội đi tìm Cẩm Vân cùng đến Caraven để gặp C.Taylor. Đội biệt động cử đồng chí Mười Tân giả là tài xế xe

taxi, đưa tôi và một vài anh nữa cùng đi. Đến nơi đã thấy C.Taylor cùng năm sỹ quan Mỹ nữa ngồi đó.

C.Taylor mời tôi khiêu vũ. Hết bản nhạc, ông ta mời tôi uống rượu. Lúc ra về, C.Taylor "bo" cho tôi bốn trăm đô la và lịch sự mời tôi dùng cơm tại nhà hàng Mỹ Cảnh vào trưa hôm sau.

Tôi vui vẻ nhận lời, vì thấy mình đang có cơ hội được tiếp cận gần hơn với nội tình của Sứ quán Mỹ.

Tôi đến gặp anh Hai Xô để xin ý kiến chỉ đạo. Anh lắng nghe, suy nghĩ một lát, rồi bảo:

- Đảng và Trung ương Cục đã giao trọng trách cho đồng chí. Trên tinh thần độc lập sáng tạo, đồng chí hãy tùy thời cơ mà thi hành nhiệm vụ. Từ nay phải hạn chế tiếp xúc với tổ chức, khi thật cần thiết mới liên lạc. Chúng tôi sẽ có phương án cử người yểm trợ và bảo vệ đồng chí.

Trưa hôm sau, tôi quyết định trang điểm thật lộng lẫy và chọn chiếc áo dài Việt Nam màu tím để mặc.

Đồng chí Mười Tân lái xe đưa tôi đến nhà hàng Mỹ Cảnh. C.Taylor đang đứng đợi tôi, trên tay ôm một bó hoa hồng. Sự việc tiếp theo diễn tiến khá tốt, ngoài cả sự mong đợi của tôi.

*

Sài Gòn, chiều ngày 23 tháng 12 năm 1964.

Một liên lạc viên tên là Đỗ chuyển cho tôi mật thư của Cố vấn Hoàng Đức Nhã. Ông Nhã cần gặp tôi gấp, tại Nhà thờ Huyện Sỹ.

Theo hẹn, đúng mười tám giờ, đến nơi tôi đã thấy ông Nhã đang đứng chờ. Ông nói cho tôi vừa đủ nghe:

- Sau Tết Nguyên Đán, khoảng tháng Hai hoặc tháng Ba, Mỹ sẽ ồ ạt đổ quân vào Việt Nam. Ta phải chuẩn bị chiến đấu bằng đủ mọi hình thức. Tổ chức tin cậy giao cho tôi và đồng chí phải cố gắng tìm thời cơ mà hành động. Tôi sẽ cho người cộng tác cùng đồng chí, để đưa C.Taylor vào bẫy tình. Đồng chí phải khéo léo làm cho ông ta say mê mình, đến lúc cần là hành động ngay, không chờ lệnh... Bên đồng chí, luôn có nhiều anh em đồng chí khác sát cánh, vì thắng lợi cuối cùng của kế hoạch, dứt khoát không được bỏ cuộc!...

Trong suốt thời gian tiếp theo, tôi và C.Taylor lúc nào cũng cặp kè bên nhau như hình với bóng, nay đi khiêu vũ, mai nhà hàng. Ông ta tặng cho tôi rất nhiều son phấn, nước hoa và luôn nhắc đến chiếc áo dài màu tím tôi từng mặc.

Điểm gặp gỡ thường xuyên của tôi và C.Taylor là nhà hàng Magestic, ở đó có cả vũ trường để khiêu vũ. Thỉnh thoảng cũng thay đổi không khí ở nhà hàng nổi Mỹ Cảnh hoặc khách sạn Caraven. Sở dĩ tôi và C.Taylor thường xuyên gặp nhau ở chỗ đông người vì như thế sẽ càng giúp tôi tránh được sự nghi ngờ, theo dõi của bọn mật thám. Nhưng cũng chính từ đây mà những lời bàn tán về tôi lan rộng khắp đất Sài Gòn, rằng vợ ông Tỉnh trưởng vì tham đôla mà lấy ngài Cố vấn đặc biệt của Chính phủ Hoa Kỳ. Đi tới đâu tôi cũng bắt gặp ánh mắt khinh rẻ và những lời nhục mạ của mọi người. Một người đã từ nhỏ sống trong các lễ nghi gia giáo của dòng họ, được sự dạy bảo đạo đức của cha mẹ, mỗi khi nghe thấy những lời nói đó, tôi cảm thấy nhục nhã và có tội với hoàng tộc, có tội với anh Kiệt, anh Phước. Nhưng vì nhiệm vụ của tổ chức giao nên tôi vờ như không biết, luôn

cố gắng mỉm cười và tỏ ra rất tình cảm mỗi khi đi bên cạnh C.Taylor.

C.Taylor thích nhất là những bản nhạc theo điệu Tango và Slow, thích nước hoa Itimmet và Tabu, thường ăn món thịt bò khô trộn salat. Ông ta không bao giờ uống rượu khai vị của nhà hàng, mà thường đem theo rượu tự mua tại nơi bán hàng phục vụ riêng cho các nhân viên cao cấp của sứ quán và sĩ quan Mỹ...

Trong các món ăn Việt Nam, C.Taylor thích nhất món cá lóc nấu canh chua với thơm[1], bạc hà[2], cần tây, giá tươi, me thật chua, ớt thật cay, nước uống thật ngọt. Có hôm, tôi thấy C.Taylor mang đến chai Mactini để nhậu với món canh đó.

Tôi hỏi thử:

- Sao anh không dùng rượu của nhà hàng?

- Phần nhiều là rượu dỏm, tôi sợ bị xuất huyết dạ dày, hoặc bị ung thư bao tử.

Tôi ngạc nhiên vì thấy C.Taylor nói chính xác các thuật ngữ về y học. Hỏi ra mới biết trước đây ông ta là Bác sĩ. C.Taylor còn mời tôi đến phòng khám để đo điện não đồ và soi nội tạng. Ông ta nói :

- Hiện nay y học Hoa Kỳ rất phát triển. Còn ở Việt Nam, nhân viên y học ở đây thiếu hiểu biết, nên tung tin rất buồn cười, cho rằng cái máy ấy dùng để điều tra Việt Cộng. Mời em hôm nào đến phòng mạch, tôi sẽ đích thân khám sức khỏe cho em!

---

[1] Thơm: dứa.

[2] Bạc hà: Loại cây giống như dọc mùng ở miền Bắc.

Tôi chỉ cười và gật đầu đồng ý.

- Quen em đã gần một năm mà tôi vẫn chưa biết họ của em!

- Em là Léna Phạm.

- Léna có học, có bằng cấp gì hay không?

- Em học ở Paris. Về Việt Nam đã lấy chồng nhưng bị chồng bỏ và hắn đã có vợ khác. Em rất thích học tiếng Mỹ, liệu có khó lắm không anh?

C.Taylor cười:

- Tiếng Mỹ là tiếng bản xứ, nên học tiếng Anh thì hay hơn. Tôi thì ngược lại, rất thích tiếng Việt và ăn thức ăn Việt Nam. Người Việt cũng tốt lắm. Họ bảo vệ uy tín cho mọi người đàn bà Việt Nam, không rượu chè be bét. Nếu em thích, tôi sẽ không uống rượu nữa!

- Nhưng rồi anh sẽ trở về nước, bỏ lại em một mình!

- Tôi còn năm năm nữa mới hết nhiệm kỳ. Khi về nước nhất định tôi sẽ mang em đi cùng. Trước khi sang đây tôi đã phải học tiếng Việt, học cả thổ ngữ và cách sống của Việt Nam, rất vất vả!

Sẵn lúc đang vui vẻ, tôi giả vờ hỏi:

- Vậy sao anh lại ghét những người Cộng sản?

- Nói "ghét" thì cũng không đúng lắm!

- Vậy tại sao người Mỹ các anh lại đốt phá nhà dân?

- Đó là những người thất nghiệp ở nước Mỹ, họ xin đi lính đánh thuê để có cơm ăn, có rượu uống. Phần nhiều

những người đó ít học, thích bạo lực, văn hóa kém, không phải là quý tộc và trí thức...

Đang nói chuyện, C.Taylor bỗng dừng lại và hỏi nhỏ:

- Nếu tôi muốn cưới em làm vợ, thì em có đồng ý không?

Tôi vờ ngạc nhiên hỏi:

- Em nghe nói anh đã có vợ rồi mà?

- Ô, tôi vừa li dị với Barry Moore. Cô ấy cũng đã có chồng rồi.

- Nhưng tại sao, ở nơi này có rất nhiều ca sĩ đẹp mà anh không chọn?

- Yêu một người phụ nữ đâu phải chuyện đơn giản. Phần nhiều các cô ở đây đều thấy sĩ quan là tìm cách tán tỉnh, vì họ đều thích tiền và thích quyền uy. Tôi thấy em không giống họ. Tôi đã rất ấn tượng ngay lần đầu tiên gặp em ở Dinh Độc Lập. Em không thể lẫn với cô gái nào khác được, rất duyên dáng, quyền quý và ở em còn đượm một vẻ buồn buồn như thế chứa chất một nỗi niềm gì rất sâu lắng. Cái vẻ buồn buồn ấy hiện lên trong đôi mắt của em khiến em càng thu hút tôi.

Rồi C.Taylor trầm giọng bảo:

- Nói thật, tôi thấy Thu Nga rất giống cô bạn gái gốc Á, cùng học ở Đại học của tôi. Cô ấy tên Berina Martine, trong một lần đi biển đã bị chết đuối. Tôi yêu em còn vì lẽ đó Thu Nga à!

Nói xong, C.Taylor đặt vào tay tôi một hộp nhỏ, đựng chiếc nhẫn xinh xắn. Sau đó ông ta kiểu cách cúi hôn bàn

tay đeo nhẫn của tôi rồi chào ra về. Tôi không tiễn C.Taylor vì chợt nhớ tới giờ hẹn gặp một đồng đội là người của Đại sứ quán Mỹ...

Tôi rất bất ngờ khi người đó lại là Jeandy, nhân viên phiên dịch cao cấp của Đại sứ quán Mỹ. Đó là một người Việt lai Pháp. Nếu không được Cố vấn Vũ Ngọc Nhạ giới thiệu trước, thì tôi không thể nào tin nổi. Nhưng cũng vì được gặp, được biết những người cùng chí hướng một cách không ngờ như vậy mà tôi vững lòng hơn về niềm tin yêu vào con đường mà tôi đã chọn và tôi đang đi.

- "Cá đã cắn câu rồi" - Jeandy bảo tôi - Nhưng đồng chí vẫn phải rất cẩn thận, đừng đùa với lửa. Biết đâu, đấy là một cái bẫy?

Lời nhắc nhở của Jeandy làm tôi càng phải cẩn thận hơn trong những lần tiếp xúc với C.Taylor.

C.Taylor say mê tôi như điếu đổ. Lúc đầu ông ta còn dè dặt, sau đến thẳng nhà để đón tôi. Nhìn thấy tấm hình của tôi chụp cùng anh Phước và Kim Chi, C.Taylor hỏi:

- Ai vậy?

Tôi đáp:

- Là chồng em! Anh ấy đã có vợ khác rồi.

Ông ta phủ nhận ngay:

- Không phải, người này đã mất tích từ ngày 1 tháng 11 năm 1963. Như vậy là tôi yêu Léna thay ông ấy.

Tôi làm thinh và chảy nước mắt.

Và từ đó C.Taylor thường xuyên đến gặp tôi, sau đó ông ta còn đưa cho tôi một số tiền lớn và nói:

- Em cứ chọn một ngôi nhà đẹp và tiện lợi để sinh sống, muốn mở cửa hàng tơ lụa hay hiệu thuốc, tùy em. Em cho anh biết trước tên ba mẹ để anh nhờ luật sư làm giấy hôn thú!

Nghe C.Taylor nói tôi cũng hơi lo lắng, không biết ông ta có định khai thác cái gì về lý lịch của tôi không, nên quyết định gặp anh Hai Xô để xin ý kiến chỉ đạo.

*

Ngày 18 tháng 3 năm 1965.

Tôi nhận được giấy mời công khai của Cố vấn Hoàng Đức Nhã hẹn gặp lúc tám giờ sáng ngày hôm sau tại nhà hàng Đồng Khánh - Chợ Lớn. Vì những lý do an ninh, thông thường vẫn được coi là an toàn hơn nếu việc tiếp xúc và liên lạc được thực hiện tại những nơi công cộng như: quán bar, nhà hát, nhà thi đấu thể thao,... Khắp Sài Gòn khi ấy đâu đâu cũng có con mắt của bọn mật thám, tay sai.

Nhưng phải tới tám giờ ba mươi phút tôi mới tới nhà hàng. Theo giấy hẹn, tôi lên lầu ba thì đã thấy ông Hoàng Đức Nhã đang ăn điểm tâm cùng một người đàn ông mang lon Chuẩn tướng và một người đàn ông to lớn mặc thường phục. Ba người đang ngồi có ý chờ, tôi bước đến chào và nói lời xin lỗi vì đã đến trễ. Các ông cùng cười và bảo đó là chuyện không quan trọng.

Ông Hoàng Đức Nhã giới thiệu:

- Đây là Thu Nga. Còn đây là Chuẩn tướng Nguyễn Viết Thanh ở Tây Đô - Cần Thơ - Vùng 4 chiến thuật. Còn

đây là ông Jeandy - nhân viên Đại sứ quán Hoa Kỳ (Jeandy nheo mắt cười với tôi). Ở đây, bốn chúng ta đều một chứng bệnh nan y là "tương tư sống phải hiểu việc thời cuộc".

Tôi còn chưa hiểu hết ý câu nói bóng gió ấy, thì ông Nhã tiếp:

- Chúng ta cùng mặc một áo, cùng đội một nón, cùng mẹ, cùng cha.

Tôi ngó ra phía sau và nhìn lên trần nhà. Ông Nhã chụp bàn tay mình lên tay tôi, ông Thanh chụp lên tay ông Nhã, Jeandy chụp tay lên trên nữa. Thế là tôi hiểu. Đó là mật mã bốn người chúng tôi cùng chung chí hướng, họ là đồng chí của tôi. Tôi hoàn toàn yên tâm ngồi xuống...

Ông Nhã cầm tay tôi và nói:

- Ba chúng tôi sống chết có nhau, nay thêm cô là người nhỏ tuổi nhất trong hội tương tư đồng sinh đồng tử. Jeandy tình nguyện xách vali cho cô, đi bất cứ nơi đâu cô cần. Đây là vệ sĩ hạng nhất đấy. Anh ấy sẽ có nhiệm vụ bảo vệ cho cô an toàn trong khi làm nhiệm vụ.

Jeandy cười, bóp tay tôi thật đau như muốn truyền niềm tin cho tôi.

Ông Nhã còn nói tiếp:

- Ngày 30 tháng 3 tới đây, Đại sứ quán Mỹ sẽ mở một buổi tiệc lớn để mừng ngày hợp tác Việt - Mỹ, sau đó sẽ đưa quân đổ bộ vào vịnh Cam Ranh lập căn cứ ở đó. Phía Mỹ sẽ đưa quân vào Sài Gòn và Đà Nẵng, cho xây dựng thêm cứ điểm Đăk Tô. Họ cũng hợp tác với tướng phỉ Vàng Pao đưa quân tới Hạ Lào....

Nội các Sài Gòn sẽ có nhiều thay đổi. Cô gái nhỏ này sẽ phải gánh một trọng trách rất lớn đó là góp phần làm cho nhân dân miền Nam và miền Bắc có được niềm tin để đương đầu với chiến trận vũ khí của kẻ thù. Chúng ta phải làm cho người Mỹ khiếp vía để chặn bước đường đổ quân của họ vào miền Nam Việt Nam.

Bước đầu, tối nay, khi đến vũ trường Magestic, Jeandy sẽ đi cùng C.Taylor. Cô phải đóng kịch thật đạt để ông ta cảm thấy thật vui vẻ. Tôi sẽ đưa thiếp mời thêm cho hai tướng của Bộ Tổng Tham mưu đi cùng cô và có một số ca sĩ chống Cộng kịch liệt nữa, để họ vô tình giúp cô che đậy việc đặt mìn. Cô phải khôn khéo, bình tĩnh để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chúng tôi mong mọi người giữ vững tinh thần, vận dụng sáng tạo mọi cơ hội, vượt qua gian khó để hoàn thành nhiệm vụ vinh quang này. Ngoài Jeandy luôn bên cạnh bảo vệ, chúng tôi sẽ cử thêm người yểm trợ.

Chúng tôi tiếp tục ăn uống đến mười giờ hai mươi phút. Trước khi chia tay, ông Nhã còn dặn lại một lần nữa:

- Thu Nga nhớ kỹ nghe: ngày 30 tháng 3, đúng tám giờ ba mươi cô phải có mặt tại điểm hẹn mà chúng ta thường gặp. Người đón cô là Jeandy.

Tôi về cùng xe với Jeandy. Anh đưa tôi đến chợ Bến Thành, mua cho tôi những thứ mà bạn gái của C.Taylor thường mặc. Anh bảo:

- Tối nay cô nên mặc chiếc juyp đỏ và đêm sau mặc màu hồng, đêm thứ ba màu xanh, đêm thứ tư màu vàng, đêm thứ năm màu tím. Cô nhớ khiêu vũ thật tình tứ... C.Taylor sẽ tiếp tục cho tôi mời và đón cô. Chúng ta không còn nhiều thời gian nữa đâu vì nay mai người Mỹ sẽ ồ ạt đổ quân vào Việt Nam...

Jeandy đưa tôi về tới nhà rồi đi ngay. Dù biết rằng sắp phải đối mặt với một thử thách nguy hiểm, nhưng không hiểu sao lúc này tôi cảm thấy yên tâm kỳ lạ? Phải chăng vì trong cuộc chiến đấu này tôi không hề đơn độc? Và tôi bỗng nhớ anh Phước đến quặn lòng.

Tôi thầm nói như đang có Phước bên cạnh: "Phước ơi! Anh ở nơi đâu hãy cầu nguyện cho em hoàn thành nhiệm vụ tổ chức giao".

*

Sài Gòn, đêm 19 tháng 3 năm 1965.

Jeandy đón tôi đến Vũ trường Magestic. Mười lăm phút sau C.Taylor đến. Vừa ngồi chưa ấm chỗ, ông ta đã đứng lên mời tôi cho bằng được. C.Taylor gọi champagne, tôi ngồi hầu rượu.

Tôi cùng uống với hai người Mỹ nữa và khiêu vũ cùng C.Taylor. Chính trong lúc khiêu vũ, C.Taylor lại tỏ tình và cầu hôn tôi.

Tôi cười thẹn, hẹn mấy ngày nữa sẽ trả lời.

Một người Mỹ đi cùng C.Taylor nhờ tôi tìm cho một cô bạn gái Việt Nam. Tôi hẹn tối hôm sau sẽ đưa đến Magestic. Khi hai sĩ quan Mỹ ra về, mỗi người có *bo* cho tôi một trăm đô la.

Tôi vào hậu trường gặp Jeandy. Anh vui mừng trước thắng lợi này.

Tôi cầm hai trăm đô la đưa cho Jeandy. Anh gạt đi và bảo:

- Tiền này nó *bo* cho cô, để tôi còn có cớ được đón cô tới đây đấy.

Chúng tôi cùng cười vui vẻ. Jeandy đưa tôi về nhà.

Hôm sau, tôi tìm gặp vũ nữ Cẩm Vân đề nghị đi cùng đến Magestic. Cẩm Vân vui vẻ nhận lời ngay. Liên tiếp mấy đêm chúng tôi có mặt ở vũ trường, uống rượu và đưa đẩy những lời tán tỉnh với mấy sĩ quan Mỹ.

Jeandy lúc nào cũng ở bên cạnh, nhắc nhở tôi từ phương thức gần gũi C.Taylor đến nhược điểm của đối phương.

- Cô đừng cầm hoa huệ, C.Taylor chỉ thích hoa lis hoặc hoa hồng thôi. Hắn chỉ uống nước khoáng, ăn mấy món dân dã Việt Nam. Cô nên nhớ, cấp trên đã trao trọng trách cho cả tôi và cô. Chúng ta phải hoàn thành tốt nhiệm vụ này, không thể kéo dài thời gian được nữa. Bọn chúng đổ quân ào ạt vào là sẽ san bằng các cứ điểm, để Cộng sản trở tay không kịp. Dù có phải hi sinh chúng ta cũng phải chiến thắng vẻ vang. Cố gắng lên nghe!



Sài Gòn, tối ngày 20 tháng 3 năm 1965.

Tôi đang dự ca hát ở vũ trường thì C.Taylor đến cùng hai người bạn Mỹ. Ông ta mừng rỡ ra mặt, bảo:

- Tôi vừa đến nhà tìm thì thấy em khóa cửa. Bây giờ gặp em ở đây rồi thì phải đợi câu trả lời dứt khoát tôi mới yên tâm được. Bên họ hàng nhà em có ai chê tôi già, hay sợ người ngoại quốc không?

Tôi cười:

- Anh làm gì mà vội vậy? Em định ít hôm nữa lên Đà Lạt đón con về rồi sẽ trả lời anh.

- Tôi cũng thèm có một đứa con. Em hãy đồng ý đi, để tôi còn yên tâm làm việc ở Việt Nam.

Tôi vẫn đưa đẩy, dùng dằng:

- Sau Tết Trung thu, em trả lời anh được không? Hôm nay cứ cho em vui cùng anh đã.

- Tôi chỉ chờ em trả lời là có bằng lòng không. Ngày 30 tháng 3 này tôi mời Léna đến dự lễ tiếp tân chào các bạn tôi từ Hoa Kỳ sang, qua hai hôm sau sẽ là ngày cưới của chúng ta. Em thấy sao?

Để C.Taylor không nghi ngờ, tôi vui vẻ gật đầu chấp nhận.

Taylor rất vui. Ông ta cầm li rượu đứng lên tiến lại phía chiếc micro, nói giọng rất trịnh trọng:

- Thưa quý vị và các bạn. Tôi đã chờ đợi giây phút này rất lâu rồi. Hôm nay cho phép tôi thông báo một tin quan trọng: Tôi đã quyết định chọn ngày mùng Hai tháng Tư năm Một chín sáu lăm để làm lễ cưới với cô Léna, tức ca sĩ Thu Nga xinh đẹp!

Những người ngồi xung quanh C.Taylor cùng vỗ tay râm ran, khi ông ta ngửa cổ uống hết li rượu. Sau đó, dường như đã có sự chuẩn bị từ trước, C.Taylor tiến lại phía tôi. Ông ta lấy từ trong túi áo *complé* ra một chiếc hộp nhỏ màu đỏ, bọc nỉ:

- Thưa quý vị và các bạn! Nhân đây, tôi xin phép được chính thức trao nhẫn cầu hôn với cô Léna, cùng một món quà nhỏ để biểu lộ tình cảm chân thành của mình.

Quả thật, lúc C.Taylor trao nhẫn, không hiểu sao tôi bỗng nhớ tới "C16". Tôi bỗng ước gì đó là món quà của anh Phước dành cho mình. Một cảm giác rất lạ, cứ xốn xang khó tả xâm chiếm lòng tôi.

Khi về tới nhà, giở chiếc phong bì mà C.Taylor gọi là *"món quà nhỏ"* - thấy một tờ ngân phiếu trị giá 100.000 USD (một trăm ngàn đô la). Đây là một số tiền quá lớn hồi đó. Có nên báo cáo xin ý kiến tổ chức không?

Sáng hôm sau, tôi lập tức liên lạc với anh Hai Xô. Nhìn thấy tờ ngân phiếu, anh mừng quá reo lên:

- Đã hai tháng nay Trung ương Cục chưa nhận được tiếp tế. Anh đang lo chưa tìm được nguồn tiền để mua thêm ít gạo, thuốc chữa bệnh và vũ khí cho căn cứ. Chỗ tiền này cô ra nhà băng rút ngay đi, chúng ta sẽ làm được rất nhiều việc đó.

Ngay chiều hôm đó, tôi ăn mặc lịch sự, mang theo chiếc vali, rồi tự lái xe ra nhà băng Thành phố xin làm thủ tục rút tiền.

Đến đêm tôi mang theo chiếc vali đựng 100.000 đô la tiền mặt, toàn loại có mệnh giá một trăm đô la, đặt trong cốp xe, tự lái mang đến điểm hẹn và nộp cho anh Hai Xô.

*

Sài Gòn, hai mươi mốt giờ đêm ngày 29 tháng 3 năm 1965.

Tôi rất lo lắng, sốt ruột, vì theo như lời hẹn thì bằng giờ này tôi đã phải nhận được vũ khí do đồng đội chuyển đến. Địch đã phát hiện ra điểm khả nghi? Hay kế hoạch đã bị lộ? Có cần tính đến phương án lặng lẽ rút lui, để bảo toàn lực lượng? Nhưng như thế, cũng đồng nghĩa với việc bao công sức chuẩn bị gần năm trời trở thành con số không. Hậu quả mà các đồng chí hoạt động công khai phải gánh chịu sẽ thế nào? Địch sẽ phản ứng ra sao?

Đang đứng ngồi không yên thì tôi thấy anh Năm Đen bất ngờ xuất hiện. Anh bàn giao cho tôi ba quả bom, trong hình hài ba con búp bê một gái hai trai, rất đẹp. Kèm theo là một hộp đựng đồ trang sức cũng dành để đựng những quả bom kia và ba bó hoa tươi để đêm sau ôm vào Đại sứ quán Mỹ.

Năm Đen nói nhỏ:

- Cô chỉ cần bấm chiếc nút nhỏ được cài kín đáo dưới rốn búp bê là ngòi nổ hẹn giờ đã được kích hoạt. Có thể để chế độ hẹn giờ: sáu mươi phút, ba mươi phút, hay mười lăm phút, hoặc cho nổ tức thì... quả bom sẽ tự phát nổ. Tuỳ theo tình hình cụ thể, mà cô quyết định chọn chế độ nào.

Tôi gật đầu và thử cầm một con búp bê lên, cảm thấy rất nhẹ. Không khỏi lo lắng, tôi bèn hỏi:

- Loại nhỏ thế này, có đủ sức không anh Năm?

- Cô yên tâm đi! Công phá cực mạnh đó! Nếu đúng cách, sẽ đủ sức san bằng một tòa cao ốc lớn.

Tôi thầm biết ơn các đồng đội tài trí nào đó là tác giả của ba con búp-bê-bom ấy. Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa biết quả bom được chế tạo cách nào, bằng chất nổ và vật liệu gì lại nhẹ mà vẫn có sức công phá lớn đến thế?

*

Đúng 8 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 3 năm 1965.

Khi Cẩm Vân cùng tôi đến điểm hẹn đã thấy có xe của Jeandy chờ sẵn. Trong xe còn có hai tướng của Bộ Tổng Tham mưu là Đặng Văn Quang và Đỗ Cao Trí, cùng hai ca sĩ Ngọc Hiển và Minh Hiền.

Tôi giao vali xách tay cùng ba bó hoa cho Jeandy. Anh mở vali có ba con búp bê cho mọi người thấy. Đoàn ca nhạc gồm một số ca sĩ và nhạc công của Đài Pháp Á được mời gồm chín người cũng vừa tới đó. Jeandy đỗ xe và mời chúng tôi vào phòng tiếp tân.

Vừa xuống xe thì các sĩ quan phóng viên Hoa Kỳ đua nhau chụp ảnh tôi và C.Taylor. Chính C.Taylor đưa đoàn nghệ sĩ vào nên không bị lục soát. Quận trưởng Cảnh sát Kiều Công Bì nói nhỏ:

- Cô hát chừng hai bản thôi nghen. Khoảng chín giờ bốn mươi lăm phút là nghỉ được rồi, chậm là mười giờ vì khoảng mười giờ mười lăm phút là tiệc sắp tàn rồi.

Sau khi nồng hậu trao bó hoa chúc mừng cho C.Taylor, tôi xin phép vào phòng trong để thay đồ và trang điểm. Jeandy cũng xách vali bước tiếp theo tôi. Jeandy siết chặt tay tôi như muốn tiếp thêm sức mạnh và giúp tôi bình tĩnh hơn. Lúc này, ba quả bom đã được chuyển vào đúng vị trí.

Tiệc tiếp tân càng về cuối càng tỏ ra sôi động. Sau khi khiêu vũ với C.Taylor rồi với Đại tướng Đặng Văn Quang, tôi xin phép vào hậu trường thay đổi xiêm y. Lợi dụng lúc

nhộn nhịp ca hát, tôi vờ trang điểm lại để cài giờ hẹn bom nổ. Xem lại cho chắc chắn rồi tôi làm như hờ hững dùng chân gạt cái vali xách tay chứa bom vào cạnh dàn trống và trở ra.

Tôi tiếp tục khiêu vũ, hẹn sẽ trả lời C.Taylor tại nhà hàng Magestic vào lúc 20 giờ 30 phút hôm sau. C.Taylor còn đưa thêm cho tôi mười tờ một trăm đô la và nói trưa mai sẽ đón tôi đến tiệm vàng Nguyễn Thế Hùng đường Lê Thánh Tôn.

Mười lăm phút sau, chúng tôi chào nhau ra về. C.Taylor tiễn tôi trong men tình ngây ngất.

Xe của Jeandy chạy đến Bưu điện Sài Gòn thì cho tôi xuống cùng với ông Kiều Công Bì; còn các ông Đặng Văn Quang, Đỗ Cao Trí, Cẩm Vân, Ngọc Hiển và Minh Hiền thì tiếp tục đi về hướng Dinh Độc Lập.

Khi tôi vừa bước lên bậc tam cấp nhà Bưu điện thì nghe tiếng nổ long trời lở đất. Mọi người chạy nháo nhào. Xe cảnh sát, nhà binh rồ máy, rú còi náo loạn ầm ĩ.

Bên ngoài đã có các đồng đội yểm trợ, tôi vào phòng vệ sinh của Bưu điện Sài Gòn thay bộ đồ khác và gỡ bộ tóc giả rồi bỏ vào thùng rác.

Ra khỏi Bưu điện đã có xe taxi chờ đón đưa tôi về Phú Nhuận. Tới nửa đường, tôi xuống xe, đợi một chút rồi vẫy chiếc taxi khác để đến chùa Quang Minh phía sau đình Phú Nhuận...

CHƯƠNG XVIII
VÀO CHÙA LÀM... NI SƯ

Hồi đó, trụ trì chùa Quang Minh là thầy Trí Hải. Đã vài lần anh Hai Xô đánh xe ngựa đưa tôi tới đây thắp hương lễ Phật và dặn nếu cần giúp đỡ thì cứ tới chùa Quang Minh, vì trụ trì là người tốt.

Để có thể ở lại trong chùa được lâu, tôi đến quỳ gối trước mặt thầy Trí Hải và nói: "Cha mẹ con không còn, người tình phụ bạc, đã tự vẫn mà không chết, giờ xin thầy cho phép con xuất gia nương nhờ cửa Phật".

Thầy Trí Hải gật đầu, đưa tôi vào phòng trong và hỏi: "Con biết gì về giáo lí nhà Phật chưa?". Tôi thưa rằng: "Con đã tu tại gia, nhưng chỉ biết chút ít".

Thầy liền đưa cho tôi mấy cuốn sách nhỏ và dặn: "Con đọc nhanh và nhập tâm cho kĩ, không được ra ngoài, vì nguy hiểm lắm. Tới bữa, sẽ có người đưa cơm chay cho con ăn. Giờ ta đặt cho con pháp danh là Nguyên Dưỡng. Con hãy tạm quên tên cũ ngoài đời đi. Con không phải làm Ni cô mà là Ni sư. Bởi Nguyên Dưỡng đã tu được năm *hạ* rồi, nhớ nghe".

Ba ngày sau, tôi được thầy Trí Hải trực tiếp chụp hình để làm *tăng tịch*. Trong nội dung *tăng tịch* của tôi cũng ghi rõ: Ni sư Nguyên Dưỡng đã tu được năm *hạ*. Tôi được phép đội khăn lá sen có cài nút.

Mấy tuần sau, tôi nghe các tăng ni và Phật tử đi chùa nói với nhau: Bọn cảnh sát mật vụ đang ráo riết lùng sục ca sĩ Thu Nga với một phần thưởng rất hấp dẫn: 5.000 USD nếu tiêu diệt và 15.000 USD nếu bắt sống. Thấy tình thế nguy hiểm, ở lâu một chỗ sẽ không có lợi, tôi đến xin thầy trụ trì cho phép được "vân du học đạo". Thầy Trí Hải trầm ngâm suy nghĩ, rồi gật đầu chấp thuận. Thầy đã cấp cho tôi 500 đồng lộ phí và một phong thư giới thiệu để tôi đến chùa Giác Thiên ở Vĩnh Long. Nơi đó, Sư bà trụ trì pháp hiệu là Giác Nhẫn đang mở lớp Phật học.

Trên đường đến ngã bảy mua vé xe ôtô, tôi nhìn thấy hình ca sĩ Thu Nga đang khiêu vũ cùng C.Taylor trên một tờ báo. Để tránh bị phát hiện tôi đã phải nhờ người đứng phía trên mua hộ vé với lý do nhà chùa ngại chen lấn vào chỗ đông người.

Khi đến Bắc Mỹ Thuận, phải xuống xe đi bộ qua phà. Bọn mật thám khám xét kỹ từng người. Ai đi qua chúng cũng bắt cởi hết mũ, kính để đối chiếu với tấm hình của nữ ca sĩ Thu Nga. Tôi đang phân vân không biết nên đi tiếp hay quay ngược trở lại thì đã đến lượt.

- Đi đâu? Có giấy tờ gì không?

- A di đà Phật! Tôi tới chùa Giác Thiên để dự lớp Phật học. Đây là giấy giới thiệu của tôi.

Cầm tờ giấy, đọc thoáng qua, tên cảnh sát nhìn vào tấm hình rồi lại nhìn tôi. Sau đó hắn chạy tới nói gì đó với

tên mật thám to béo đứng phía trước. Rồi hai tên tiến lại phía tôi.

- Cô chính là nữ ca sĩ Thu Nga - người tình và là vợ chưa cưới của ngài Cố vấn C.Taylor đúng không?

Tôi bình tĩnh đáp:

- A di đà Phật! Tôi tên Nguyên Dưỡng, từ nhỏ đã xuất gia nương nhờ cửa Phật, ngày đêm chỉ biết tụng kinh niệm Phật, đâu biết chuyện thời thế, cũng đâu biết ai là Thu Nga hay ngài Cố vấn gì gì đó.

Tên mật thám lại nhìn tôi rồi nhìn vào tấm hình. Bỗng tôi nảy ra một ý định. Tôi nói:

- A di đà Phật! Ông có thể cho tôi xem tấm hình được không?

Tên mật thám đưa tấm hình cho tôi. Tôi nhìn một lúc rồi tỏ vẻ suy nghĩ. Một lát sau tôi nói:

- A di đà Phật! Hình như tôi đã gặp người này ở đâu rồi thì phải?

Chỉ nghe tôi nói thế hai tên mật thám mừng rỡ vội hỏi:

- Ở đâu?

- Hình như một tháng trước đây. Hôm đó, tôi đang quét lá ở sân chùa thì có một cô gái dẫn theo một bé gái tới nhà chùa. Cô gái nói chồng đã mất, nay chuẩn bị đi lấy chồng nên đem con vào gửi nhà chùa nuôi giúp vì người chồng mới không muốn sống cùng con riêng của vợ. Cô ấy còn hứa sẽ thuyết phục chồng và trở lại đón con bé về nuôi, nhưng sau đó không thấy quay trở lại. Con bé ở trong chùa

được năm ngày, nhớ mẹ quá liền bỏ trốn đi tìm mẹ, từ đó không có tin tức gì.

Tôi nhìn lại tấm hình rồi khẳng định một lần nữa để bọn mật thám khỏi nghi ngờ:

- Đúng rồi! Đúng là cô gái này rồi! Con gái của cô ấy cũng rất giống cô ấy. Tội nghiệp không biết giờ này hai mẹ con đã gặp được nhau chưa?

Hai tên mật thám nhìn tôi dò hỏi:

- Có đúng vậy không?

- A di đà Phật! Người nhà chùa chúng tôi nào đâu dám nói sai.

Có lẽ do tôi đã vào vai ni sư rất đạt và phần nữa do chúng thấy trước mắt chúng đúng là một ni sư thực thụ chứ không phải là một ca sĩ cải trang với áo quần tuyền một màu nâu sồng và trên vai mang tay nải nhà chùa, nên bọn mật thám nhìn nhau rồi cho tôi đi tiếp. Tôi thoát qua cửa trạm xuống phà sang sông Cửu Long và tiếp tục đi đến Vĩnh Long mà không gặp một trở ngại nào nữa.

Từ Sài Gòn về đến chùa Giác Thiên khoảng 150 km. Khi ngồi xe lôi vào nội tỉnh Vĩnh Long phải ngang qua nhà bà ngoại. Tôi xuống xe định ghé thăm bà, tiện thể lẩn trốn luôn. Cổng nhà ngoại đóng kín mít với ổ khoá khá to. Nhìn vào cổng thấy chú Dần, người hầu của bà ngoại tôi đang lom khom quét lá khô ở ngoài sân. Con chó Lucky đã già lắm rồi nhưng khi phát hiện ra tôi nó vẫn nhận ra, sủa như rên lên mấy tiếng khàn khàn, vui mừng khi gặp lại cô chủ.

Chú Dần tất tả chạy ra và đứng sững người:

- Chào cô mới về. Sao hôm nay cô mặc như vậy?

Tôi nói nhỏ, vừa đủ để chú Dần nghe:

- Mở cửa cho tôi vào.

Chú Dần lúng túng đáp:

- Bẩm, tôi không có chìa khóa. Ông bà đốc phủ xứ đi làm lễ cầu siêu cho cụ bà ở chùa Hội Đức Tân Ngãi chiều ngày kia mới về ạ.

- Trời! Ngoại tôi mất khi nào?

- Dạ! Cụ cố mất hôm Mười bảy tháng Một. Trước lúc nhắm mắt cụ cố cứ gọi tên cô hoài...

Tôi đứng lặng người. Nước mắt cứ thế ứa ra. Không biết vì tôi thương cho ngoại, hay còn thương cho cả chính tôi nữa.

Con Lucky híc híc kêu lên ư ử, hai chân trước cào xuống sân gạch.

Tôi cảm thấy hụt hẫng vô cùng, người muốn quỵ xuống để tạ lỗi với bà ngoại. Bà mất mà mình không hay biết gì, không được vuốt mắt cho bà lần cuối, không thắp cho bà một nén nhang để bà được siêu thoát.

Ngoại ơi! Tôi muốn gào lên cho thỏa, nhưng tiếng khóc hình như đã tắc nghẹn trong lòng.

- Trước lúc cụ cố quy tiên, cụ cứ gọi tên cô, không chịu ăn uống gì mà chỉ uống sâm đợi cô và chồng cô. Sau hôm xảy ra loạn đảo chánh Tổng thống Diệm, nghe tin Tỉnh trưởng Phước bị mất tích, cụ gọi "Hai cháu Út, Phước chờ bà theo với!" rồi ra đi. Nay gặp cô tôi không sao kể hết được, nhà mình bây giờ buồn lắm. Ông bà Phủ đi chùa cầu an cho cô và ông Tỉnh trưởng luôn.

Tôi không thể kìm lòng mình được nữa, nước mắt cứ tự nhiên trào ra, khóc mà không thành tiếng.

Tôi lầm lũi đi như người mộng du. Trong lòng ngổn ngang suy nghĩ về những mất mát quá lớn của cuộc đời mình. Lúc đi về hướng miếu Bảy Bà, thấy phòng mạch của bác sĩ Quế (còn gọi là Docteur Quế) khá đông khách. Hai bên phố, có rất nhiều đứa bé đi lang thang trong ngõ tìm kiếm thức ăn.

Trời miền Tây nắng cháy da, mà các cháu đầu trần, áo quần rách bươm, tơi tả. Tội cho thằng bé độ năm tuổi phơi thân trần truồng đen đúi. Nhìn thấy nó, chợt nhớ lại lúc cha mẹ mình mất, bản thân tôi bơ vơ không nơi nương tựa trên đời. Có đêm đi bán đậu phộng rang, miệng thèm quá mà không dám lấy ăn. Nhịn đói đi trong mưa, chỉ mong có người hảo tâm cho đứng trú mưa dưới mái hiên... Một số ít người vô ý thức, thấy đứa trẻ mồ côi như tôi còn phun nước bọt vào đầu, vào mặt.



Tôi vẫn lủi thủi bước đi...

Tôi đi làm nhiệm vụ do Tổ quốc và nhân dân giao. Tôi phải phấn đấu cố sống nhìn trời - nơi cha hiền yêu quý đang đợi; nhìn vào đất - nơi mẹ hiền yêu dấu đang chờ; nhìn cờ đỏ sao vàng tung bay trên quê cha đất tổ - nơi có niềm tin để sống mà vào trận đánh... Tôi luôn cầu mong một ngày không xa, chẳng phải nhìn thấy những đứa trẻ mồ côi bơ vơ vì mất mẹ mất cha do chiến tranh loạn lạc như thế này.

Đang vừa đi vừa nghĩ lan man, chợt thấy hàng bánh tét bán bên vệ đường, tôi dừng lại mua cho mỗi đứa bé lang thang một cái bánh.

Bà hàng bánh kéo tôi lại nói nhỏ:

- Tội cho mấy đứa đó. Cha chúng bị mật thám bắt giam về tội làm Cộng sản. Mẹ chúng dẫn con đi thăm chồng cũng bị bắt giữ luôn, bỏ lại tụi nhỏ lang thang đi lượm thức ăn thừa để sống qua ngày, tối về ngủ lại ở miếu Bảy Bà. Bọn trẻ có ngày đói lả, tôi thương tình cho chút đỉnh ăn tạm. Mình cũng quá nghèo, biết làm sao cho đủ, cô ơi!

Mắt tôi bỗng dưng nhòa lệ. Ký ức như đoạn phim quay chậm về quãng tuổi thơ đau thương của mình. Đó là sau năm Ất Dậu định mệnh ấy, tôi trở thành đứa trẻ bơ vơ trong cuộc đời đầy rẫy giết chóc. Nhờ có anh Hai Thiện nuôi tôi. Đi tới đâu cũng có các chú, các bác thương cho cơm ăn, áo mặc...

Không ai đánh mà tôi bật khóc thật to. Xung quanh tôi cũng vỡ òa tiếng khóc của năm cháu nhỏ. Đứa con gái lớn vòng tay bước đến bên tôi:

- Thưa cô! Cho con đi tu với cô để có cơm ăn.

Bốn đứa kia vội xúm lại cùng nói theo luôn:

- Cho tụi con theo cô với!

Tôi hỏi thăm đường đi về chùa Giác Thiên và dẫn chúng theo. Năm đứa bé gạt vội nước mắt, hồ hởi đi theo tôi. Đi được một đoạn tôi giật mình nhớ ra: mình đang là một kẻ bị truy nã, chưa biết sống chết thế nào! Trời ơi! Chính tôi còn chưa tự lo nổi thân mình. Con gái tôi mới năm tuổi cũng đang gửi ở trường Thánh, sức đâu để lo nổi cho cả bầy con nhỏ của người

khác đây? Nhưng cha mẹ của những đứa trẻ vô tội này cũng vì đại nghĩa Cách mạng, cũng vì lý tưởng Cộng sản mà quên thân giống tôi. Chúng là con của đồng đội tôi. Làm sao có thể thờ ơ bỏ mặc chúng đói khát được?

Qua cầu Lầu, qua xóm đạo Hòa Hảo, nhìn thấy hàng dương lá đu đưa trước gió, trong gió như có tiếng tụng kinh A di đà. Lòng tôi thấy ấm hẳn, phấn khởi rảo bước mau cho đến chùa. Vào đến chùa, thấy tôi chắp tay niệm "A di đà Phật" các cháu cũng niệm theo. Cầm thư giới thiệu của Thầy trụ trì Quang Minh tự, Sư cô *tri khách* mừng rỡ nói:

- Vậy là Nguyên Dưỡng độ được năm *chú điệu* này đến tìm sư bà phải không?

Tôi cúi đầu:

- Nam mô a di đà phật!

Sư cô *tri khách* hối hả gọi sư *hành đường* đem năm *chú điệu* đi tắm rửa, thay đồ sạch, cho ăn cơm no đủ và nghỉ ngơi. Sáng mai đưa mấy *chú điệu* trình thưa để Sư trưởng sắp xếp cho ăn ở, cho học sơ đẳng giáo lý nhà Phật, học văn hóa...

Tôi ngồi ở phòng khách uống nước không lâu thì Sư bà đến, tôi đứng lên vái ba lễ. Sư bà hoan hỉ đáp:

- A di đà phật! Ta xem thư của Hòa thượng ở chùa Quang Minh rồi. Con đến đây học luật Sadini và vào nhập hạ. Ta vui mừng đón con. Ban ngày con chép kinh học đạo, ban đêm con phải tụng kinh tịnh độ.

Tôi đáp:

- A di đà phật. Con xin nhận Phật sự thầy giao.

Sư bà hỏi tôi:

- Nguyên Dưỡng! Con độ sao mà đem được năm chú *điệu* về cho chùa?

- Cha mẹ năm chú *điệu* đó bị mật thám bắt về tội làm Cộng sản, sống chết chưa rõ. Trên đường về Giác Thiên, đi ngang qua miếu Bảy Bà, con đã gặp. Thấy các cháu đang đói, bơ vơ không cửa không nhà, con đã mua bánh cho chúng ăn. Bà bán bánh nói nhỏ cho con nghe sự thể, khi con đi thì các cháu chạy theo con.

Sư bà bảo:

- Đó là thiện duyên của Nguyên Dưỡng. Trên bốn tháng nay, nhà chùa nghe tin gia đình đó gặp nạn, đã đi tìm kiếm con cái họ mãi mà không được. Nguyên Dưỡng à, con từ phương xa đến đây, đã được đủ túc duyên phước báo của long thần hộ pháp ban cho, nên mới độ được năm *điệu* nhỏ...

Những lời Sư bà nói làm tôi suy nghĩ cả đêm. Nhìn mấy đứa nhỏ tôi như thấy lại nỗi đau của mình năm xưa, lại nhớ bé Kim Chi vô cùng. Tôi không biết con có được bình an không? Con bé có cha, có mẹ mà cũng như mồ côi. Hèn gì đôi mắt nó lúc nào cũng buồn, ươn ướt nước...



Sáng hôm sau, chùa Giác Thiên làm lễ cúng chay siêu độ cho các chiến sỹ Cách mạng vong trận. Sau này tôi mới rõ, nhà chùa này còn là nơi hội họp sinh hoạt của Thành hội Phụ nữ Cộng sản tỉnh Vĩnh Long.

Tôi ở lại chùa, ngày thì chép kinh và dạy mấy chú *điệu* học, đêm thì tụng kinh niệm Phật và ngồi tĩnh tâm. Được gần một tháng sau, Sư bà Giác Nhẫn gọi tôi vào, cấp cho năm trăm

đồng cùng với hai bộ áo nữ tu. Sư bà bảo nơi này bây giờ đã không yên nữa. Tôi làm lễ kính thầy và được chuyển về chùa Hải Huệ ở Sa Đéc.

Trước khi đi, tôi tìm năm *chú điệu* dặn dò và từ giã các em.

Qua báo chí, tôi được biết Tòa Đại sứ Mỹ bị đánh bom, làm chết mấy chục sĩ quan của địch và nhiều người khác bị thương. Bốt cảnh sát bên cạnh Tòa Đại sứ cũng bị sập, làm chết hơn hai mươi người. Có tờ báo còn đăng cả ảnh chụp toàn cảnh Tòa Đại sứ Mỹ bị tấn công.

Những ngày đó, Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa ra lệnh giới nghiêm 24/24 giờ tại các phòng trà, vũ trường. Báo nào cũng đăng hình bốn vũ nữ: Thu Nga, Cẩm Vân, Ngọc Hiển, Minh Hiền lên trang nhất. Họ viết đại ý rằng: Khi cảnh sát truy tìm, chỉ thấy ba ca sĩ. Còn ca sĩ Thu Nga - người tình, cũng là vợ chưa cưới của ngài Cố vấn cao cấp C.Taylor đã biến mất. C.Taylor cũng chẳng thấy đâu. Khó tin hơn là không tìm thấy xác của cả hai người. Theo lời kể của các vũ nữ còn sống, họ bảo cô Thu Nga ấy còn kẹt trong đống gạch đổ. Thật buồn cười, vô tình, báo chí đã giúp cho tôi có lý do mất tích.

Chỉ có điều tôi vẫn đinh ninh Jeandy không bị tường đổ đè chết. Tôi vẫn mong những người đồng chí của mình được bình yên vô sự...

*

Chuyển về chùa Hải Huệ ở Sa Đéc được chừng một tháng thì tôi lại phải chuyển qua chùa Từ Quang ở gần đó, vì phát hiện có kẻ lạ mặt tìm đến chùa nhòm ngó rất khả nghi.

Tôi ở chùa Từ Quang được khoảng mười hôm, Sư bà trụ trì chùa Từ Quang cho gọi tôi đến và bảo:

- Sư bà Giác Nhẫn có gọi tôi về để gửi Nguyên Dưỡng. Nhưng nay ở đây bất tiện, tôi đưa ni sư về chùa Thanh Lương cũng gần đây thôi. Đó là nơi khách thập phương ít tới lui, vắng vẻ. Nguyên Dưỡng ở đó tạm, rồi chúng tôi tìm nơi gởi gắm cho.

Tôi đến chùa Thanh Lương ở gần ba tháng nữa thì Sư bà Như Châu trụ trì chùa Từ Quang lại đến đưa tôi năm trăm đồng, tay nải đựng chuông mõ và mấy quyển kinh, tiễn tôi về Cần Thơ.

Sư bà ân cần nói với tôi:

- Con cứ đến nhà Thầy Minh Tuệ đang tu tại gia, cầm thư này trình, Thầy sẽ có cách giúp.

Tôi lên xe về đến điểm hẹn ở Cần Thơ, thì có người đón vào một căn nhà lá. Chẳng thấy thầy, hoặc cô nào đi tu cạo đầu như tôi, chỉ có bà cụ tuổi đã bảy mươi mặc áo nhà tu, búi tóc ăn trầu đang bán tương chao.

Bà cụ đọc thư xong, nhìn tôi và tươi cười nói:

- Con vô nhà tắm đi. Nếu muốn ở với ta, thì phải lo mà ăn rau dưa và học đạo.

Những ngày sau đó, tôi lo tất bật làm tương cùng với mọi người. Đêm đến, khá đông các bà các chị tới nhận tương chao để mai mang bán ngoài chợ Ninh Kiều.

Khoảng hơn hai tháng, một lần nữa, tôi lại phải chuyển chỗ ở đến Cái Răng. Lúc tôi đi, bà cụ nói:

- Ta là cơ sở có nhiệm vụ lo tìm cho con đường về căn cứ. Vì con không có giấy của đơn vị gốc nên ta chuyển con về Cái Răng gần Phụng Hiệp. Nơi đó tìm bắt liên lạc về cứ dễ hơn. Con cầm một ngàn đồng này, tùy cơ sử dụng. Con Hợi sẽ đưa con đi. Tụi bay cứ đem tương chao vô Cái Răng rồi tính.

Vậy là tôi mặc áo bà ba rách, quần chân què chân đụp, đi xuống Cái Răng bán tương chao cùng với chị Hợi.

Một hôm gặp anh Ba Hưng ra nhận tương chao. Chị Hợi mừng quá giao tôi cho anh dẫn về Phụng Hiệp.

Nói rõ thêm về anh Ba Hưng (tức Đặng Huỳnh Long, hay Đặng Thiết Bản), con trai của mẹ Nguyễn Thị Sương ở xã Long Phú, huyện Bình Đại, Bến Tre. Mẹ Sương có bảy người con trai theo Cách mạng. Anh Bản là lính Sư đoàn Cửu Long, đánh giặc rất giỏi, xạ thủ đại tài. Anh Ba Hưng từng nổi tiếng đánh giặc Tây ở Cống Bà Dung, giặc chết đếm không hết.

Tôi ở Phụng Hiệp được hai tháng, gặp đúng thời kỳ địch bố ráp liên miên, anh Ba Hưng phải chuyển tôi xuống Sóc Trăng ngồi bán xôi chè. Nơi này khổ sở nhất là chuyện thiếu nước uống và nước tắm.

Nhưng tôi cứ phải ở vậy, hàng ngày đi bán xôi chè và chịu mọi khổ cực, cho tới cuối năm...

*

Đang chán nản và sốt ruột vì mất liên lạc với tổ chức thì bỗng một hôm, có người đến nói nhận nhiệm vụ đưa tôi qua Cù Lao Dung.

Khi thuyền của chúng tôi ra tới giữa sông, thì có một thuyền buôn mắm đi ngang qua, thấy một dáng người quen quen, tôi vội gọi theo phản xạ hỏi:

- Có phải thuyền nước mắm của anh Mười đó không?

Anh Mười Cúc[1], từ trong mui thuyền bước hẳn ra ngoài khoang, nhìn tôi hết sức ngạc nhiên. Hồi đó, sau khi thoát khỏi nhà tù Côn Đảo, anh Mười Cúc ngụy trang bằng nghề đi bán nước mắm, cá khô và gạo từ Rạch Giá về Sài Gòn. Tôi đã có may mắn nhiều lần được gặp anh trong các cuộc họp, nghe anh nói chuyện và quán triệt nhiệm vụ.

Anh Mười Cúc hỏi như reo lên:

- Út Anh đó phải không?

- Dạ, em là Út đây!

- Trời đất ơi!

Anh Mười Cúc kêu lên mừng rỡ, ra hiệu cho thuyền dừng lại, rồi kéo tôi lên thuyền. Đợi tôi ngồi vững, anh chạy vội lại nắm chặt tay tôi, giọng rất xúc động:

- Cô Út làm chúng tôi lo quá trời. Ai cũng nghĩ là cô đã hi sinh rồi, tưởng là không bao giờ còn gặp nữa chứ.

Vậy là những tháng trời đằng đẵng phải cải trang, trốn tránh sự truy nã của cảnh sát, mật vụ Mỹ - Ngụy, nhờ sự chở che đùm bọc của bao nhiêu tấm lòng, tôi đã gặp được anh Mười Cúc, chính thức liên lạc được với Trung ương Cục Miền Nam.

---

[1] Mười Cúc: Một bí danh của đồng chí Nguyễn Văn Linh (1915-1998); sau là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau đó, tôi được anh Mười Cúc thông báo ngắn gọn tình hình: Sau vụ nổ bom, gần 100 sĩ quan cùng nhân viên ngoại giao bị chết và bị thương. Cố vấn cao cấp C.Taylor cùng một số sĩ quan quân sự Mỹ bị thương và được phi cơ đưa ra Hạm đội 7 ngoài hải phận quốc tế để cứu chữa.

Anh Mười Cúc nhấn mạnh : Mấy tháng qua, bọn cảnh sát mật vụ đã truy lùng tôi khắp nơi. Tổ chức cũng đã cố gắng tìm kiếm, nhưng không ai biết tôi đang ở đâu.

Anh Mười Cúc còn cho biết: Hôm xảy vụ nổ Đại sứ quán Mỹ, anh Hai Hùng đã điện hỏi thăm vì lo cho tôi. Còn anh Hai Xô thì mắt mũi kèm nhèm, cứ lẩm bẩm: "*Tội cho Út Anh, từ nhỏ mất cha mất mẹ, về sống với tôi nó gan dạ, nhỏ tuổi nhưng siêng năng, không sợ chết, việc nào giao cho là nó làm cho bằng được mới yên tâm. Bây giờ không biết con nhỏ thế nào rồi, có ai báo tin cho chồng nó chưa?*".

Thuyền xuôi về Cần Giờ, đến trạm giao liên rừng Sác, anh Mười Cúc giao cho tôi một mật thư và gửi giao liên đưa tôi về căn cứ của Trung ương Cục.

Vậy là kết thúc những tháng ngày tôi bị kẻ thù truy sát. Cũng là kết thúc khoảng thời gian tôi phải sống lang thang nay đây, mai đó, đôi lúc có cảm giác như mình bị lãng quên, chán nản và mất niềm tin.

Tôi vui quá, chỉ muốn cười, muốn hét lên.

Vậy là tôi lại được tiếp tục hoạt động theo sự phân công của tổ chức, lại được làm việc gì đó có ích cho Cách mạng và kháng chiến.

CHƯƠNG XIX
RA HÀ NỘI THĂM BÁC HỒ

Người đầu tiên tôi được phép tiếp xúc và trò chuyện sau mấy tháng trời xa căn cứ, là chị Đinh Thị Vân (có mật danh là H5). Thường là để bảo mật, chúng tôi phải ở riêng, khi tiếp xúc thì phải bịt mặt, chỉ để hở hai mắt, trừ khi đã quen biết và hiểu nhau rất kỹ. Nên nhiều khi chỉ quen giọng nói, mà không biết mặt mũi của nhau.

Chị Vân cho tôi biết: Trong vụ đánh bom Đại sứ quán Mỹ kể trên, hai đồng chí là Năm Đen và Sáu Hà đã anh dũng hi sinh. Đồng chí Hùng Mèo bị địch bắt đày ra Côn Đảo. Do sức ép tường đổ đè nát hai chân, nên đồng chí Mên Hô cũng bị địch bắt, chưa biết sống chết thế nào. Còn lực lượng yểm trợ bên ngoài thì có bảy đồng chí hi sinh và hai đồng chí bị địch bắt.

Về phần tôi thì coi như đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, còn công việc cụ thể bên ngoài ra sao, tôi không được rõ.

Tôi hỏi chị Vân:

- Vậy còn Jeandy thế nào?

- Sau khi bom nổ, cảnh sát còn chưa đến, đồng chí ấy đã lái xe từ ngoài vô. Trong lúc đang xem bọn Mỹ bị chết

bao nhiêu, tình hình như thế nào thì trần và tường nhà sập xuống...

Nghe chị Vân nói mà tôi đau lòng như có hàng ngàn mũi kim đâm vào tim. Đồng chí của tôi, những người luôn sát cánh bên tôi, người mất tích, kẻ tù đày, chết chóc...

Trước mắt tôi lại hiển hiện rõ ràng hình ảnh Jeandy cười tự tin trước khi đưa chúng tôi đến Đại sứ quán...



Nhờ chiến công đánh Tòa Đại sứ Mỹ mà uy thế của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tăng mạnh trên trường quốc tế. Đó là một trong những trận đánh đầu tiên của quân và dân ta đối mặt trực tiếp với quân Mỹ, sau khi chúng đặt chân tới Sài Gòn...

Cũng sau trận đánh đó, tôi được biết Bác Hồ đã gửi điện khen ngợi lực lượng Biệt động thành Sài Gòn.

Hồi ấy, để đảm bảo an toàn cho chúng tôi, tên của lính biệt động chỉ là hai mươi tư chữ cái, thêm một số đếm. Chúng tôi không có tên mà chỉ có mật danh. Nhiệm vụ của chúng tôi là hoạt động đơn tuyến, luồn sâu vào lòng địch, đánh từ bên trong chúng đánh ra. Chỉ cần một sơ xuất nhỏ, nếu lộ mặt, lộ tên thật ra là có thể bị địch bắt, hoặc thủ tiêu ngay. Tổ của tôi bấy giờ chỉ còn hai người: Tôi và chị Vân, tức là H12 và H15. Các anh các chị khác giờ ở đâu? Bị giặc bắt, bị chúng giết rồi hay đang bị giam cầm trong chuồng cọp của chúng?

Tôi âm thầm khóc cho số phận những người lính biệt động, làm nhiệm vụ đơn tuyến.

Tôi nhớ đồng chí Jeandy. Nếu không có đồng chí ấy hết sức tận tình phối hợp, làm sao tôi có thể mang bom vào đánh sập Đại sứ quán Mỹ và thoát ra an toàn?

Ôi! Thương tiếc cho Jeandy! Anh đã anh dũng hi sinh, dù biết có thể phải hi sinh nhưng vẫn bình tĩnh đi vào, bình thản chấp nhận.



Tôi ra Bưu điện gọi điện thoại cho Cố vấn Hoàng Đức Nhã xin được gặp ông tại chùa Long Vĩnh trong bộ đồ ni sư.

Ông Cố vấn đã nói chuyện nhiều với tôi về Jeandy:

- Tôi được lệnh của Trung ương Cục giới thiệu và đưa cô đi gặp Jeandy, chứ chưa biết tên họ thật của anh ấy. Cô phải tìm gặp anh Chín Xệ (tức Việt Hùng) hiện ở Khu 9, chính đồng chí ấy là người tổ chức và nắm rõ Jeandy.

Tôi tạm biệt anh Hoàng Đức Nhã trở về căn nhà được anh Phước mua cho từ trước. Mở cửa vào nhà, đồ đạc vẫn còn nguyên vẹn, chỉ có bụi bám và tường rêu quá dày.

Tôi nghỉ ngơi trong nhà khoảng một tuần, rất hạn chế ra ngoài và tiếp xúc với mọi người xung quanh.

Một buổi sáng, bất ngờ anh Hai Xô đánh xe ngựa chở khoai từ chợ Bà Chiểu qua chợ Cây Quéo bỏ hàng đã ghé thăm tôi. Anh nói:

- Chúc mừng Út Anh chiến thắng trở về! Dò tìm mãi vẫn không thấy xác, tưởng em bị bọn nó "thịt" rồi. Anh em đã làm lễ truy điệu, nay còn gặp nhau đây, có lẽ nên thay

đổi họ tên đi. "C16" biệt tích rồi, không có người "che chắn" hợp pháp cho Út nữa đâu.

Trước khi ra đi, anh còn dặn:

- Chờ nhé, chiều nay anh sẽ mang tin vui tới cho Út đó.

Ngay buổi chiều đó, anh Hai Xô quay lại, trao cho tôi một tờ giấy viết tay, có đóng dấu đỏ, nội dung thông báo đại ý: *Vì thành tích đặc biệt và sự hi sinh anh dũng trong trận đánh Tòa Đại sứ Mỹ, ngày 30 tháng 3 năm 1965, cấp trên quyết định đề nghị truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân cho đồng chí Phạm Trương Ngọc Anh và đồng chí Jeandy.*

Sau khi trịnh trọng trao tờ "quyết định đề nghị", thấy tôi cứ tần ngần cầm tờ giấy, anh Hai Xô giải thích:

- Phải đề nghị "truy tặng" vì tổ chức tưởng cô Út đã hi sinh" cùng đồng chí *Jeandy*. Oai ghê ha! Anh ngần này tuổi mà chưa bao giờ được đề nghị làm Anh hùng đó. Từ nay, trách nhiệm của em sẽ càng nặng nề hơn, làm gì cũng phải cân nhắc, suy nghĩ cho chín, xứng đáng với sự tín nhiệm của Đảng và Cách mạng.

Rồi anh Hai Xô thông báo nhiệm vụ:

- Tối nay sẽ có người đưa Út về Trung ương Cục. Khi về đến Khu 9, em nhớ phải tìm anh Chín Xệ (tức đồng chí Việt Hùng) để hỏi cho ra thân thế đồng chí Jeandy, để còn làm giấy tờ xác nhận chiến công và sự hi sinh anh dũng của anh ấy.

Nhưng rất tiếc, sau khi về tới Khu 9, tôi không gặp được đồng chí Việt Hùng. Cũng từ đó cho tới nay, tôi chưa

có điều kiện tìm hiểu thân thế của liệt sĩ Jeandy. Tôi không rõ phía tổ chức đã có ai làm việc này chưa?

Tôi lên đường từ Sài Gòn về Trung ương Cục để báo cáo lại toàn bộ sự việc với tổ chức.

Cũng trong chuyến đi này, tôi bất ngờ nhận được tin vui: Tôi được vinh dự tham gia Đoàn đại biểu Anh hùng và Chiến sĩ Thi đua miền Nam, do đồng chí Hai Xô dẫn đầu ra thăm miền Bắc.

*

Đó là thời gian quân Mỹ và các đơn vị lính đánh thuê nước ngoài đã bắt đầu đổ bộ vào miền Nam Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân ta đã bước sang một giai đoạn mới, vô cùng ác liệt.

Hồi ấy, chuyện đi lại giữa hai miền Nam - Bắc phải bí mật, vô cùng gian nan và nguy hiểm. Phương tiện không có, chúng tôi chủ yếu là dùng đôi chân đi bộ, lội suối, luồn rừng, vượt núi...

Khi xuất phát, từ căn cứ Trung ương Cục Miền Nam đoàn chúng tôi có cả thảy 25 người. Nhưng có tới 16 người đã không ra được đến Hà Nội. Hầu hết những người phải nằm lại đó lại là anh em chiến sĩ bảo vệ. Có người bị hi sinh vì địch bắn tỉa, có người chết vì rắn cắn, bệnh tật, đói khát, có người phải nằm lại ở các trạm xá dọc đường giao liên vì bệnh tật, bị thương, tai nạn...

Ra tới địa điểm tập kết cuối cùng, chúng tôi được nghỉ ngơi một tuần để bồi dưỡng cho lại sức trước khi tới Thủ đô. Mỗi lần nhắc tới những người đã nằm lại dọc đường,

chúng tôi lại bùi ngùi thương cảm. Đoàn chỉ còn lại chưa đầy mười người: Hai Xô (Phạm Văn Xô), Lê Trí Nguyện, chú Hai Khơme, Huỳnh Văn Đảnh, cùng ba nữ: Chị Tạ Thị Kiều, chị Út Hí (tức Út Tịch) và tôi - Út Anh (còn được gọi là Út Đẹt, vì người gầy gò và nhỏ bé).

Năm ấy, tuy tôi đã ngoài ba mươi tuổi, nhưng người thấp nhỏ, nên trông vẫn như trẻ nít, ai cũng coi tôi là "em út" của đoàn.

Tôi bất ngờ gặp lại anh Hai Thiện (tức đồng chí Phạm Hùng). Tôi nghe mấy người trong đoàn nói nhỏ: Anh Phạm Hùng giờ đã làm Phó Thủ tướng, trọng trách nặng nề lắm. Thì ra, bao năm tôi không gặp, là vì anh Phạm Hùng bí mật ra Bắc nhận công tác do Đảng phân công. Thấy tôi, anh Phạm Hùng cũng mừng lắm. Anh hỏi thăm sức khoẻ, trông người tôi ốm (gày) quá, anh rất lo, tới bữa cứ giục tôi ăn thật nhiều. Anh nói, tôi phải thật khỏe để còn làm nhiều việc cho Cách mạng. Rồi anh thông báo: Cả đoàn cứ yên tâm nghỉ ngơi cho lại sức, mấy hôm nữa ai cũng sẽ có một vinh dự đặc biệt. Tôi hỏi: Vinh dự đặc biệt gì? Anh chỉ cười, nói là bí mật.

Rồi ngày đó cũng đến. Không bao giờ tôi quên kỷ niệm một đứa trẻ mồ côi mà lại được đón nhận một hạnh phúc quá bất ngờ và lớn lao như vậy: Chúng tôi được đi gặp Bác Hồ!

Tôi vẫn nhớ như in hình ảnh Bác Hồ đi đầu, có cả Bác Tôn và mấy chú nữa đi cùng. Vừa trông thấy Bác từ xa, không hiểu sao tôi đã nghĩ là được gặp lại người cha thân yêu của mình. Tôi liền chạy nhanh đến ôm chầm lấy Bác. Những người đi cùng đoàn, quá bất ngờ, không ai kịp níu tôi

lại, bảo vệ cũng không kịp chặn tôi lại. Đồng thời, chẳng hiểu sao, tôi buột miệng cất tiếng gọi to:

- Ba ơi! Ba ơi!

Rồi tôi khóc òa lên. Tất cả những người có mặt đều ngỡ ngàng. Còn tôi vẫn như người trong cơn mê sảng, mộng du, tôi vừa khóc vừa nói:

- Ba ơi, ba đi đâu, giặc Tây đến đốt nhà mình rồi. Mẹ con và các anh chị của con cũng bị Tây chém chết hết rồi, ba ơi!

Sau này nghe kể lại, mọi người bảo tôi đã khóc to lắm. Tôi ôm chặt lấy Bác Hồ. Bác nhìn tôi sững sờ! Cả Đoàn đại biểu Anh hùng và Chiến sĩ Thi đua miền Nam không ai bảo ai cùng rơm rớm nước mắt. Anh Hai Xô lên tiếng trước:

- Thưa Bác, gia cảnh Út Anh tội nghiệp lắm! Hồi nhỏ, Tây đốt nhà, giết hết cả cha mẹ, anh em. Cả nhà chỉ còn mỗi mình Út sống sót...

Bác Hồ chăm chú nghe từng người báo cáo thành tích, rồi biểu dương tất cả chúng tôi. Bác nói đại ý: Nếu như tất cả mọi người đều cố gắng, dũng cảm giết giặc lập công, thì nhất định quân xâm lược Mỹ có vào được miền Nam, không chóng thì chày cũng phải phái cút về nước. Mỹ cút rồi thị quân ngụy ắt sẽ bị quân và dân ta lật nhào.

Rồi Bác tặng chúng tôi mỗi người một chiếc huy hiệu của Người. Sau đó, chúng tôi còn được nhận mỗi người một điếu thuốc lá, hoặc một chiếc kẹo, Bác đưa tận tay...

Quá sung sướng, hạnh phúc vì được gặp Bác Hồ, tôi nói như người trong mơ:

- Ba ơi! Ba đừng bỏ con một mình nghe ba.

Bác tươi cười nhìn tôi, rồi gọi người đem máy chụp ảnh đến chụp một bức hình kỷ niệm. Tôi được ưu tiên đứng bên cạnh Bác, hai tay Người âu yếm đặt lên vai tôi.

Tôi nhớ hôm đó buổi trưa, cây trong vườn Phủ Chủ tịch râm mát, nên không lọt ánh nắng vào được. Máy ảnh lại không thấy lóe đèn. (Tấm ảnh này, mãi tới đầu năm 1975, anh Hai Hùng mới trao cho tôi, như một vật kỷ niệm vô giá trong cuộc đời).

Chụp hình xong, Bác Hồ hỏi chuyện anh Hai Xô về cái chết của cha mẹ và cả gia đình tôi. Người chăm chú nghe anh Hai Xô kể tỉ mỉ sự việc.

Chiều hôm đó, tôi được Bác Hồ cho ngồi bên cạnh, y hệt ba tôi ngày trước mỗi khi tôi được nghe Người chỉ bảo hay giảng giải bài học.

Bác Hồ bất ngờ hỏi tôi:

- Cháu có nguyện vọng gì không? Có muốn được ở lại miền Bắc công tác không?

Tôi thưa:

- Thù nhà, nợ nước chưa trả xong, cháu xin được trở lại miền Nam để cùng đồng bào đồng chí góp phần đánh Mỹ.

Bác gật đầu cười hiền lành:

- Cháu còn trẻ mà nghĩ được như thế là phải. Phụ nữ Việt Nam ai cũng là con cháu Bà Trưng, Bà Triệu anh hùng. Cháu cần phải cố gắng hơn nữa để phát huy truyền thống yêu nước của cha anh mình.

Rồi tôi lấy trong túi áo ra tấm hình gia đình mà bao năm qua còn giữ được. Đó là ba và mẹ, anh Hai Hùng cùng

các anh chị em tôi. Hình đã ngả màu từ trắng thành ố đen, còn nổ lốm đốm nhiều vết bẩn, nhưng vẫn nhìn được.

Bác Hồ cầm tấm hình lên xem xong, tôi thấy đôi mắt Người đẫm lệ.

Rồi Người gọi anh Hai Xô lại và bảo:

- Khi trở vào Nam, dù trong hoàn cảnh nào cũng phải tạo điều kiện cho Út Anh tiếp tục học tập và công tác tốt.

Anh Hai Xô báo cáo với Bác là tôi học tập và công tác đều tốt, từng học ngành y và là một Bác sĩ giỏi.

Bác nói đại ý: Làm Bác sĩ là chữa bệnh cứu người. Cách mạng và kháng chiến cần nhiều Bác sĩ để chăm sóc sức khỏe cho bộ đội và cho nhân dân. Đó là một công tác tốt, Bác ủng hộ và khuyến khích.

Trước khi chúng tôi trở vào Nam, đoàn đã được bố trí đi thăm 36 phố phường, thăm Hồ Gươm, thăm thành Thăng Long. Do công việc Chủ tịch nước quá bận, chúng tôi đã không có điều kiện để được ở cùng bên Bác Hồ lâu hơn, dù ai cũng muốn vậy.

Khi từ miền Nam ra thăm Bác Hồ, do điều kiện chiến trường ác liệt, chiến sự căng thẳng, đoàn chúng tôi phải đi bộ cả tháng trời. Nhưng khi về, chúng tôi đi bằng con đường hợp pháp công khai, chỉ hết hai tuần lễ...

Dù hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, bất cứ ở đâu và dù là lúc nào, tâm trí tôi cũng in sâu hình ảnh rất đỗi thân quen của Bác Hồ, như người cha thân yêu của mình vậy.

Sau ngày giải phóng miền Nam, mỗi khi có dịp ra Hà Nội, tôi đều tới thăm và vào Lăng viếng Bác.

Cuối năm 2007, tôi đã có chuyến hành hương về Phan Thiết (Bình Thuận) - vùng đất tròn một thế kỷ trước, cha tôi đã cùng các đồng sự mở Hội Quán Liên Thành, quán Ngọa Du Sào Liên Thành thư xã và Dục Thanh học hiệu.

Tôi cũng tìm đến di tích lịch sử Trường Dục Thanh - nơi người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã tham gia dạy học, trước khi về Sài Gòn xuất ngoại tìm đường cứu nước...

Mới đó mà nay đã vừa tròn 100 năm!

CHƯƠNG XX
ĐÀ LẠT KHÔNG BÌNH YÊN

Tôi nhận được lệnh trở lại Đà Lạt hoạt động.

Thoát khỏi cái nóng bức, ngột ngạt của Sài Gòn, chưa kịp thích ứng với cái lạnh khô hanh của thời tiết Đà Lạt đang bắt đầu chuyển mùa, tôi đã vội đến thăm Trường Thánh Phaolo - một trường giòng nữ tu ở Đà Lạt để đóng tiền ăn học nội trú cho con gái Kim Chi.

Xơ Lệ Tiên cho biết, cách đấy một tháng, có ông Rosttel Lộc đã gửi trả tiền một năm ăn học cho bé Kim Chi. Đó là anh Năm Lộc, con của dì ruột tôi. Hầu như lúc nào anh cũng dõi theo và chăm sóc cuộc sống của mẹ con tôi rất chu đáo.

Vừa ra tới cổng trường, một người phụ nữ nhìn thấy tôi, vội đến gần hỏi nhỏ:

- Docteur Ngọc Anh phải không?

Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

- Bà là ai?

- Trời ơi, Bác sĩ không nhớ tôi sao? Mẹ con tôi đội ơn đã được Bác sĩ phẫu thuật cứu sống năm 1960. Ơn này, suốt đời gia đình tôi không trả hết được. Lúc nãy, gặp Bác sĩ

trong trường tôi lo quá. Bác sĩ trốn mau đi. Có một bọn mật vụ từ Sài Gòn lên đây, mang theo cả hình của Bác sĩ vẫn đang lùng bắt chị đó...

Nghe nói vậy, tôi hiểu đây là người tốt, không hỏi gì thêm, vội vã đi ngay. Vừa đi vừa quan sát, dùng biện pháp nghiệp vụ để đề phòng "cắt đuôi" bọn xấu đang theo dõi.

Lần trở về Đà Lạt này, tôi không còn là Giám đốc Bệnh viện Thành phố, không còn có phòng khám bệnh tư; cũng không còn bình phong là "Tình trường phu nhân" như bốn năm về trước, nên cuộc sống vất vả vô cùng.

Hàng ngày, để vừa trốn tránh sự theo dõi của kẻ địch, vừa để có cái ăn, tôi phải đi làm thuê, cuốc đất, nhổ cỏ cho chủ điền địa ở vùng nông thôn. Tối về ngủ ở hầm mộ kề cận thác Cam Ly của vợ ông Nguyễn Hữu Hào (cha vợ của Bảo Đại).

Người ta thích thác và mơ được đến Cam Ly chơi, còn tôi quá sợ Cam Ly mà vẫn phải về thác ngủ. Có nhiều đêm mưa, tôi sợ sét đánh, phải chui ra khỏi hầm mộ ngồi co ro giữa gió thét mưa gào, rét run cầm cập.

Không đi làm thì không có cái gì mà ăn cả. Có hôm liều mình, tôi chạy vào trang trại của kỹ sư Trần Minh Quang, vắt trộm sữa bò do ông ta nuôi, uống no nê rồi chui vào ổ rơm ngủ. Khi nghe bò rống đòi vắt sữa là trời sắp sáng, tôi cũng dậy ra làm việc để có cơm ăn và chiều đến lĩnh tiền như những người làm thuê khác.

Lúc nào giặc bố ráp là tôi chạy về hầm mộ. Khi các trang trại tại Đà Lạt hết việc, tôi lại xuống trại Mát xin làm. Để gây dựng phong trào, tôi đã móc nối được với chị Quy, vợ liệt sĩ Nguyễn Phi Quỳ ở đó.



Tháng 10 năm 1966.

Tôi giao lại cơ sở của chị Quy cho đồng chí Hồ Thị Siêu ở Phan Thiết lên, rồi về lại Cam Ly làm thuê cho trang trại của Trần Minh Quang. Tại đây, tôi ở với già Ngộ - một phụ nữ đã già - làm vú em lâu năm, không chồng, không con, được chủ nhà tin cậy. Bình thường, tôi ngủ chung giường cùng bà vú ngoài chuồng bò. Lúc nào địch truy quét gắt gao, tôi lại chạy vào hầm mộ.

Tôi tự đề ra quyết tâm: dù khó khăn đến đâu cũng phải sống để làm việc cho Đảng, cho dân; nếu có chết, cũng phải chết trong danh dự của người chiến sĩ Cộng sản.

Thỉnh thoảng, cảnh tượng mẹ tôi, anh chị tôi bị giặc Tây chém chết, thi thể nằm giữa vũng máu, giữa căn nhà bị đốt cháy, cảnh ba tôi bị giặc lấy dây thép xâu tay phơi nắng trên sà lan ngoài sông Sài Gòn cho đến chết, cùng với mười người yêu nước khác lại hiện lên rõ ràng trong tâm trí của tôi như mới ngày hôm qua thôi.

Có hôm, sau khi đi làm về, đang ăn cơm do già Ngộ nấu, thì cai cộng của đồn điền đến cho hay:

- Hôm nay có bố ráp. Đừng để những người làm công không có giấy tờ ở đây. Bọn cảnh sát sẽ cho là Cộng sản rồi bắt về đồn. Nếu chứa chấp sẽ ở tù chung đấy.

Tôi chưa ăn cơm xong đã vội đi ngay. Đến hầm mộ, tôi mở nắp chui xuống và nằm yên ở dưới đó.

Bên trên, mặc cho giặc lùng sục bắt bớ, tôi cứ yên tâm mà ngủ.

Khi tỉnh dậy, thấy người ngây ngấy sốt và ngứa cổ, bắt đầu ho khan. Khát quá! Tôi tìm nước và uống mấy hơi hết cả bi đông.

Tôi tiếp tục sốt và không biết mình đã sốt bao lâu, khi vừa loạng quạng đứng lên, đầu đụng phải nắp mộ lại ngã quỵ bất tỉnh. Rồi lại tỉnh và thấy đói bụng quá, tôi ráng hết sức lục ba lô, nhưng lương khô đã hết từ lâu. Đói quá, không đủ sức đẩy được nắp hầm, tôi lại gục ngã và ngất đi lần nữa.

Lúc kiệt sức đến nỗi tưởng chừng như chết đi được thì nghe loáng thoáng có tiếng người trên mặt đất:

- Mới hôm trước, chính đồng chí Tư Mắt Kiếng (tên gọi của tôi khi đó) đã hẹn gặp để trao tài liệu cho tôi tại đây. Chính chỗ này...

Đúng tiếng người mình rồi, tôi mừng quá, vừa ráng sức đẩy nắp vừa cố gọi thật to. May mắn là những người bên trên đã phát hiện ra tôi. Họ giúp tôi đẩy nắp mộ lên, rồi mỗi người một tay đưa tôi lên khỏi mộ. Lên đến mặt đất, tôi lại ngất đi.

Các đồng chí Mười Tân, Chín Siêu và Ba Thuấn thay nhau khiêng tôi đưa về trạm xá. Lúc tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm trên võng lắc lư.

Bác sĩ ở trạm xá sơ cứu cho tôi, rồi cho uống nước cháo và truyền dịch. Bác sĩ hỏi tôi:

- Sao cô lại ở dưới hầm mộ?

Tôi gắng gượng đáp:

- Lính tráng bố ráp bắt bớ vô tội vạ, tôi trốn ở dưới đó cho an toàn.

- Trời đất, nếu chúng tôi không tìm, chắc cô chết mất!

- Hôm nay là ngày mấy rồi, thưa Bác sĩ?

- Ngày mồng 6 tháng 12 năm 1966.

Tôi nhẩm tính, như vậy là tôi bị ốm, sốt rét, đói khát, bất tỉnh dưới hầm đã sáu ngày. Do bị sốt và thiếu ăn dài ngày nên giờ đây người tôi bị suy kiệt. Nhờ trạm xá chăm sóc tận tình, sau ba ngày tôi hồi phục dần và khỏe lại.

Vì hoàn cảnh khắc nghiệt của chiến tranh, cuộc sống của các chiến sĩ biệt động vô cùng gian nan cực khổ. Tình trạng sống của họ luôn là vô gia cư, không tên, không tuổi, ngay cả số quân cũng không. Đã yêu nước, tình nguyện ra đi thì chẳng hẹn ngày trở lại. Cái chết là bằng chứng cuối cùng của sự hoàn thành nhiệm vụ. Nhưng bằng chứng ấy rất dễ trở thành vô danh, vì không ai biết tên mình, không biết mình ở đâu đến. May lắm thì chỉ có một vài đồng đội xót thương đứng lặng giữa rừng sâu chào vĩnh biệt...

*

Trước khi tôi về Đà Lạt, một số đội biệt động ở đây đang hoạt động rời rạc và mắc phải không ít sai lầm.

Chẳng hạn, đội của chị Cả (tức Khả), vì không dám đem chất nổ đặt đúng điểm quy định mục tiêu, nên bỏ lại ở bến xe Trại Mát và sân ga Đà Lạt - Phan Rang làm dân chết vô tội vạ.

Hay trường hợp Vương Vĩnh Châu và Huỳnh Chính đem bom hẹn giờ bỏ trong giỏ, đặt tại ngã ba cây xăng trước cổng chùa Linh Sơn, cạnh Lâm viên Huỳnh Xuân Đài, bom nổ làm chết một số học sinh đi qua.

Tại quán phở 257C Phan Đình Phùng, khoảng bốn giờ bốn mươi phút sáng, một quả bom hẹn giờ đã nổ, làm mấy người dân vô tội bị thương...

Một trong những nhiệm vụ Trung ương Cục cử tôi về Đà Lạt lần này chính là để chấn chỉnh lại tình trạng trên. Đây là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn mà tôi phải hoàn thành.

Thời đó, trong lực lượng ta nam nhiều hơn nữ. Chuyện này sinh tình cảm giữa hai người khác giới trong một cơ quan, đơn vị cũng là bình thường. Nhưng đã có một việc mà đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ. Đó là khi một cán bộ tên là Chanh bị bắt, căn cứ lập tức mất ổn định vì Chanh đã đầu hàng giặc, trở thành kẻ chiêu hồi, chỉ điểm cho chúng đi bắt bớ lung tung, rồi dẫn chúng tập kích vào căn cứ địa Lạc D-ương, làm ta phải một phen náo loạn di dời mới bảo toàn được lực lượng. Mỗi lần tôi về căn cứ họp thường phải dùng khăn bịt mặt hoặc mũ len trùm mặt, chỉ chừa hai mắt (vẫn phải đeo kính đen), nói chuyện phải giả giọng đủ vùng miền để đề phòng địch luồn vào hoặc đầu hàng giặc như Chanh.

Vào một đêm hè trăng sáng năm 1967. Trên đường cùng đồng đội vào Thành phố tấn công địch theo kế hoạch, khi đến khu vực đồi ba cây chỗ đồng chí Gái hi sinh, trăng vừa khuất mây, chợt tôi bị một người trong bóng đêm nhảy ra bịt mắt. Phản xạ tự nhiên, tôi đấm vào mặt và thúc một gối rất mạnh vào người đó. Rồi tôi lập tức khóa chặt hai tay, dúi mạnh đối phương xuống. Các đồng chí trong đội đi tập kích cũng rần rạt lên đạn và bủa lại hỗ trợ tôi. Thiếu chút

nữa tôi đã cho đối phương một viên đạn, nếu trăng chẳng sáng lên và tôi không lột khăn che mặt của đối phương ra.

Thì ra đó là Tư Du. Tôi sững sờ:

- Đồng chí làm gì kỳ quặc quá vậy?

Tư Du vẫn còn mạnh miệng nói:

- Tôi yêu em! Tôi cầu xin tình yêu của em!

Tôi bực quá, nhưng vẫn cố kìm mình:

- Đồng chí Tư Du! Tại sao đồng chí có thể nghĩ và nói ra những lời như thế? Tôi là gái đã có chồng. Vợ chồng tôi do tổ chức của chúng ta tác hợp mà thành. Nay anh ấy bận công tác xa, càng xa tôi càng phải giữ bổn phận với chồng mình. Anh Ba đã có vợ ở quê nhà. Ngày nào đánh thắng giặc Mỹ, ngày đó gia đình của mỗi chúng ta sẽ đoàn tụ. Anh còn nói chuyện yêu đương vớ vẩn một lần nữa là tôi không để yên đâu.

Tư Du nén tiếng thở dài.

Mãi về sau này, tôi mới được một đồng đội nữ nói nhỏ cho biết: Tư Du đã "phải lòng" tôi từ lâu. Có lần, tình cờ chị chứng kiến cảnh anh ta đứng ngây người ngó trộm tôi tắm dưới suối một cách thèm khát. Vẫn biết ở căn cứ trong rừng, ai cũng thiếu thốn tình cảm. Đàn ông cũng như đàn bà cần nhau là có thật. Nhưng biểu lộ sỗ sàng như Tư Du, thì không một phụ nữ tự trọng nào chịu nổi.

Tôi đâu ngờ, tiếng thở dài của Tư Du ngày đó, cùng với sự nhỏ nhen, ích kỷ, hèn hạ của anh ta mà sau này đã khiến tôi phải trả giá đắt cho đến tận bây giờ.

*

Về lại Khu 6 lần này, còn một chuyện hết sức thương tâm nữa, tôi không thể không nói đến: Tại căn cứ hay trên đường công tác, các đồng chí của ta thường rất vui khi lượm được dù trái sáng của địch, vì họ có thể tận dụng nó để làm nhiều việc, nhất là làm màn ngủ. Nhưng niềm vui nhỏ đó của ta, đã sớm bị kẻ thù biết được và biến thành một âm mưu lớn và nham hiểm.

Trong một thời gian dài, căn cứ Khu 6 liên tục bị pháo và máy bay B52 của địch đánh phá dữ dội. Căn cứ bí mật di dời tới đâu, hầm hố lều trại còn chưa được đào đắp dàn dựng xong, thì bom đạn của kẻ thù đã trùm dập xuống tan tành.

Người táo tác bỏ chạy, quân trang quân dụng, lương thực, tài liệu bị đốt phá sạch sành sanh. Người này nghi người kia, gây mất đoàn kết trầm trọng. Căn cứ rối loạn và không khí thật nặng nề.

Nhiều cuộc hội họp kiểm điểm được tổ chức, mong tìm cho ra kẻ làm gián điệp, kẻ gây cho ta vô vàn khó khăn tổn thất. Và nhiều đồng chí cán bộ trung kiên của ta đang vô tình bị lưỡi hái tử thần của sự thiếu hiểu biết kề bên cổ.

Căn cứ của Khu 6 bấy giờ dù chuyển dọn tới đâu, máy bay địch vẫn giội bom bắn phá tới đó, trúng phóc[1]. Tất cả bỗng tiêu tan thành tro, người nào cũng lâm vào tình trạng hoang mang, đói khát, suy sụp. Khu 6 có nguy cơ tan rã.

---

[1] *Trúng phóc: rất trúng, không sai tí nào.*

Một hôm, tôi và đồng chí Hồ Thị Siêu (cháu nội của cụ Hồ Tá Bang) có nhiệm vụ chuyển tám tấn gạo đưa về Trảng Bia, giao cho đồng chí Bảy Sơn.

Lúc nhận gạo, đồng chí Bảy Sơn than thở:

- Mấy hôm rày lo chạy máy bay B52 và cối pháo của địch mãi. Những gần chục tấn gạo này biết đem giấu ở đâu đây trời?

- Chúng vẫn thường xuyên đánh trúng căn cứ của ta à? - Tôi hỏi.

Anh Bảy Sơn đáp:

- Trong căn cứ ta hiện nay chắc chắn có người của địch.

Tôi đang định hỏi tiếp thì có đồng chí Hai Nhu lật đật chạy đến:

- Có các chị đây, may quá. Chị Siêu ơi! Chị cắt cái dù này, may giùm tôi cái mền (chăn) đắp cho đỡ rét với.

Chị Siêu vui vẻ nhận lời bằng cái nguýt dài:

- Rồi lấy gì trả công đây?

- Có ngay. Mong chị nhận!

Thấy từ tấm dù Hai Nhu vừa đưa ra để trả công chị Siêu, lòng thòng một cái nút khác thường bằng kim loại. Tôi vội giật lấy và liệng cái dù xuống nước. Vừa chìm xuống, cái nút kia lập tức sủi bọt. Trong lúc mọi người tròn xoe mắt chưa hiểu, tôi giải thích:

- Đây là nút nhận và phát tín hiệu qua vệ tinh địch gài giấu trong dù. Anh em ta hãy lượm dù, rồi đi đâu cũng

mang theo, do không để ý và không biết nên đã vô tình tiếp tay cho kẻ thù, thành gián điệp của chúng.

Trong lúc mọi người lặng ngắt, đồng chí Bảy Sơn tím tái mặt, miệng lắp bắp:

- Chết..., chết... Hôm nay có lệnh xử tử Chín Tô và Tư Phụng, theo quyết nghị của cuộc họp Thường vụ tối hôm qua. Không biết bây giờ đã xử chưa?

Tôi chỉ còn biết giậm chân kêu trời!

Hai Nhu lập tức vùng chạy về căn cứ để cấp báo nội dung trên. Anh đã chạy rất nhanh, vậy mà vẫn không kịp cứu đồng đội.

Riêng hôm đó, năm người chứ không phải chỉ hai đồng đội Chín Tô và Tư Phụng của chúng tôi bị chết oan do thiếu hiểu biết.

CHƯƠNG XXI
TRẬN MẬU THÂN, GẶP LẠI "C16"

Trong cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, Trung ương Cục Miền Nam giao nhiệm vụ cho tổ chúng tôi gồm 42 chiến sĩ biệt động và bộ đội địa phương yểm trợ đánh vào Thành phố Đà Lạt, tỉnh Tuyên Đức.

Chúng tôi xuất phát từ XanhJean vào Dinh 3 Bảo Đại, qua suối Tía vào Tiểu khu gặp xe tăng địch án ngữ tại đầu đường Huỳnh Phúc Kháng - Pasteur. Trước sự chống trả quyết liệt của kẻ thù, hai chiến sĩ ta bị hi sinh. Chúng tôi phải chạy vào nhà dân. Khu ấy toàn vila, biệt thự, chúng tôi chạy trong rừng cây, qua doanh trại của ngụy rồi chạy vào xưởng cưa, trên vai tôi và đồng chí Thanh mỗi người đều cõng một đồng chí bị thương. Vừa vào đến nhà dân thì hai chiến sĩ Hy và Húy hi sinh.

Tôi cũng bị thương trên vai, máu ra khá nhiều, phải nhờ bà già Nển băng bó và chăm sóc. Người con trai của bà là Nguyễn Hải Sĩ Minh đưa ít lương thực, rồi chỉ đường cho chúng tôi đến lao xá cứu số cán bộ bị địch bắt nhốt tại Ty Cảnh sát Đà Lạt.

Chúng tôi tiếp tục đến nhà giam đường Bá Đa Lộc, không thấy quân lính đâu. Có lẽ chúng đang tập trung càn quét và đối phó với lực lượng của ta ở bên ngoài. Tôi tranh

thủ vào đốt hết những tài liệu liên quan rồi giải cứu cho số người đang bị địch giam giữ, bất kể họ là tù loại gì.

Hễ phá được phòng giam nào, chúng tôi lại chỉ đường cho họ chạy vào rừng làm nhiều hướng, để tránh sự truy đuổi của kẻ địch khi bị lộ.

Có nhiều người tù do giam giữ lâu ngày, yếu quá, đi không nổi, phải nhờ bạn tù xốc nách dìu đi. Như chim sổ lồng, ai cũng vui, cố gắng động viên nhau thoát khỏi ngục tù.

Khi các cửa phòng giam trong khu đã lần lượt được mở hết, tôi ra hiệu cho anh em rút lui. Nhưng không hiểu sao, tôi chú ý đến một cánh cửa nằm khuất trong một góc nhỏ, tối om.

Tôi bước tới gần thì nghe tiếng gọi yếu ớt từ trong xà lim vọng ra:

- Cứu... tôi... với...!

Tôi lên tiếng:

- Ai đang ở trong đó vậy?

Một giọng đàn ông nghe rất quen cất lên:

- Xin cho tôi gặp Mặt trận Giải phóng.

Tôi giật mình khi nghe giọng nói rất quen ấy. Giọng ai như giọng anh Phước? Tôi ghé sát khe cửa nói vọng vào:

- Chúng tôi là Quân Giải phóng đây. Chúng tôi sẽ cứu anh.

Tôi nhìn cánh cửa phòng giam tù nhân bằng sắt nặng nề với cái ổ khoá to đùng và nhìn quanh nhìn quất quanh đó, không có dao, búa hay cây xà beng nào. Làm sao bây giờ? Không còn thời gian nữa, vì bọn địch có thể quay lại bất

cứ lúc nào. Không còn cách nào khác, tôi vội dùng súng bắn vào ổ khóa để phá cửa. Khi cánh cửa sắt nặng nề được mở ra thì một người đàn ông tóc dài trắng xóa, bước chân tập tễnh, lần theo vách tường ra ngoài...

Trời ơi, người đó chính là "C16" - Trần Văn Phước! Tôi trào nước mắt, chạy tới ôm chầm lấy anh, nức nở:

- Anh Phước! Ba má ơi! Anh vẫn còn sống thiệt hả?

Anh Phước cũng run run, nghẹn ngào:

- Anh đây. Út tới cứu anh đấy à? Anh không thể tin được.

Tôi choàng tay anh trên vai mình và dìu anh đi. Bàn chân trái của anh đã bị mất phân nửa, vết thương đã lành nhưng anh đi đứng rất khó khăn.

Anh mừng mừng tủi tủi ôm chặt tôi, giọng đầy nước mắt:

- Sao Út biết anh bị giam ở đây mà dẫn quân tới đánh phá ngục để cứu anh?

- Em không hề biết anh ở đây. Em và mọi người đã tìm anh suốt năm năm qua và tuyệt vọng rồi. Nay chỉ là vô tình thôi. Tổ chức đánh phá nhà giam để cứu đồng đội, nào ngờ lại gặp được anh. Em mừng quá!

Không thể nói hết niềm vui và nỗi xúc động của chúng tôi. Phước nhìn tôi bằng ánh mắt đã lắng lại:

- Út ơi! Năm năm qua, cuộc sống của em có thay đổi gì chưa?

Tôi cũng nhìn thẳng vào mắt anh:

- Em vẫn như hôm đảo chánh Ngô Đình Diệm thôi. Đêm đó, khi anh lái xe đi, em chỉ còn biết đứng nhìn theo đám khói bụi mờ quyện theo xe anh vô vọng. Sau đó em tham gia cùng đồng đội đánh sập Đại sứ quán Mỹ. Bọn cảnh sát, mật vụ vẫn truy đuổi săn lùng em cho tới giờ đó.

- Thật không ngờ Út của anh giỏi vậy.

Anh Phước siết tay tôi thật chặt. Thời gian không cho phép nói chuyện dài, tôi vẫy thêm hai chiến sĩ trẻ lại cùng tôi thay nhau dìu anh Phước nhanh chóng về nơi an toàn.



Ngay sau đó, tôi điện báo cáo khẩn với tổ chức, báo tin "C16" còn sống và xin chỉ thị.

Cấp trên phân tích: "C16" chưa bị lộ, vẫn có thể sống và hoạt động công khai hợp pháp. Lực lượng đã bắt và biệt giam "C16" là phe của Dương Văn Minh, giờ đã thất thế. Với lực lượng của Nguyễn Văn Thiệu, thì "C16" là người có công. Bởi thế, tốt nhất là tìm cách đưa anh trở lại Sài Gòn. Rồi thông qua Cố vấn Vũ Ngọc Nhạ công khai hoá và tiến cử "C16" với Nguyễn Văn Thiệu...

Đây là một nhận định hết sức đúng đắn của cấp trên. Bằng chứng là sau khi về tới Sài Gòn, Chính quyền Thiệu đã coi anh Phước như một "người hùng" đã chịu quá nhiều thiệt thòi sau đảo chính. Chỉ sau một thời gian ngắn, Nguyễn Văn Thiệu đã ký quyết định phong hàm tới cấp Trung tướng cho Trần Văn Phước...

Tối hôm đó, tôi cứ ngồi nhìn Phước cười mà giàn giụa nước mắt. Bao nhiêu năm tưởng như tuyệt vọng, thì hôm nay

tôi lại được gặp người đàn ông tôi yêu quý. Người đàn ông mà lúc nào cũng tạo cho tôi cảm giác bình yên sau những giờ phút khó khăn đầy hiểm họa đe dọa tính mệnh trong cuộc sống của một người lính biệt động. Người đã sẵn sàng hi sinh tính mạng của mình để chứng minh cho tình yêu, sẵn sàng chờ đợi cũng như rời xa nếu tôi được hạnh phúc. Trong tôi, lúc này đây cảm xúc rất lẫn lộn: mừng - tủi, vui - buồn, hạnh phúc - đau khổ, thương yêu - xót xa... cùng đan xen, hoà quyện. Và hình ảnh anh Kiệt cùng bé Kim Chi, Tấn Phúc lại hiện lên nhức nhối tâm can tôi.

Sau mấy hôm trực tiếp chăm sóc cho Phước, đã đến lúc tôi phải đưa anh đến gửi ở nhà của anh An giao liên. Sau đó nhờ đưa anh về Sài Gòn chữa bệnh.

Trước lúc chia tay nhau, tôi dặn anh:

- Khoảng tháng Bảy hoặc tháng Tám em sẽ về nhà cũ ở chợ Cây Quéo gặp anh!

Tôi rời tay Phước, chạy qua nhà hàng Palace, đi về phía hồ Xuân Hương. Ngoái lại, vẫn thấy anh đứng nhìn theo...



Sau sự kiện tấn công nhà tù Đà Lạt, chúng tôi tiếp tục đến phá trại giam giữ thiếu nhi. Một số học sinh do tham gia biểu tình và rải truyền đơn chống Mỹ - Thiệu, nên đã bị bọn chúng bắt giam vào đây. Trong số học sinh bị giam giữ tại đó có em Huỳnh Đức Hòa, 14 tuổi, đang học lớp bảy. Địch đã đánh đập, xích chân bỏ xà lim nhưng em vẫn dũng

cảm, nhất định không khai báo. Chúng tôi chặt xích cứu và đưa em về căn cứ[1].

Tôi cũng như nhiều người, tưởng là Tết Mậu Thân - 1968 ta đã có thể giải phóng quê hương miền Nam. Nào ngờ, ngay sau đó địch phản công dữ dội, chúng đẩy lực lượng của ta bật ra khỏi thành phố, buộc phải rút vào rừng. Nhiều cơ sở nội thành bị lộ và bị địch khủng bố rất dã man. Nhiều đơn vị, trong đó có lực lượng biệt động thành của ta cũng bị tổn thất nặng nề.

Mỹ đổ quân ồ ạt vào miền Nam Việt Nam. Mỹ chiếm lĩnh cảng Cam Ranh, Quy Nhơn, Đà Nẵng và có ý đồ đổ quân vào vịnh Bắc Bộ. Bọn chúng mượn đường An Khê, Tân Cảnh - Đăk Tô đổ quân vào Cánh Đồng Chum, mượn đường Lào đánh miền Bắc. Với thế trận xung kích, với vũ khí tối tân, chính quyền Mỹ - Ngụy dồn quân sang Hạ Lào chuẩn bị đánh miền Bắc.

Tôi bất ngờ nhận được lệnh về Trung ương Cục học Nghị quyết chiến dịch mùa mưa sắp đến. Tôi càng bất ngờ hơn khi người truyền đạt Nghị quyết của Đảng là đồng chí Bảy Cường (một bí danh của đồng chí Phạm Hùng). Thì ra, anh Hai Phạm Hùng đã trở lại miền Nam công tác từ cuối năm 1967 với trọng trách mới: Bí thư Trung ương Cục Miền Nam, để thay Đại tướng Nguyễn Chí Thanh[1] ra Bắc họp và mất đột ngột.

---

[1] Ông Huỳnh Đức Hòa, sau là Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

[1] Nguyễn Chí Thanh (1914-1967): Tên thật là Nguyễn Vịnh, quê ở Thừa Thiên, được phong quân hàm Đại tướng năm 1959; là Bí thư Trung ương Cục, kiêm Chính uỷ Quân Giải phóng Miền Nam những năm 1965-1967.

Sau buổi học Nghị quyết, tôi báo cáo việc đồng chí "C16" vẫn còn sống và đã được cứu thoát khỏi nhà tù Mỹ - Ngụy, anh Năm Xuân (tức đồng chí Mai Chí Thọ) rất mừng, bảo tôi dưỡng sức khỏe rồi nghỉ ngơi để chuẩn bị nhận nhiệm vụ mới.

Chưa nghỉ được bao lâu thì được tin Khu 6 - Lâm Đồng có gián điệp nên đang bị địch bắn pháo tơi bời. Máy bay giội bom xăng đặc, cháy mất rất nhiều tài liệu. Lương thực rất thiếu thốn, nội bộ đang gặp nan giải.

Trung ương Cục họp liền ba ngày. Tư Du được yêu cầu trình bày việc tiếp cứu Khu 6, vì nếu địch cứ đánh liên tục như vậy, không kịp tiếp thêm người và lương thực thì số quân còn lại của Khu 6 sẽ phải chạy qua Khu 5, hoặc Khu 7.

Kết thúc cuộc họp, anh Hai Hùng gặp riêng tôi. Đã lâu lắm rồi hai anh em không có dịp tâm sự với nhau ngoài chuyện công việc. Anh Hai hỏi:

- Lâu nay Út có nhận được tin của Kiệt không?

Tôi lúng túng:

- Dạ... Tụi em ít gặp nhau lắm.

Anh Hai hỏi tôi:

- Chắc là cô Út giận anh lắm phải không?

- Sao anh lại nói vậy? Em có khi nào giận anh đâu! Em chỉ còn anh là người thân duy nhất trên đời. Anh là anh trai của em mà. Nếu không có anh thì em đâu còn sống đến ngày hôm nay!

- Ba em là ân nhân của anh. Khi ba má qua đời, anh đã tự hứa với vong linh ba má là sẽ chăm sóc và nuôi dạy

em nên người. Nhiều lúc nghĩ lại, anh thấy mình không phải là người anh trai tốt. Nếu như trước đây anh không đề nghị tổ chức thuyết phục em kết hôn với Tuấn Kiệt thì bây giờ...

Tôi cắt ngang:

- Anh đừng suy nghĩ về chuyện đó. Cuộc hôn nhân của em là do tập thể tổ chức quyết định chứ đâu phải là cá nhân anh. Nếu em kết hôn với Tuấn Kiệt mà có lợi cho Cách mạng, có thể trả thù được cho ba má thì em cũng đồng ý.

- Lương tâm của người anh thấy em gái mình sống không hạnh phúc đã khiến anh rất đau lòng. Anh rất mừng là "C16" vẫn còn sống. Đồng chí ấy là một cán bộ mưu trí, dũng cảm và rất thương em. Để qua cơn khói lửa này, anh sẽ gặp riêng Trọng Ngạn[1] và xin trả tự do cho em. Sau đó anh sẽ xin tổ chức tác thành cho em và "C16". Em có đồng ý không?

Nghe anh Hai nói những lời gan ruột, tôi rất xúc động và thấy thương thấy quý anh vô hạn. Tôi nhìn anh Hai và thưa thật với anh:

- Đúng là "C16" rất tốt với mẹ con em và em cũng có tình cảm với anh ấy. Nhưng em là phận đàn bà, đã có chồng, có con, đâu có nói bỏ là bỏ dễ dàng được anh. Bây giờ em chỉ muốn hoàn thành nhiệm vụ tổ chức giao và nếu có thể thì về thăm Kim Chi thôi. Đã lâu rồi hai mẹ con không được gặp nhau, em nhớ con quá. Tội nghiệp con bé, có mẹ có cha mà như đứa trẻ mồ côi.

Nói đến đây bỗng dưng tôi oà khóc. Anh Hai Hùng nhẹ nhàng nói:

---

[1] Tên thân mật của Giáo sư, Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt.

- Thôi chuyện này để khi khác anh em mình tâm sự tiếp. Em thu xếp đi, anh sẽ bàn với tổ chức cho em nghỉ ít hôm để về thăm con. Chắc con bé cũng mong em lắm đó. Nhưng em nhớ có mặt đúng thời gian để nhận nhiệm vụ mới.

- Dạ rõ!

Anh Hai nhìn tôi cười:

- Lớn rồi mà vẫn như con nít!

Tôi thanh minh:

- Đã lâu lắm rồi, em đâu có được khóc. Chỉ hôm nay trước mặt anh Hai, em mới khóc đó. Em ước gì mình còn bé như ngày xưa để được anh Hai cõng trên lưng...

Anh Hai Phạm Hùng bật cười, dùng ngón tay cốc nhẹ vào đầu tôi:

- Con nhỏ này nghĩ chi mà kì cục vậy.

- Em nói thật đó. Nhiều lúc buồn quá, đau quá, nhưng không dám khóc, vì sợ người ta hiểu nhầm. Những khi đó, em mong được gặp anh, được khóc một trận thật đã. Em coi anh như người anh lớn, như cha của em mà...

- Thôi mà. Anh đã nghe các đồng chí báo cáo là em công tác rất tốt, anh rất mừng. Nếu có khó khăn gì, em cứ trực tiếp gặp anh, đừng ngại.

Tôi cảm động lại rưng rưng muốn khóc. Tôi biết, với trọng trách của anh có biết bao công việc, khó khăn, nguy hiểm đang cần anh giải quyết. Chỉ cần thỉnh thoảng anh còn nhớ đến tôi, cũng là quý lắm rồi.

CHƯƠNG XXII

MỐI HIỀM KHÍCH NHỎ NHEN

Ngày 23 tháng 8 năm 1969.

Tôi được dự một cuộc họp quan trọng tại Trung ương Cục Miền Nam.

Trong cuộc họp, đồng chí Bí thư Phạm Hùng có chỉ thị cụ thể:

- Ngày Hai bảy tháng Tám tới đây, tại Trường Sỹ quan Võ bị Đà Lạt, địch sẽ tổ chức lễ mãn khóa sĩ quan mới, có Nguyễn Văn Thiệu về tham dự. Đây là cơ hội tốt để ta tính sổ với chúng món nợ từ Mậu Thân.

Bọn sĩ quan trẻ "con cưng" này ra trường sẽ là bầy "ngựa non" trực tiếp đối mặt với chủ lực của ta. Thông tin ta nắm hơi chậm. Nhưng ngay từ bây giờ, ta vẫn có thể nhanh chóng tổ chức người luồn sâu, nắm thắt lưng địch mà đánh. Ở đây, chúng ta không chỉ gây thương vong cho giặc mà còn tạo ra nỗi khủng khiếp lâu dài trong tâm lí những kẻ đánh thuê, tạo tiếng vang lớn trên toàn thế giới.

Ngoài ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phạm Hùng, cuộc họp hôm đó còn có nhiều nội dung khác như: kiểm điểm rút kinh nghiệm một số công tác vừa qua không mang lại hiệu quả, triển khai thực hiện kế hoạch tác

chiến mới, phân công nhiệm vụ cụ thể hơn cho một số tập thể và cá nhân... Riêng tôi, vẫn có nhiệm vụ thường xuyên là luồn sâu hơn nữa vào lòng địch, đánh chắc và thắng chắc.

Tôi chỉ buồn một nỗi là vẫn phải cùng chung nhiệm vụ và cùng chung đơn vị với Tư Du. Từ ngày xảy ra việc không chính đáng trong cánh rừng đó, Tư Du luôn gườm gườm giữ thế với tôi, không khí rất căng thẳng, ngột ngạt, khó chịu. Anh ta luôn kiếm cớ gây sự và cáu gắt với tôi một cách vô lý. Không còn cách nào khác, vì cái chung, tôi đành im lặng và nhẫn nhục chịu đựng.

Lãnh đạo còn chỉ rõ: Trọng trách của đồng chí Tư Du là Bí thư kiêm bảo đảm kinh tài khu vực Thành phố Đà Lạt; đồng chí Út Anh chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức luồn sâu đánh địch trên địa bàn Khu 6 và Khu 7, nơi nào cần, Đảng giao nhiệm vụ phải lập tức triển khai thực hiện ngay. Hai đồng chí phải hỗ trợ lẫn nhau, yểm trợ cho nhau để hoàn thành nhiệm vụ. Ai không chấp hành, báo cáo ngay tổ chức v.v...

Họp xong, chúng tôi xuất phát về Khu 6, đến nơi là ngày 26 tháng 8 năm 1969 và bắt tay ngay vào việc triển khai thực hiện chỉ thị của đồng chí Phạm Hùng.

Trong lúc đang nắm tình hình, chuẩn bị các phương án thì chúng tôi được tin điệp báo cho biết: Sáng 27 tháng 8, Tổng thống chính quyền Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu sẽ đáp phi cơ xuống sân bay Cam Ly. Trung tướng vùng 2 - Ngô DZu ở Pleiku cùng các tướng lĩnh Cố vấn Hoa Kỳ và nhiều sĩ quan quân sự cũng tề tựu về dự lễ.

Các đồng chí Ba Lớn, Tư Du bàn bạc rồi phân công tôi tìm phương án ám sát Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu

hoặc tướng Ngô DZu. Tôi nhận nhiệm vụ ra đi và tìm cách tiếp cận mục tiêu.

Quân lính tầng tầng lớp lớp canh phòng kiểm tra gắt gao quá. Mãi sau tôi mới tìm được Sjcti - viên sỹ quan Mỹ đang phục vụ tại Đà Lạt. Hắn đã đôi ba lần chọc ghẹo tôi từ trước, giờ tôi phải hứa hẹn đồng ý gặp hắn tại Khách sạn Đà Lạt với điều kiện cho tôi vào xem lễ duyệt binh có Tổng thống đến dự.

Không nghi ngờ gì, Sjcti "ok" ngay. Anh ta đưa tôi vào mà không bị ai xét hỏi. Trong người tôi có khẩu súng Rulo tự động giảm thanh.

Trên sân có năm trăm sĩ quan đang đứng chào cờ duyệt binh. Bên cạnh tôi có hai tên Mỹ cao to như hộ pháp. Trước mặt tôi là hàng ghế Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, các tướng lĩnh và sỹ quan Hoa Kỳ đang ngồi. Phía sau là quân cảnh vệ dày đặc. Tôi bị lọt thỏm giữa thiên la địa võng của kẻ thù, hoàn toàn không có kẽ hở nào để thực thi nhiệm vụ. Nếu rút súng ra, sẽ bị vệ sĩ của chúng bắn chết ngay. Và như thế cũng đồng nghĩa với tự sát.

Duyệt binh xong là đá bóng và bế mạc. Tôi đành ngậm đắng nuốt cay, chạm cốc, cười trong bữa tiệc đứng giữa những kẻ thù mà tôi chưa trừ khử được.

Trên đường về, tôi nghe mấy tên sĩ quan trẻ kháo nhau: cuối chiều hôm đó các sĩ quan trẻ được Tổng thống tặng vé bao rạp Ngọc Lan xem phim mới đang ăn khách có tên là "*Người đẹp và Quân vương*". Tôi chợt nảy ra kế hoạch chọn mục tiêu mới: Tấn công rạp Ngọc Lan!



Về gặp Tư Du, người chỉ huy trực tiếp, tôi báo cáo không hoàn thành nhiệm vụ ám sát Nguyễn Văn Thiệu. Lý do là đã vào được bên trong, đã tiếp cận mục tiêu, nhưng không thể hành động vì chúng bảo vệ quá nghiêm ngặt.

Tư Du lạnh lùng bảo:

- Tại đồng chí không muốn đánh đó thôi!

Tôi phản ứng lại:

- Tôi phải làm cách nào đây, khi mà hai bên là hai tên Mỹ, vây quanh là quan quân cả một Trường Võ bị? Liệu khi rút súng ra có bắn được không? Hay là chưa kịp rút súng đã bị chúng bắt?

Tư Du cười nhạt, rồi bảo:

- Tôi khẳng định: Đồng chí đã chống lệnh nên mới không hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp này, chống lệnh là phản bội Tổ quốc!

Nghe đến đây, tôi rụng rời chân tay, lệ tràn nhưng mắt thì như có lửa. Tư Du điềm nhiên rũ bỏ:

- Vậy, đồng chí cứ theo quân lệnh mà "tự xử".

Tôi đứng bật dậy, vùng chạy ra ngoài mà không biết mình chạy đi đâu. Rồi vấp ngã và sực nhớ. Không phủi bụi, quên cả đau, tôi bước ngược trở vào. Tôi nói với Tư Du:

- Chiều nay, mười sáu giờ ba mươi, tại Cinéma Ngọc Lan, các quan khách và năm trăm sĩ quan mới ra trường được Tổng thống Thiệu chiêu đãi phim mới. Tuyệt đối không bán vé cho dân thường. Đề nghị đồng chí cấp cho tôi ba trái mìn hẹn giờ có sức công phá cực mạnh, để tôi tự xử.

Ngồi trầm ngâm một lát, rồi Tư Du buông lời:

- Nếu vậy, đồng chí hãy coi đây là một trận đánh cảm tử. Đề nghị đồng chí đưa cho tôi tất cả các giấy tờ cá nhân liên quan để tạm cất. Khi nào xong công việc, tôi sẽ trả đồng chí đầy đủ. Nếu như vậy, ba quả mìn hẹn giờ mới được giao cho đồng chí đi thi hành nhiệm vụ.

Tôi đồng ý ngay. Lúc đó, tôi đâu còn tâm trí để đối phó với lòng dạ nham hiểm của con người ấy. Trong đầu tôi đang phải làm việc căng thẳng để tìm ra phương án tiếp cận được rạp chiếu phim Ngọc Lan.

Trước tiên tôi tìm cách làm quen với cô gái chuyên dọn vệ sinh của rạp. Tôi đưa cho cô ấy một khoản tiền khá lớn, đủ mua cả trăm chiếc vé. Tôi nói một cách hết sức tha thiết với cô ta rằng tôi và bạn tôi muốn xem bộ phim *"Người đẹp và Quân vương"* đang chiếu ở rạp. Tôi chỉ xin cô cho mượn thẻ đeo ngực và trang phục để vào, xong buổi chiếu sẽ trả lại ngay. Có lẽ bị chinh phục bởi khoản tiền trên, cô ta ngần ngừ giây lát rồi gật đầu đồng ý.

Lợi dụng lúc rạp chiếu phim hết giờ chiếu suất đầu, ngụy trang làm người quét dọn nhà vệ sinh, tôi đặt ba quả mìn hẹn giờ trong bồ rác, rồi kéo lê vào nhà vệ sinh. Tôi cố tình làm cho bụi bẩn bốc lên, khiến mấy tên lính gác và nhân viên bảo vệ phải nhăn mặt, tránh xa. Bật chốt an toàn hẹn giờ xong, tôi luồn lẹ ra ngoài.

Ra ngoài rồi, chợt nhớ ra cô nhân viên vệ sinh, tôi vội tìm gặp, rút chiếc nhẫn đang đeo tay đưa cho cô ấy và bảo:

- Em nên về quê, kiếm việc khác mà làm, ở đây sẽ không an toàn đâu, nguy hiểm đến tính mạng đó.

Cô nhân viên vệ sinh trố mắt nhìn tôi. Rồi như tỉnh ra, cô cảm ơn tôi rối rít rồi vội vàng bỏ cả đồ nghề đi mất.

Đúng 16 giờ 50 phút, ba quả mìn cùng phát nổ. Rạp Ngọc Lan đổ sập lầu một, trần bê tông đè lên các hàng ghế. Gạch ngói đất cát bay mịt mù. Người đạp lên nhau mà chạy. Tiếng kêu la dậy đất. Trong rạp lúc đó có năm trăm sĩ quan vừa tốt nghiệp Trường Võ bị Đà Lạt cùng quan khách và Cố vấn Hoa Kỳ.

Tôi chạy như bay về điểm hẹn gặp Tư Du để báo cáo tình hình. Nhưng Tư Du chỉ nói lạnh lùng:

- Để xem sao đã!

Rồi lặng thinh, đi ra ngoài hút thuốc.

Tôi ngẩn ngừ, rồi quyết định đi lên Bệnh viện Dân y Đà Lạt, gặp ông Nguyễn Nhật Lệ, một cơ sở của ta làm Phó Giám đốc Sở Y tế, nhờ ông theo dõi và báo tin cho biết có bao nhiêu lính Mỹ - Ngụy chết và bị thương. Ông Nhật Lệ nhận lời, rồi nhanh chóng đưa tôi sang tránh tạm ở nhà ông.

Đến 18 giờ 30, ông Lệ về báo cáo cho biết: Mỹ chết ba Cố vấn, hai bị thương nặng, được trực thăng đưa về Bệnh viện Long Bình. Số sĩ quan trẻ chết và bị thương chưa thể thống kê hết, nhưng chắc chắn phải hàng trăm. Đáng tiếc là trong số người bị trọng thương còn có cả sáu nhân viên bán vé và soát vé vô tội.

Tại Trung tâm Y tế Thành phố, số địch bị thương vong từ rạp Ngọc Lan chuyển về quá lớn không kịp cấp cứu, phải chuyển bớt sang tiểu khu... Thú thiệt, nghe tin ấy, tôi không khỏi giật mình, buồn vui lẫn lộn. Tôi không ngờ số người chết lại nhiều đến thế, nhất là khi trong đó có

cả những người dân vô tội. Vẫn biết thời chiến tranh loạn lạc, bao điều tàn khốc ngoài sức tưởng tượng, ngoài mong muốn của con người đều có thể xảy ra. Vẫn biết, việc tôi làm là việc chính nghĩa để chống lại kẻ thù, để ngăn tội ác, để mang lại hoà bình nhưng sao tôi vẫn không tránh khỏi sự xót xa thương cảm,...

Tư Du nghe ông Nhật Lệ báo cáo cụ thể vẫn ngồi lặng thinh.

Tôi hỏi:

- Thưa đồng chí Tư Du! Trước lúc đi, theo yêu cầu của đồng chí, tôi có giao lại giấy chứng nhận sinh hoạt Đảng, giấy đề nghị truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân và các giấy tờ của tôi cho đồng chí giữ. Bây giờ, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ, mong đồng chí cho xin lại!

Tư Du vẫn tỉnh rụi:

- Tôi đã gửi về Khu ủy rồi, đồng chí yên tâm.

Tôi đứng chết lặng nhưng không biết nói gì thêm.

Sau trận đánh Cinéma Ngọc Lan, Đài Phát thanh và các báo chí của ta đều hết lời ca ngợi chiến công tuyệt vời của quân và dân Thành phố Đà Lạt, đặc biệt là những chiến sĩ biệt động quả cảm. Riêng tôi, sau trận đánh này, được tặng danh hiệu Dũng sĩ.

Nhưng cũng ngay thời gian đó, để che giấu thất bại, bộ máy chiến tranh tâm lý của địch chỉ loan tin rằng: *"Việt Cộng đã đặt bom khủng bố tại Cinéma Ngọc Lan, làm chết toàn đàn bà, trẻ nít và dân thường vô tội!"*.

*

Ngày 3 tháng 9 năm 1969.

Chúng tôi chuẩn bị kế hoạch đi đánh phá phi trường Liên Khàng, thì nhận được tin Chủ tịch Hồ Chí Minh đã qua đời. Tôi trở về cứ và bật khóc. Không chỉ riêng tôi mà nhiều đồng chí nữa cũng khóc như chưa bao giờ được khóc. Với riêng tôi, đó là một mất mát quá lớn. Không thể tin rằng Bác đã ra đi mãi mãi.

Ngày hôm sau, tôi xin về Sài Gòn để vơi đi nỗi buồn, đồng thời cũng để tránh bộ mặt bỉ ổi của Tư Du. Chỉ vì tỏ tình mà không được tôi đáp lại, anh ta đã không từ một thủ đoạn nào, kể cả mượn danh của Đảng và Tổ chức để hãm hại và trả thù tôi.

Tôi về Khu 6 gặp các đồng chí Trần Lê (sau này là Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao) và đồng chí Ba Lớn (tức Vũ Anh Ba, hay Nguyễn Hồng) lúc đó là Thường vụ Khu 6 để hỏi và xin lại các loại giấy tờ tùy thân của tôi mà Tư Du nói đã gửi giao tận tay các đồng chí giữ.

Hai đồng chí kêu trời và bảo tôi về trình Trung ương Cục để cấp trên xử lý dứt điểm vụ việc này. Thế là tôi ra đi khỏi Khu 6 trong tình thế của một người bị trù dập vì hiềm khích cá nhân.

Ngày 10 tháng 9 năm 1969, tại Sài Gòn, tôi đã trình diện tổ chức cấp trên. Đồng chí Phạm Văn Xô động viên:

- Út Anh cứ yên tâm đi! Cấp trên sẽ giải quyết thỏa đáng chuyện này.

Rồi anh Hai Xô vò đầu bứt tai:

- Sao lại có kẻ lợi dụng thời cơ để hãm hại đồng chí, đồng đội mình như vậy chớ?



Tôi về lại mái nhà xưa. Tính từ ngày hẹn anh Phước ở Đà Lạt, tôi phải mất một năm tám tháng mới về đến đây. Thấy nhà đã sửa sang khang trang, tôi ngỡ ngàng định đưa tay gõ cửa, chợt vui hơn vì cửa nhà không khóa.

Nhẹ bước vào trong, thấy trên bàn có ảnh của tôi đang ngồi ôm Kim Chi, bên cạnh là ảnh của anh Phước lúc làm Tỉnh trưởng Tuyên Đức. Và đặc biệt hơn là bức truyền thần với nét vẽ còn tinh khôi cảnh tôi và Phước cùng bé Kim Chi trong một mái ấm.

Tôi đang ngây ngất say sưa ngắm nhìn, chợt anh Phước từ trong phòng tắm bước ra. Thấy tôi anh mừng quá, định nhào đến bên tôi, nên vấp, văng cây gậy chống. Tôi lao tới đỡ lấy anh. Hai chúng tôi mừng tủi nhìn nhau không nói nên lời. Tôi gục mặt vào ngực Phước và khóc miết. Từ ngày khôn lớn nên người, chưa bao giờ tôi được khóc thỏa thuê như hôm ấy. Phước ân cần vỗ về tôi:

- Sao lớn rồi mà cứ như con nít nhõng nhẽo thế này không biết! Thôi, rửa mặt đi em! Để anh dọn cơm rồi em ăn với anh, nghe!

Tôi sung sướng gạt nước mắt, cứ ngồi nhìn anh hoài, đầy yêu thương.

Lúc ở nhà tắm ra, tôi hỏi:

- Anh ở đây một mình à?

- Chứ còn ở với ai nữa. Anh ở và chờ em quên cả năm tháng.

Rồi anh Phước kể tiếp:

- Lúc mới về đây, nhờ sự giúp đỡ của anh Hoàng Đức Nhã, anh đã trực tiếp lên trình Tổng thống phủ. Hiện tại, anh trở thành người có công với chính quyền ông Thiệu, lại là thương phế binh trong cuộc đảo chính ngày 1 tháng 11 năm 1963, nên dễ bề hoạt động công khai trong lòng địch. Tất cả là nhờ ơn của Trung ương Cục và vỏ bọc vững chắc của anh Nhã.

- Vậy tiền đâu anh sinh sống?

- Anh còn tiền lúc trước làm ở Vĩnh Long, Đà Lạt, Gia Định gửi trong Ngân hàng. Lại còn phần lợi tức của trại nuôi rắn lấy nọc làm thuốc. Cũng tạm ổn em ạ. Bao tháng ngày, anh mỏi mắt chờ, em vẫn biệt vô âm tín. Anh đi chùa lễ Phật, cầu cho em vạn sự an lành.

Anh Phước nhìn tôi rồi nói tiếp:

- Em ở lại, hãy ráng lên. Chúng ta cùng chung hoàn cảnh, chung một mục đích và lý tưởng. Hãy cùng sát cánh bên nhau để chiến đấu và chiến thắng.

Tôi vừa cảm thấy hơi lạ lùng lại vừa cảm thấy bâng khuâng khi anh Phước tuyệt nhiên không hề nhắc đến chuyện yêu đương giữa chúng tôi như trước đây nữa mặc dù tôi đã xác định rất rõ tôi không thể bỏ anh Kiệt để đến với anh công khai, cho dù tôi và anh có yêu thương nhau đến mấy chăng nữa... Tình yêu thật là kì lạ.

Phước còn bảo:

- Út ạ! Em cứ ở đây, không ai dám hỏi em đâu, yên tĩnh lắm. Chờ anh liên lạc với anh Nhã[1], cấp lại các loại giấy tờ tùy thân cho em. Nếu bị chặn hỏi cũng khỏi phải lo, để em tiện bề công tác.

Đi đường mệt mỏi, lại ngồi hơi lâu trong bữa cơm tối nên tôi cảm thấy người rã rượi, mắt mở không ra. Phước cười, nhìn tôi vừa nghe vừa ngủ gật. Anh đứng dậy chống nạng dìu tôi vào phòng ngủ rồi lặng lẽ ra ngoài.

Tôi ngủ liền một mạch cho đến lúc nghe tiếng đồ đạc lục đục ngoài cửa. Ra xem thì thấy anh Phước vừa mua thêm cái giường và đang kê ở phòng ngoài. Anh còn lắp thêm đèn cho sáng, thêm quạt cho mát và thêm riđô cho đẹp. Thấy tôi đã dậy, Phước cười thật tươi:

- Hơn một năm qua, anh chiếm phòng của Út. Nay em đã trở về, anh phải hoàn trả cho chủ nhân của nó chứ. Lâu nay anh chỉ là kẻ ở nhờ. Giờ đã có em về, anh què này xin giao lại cho nữ chủ nhân.

Tôi hỏi:

- Thế anh định ở đâu?

- Út à! Bây giờ anh đã tàn phế, anh đã báo cáo tổ chức, xin em vui vẻ để anh đi nước ngoài, đóng góp phần sức lực còn lại của mình vào sự nghiệp chung. Anh sẽ cùng với các đồng chí của ta, tác động mạnh mẽ để cộng đồng thế giới, nhất là Liên Hợp Quốc tích cực giúp đỡ Việt Nam hơn nữa, can thiệp đừng để Mỹ - Ngụy lún sâu vào tội ác chiến tranh, gây nên nhiều cảnh đau thương, tang tóc cho đồng bào ta. Hiện nay ở trong nước, các cuộc biểu tình tại

[1] Tức Hoàng Đức Nhã - Thiếu tướng Tình báo Vũ Ngọc Nhạ.

các đô thị lớn của các tầng lớp nhân dân chống chiến tranh, ủng hộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng, đòi Mỹ cút khỏi đất nước Việt Nam, đang diễn ra rầm rộ. Em yên tâm đi, thắng lợi cuối cùng không còn xa nữa. Em hoạt động trong lòng địch, nhưng hiểu địch chưa chắc bằng anh đâu, chúng sắp hết thời rồi.

Tôi cắt lời:

- Vậy mà anh vẫn còn đi. Có anh bên cạnh, em vững lòng hơn.

Anh nhéo mũi tôi:

- Sao bây giờ mới nói câu đấy? Vậy còn cái gì đây?

Anh Phước kéo áo, chỉ dấu vết để lại trên bụng do tôi giải phẫu cho anh cách đây bảy năm.

- Đó chính là lời nhắc nhở về sự bồng bột của anh một thuở. Không có em lo, anh đã xanh cỏ lâu rồi.

Ngoài cửa có tiếng người gọi, anh Phước đứng lên đi ra. Người gọi là anh Chín Đỡ. Anh Đỡ cho biết:

- Anh "Hai Xe Ngựa" (Phạm Văn Xô) bảo tôi đến đón chị Út về Trung ương Cục để đồng chí Bí thư gặp, có một số việc cần trao đổi.

*

Ngày 20 tháng 9 năm 1969.

Tôi về tới Trung ương Cục lúc mười giờ đêm.

Hội nghị vẫn đang sôi nổi bàn phương án đối phó với việc Mỹ ráo riết đổ quân, tăng cường các hoạt động

quân sự trên nhiều địa bàn chiến lược, nhằm đẩy lùi lực lượng kháng chiến của ta. Đồng chí Bí thư Trung ương Cục chỉ thị:

- Phải quyết chiến bằng mọi phương cách để giữ vững và mở rộng vùng giải phóng. Đẩy mạnh đánh du kích phá các tiền đồn. Có cơ hội, đủ phương tiện thì giết giặc không cần đợi lệnh. Phải xử bọn ác ôn đúng người đúng tội. Trước khi xử, phải đọc rõ tội trạng, để lại bản án đàng hoàng, thể hiện đúng uy vũ của Cách mạng cho kẻ thù thấy rõ. Bắt được gián điệp, lần đầu cho cải tạo, nếu tái phạm phải xử lý ngay...

Trước khi bế mạc hội nghị, tôi được phép báo cáo trình bày lại trận đánh cinéma Ngọc Lan ở Đà Lạt cho đồng chí Bí thư Trung ương Cục và mọi người tham dự hội nghị nghe. Về việc đồng chí Tư Du mượn danh Đảng buộc tội chèn ép tôi, lợi dụng cơ hội để trả thù cá nhân... tôi cũng báo cáo tường tận trước hội nghị. Tôi đặc biệt nhấn mạnh rằng: Khi đã hoàn tất nhiệm vụ đánh địch ở Cinéma Ngọc Lan, chỉ hai tiếng sau, tôi đã hỏi xin lại các loại giấy tờ, nhưng đồng chí Tư Du bảo đã giao tất cả về Khu 6. Tôi tiếp tục về Khu 6. Nghe tôi hỏi, các đồng chí Thường vụ ở đó như Trần Lê và Ba Lớn đều ngớ người. Rõ ràng đồng chí Tư Du không muốn trả những giấy tờ tùy thân đó cho tôi. Mục đích của đồng chí ấy là gì? Hay Tư Du muốn thủ tiêu chúng như đã từng muốn thủ tiêu tôi, khi buộc tôi phải một mình đi vào chỗ chết?

Nghe đến đó, cả hội nghị im phăng phắc. Đồng chí Hai Văn đứng lên:

- Từ hôm đồng chí đánh Cinéma Ngọc Lan đến nay, địch cay cú càn phá gắt gao quá, nên tổ chức không liên lạc được. Nhất định chúng ta phải làm rõ việc này!

*

Trong thời gian này, tôi định về Tam Bình - Vĩnh Long hỏi đồng chí Việt Hùng về lý lịch của Jeandy để hoàn tất thủ tục truy tặng danh hiệu Anh hùng cho anh và báo tử cho gia đình anh biết. Đồng chí Phạm Hùng bảo:

- Hiện nay có đồng chí Việt Thắng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long đang học nghiệp vụ tại đây. Để tôi sắp xếp cho đồng chí gặp.

Đồng chí Việt Thắng là chồng của đồng chí Dương Bạch Xây thuộc Đại đội 312. Anh Thắng buồn rầu cho biết:

- Đồng chí Việt Hùng đã anh dũng hi sinh cùng với đồng chí Huỳnh Long năm 1966.

Thế là không còn cơ sở để tìm ra tông tích lý lịch cha mẹ, vợ con của Jeandy. Tôi tìm cách liên lạc với Chuẩn tướng Nguyễn Viết Thanh ở Cần Thơ thuộc Quân khu 4 thì chỉ nhận được câu trả lời:

- Tôi cũng chỉ biết về Jeandy như chị mà thôi.

Vậy là đã bao năm, anh Jeandy nằm dưới mồ hoang vô danh lạnh lẽo. Tôi biết ngoài anh ra còn nhiều chiến sĩ biệt động cũng chiến đấu và hi sinh thầm lặng như vậy...

CHƯƠNG XXIII
XUNG PHONG CẢM TỬ ĐI LÀO

Cũng thời gian ấy, Mỹ đang đổ quân vào Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng (Lào). Chúng âm mưu dùng chiến thuật này để trực tiếp gây hấn với Hà Nội. Chúng tôi nhận nhiệm vụ mới, thành lập Trung đội Cảm tử, gồm 49 người, chia làm sáu tổ "tam tam chế"[1], đi tham gia chiến đấu tại Hạ Lào[2].

Mặc dù không có tên trong danh sách Trung đội Cảm tử, nhưng tôi vẫn tình nguyện xung phong đi chiến đấu bằng được.

Ngày 31 tháng 12 năm 1969, Trung đội Cảm tử đã xuất quân từ Tây Ninh qua Campuchia. Chúng tôi cắt rừng mà đi, gặp giặc là đánh. Phải mất mấy tháng trời mới tới được ngã ba biên giới...

Nguyễn Văn Thiệu đôn quân ngụy từ Bình Định sang Hạ Lào. Mỹ cũng tăng cường quân từ An Khê qua. Chúng tôi tổ chức đánh du kích: khi đông khi tây, khi bắc khi nam, lúc ẩn lúc hiện, làm chúng luôn bị hoang mang, tán loạn.

---

[1] *Tổ biên chế ba người, rất gọn nhẹ trong chỉ huy và chiến đấu.*

[2] *Theo cách gọi của miền Nam Việt Nam thời chiến tranh; miền Bắc gọi là Nam Lào.*

Quân chủ lực của ta do đồng chí Chu Huy Mân trực tiếp chỉ huy, đánh từ Khe Sanh lên. Quân đội chính quy Lào phối hợp với bộ đội bao vây tiêu diệt lực lượng phỉ Vàng Pao và đẩy đối phương ở Cánh Đồng Chum vào thế hoàn toàn bị động.

Tại chiến trường nước bạn, ban ngày trời nắng cháy da, đêm sương sa lạnh giá. Quân Mỹ và quân Chính quyền Sài Gòn ở Cánh Đồng Chum không có đường ra. Máy bay chúng gặp lưới lửa phòng không của ta nên không gửi hàng tiếp tế được.

Trên đường hành quân qua cao nguyên Bolaven, thỉnh thoảng chúng tôi lại gặp xác người. Lính Mỹ - Ngụy đào ngũ và trốn trận hàng loạt. Mỹ không còn lối thoát, đành thả nổi số phận bọn lính ngụy và lính Vàng Pao.

Tình hình của đơn vị tôi lúc đó cũng thiếu thốn đủ bề. Đã vậy có lần còn bị lạc đường giữa rừng Lào như ma đồ trận.

Thậm chí có thời gian, chúng tôi buộc phải lột lấy áo quần và súng đạn của lính Sài Gòn bị bắn chết để trang bị thêm cho mình. Người dân của nhiều bộ tộc Lào cũng căm thù lính Sài Gòn. Trong đội chúng tôi lại không có ai biết tiếng của họ. Thấy ai cũng mặc áo rằn ri, họ tưởng chúng tôi như lính Sài Gòn, liền thủ sẵn dao rựa. Nhưng sau thấy chúng tôi không bắn ai, không cướp phá, chỉ rỉ rả làm quen, họ đã giúp chúng tôi ra khỏi khu rừng rậm.

Một lần khác, đang đói khát thì may mắn thấy phía trước có điểm sáng. Chúng tôi cứ đi như có ai đó dẫn dắt, đến khi điểm sáng mất hút thì xuất hiện ba mái nhà tranh vách đất. Quân số trong đoàn chúng tôi lúc đó đã lên đến chín mươi mốt người do lính Sài Gòn đào ngũ tình nguyện tham gia nhập vào.

Một số đồng chí trong nhóm vào xin nước uống, chủ nhà ân cần mời ngồi rồi đem nước và cả khoai nướng cho ăn.

Chúng tôi chỉ phía ngoài ý nói còn người. Họ liền ra gọi tất cả vào khiến cho căn nhà trở nên chậtních, không còn chỗ đứng.

Trong nhà có bà lão nói tiếng Việt khá sõi. Bà nói:

- Đây là Hạ Lào. Cánh đồng này toàn mồ mả, đã đi vào thì dễ bị lạc và khó tìm lối ra. Cách độ năm *bộ* là nơi Mỹ đóng quân. Các cô cậu vào đó làm chi vậy?

- Chúng tôi là quân của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam sang giúp nước bạn Lào đánh đuổi giặc Mỹ. Chúng tôi bị lạc đường ở trong đó.

- Thôi! Các cô cậu đã cứu giúp nước Lào, để ta giải cho hết nạn.

Bà liền sai người bắt gà, cắt tiết, đổ nước sôi vào và làm gì đó chúng tôi không biết. Bà bắt mỗi người hớp một hớp rồi nói:

- Bề trên gọi ta cứu các cô cậu nên mới phát ánh sáng để đón.

Chúng tôi ngẩn người.

Sáng ra, thấy trong xóm có độ sáu - bảy cái "tum" nhỏ. Chúng tôi hỏi mọi người sao không trốn đi, giặc Mỹ mà gặp sẽ giết hết. Họ bảo là giặc Mỹ không đến đấy được. Họ làm thịt gà, lấy nếp bỏ ống tre đổ nước nóng, cho chúng tôi ăn. Họ nói muốn qua Lào, họ sẽ đưa. Còn ở đây, về Việt Nam thì xa lắm.

Tôi hỏi:

- Ở đây gần chỗ Mỹ đóng quân không?

Họ đáp:

- Cách đây năm *bộ*, phía Đông Bắc, nhiều Mỹ lắm.

Tôi không hiểu một *bộ* là bao nhiêu.

Ban ngày chúng tôi theo dân cuốc đất, làm rẫy, gánh nước. Đêm, nhờ họ đưa đường đánh phá các nhóm quân Mỹ và quân chính quyền Sài Gòn đóng gần đó.

Nhờ đánh du kích, chúng tôi cướp được nhiều lương thực, chăn màn, quần áo, lương khô, mang chia cho dân địa phương dùng. Dân làng rất mừng, càng hợp tác chặt chẽ với chúng tôi để đánh giặc.

*

Thời điểm này, trong đoàn chúng tôi đã có thêm một số sỹ quan chính quyền Sài Gòn trốn chạy theo và bây giờ quân số lên đến một trăm mười bốn người. Chúng tôi nghĩ đến chuyện nhờ họ đưa đường đánh địch gần biên giới.

Ở Hạ Lào, nhận thức về ngày tháng không còn rõ ràng. Chỉ thấy áo quần rách, tóc dài ra mới biết thời gian đã quá lâu rồi. Hỏi mấy sĩ quan Sài Gòn đầu hàng, họ cũng không biết.

Bọn họ xin khoan hồng theo Cộng sản để khỏi mang tội phản quốc, để có cơ may còn thấy mặt vợ con...

Trong số lính đó, người nói cha của họ đã đi tập kết, người thì cha là cán bộ Mặt trận Giải phóng, người bị bắt lính quân dịch...

Tôi hỏi Nam, một viên Đại úy quân Sài Gòn thì được biết, cha của anh ta tập kết năm 1957, mẹ thì bệnh tật. Nam vốn là thầy giáo, rất giỏi tiếng Anh, đã có vợ và ba con. Bọn Thiệu bắt đi lính, gắn lon Đại úy và đẩy ra chiến trường, trong khi anh ta vẫn chưa biết bắn súng.

Khi tôi gợi ý cho Nam về đoàn tụ với mẹ già và vợ con, anh ta chỉ lắc đầu buồn bã:

- Nếu về bây giờ tôi sẽ bị đi tù. Xin cho tôi theo Mặt trận. Tôi làm ruộng rẫy với đồng bào dân tộc xóm Wazas (phiên âm theo tiếng Anh). Tôi mới biết được xóm này có thầy cúng trừ được súng đạn đó.

Tôi thăm dò:

- Vậy bây giờ chúng tôi nhờ anh đưa đường đến lấy Tân Cảnh có được không?

- Xin các ông các bà khai thác Thiếu tá Nguyễn Bá Như. Anh ta là sĩ quan của Sư đoàn 23, còn tôi làm hành chánh nên không biết. Xin cho tôi được sống, chờ hòa bình độc lập để gặp ba tôi.

Chúng tôi đồng ý cho Nam ở lại xóm dân tộc Wazas. Nam ở đó làm cật lực mới có gạo ăn để sống chờ gặp ba mình.

Khi khai thác tên Thiếu tá Nguyễn Bá Như, hắn tỏ ra thật cứng đầu. Hắn quyết không khai báo, còn chửi rủa ầm ĩ:

- Tao tức vì tao bị bắt. Được thì làm vua, thua làm giặc!

- Nhưng ai là giặc đây?

Chúng tôi kiên trì dỗ ngon dỗ ngọt đến hơn một tháng nhưng tên này vẫn rất ngoan cố. Hắn tuyệt thực, chỉ uống nước cầm hơi, chờ đồng bọn đến giải cứu.

Chiến trường ngày càng gay go ác liệt.

*

Ngày 21 tháng 4 năm 1972.

Kết hợp với chủ lực Liên khu 5, Trung đội Cảm tử thành lập một Tiểu đội biệt động, hóa trang cùng mười sĩ quan ngụy đã đầu hàng có cảm tình với Cách mạng, bất ngờ vượt biên trở về nước để tấn công bằng cách đầu độc các sĩ quan địch trong căn cứ Đắc Tô - Tân Cảnh.

Hệ thống trú quân của địch ở đây rất kiên cố. Hầm chỉ huy như hầm của tướng Đờ Cát ở Điện Biên Phủ. Pháo cối 160 - 185 li rót vào cũng không sập.

Chúng tôi giả làm nhóm nhạc có ca sĩ góp vui đi úy lạo cho tiền đồn. Trước khi lên đường, mười chai rượu Whisky đã được khoan khéo léo để bơm thuốc mê Dolergan và Valium vào.

Khi bọn sĩ quan đã say rượu và ngấm thuốc mê ngủ như chết, chúng tôi lấy máy truyền tin gọi ra bên ngoài theo mật mã, xin cho giội pháo vào, chừa phía lộ 14 để rút lui cho an toàn.

Đó là đêm 21 rạng sáng 22 tháng 4 năm 1972, chúng tôi đã rút ra an toàn.

Không có quân chủ lực của ta tiếp cứu thì có lẽ chúng tôi đã mắc kẹt lại và hi sinh hết tại Tân Cảnh.



Mỹ càng ngày càng sa lầy vào Cánh Đồng Chum. Lính Nguyễn Văn Thiệu chết vì bệnh tật rất nhiều.

Chúng tôi trở về Wazas. Đại uý Nam bị bệnh nặng, ba ngày sau thì chết. Còn Thiếu tá Nguyễn Bá Như nhịn đói, chết sau khi chúng tôi đi năm ngày.

Những người lính Sài Gòn còn lại nay là lính Mặt trận thuần thục, thích lập thành tích. Các anh ấy vui cười hăng hái, không còn ủ rũ như lúc đầu.

Chúng tôi đánh vào thị xã Kon Tum, đánh đến đâu thắng đến đó, quên ngày tháng, đánh xong là rút, giao lại số quân lính Sài Gòn đầu hàng cho Tỉnh đội và Khu 5.

Đầu tháng 5 năm 1972, Trung đội Cảm tử của chúng tôi chỉ còn 33 đồng chí, 6 người hi sinh lúc chiến đấu, một số người khác hi sinh vì sốt rét ác tính mà không có thuốc..

Các đồng chí Linh, Ngọ thì đang sốt rét nặng. Trên đường đi tìm trạm y tế, lại tiếp giúp thêm ba đồng chí Mến, Ngư, Tùng. Tất cả các đồng chí này đều gửi lại Pleiku để chữa trị.

Khi hành quân về tới Việt Nam chỉ còn lại 28 người. Chúng tôi tìm đường cắt rừng về Khu 6. Người dân địa phương ở đây đã giúp chúng tôi về tới K'rông Nô.

Khi đơn vị chúng tôi về đến căn cứ Bằng Lăng - Khu 6[1] thì trời đã xế chiều.

---

[1] Căn cứ này, hiện nay thuộc huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng - một vùng đất từng nổi tiếng với hoạt động của tàn quân FULRO, tiếp giáp với tỉnh Đắc Nông.

CHƯƠNG XXIV
AI LÀ KẺ PHẢN BỘI? AI LÀ NGƯỜI HÈN NHÁT?

Chúng tôi được gặp đồng chí Trần Lê - Bí thư Khu ủy Khu 6 và đồng chí Ba Lớn (tức Vũ Anh Ba) - Phó Bí thư Thường vụ Khu 6. Hai ông cho biết: Vì đã mất liên lạc với chúng tôi hơn hai năm, nên đơn vị đã báo tử, mất tích cho gia đình chúng tôi. Sự xuất hiện của chúng tôi hôm nay là ngoài sức tưởng tượng của mọi người.

Chúng tôi không được ăn Tết năm 1971, cũng chẳng biết đến Tết năm 1972. Bà con họ hàng, cha mẹ, anh chị em ai cũng nghĩ chúng tôi đã hi sinh thật rồi.

Phần tôi, anh Kiệt, anh Phước có biết tin tôi bị mất tích không?

Chúng tôi được Lãnh đạo Khu 6 chiêu đãi bữa cơm sum họp.

Chưa ai kịp nghỉ ngơi thì đã nghe trinh sát cấp báo một tin đặc biệt quan trọng: Bảy Lâm Viên bị địch bắt, do không chịu được cực hình tra tấn đã khai báo và chiêu hồi!

Chúng tôi cùng ngồi lặng đi. Nếu đúng vậy, tình hình sẽ rất phức tạp, không thể lường hết được điều gì sẽ

xảy ra và hậu quả của nó, khi trong nội bộ Khu 6 lại có kẻ phản bội.

Trinh sát còn cho biết cụ thể: Bảy Lâm Viên đã khai với địch kho súng đạn chất nổ ta chôn giấu để chuẩn bị đưa quân vào Thành phố Đà Lạt. Anh ta còn khai báo lung tung, chỉ cho địch bắt rất nhiều đồng chí và những gia đình đã chứa chấp Cộng sản năm Mậu Thân - 1968. Lâm Viên còn đưa bọn lính vào căn cứ Lạc Dương ở Núi Bà. Nhiều cơ quan căn cứ của Khu 6 bị máy bay địch giội bom; một số cán bộ bị địch bắt ở Thái Phiên, Trạm Hành, Trại Mát. Những tin đồn đại, hư thực đã làm cả Khu 6 nhốn nháo và bất an...

Đồng chí Trần Lê, Ba Lớn ra lệnh dời cứ khẩn trương chưa đầy ba phút thì Tư Du về báo cáo:

- Sau khi Bảy Lâm Viên bị bắt, các cơ sở của ta trong sinh viên Đà Lạt cũng bị bắt rất nhiều; cánh Đức Trọng, Bồng Lai, Tùng Nghĩa, Quảng Hiệp, Định An cũng đã bị lộ; cả ở số 4 Thái Phiên, khu gần Mã Thánh trường Trần Hưng Đạo, Trại Hầm, Trại Mát, Xuân Thọ... cũng bị hết. Tại Núi Bà, địch đang đánh mạnh, có đủ các cánh chủ lực và Tỉnh đội 810. Chỉ còn căn cứ Bằng Lăng là Lâm Viên chưa biết, ta nên phòng thủ.



Vừa nhìn thấy tôi, Tư Du trố mắt ngạc nhiên:

- Tổ chức đã làm lễ truy điệu các đồng chí hi sinh tại Cánh Đồng Chum, Hạ Lào năm 1971 rồi. Sao nay đồng chí lại ở đây?

Tôi cười, nói mát:

- Nếu tôi hi sinh, chắc anh mừng lắm?

Tư Du bối rối:

- Là tôi chỉ lỡ miệng nói vậy. Chứ ở nhà ai cũng lo cho các đồng chí... Nhưng sao đi lâu thế mà các đồng chí không ai liên lạc về nhà?

Tôi giải thích:

- Chúng tôi bị thất lạc, không bắt được liên lạc. Mỹ ở hai đầu ép lại, đói rét kinh khủng, chỉ còn biết nhờ lương thực của Mỹ thả từ máy bay xuống và các bạn dân tộc Lào giúp.

- Vậy khi sang đó, ai chỉ đạo các đồng chí?

- Chúng tôi hành động theo kế hoạch và phương châm từ nhà. Đang đánh ngon lành thì đồng chí Trần Văn Trà ra lệnh rút quân thám báo. Vừa thực hiện thì lại nhận được lệnh: Trung đội Cảm tử có nhiệm vụ gặp đồn Mỹ thì đánh. Còn tổ của Quân khu 7 thì lo yểm trợ cho đồng chí Nguyễn Thị Bình đang dự Hội nghị tại Bình Long, nên chúng tôi bị mất liên lạc...

- Lúc nghe tin đồng chí xung phong đi Lào tôi lo vô cùng - Tư Du tỏ vẻ quan tâm.

Tôi cười:

- Cám ơn anh! Giả sử hôm đó tôi hi sinh, thì trong người tôi không có một thứ giấy tờ tùy thân, sẽ không ai biết tên tuổi tôi. Nay còn gặp nhau là phúc cho tôi rồi!

Tư Du đang cúi mặt lúng túng thì anh Ba Lớn gọi tôi vào gặp Thường vụ. Đồng chí Trần Lê, đồng chí Vũ Anh Ba khuyên:

- Tư Du hiện đang hối hận lắm. Thường vụ cũng đã tiến hành kiểm điểm. Thôi thì Út Anh cứ để đó chúng tôi làm việc cho dễ.

Tôi chẳng biết nói sao, chỉ thở dài:

- Thì em có trách cứ gì đâu. Lúc nào em cũng nghiêm túc chấp hành mọi nhiệm vụ Đảng đã giao phó mà!

Nói xong, tôi đi tìm chỗ ngủ cho đỡ mệt sau bao nhiêu ngày vượt núi băng rừng.

Tôi muốn về Đà Lạt thăm bé Kim Chi. Trên đường đi tôi tự đặt ra bao câu hỏi: con nhỏ chắc đã lớn lắm rồi, không biết có nhận ra mẹ không nữa?

Tôi đến Ngân khố lĩnh một ít tiền ngân phiếu mà anh Kiệt đã để lại.



Tôi ngủ mê mệt, không biết mấy tiếng. Khi thức dậy thấy hai đồng chí Trần Lê, Ba Lớn còn ngồi uống trà, Tư Du đang ghi giấy tờ gì đó. Tôi đứng dậy đi ra ngoài. Trăng sáng làm tôi nhớ các đồng chí hi sinh ở Hạ Lào, tự nhiên thấy chạnh lòng thương cảm.

Hai anh còn ngồi đang thảo luận kế hoạch rất lâu. Tôi đến ngồi bên cạnh thì anh Hai Lê bảo:

- Út Anh có sáng kiến gì không? Vì hiện tại Khu 6 ta đang gặp khó khăn. Đặc biệt là trên chiến trường Thành Cổ Quảng Trị, ta và địch đang đối đầu gay gắt. Mỹ đưa ra đàm phán bốn bên tại sân bay Tân Sơn Nhất, Đại tá Võ Đông Giang và đoàn ngoại giao vẫn chưa quyết định được.

Hiện tại đoàn của đồng chí Giang đang từ Lào về Trung ương Cục. Khó khăn lớn nhất còn tồn tại là giải quyết về lương thực và tăng quân để giải cứu Quảng Trị. Lấy được Quảng Trị là ta thắng được một bước lớn về mặt chiến lược. Thế nhưng lương thực thì đã cạn kiệt. Hai năm qua đồng chí Hồ Thị Siêu chạy ngày chạy đêm cho Khu 6.

Tôi nói:

- Tôi mới từ Lào về, xa thực tế trong nước đã lâu, chưa dám có ý kiến gì. Nhưng nghe nói đồng chí Tư Du "đại tài" mà sao không lo, để bế tắc đến như vậy? Các anh lúc nào cũng khen ngợi đồng chí Tư Du mà, tiền gạo làm như có sẵn, ba năm qua để cho các anh thấy cụ thể việc làm của tôi làm theo tinh thần trách nhiệm cao. Tôi không bao giờ từ chối bất cứ việc nào. Chết sống là mệnh số.

Tư Du giữ hết giấy tờ của tôi, tôi trình đồng chí sự việc và ba năm Đảng giao việc các đồng chí chưa nhòm ngó đến. Đoàn của chúng tôi đi vào nơi chiến sự ác liệt biển lửa Hạ Lào đã hi sinh mười lăm người, thu dụng được 20 binh sĩ ngụy đào ngũ, đánh ngày đánh đêm trước họng súng bọn Mỹ. Chúng tôi chưa chết mà đã báo tử làm nhụt ý chí...

Nay tôi đề nghị đồng chí Tư Du nên trả lời trước Đảng: Tôi theo giặc lúc nào? Khi tôi đánh Cinéma Ngọc Lan, là người có công, ai cũng biết, bọn Mỹ - Ngụy kinh hoàng. Nhưng lại bị đồng chí Tư Du làm nhục.

Lúc đó đồng chí Tư Du một mực đòi kết tội tôi, đưa tôi ra tòa án binh, đòi tôi "tự xử", giữ hết các giấy tờ của tôi mà chẳng được ai quan tâm xử lý.

Thực tế, tôi không chống lệnh Đảng, tôi không sợ chết. Tôi chỉ sợ làm không được sẽ bị địch bắt tra tấn không

chịu nổi lại khai báo lung tung như Bảy Lâm Viên thì làm thiệt hại cho Cách mạng. Do vậy, tôi mới rút lui an toàn và tính đến trận đánh Cinéma Ngọc Lan.

Tôi cũng đã trình với đồng chí Năm Ngà để nói rõ sự việc, chỉ chờ Khu ủy phân xử công bằng cho tôi, thì đồng chí Năm Ngà gọi đồng chí Tư Du hỏi sự thể. Đồng chí Tư Du im lặng tức là tự nhận khuyết điểm...

Hôm nay sự việc đã rõ ràng, tôi không nói nữa, tùy các đồng chí quyết định cho tôi để lấy lại danh dự người chiến sĩ biệt động thành. Cái gì của tôi thì trả lại cho tôi. Tổ chức phân công cho ai việc gì thì người đó cứ thế mà làm, đừng đụng chạm tới nhau.

Tư Du bối rối nhìn ra cửa, thanh minh:

- Ngày 27 tháng 9 năm 1969 tôi đã trình tờ kiểm điểm cho Thường vụ Khu 6. Nay, qua sự việc của Bảy Lâm Viên, tôi cũng nhận thấy mình đã mắc phải một số sai lầm nghiêm trọng, tùy Đảng, Thường vụ Khu chiếu cố khoan hồng để tôi chuộc tội lỗi.

Anh Trần Lê vội lên tiếng cắt ngang:

- Tôi nghĩ là cứ để cho đồng chí Út Anh quyết định.

Anh Ba Lớn tiếp lời:

- Nhẹ thì kỷ luật. Việc hôm nay cứ để Út Anh có ý kiến.

- Tôi thấy chúng ta nên giải quyết dứt điểm, không để tình cảm làm sai quân lệnh - Đồng chí Năm Ngà cũng gật gật đầu nói.

Tất cả bỗng im lặng và chìm trong suy nghĩ. Không khí căng thẳng, nặng nề.

Một lát sau tôi mới lên tiếng, giọng khô khan:

- Thưa các đồng chí! Hiện nay còn rất nhiều việc quan trọng đang chờ chúng ta. Chỉ vì một chuyện còn con này làm mất lòng tin và đoàn kết trong đơn vị thì không hay.

Tôi nghĩ đồng chí Tư Du nên rút kinh nghiệm. Con người ai cũng có lúc sai lầm, nên tôi chấp nhận bỏ qua.

Ba đồng chí vỗ tay hoan hô.

Tư Du cam kết không sai phạm và hẹn chậm nhất mười ngày sau sẽ trả lại các loại giấy tờ của tôi hiện đang cất ở Thành phố Đà Lạt.

Mọi người trở lại không khí thân tình xưa cũ.

Chỉ có điều giữa tôi và Tư Du vĩnh viễn không thể như trước được nữa...

Nhưng tôi đã mỏi mòn chờ đợi qua bao ngày, thậm chí là cho đến hôm nay, khi ngồi nhớ lại từng chi tiết, từng kỷ niệm buồn hồi đó, mà Tư Du vẫn chưa trả lại những giấy tờ tùy thân cho tôi.

Chẳng những vậy, sau giải phóng, Tư Du đã được Tổ chức phân công trọng trách làm cán lãnh đạo ở Đà Lạt. Ông ta đã nhẫn tâm tới mức nhiều lần thuê kẻ xấu tìm cách thủ tiêu tôi mà không được. Thậm chí, chỉ sau khi Tư Du mất, tôi mới được chính thức làm Giấy Chứng minh nhân dân, mới được khẳng định quyền công dân của mình, được khôi phục một phần danh dự, được nhận một phần đãi ngộ của Nhà nước dành cho những cán bộ có công trong kháng chiến...

CHƯƠNG XXV

100 NGÀY BỊ BẮT TẠI ĐÀ LẠT

Đầu tháng 5 năm 1972, chúng tôi được Khu 6 triệu tập họp tiếp, để bàn về giải pháp lương thực cho chiến trường.

Xong việc, tôi xin đi Đà Lạt thăm con gái Kim Chi đang học nội trú tại Trường thánh Phaolo, dòng nữ tu. Đã ba năm qua tôi chưa tới nộp học phí, giờ con bé không biết thế nào?

Một buổi sáng, tôi cải trang ăn mặc sang trọng đến thăm bé Kim Chi. Xơ Lệ Tiên cho hay: cách đây ba ngày có ông cựu Tỉnh trưởng Trần Văn Phước từ Sài Gòn lên, đã ghé qua đóng hết số tiền và gởi cho con bé rất nhiều đồ chơi.

Thấy tôi, Kim Chi mừng rỡ ào đến, cứ bám riết lấy tôi và khóc rưng rức. Con bé lớn quá, ngoài sức tưởng tượng của tôi. Có điều Kim Chi già dặn như bà cụ non. Con bé kể đủ thứ chuyện của mình và còn hỏi một câu làm tôi suy nghĩ mãi:

- Má ơi, má thương con nhiều hơn hay là ba Kiệt, chú Phước thương con nhiều hơn?

Tôi ứa nước mắt nói với con:

- Cả nhà mình ai cũng thương con nhiều.

- Vậy sao lâu rồi không thấy ba đến thăm con?

- Ba bận công chuyện, sẽ tới thăm con sau.

Lời con trẻ như xát muối vào lòng, tôi chỉ còn biết siết con vào lòng bằng cánh tay quá mỏng manh của mình. Cuộc đời tôi, cả về sau này, chưa bao giờ tôi đủ sức che chở cho con của mình.

Tôi hôn từ giã con và chào xơ Lệ Tiên rồi sang Ty Ngân khố Tuyên Đức lĩnh tiền từ ngân phiếu của anh Kiệt để lại ngày trước. Nhớ lời anh Kiệt dặn: "*Nếu rút nhiều quá, địch sẽ nghi ngờ, gây khó dễ*". Cân nhắc một lúc, tôi quyết định ghi và rút 5.000.000 đồng.

Ra phố, tôi lấy tiền mua năm mươi ký gạo để gửi xe vô căn cứ, làm quà cho các anh bớt khó khăn. Địch đang phong tỏa khắp nơi, tôi phải nhờ Ba Nhỏ vận chuyển gạo giúp. (Ba Nhỏ là lái xe của Nguyễn Thúc Đệ - lúc đó đang khai thác gỗ cho Công ty Trụ cột điện đèn).

Cũng trong tối hôm đó, tôi tìm về ngôi nhà 81A - Đào Duy Từ, Thành phố Đà Lạt để nghỉ nhờ.

Đây là nhà riêng của chị Cẩm Vân - một cơ sở của tôi. Chị có chồng là một Thiếu tá ngụy, nhưng rất có cảm tình với Cách mạng. Chị Cẩm Vân từng làm ca sỹ phòng trà, là một người đẹp có tiếng một thời. Chẳng thế mà Đại úy phi công Nguyễn Cao Kỳ từng mê chị như bị bỏ bùa.

Lâu lắm chúng tôi không gặp lại nhau. Tối hôm đó, dự tính ăn cơm xong, chúng tôi tới một quán *bar* của Thành phố để liên lạc chắp nối với một số cơ sở khác, cùng bàn phương hướng hoạt động trong thời gian tới.

Mâm cơm dọn ra, tôi vừa bưng chén cầm đũa, thì nghe tiếng xe hơi nhà binh dừng đột ngột trước cổng. Tiếng đóng cửa xe vội vã, rồi rất nhiều tiếng giày đinh chạy gấp gáp. Tôi linh tính có chuyện chẳng lành sắp xảy ra. Tôi chưa kịp đứng lên thì đã có hàng chục tên lính mặc sắc phục cảnh sát, cùng một tên Mỹ cao to mặc thường phục xộc vào:

- Chúng tôi được lệnh mời bà về Ty An ninh làm việc!

Tôi cố tình kêu to lên, có ý báo động cho cả nhà và những người xung quanh được biết:

- Tôi bị bắt sao? Nhưng bị bắt về tội gì?

Chồng chị Cẩm Vân cũng lên tiếng:

- Tôi phản đối! Tôi là chủ nhà, một Thiếu tá quân lực Việt Nam Cộng hoà. Chị đây là khách của gia đình tôi. Lệnh bắt người và xét nhà của các ông đâu?

Tên người Mỹ mặc thường phục nói tiếng Việt rất sõi:

- Ô, xin lỗi ngài Thiếu tá, chúng tôi chỉ chấp hành mệnh lệnh mời bà đây đi làm việc. Không dám làm phiền gia đình Thiếu tá nhiều.

Tôi vừa đứng lên, đã bị hai tên lính xốc nách đi kèm hai bên áp giải ra xe. Bọn địch không xét hỏi giấy tờ gì của tôi cả, mà đưa tôi thẳng vào nhà giam số 11B của Ty An ninh ở đường Trần Hưng Đạo, Đà Lạt.

Đêm đó tôi bị mấy tên điều tra viên thay nhau hỏi cung nhiều lần, nhưng không bị đánh đập. Có lẽ chúng cố tình không cho tôi có thời gian tĩnh tâm suy nghĩ để đối phó, cũng không cho tôi ngủ, dù chỉ là một phút để đầu óc mệt mỏi dễ bị khuất phục chúng.

Sáng hôm sau bọn địch đưa vào phòng giam một sinh viên có tên là Trương Đình Thành. Chúng phủ đầu anh này trước mặt tôi:

- Thành, con này đồng đội của mày. Nó đã khai hết rồi.

Trương Đình Thành đáp giọng cứng cỏi:

- Tôi không biết người này. Tôi đang học tại Đại học Đà Lạt, lúc về nhà xin gạo thì bị bắt.

Bọn lính dẫn tiếp một người vào, đó là Giáo sư Nguyễn Thúc Đệ. Chưa bị đánh, ông ta đã khai nhận:

- Thằng Thành theo Việt Cộng. Nó đã về nhà tôi lấy gạo nhiều lần.

Thành phủ nhận:

- Nhà tôi nghèo, không có tiền học thêm phải đi làm trả công cho Giáo sư, lui tới nhà ổng là chuyện bình thường. Tôi không theo Việt Cộng.

Bọn điều tra Ty Công an kéo tôi xềnh xệch từ phía trong ra. Tên người Mỹ cùng bọn lính đi bắt tôi tối hôm trước cũng xuất hiện. Trên ngực áo của hắn có đeo một chiếc biển hiệu có dòng chữ SFB. Hắn quay sang hỏi Nguyễn Thúc Đệ:

- Ông có quen biết người phụ nữ này không?

Nguyễn Thúc Đệ lập tức chỉ thẳng vào mặt tôi:

- Con mẹ này đưa gạo để tôi chở giao cho Việt Cộng!

Tên người Mỹ nhìn tôi ra vẻ ái ngại:

- Vậy là đã rõ. Tôi khuyên người đẹp nên thành khẩn khai báo hết, nếu không những người lính này sẽ làm cô mất hết nhan sắc đó.

Tôi nhìn thẳng vào mặt hắn:

- Tôi chỉ là một người bình thường, bị vô cớ bắt giam, chẳng có gì khai báo với các ông cả.

Tên người Mỹ lắc đầu nhún vai bỏ ra ngoài. Thế là tôi bị hai tên an ninh điều tra cùng xô vào đánh đập rất dã man. Bọn chúng tra tấn đủ kiểu.

- Mày làm gì, ở đâu? Có chịu khai ra mau không?

- Tôi đang làm Bác sĩ, là người nhà của cựu Tỉnh trưởng Trần Văn Phước.

- Nói láo! Ngài Tỉnh trưởng làm gì có "người nhà" như mày!

Chưa kịp trả lời thì chúng đã chích điện làm tôi ngất xỉu, tỉnh lại thì chúng đánh tiếp.

Nguyễn Thúc Đệ đã được chúng cho về. Sau này tôi mới biết, ông ta đã chiêu hồi địch từ lâu. Chính Đệ đã chỉ điểm để bọn địch tới bắt tôi.

Tôi và Trương Đình Thành bị đánh liên tiếp. Được biết, năm đó Thành đang là sinh viên Trường Đại học Đà Lạt. Bọn lính đã dùng nhiều cực hình đối với anh. Thậm chí, chúng còn dùng cả điện châm vào bộ phận sinh dục của Thành khiến anh ngất đi. Khi Thành bất tỉnh, chúng giội nước cho Thành tỉnh dậy rồi lại đánh tiếp. Vừa đánh chúng vừa chửi rủa toàn những lời tục tần. Nhưng Thành vẫn không chịu khai báo.

Ngày hôm sau, bọn chúng đưa thêm vào phòng giam một nữ tù tên Nguyễn Thị Dương, rồi cùng lúc tiến hành tra tấn cả ba chúng tôi.

Chị Dương bị chúng đánh đập rất dã man. Đấm đá chán chị vẫn không khai báo, chúng đã châm điện vào hai đầu vú và vào chỗ kín của chị. Chị Dương ngất đi, tỉnh dậy vẫn rất kiên cường. Biết mình sẽ chết, nên chị Dương liều mình chửi chúng nó để cứu tôi và Thành.

Tên điều tra viên tức tối rút dao lê ra chặt một ngón tay chị Dương.

Chị Dương lại chửi tiếp:

- Đồ lũ ác ôn có mắt không tròng! - Rồi nhìn qua Thành - Cái thằng học trò trói gà không chặt! Nó có đào mồ cuốc mả ông cha tụi bay không? Chính tao là Việt Cộng tụi bay cứ giết tao, tại sao tụi bay cứ hành hạ thằng học trò hoài vậy? Đồ bán nước cầu vinh!

Bọn ác ôn cầm mã tấu chặt cả bàn tay chị Dương rồi dùng dao lê rạch miệng chị. Máu ra như xối, lênh láng cả nền phòng giam. Thấy chị Dương đã ngất xỉu. Tôi hét lên:

- Lũ ác ôn dã man, quân chó má! Chúng mày giết chị ấy rồi!

Cả mấy tên địch cùng quay sang tôi đấm đá. Chúng hò nhau đè tôi xuống nền nhà. Tôi nghe một thằng nói:

- Cắt gân chân con mẹ này đi, làm cho nó què hẳn, để khỏi đi vào rừng làm Cộng sản nữa!

Rồi tôi thấy mát lạnh và buốt nhói ở sau đầu gối phải. Tôi vùng vẫy, quờ tay xuống chỗ đau, thấy máu ra đầy tay. Tôi gục xuống, trong mơ màng đau đớn, còn nghe tiếng bọn ác ôn cười hô hố...

Tôi không biết mình đã bị bắt giam được bao nhiêu ngày, vì phòng giam chỉ có ánh sáng đèn điện, không biết ngoài kia là sáng, chiều, hay đêm?

Trên nền xi măng của phòng giam, quần áo tôi bết máu, mồ hôi và cả nước tiểu, đã nhàu nát, bốc mùi hôi thối nồng nặc. Khắp người tôi chỗ nào cũng đau nhức và buốt nhói.

Có ngày, tôi và chị Dương đều bị lột trần truồng. Chúng đánh đập đến nỗi không còn nói được, chết đi sống lại mấy lần nhưng vẫn không yên. Có lúc tỉnh lại thì nghe chị Dương rú lên một tiếng hốt hoảng, đau đớn do bị địch chặt bàn tay, tôi lại chết ngất tiếp.

Một lần tỉnh lại thì tôi không thấy chị Dương và sinh viên Trương Đình Thành đâu nữa. Họ đã bị chết cả, hay chúng đưa họ đi giam giữ tại đâu?[1]

Phần tôi, sau mấy ngày bị kiệt sức, sốt mê man do vết thương nhiễm trùng, tôi chỉ còn nhớ có một Bác sĩ đến khám. Điều may mắn cho tôi là người Bác sĩ này vốn là đồng nghiệp cũ của tôi, đồng thời còn là "đệ tử" của anh Phước. Đợi cho tên lính gác ra ngoài, ông vội lay nhẹ cho tôi tỉnh dậy, nói vừa đủ nghe:

- Chị Út! Ôi, có phải *Docteur* Ngọc Anh đấy không?

Tôi mở mắt nhìn, thấy người Bác sĩ nhìn tôi không có gì là ác ý, liền gật đầu và nhăn mặt vì đau đớn.

---

[1] Năm 2005, Mặt trận Tổ quốc huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng có đề nghị ai biết thì xác nhận cho Trương Đình Thành đã bị địch bắt và tù đày năm 1972. Hiện nay, Trương Đình Thành đang bị tâm thần phân liệt, anh sống với mẹ già ngoài bảy mươi tuổi và một chị gái độc thân. Hoàn cảnh rất khó khăn.

- Trời đất ơi! Bọn dã man, chúng đánh chị ra nông nỗi này ư? Ngài Tỉnh trưởng đã biết việc chị bị bắt chưa?

Tôi lắc đầu.

Người Bác sĩ động viên:

- Chị hãy gắng lên nhé. Tôi sẽ tìm cách liên hệ với ngài Tỉnh trưởng. Giờ tôi sẽ chích cho chị một liều văcxin ngừa bệnh phong đòn gánh và một liều thuốc trợ lực nữa. Tôi sẽ để lại một số thuốc uống kháng sinh và thuốc bổ, chị nhớ dùng đều đặn...

Người Bác sĩ tiêm thuốc cho tôi xong lại hỏi:

- Chị bị như thế này bao lâu rồi?

Tôi chỉ gật đầu, đưa mấy ngón tay lên ra hiệu, rồi lại ngất đi.

Không lấy được tin tức gì, do tôi không khai báo, bọn địch có hôm bỏ đói tôi cả ngày. Chúng cũng không đánh tôi nhiều như những ngày mới bị bắt.

Tuy nhiên, đó là khoảng thời gian nặng nề và dài vô tận. Do không có đồng hồ, cũng không có khái niệm về ngày và đêm, nên đầu óc tôi trở nên trống rỗng và vô cảm với những gì xung quanh.

Những ngày đầu tiên bị bắt, khi địch mang đồ ăn vào, nhiều lần tôi bỏ bữa vì không hợp khẩu vị, vì đau đớn và vì cả căm thù chúng, uất ức cho bản thân. Nhưng rồi tôi nghĩ, không ăn là kiệt sức và không thể ra khỏi nhà tù này được. Vậy là tôi cố gắng ăn, không muốn ăn cũng phải gắng mà nuốt.

Từ hôm được Bác sĩ chích thuốc, sức khỏe của tôi đã khá lên, nhưng vết thương làm tôi đi đứng khó khăn. Nhiều lúc

mệt quá, tưởng như chỉ còn nằm chờ chết. Đã vậy, mấy tên an ninh điều tra thường bất ngờ tra tấn tôi rất tuỳ hứng. Nhiều khi đi nhậu ở đâu về, chúng sục vào buồng giam đấm đá tôi. Nhiều khi bắt đầu một ca trực mới, chúng cũng đánh phủ đầu tôi.

Nhưng tôi vẫn trụ vững và phải sống. Tôi sống vì niềm tin nhất định sẽ có đồng chí, đồng đội đến giải cứu mình. Tôi sống vì bé Kim Chi, vì cả những người đàn ông đã làm cho tôi đau khổ và hạnh phúc nữa.

*

Một buổi sáng sớm, đang nằm sốt mê man li bì thì tôi nghe có tiếng lính coi tù thông báo:

- Nghi phạm Nguyễn Thị Út (tức Phạm Trương Ngọc Anh) có người nhà đến thăm.

Tôi mừng rỡ, nghĩ là người của mình tới, cố ngồi lên mà chân tay rã rời, người cứ rũ xuống như tàu lá chuối bị héo.

Nhiều tiếng người nói xôn xao ngoài cửa... Tiếng của anh Phước? Đúng rồi, không thể nhầm được.

Tôi bừng tỉnh, bật đứng lên nhưng lại té ngã vì cái chân bị cắt gân đau quá.

- Các anh có bắt người trong hình này không? - Tiếng anh Phước hỏi.

- Dạ có, con mẹ này đang là nghi phạm Cộng sản...

Tiếng anh Phước gầm lên nghe dữ dội:

- Phải đưa ra ngay! Đó là vợ tao, tụi bay biết chưa?

- Nhưng... thưa... thưa ngài Trung tướng, bà nhà hiện bị đau nặng không ra được.

- Chỉ huy các anh đâu?

- Dạ chưa đến.

- Gọi ông ta tới đây ngay cho tao!

Tôi chỉ nghe thấy tiếng tụi lính vâng dạ rối rít, rồi sau đó chìm vào mê man, không biết những chuyện gì đã xảy ra.

Đến khi tỉnh lại, tôi thấy mình đang nằm trong Bệnh viện Quân đội Sài Gòn ở Đà Lạt. Anh Phước đang chống cây baton đi lại. Còn tên Hượt, kẻ đã cắt gân chân tôi đang bị còng tay ngồi đó. Trung tá Lộc thì lăng xăng, xun xoe.

Thấy tôi tỉnh lại, anh Phước mừng rỡ. Anh hỏi tôi:

- Sao em lại bị bắt?

- Em đến trường đóng học cho con thì xơ Lệ Tiên bảo anh đóng rồi. Thấy còn nhiều thời gian nên em ghé qua nhà bạn chơi. Đang ăn tối với vợ chồng nhà Cẩm Vân thì bị bắt, đánh đập chết đi sống lại mà không rõ nguyên nhân. Chúng cắt gân chân của em, đau quá nên em phải khai theo mấy tờ giấy các ông ấy đã viết sẵn.

Anh Phước nhìn Trung tá Lộc mắt tóe lửa:

- Tôi đã mấy năm làm Tỉnh trưởng ở xứ này, các anh đã biết rõ, vậy mà vợ con tôi các anh còn bắt. Đàn bà ghen chồng khai tên họ khác để bắt ghen, các anh làm tôi thất vọng quá. Nếu không nể mặt Tổng thống căn dặn trước khi tới đây, tôi đã bắn bỏ hết các anh rồi. Nhưng việc đã đến nước này, thử hỏi phải làm sao đây?

- Dạ, trình Trung tướng, có kẻ báo bà nhà đi mua gạo tiếp tế cho Cộng sản...

- "Mua gạo tiếp tế" cái con khỉ! Anh đã nghe một thằng chiêu hồi kiếm chuyện làm bậy. Vậy nó báo vợ anh theo Cộng sản, anh có tin không?

- Dạ thưa...

- Chưa có chứng cứ xác thực, thì tại sao anh lại tra tấn, đánh đập người ta như vậy? Các anh đã tra tấn người vô tội, thật là hết chỗ nói. Các anh đã xem tính mạng con người như rác như cỏ...

Rồi anh Phước quay ra gọi lớn:

- Bác sĩ đâu! Cho xe cứu thương đưa vợ tôi ra sân bay trực thăng ở Cam Ly về Sài Gòn cấp cứu. Còn việc ai đúng ai sai sẽ xử lý sau.

Anh Phước đá đít tên Thiếu uý Hượt:

- Đứng lên! Khiêng bà ra xe!

Lúc này anh Phước mới đưa tờ "lệnh bài" của Tổng thống phủ cho Trung tá Lộc để thay cho việc giao nhận tù Cộng sản.

Trung tá Lộc chỉ biết đứng ngây người và há hốc mồm nhìn theo chiếc cáng khiêng tôi ra xe ô tô cứu thương. Xe phóng nhanh về bãi đỗ trực thăng gần Cam Ly. Một chiếc máy bay đã nổ máy, cánh quạt quay tít đang chờ chúng tôi.

Hôm đó là một ngày cuối tháng 8 năm 1972. Khi tôi bị bắt mới đầu tháng 5, như vậy tôi bị nhốt trong phòng giam của Ty An ninh Đà Lạt đã hơn một trăm ngày.

CHƯƠNG XXVI
NHỮNG NGÀY DƯỠNG THƯƠNG

Sau khi cứu tôi ra khỏi nhà giam, anh Phước liền đưa tôi đến nhà thương Đồn Đất cho các Bác sĩ tiêm thuốc vào các vết thương để tránh nhiễm trùng. Khắp người tôi đâu đâu cũng có vết thương khiến toàn thân đau buốt, rồi tôi ngất xỉu lúc nào cũng không hay.

Khi tỉnh dậy tôi thấy mình đang nằm trong một căn phòng nhỏ, ở phía cửa sổ là bình hoa *lis* trắng - loài hoa mà tôi thích nhất và bên cạnh anh Phước đang nhìn tôi đầy lo lắng.

- Em tỉnh rồi à? Em thấy trong người thế nào? Có còn đau lắm không em? Anh lo cho em quá!

- Đây là đâu?

Anh Phước mỉm cười:

- Đây là căn phòng em đã từng ở khi là "phu nhân" của anh đó. Nhưng anh đã cho sửa soạn và thay đổi đồ đạc trong phòng nên em không nhận ra là phải.

Anh Phước nắm nhẹ bàn tay băng bó của tôi và nói:

- Bây giờ em đã trở về rồi! Việc quan trọng nhất lúc này là em phải dưỡng thương. Mọi việc để anh lo. Nhìn thấy em thế này anh khổ tâm và ân hận lắm Út ạ!

Tôi gặng hỏi:

- Nhưng tại sao anh biết chỗ em bị giam để đến cứu em?

Rồi anh Phước kể cho tôi nghe. Thì ra vị Bác sĩ vào tiêm thuốc cho tôi ở nhà tù đã gọi cho anh. Nghe tin, anh lập tức xin lệnh của Cố vấn Hoàng Đức Nhã. May mắn là năm 1969, anh được Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu phục hồi và thăng cấp Trung tướng vì *"đã có công trong cuộc đảo chánh lật đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm"*. Dù anh không giữ chức vụ gì, nhưng họ cho anh ăn lương thương phế binh và được quyền ra vào Phủ Tổng thống, được quyền can thiệp khi biết rõ sự việc.

Anh Phước nói với tôi:

- Anh chỉ sợ em khai tùm lum thì khổ. Nào ngờ em gan lỳ quá không khai nên cũng dễ xử lý mọi việc. Ngày em đi Lào cuối năm 1969, anh định xin cho em một tờ giấy là mật vụ Tổng thống phủ, như kiểu "lệnh bài", để dễ công tác khi gặp địch, nào ngờ đâu em đi sang Lào, rồi nhận được tin cả đoàn đã hi sinh tại Cánh Đồng Chum.

- Nghe nói ở nhà đã tổ chức báo tử và truy điệu bọn em rồi mà.

- Chính vì thế nên anh khóc em nhiều lắm và đi chùa cầu siêu cho em suốt. Anh tuyệt vọng, lang thang. Đến khi nghe Bác sĩ Kiêng báo tin em còn sống và hiện bị Ty An ninh quân đội Tuyên Đức bắt, anh chạy gấp vào Tổng thống phủ xin lệnh và đi ngay bằng trực thăng...

Ngồi trên máy bay mà anh lo không cứu em kịp. Anh không rõ chuyện của em như thế nào nhưng cứ nghĩ phải cứu được em trước đã rồi tính tiếp. Em chính là việc lớn nhất trong đời anh. Em sống là anh còn sống, em chết là anh cũng chết.

Thôi nay mọi việc đã tạm ổn, em ở đây mà nghỉ cho khoẻ rồi hạ hồi phân giải sau. Anh sẽ thông báo cho cấp trên biết. Em yên tâm nghen!

Có một điều kỳ lạ là những lúc bị đòn roi tra tấn, hình ảnh của Bác Hồ, của cha mẹ tôi, anh Kiệt, anh Phước, bé Kim Chi, Tấn Phúc và tất cả những người đồng đội đã cùng tôi sát cánh lại hiển hiện rõ ràng, đầy thương yêu. Có đêm, tôi mơ gặp Tấn Phúc. Thằng bé đeo một cái cặp sách rất to và mặc quần áo đẹp để đi học. Nhưng khi nhìn thấy tôi, Tấn Phúc không nhận ra người mẹ ruột của mình. Tỉnh dậy, tôi chỉ biết ngồi khóc cho vơi đi nỗi nhớ thương con. Chính điều đó đã khiến cho tôi phải cố gắng đấu tranh giữa sống và chết. Bọn chúng đã dùng đủ mọi cực hình, mọi thủ đoạn tàn ác nhưng đã không khuất phục được tôi. Cho đến giờ, chính tôi cũng không hiểu nhờ nghị lực nào mà tôi đã vượt qua được cả trăm ngày trong sự hành hạ của kẻ thù mà tôi không chết...

*

Sau hai tháng, các vết thương trên khắp người do bị tra tấn bắt đầu liền lại. Chân đã có thể đi lại tập tễnh. Chỉ có bàn tay phải là bị tổn thương vì bị nhiễm trùng do các vết dao lê rạch nát kẽ tay.

Tôi không làm được bất cứ công việc gì, kể cả chuyện đi vệ sinh hay những bệnh riêng của phụ nữ. Tất cả đều do một tay anh Phước lo liệu. Anh lo lắng cho tôi từ những việc nhỏ nhặt nhất và luôn tìm mọi cách để làm tôi vui. Biết tôi thích hoa *lis*, anh đã nhắn người quen mua ở Đà Lạt rồi gửi máy bay về Sài Gòn cho tôi. Thấy anh vất vả, tôi đề nghị với anh nên thuê người giúp việc, nhưng anh không đồng ý:

- Tuy bây giờ em đã an toàn, nhưng không vì thế mà không cảnh giác. Nếu thuê người giúp việc, thấy chúng ta là vợ chồng mà không ngủ cùng phòng chắc chắn sẽ thắc mắc, bàn tán ra vào, nhỡ đến tai bọn mật thám thì sao? Với lại em yên tâm, anh vẫn còn sức để chăm sóc em mà.

- Thì chúng ta thuê người bà con vậy?

- Anh cũng đã nghĩ đến chuyện này nhưng có lẽ không cần thiết. Anh sợ họ không quen việc lại càng làm em đau hơn. Được chăm sóc em là niềm hạnh phúc của anh mà!

Tôi cắt ngang:

- Nhưng...

- Anh hiểu suy nghĩ của em! Lúc đầu anh cũng thấy rất bất tiện vì có những việc chỉ có phụ nữ mới làm được. Nhưng dù không là vợ chồng, thì chúng ta cũng đã là của nhau, từng hòa vào nhau làm một... Giờ không làm chuyện gì hổ thẹn thì sẽ có trời đất chứng giám phải không em?

Tôi òa khóc.

- Phước ơi! Anh đã hi sinh vì em quá nhiều, thế mà em... em...

Anh Phước đặt tay lên vai tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi rồi hỏi nhỏ:

- Út! Em còn yêu anh không?

-...

- Anh biết em đã phải khổ sở như thế nào và anh sẽ chờ đợi câu trả lời của em. Nhưng anh chỉ mong em nghĩ tới Kim Chi mà cố gắng bình phục vết thương. Nó rất cần có mẹ, em hiểu không?

Tôi đã mất một đứa con, bây giờ chỉ còn nguồn an ủi duy nhất là Kim Chi. Con bé đã mười hai tuổi. Vậy mà những ngày được sống bên cạnh cha mẹ chỉ đếm trên đầu ngón tay. Tôi phải sống để bù đắp cho con bé. Tôi thấy nhớ thương con da diết.

*

Một hôm, anh Phước đang dìu tôi tập đi lại trong nhà thì nghe tiếng gọi cửa. Anh đưa tôi lánh vào phòng trong và ra mở cửa. Thì ra đó là Tư Du.

Tôi lánh vào phòng trong, nghe thấy tiếng Tư Du bên ngoài báo cáo:

- Đồng chí T2R bị địch bắt hơn bốn tháng nay, bị tra tấn rất dã man và hình như đang bị lưu đày ra ngoài biển, chưa rõ Phú Quốc hay Côn Đảo?

- Đồng chí biết những gì về việc T2R bị bắt?

- Dạ, tôi cũng chỉ được nghe báo cáo là: Sau khi họp ở Khu 6, T2R xin về Đà Lạt thăm con. Buổi chiều còn ăn cơm ở nhà một cơ sở. Nghe nói, họ còn hẹn nhau đi khiêu vũ tại Đào Nguyên, nhưng chưa đi thì bị bọn địch bắt. Tôi nghe nói đồng chí ấy bị tra tấn dữ lắm. Chúng đã cắt gân chân và gân

tay. Đến cuối tháng 8 năm 1972 bọn địch đã bất ngờ chuyển đồng chí ấy đi bằng máy bay trực thăng. Chúng tôi đã có phương án cướp ngục, nhưng đã chậm một bước. Chúng tôi đã tìm kiếm khắp nơi nhưng vô vọng. Nếu đồng chí có thông tin gì thì đề nghị đồng chí báo cáo với Thường vụ để có hướng giúp đỡ.

Anh Phước khẽ cười nói với Tư Du:

- Đồng chí cứ ngồi xuống uống nước. T2R đã bình yên và đang ở rất gần đây. Nếu muốn, đồng chí có thể nói chuyện trực tiếp.

Tư Du ngồi ngẩn ra, không biết nói gì. Vừa lúc đó thì anh Hai Xô bất ngờ bước vô. Tư Du đứng dậy chào vẻ lúng túng.

- Tư Du đó à? Đồng chí tới báo cáo với C16 về việc T2R bị bọn giặc dùng cực hình nhưng rất trung kiên và anh dũng không tham sống sợ chết bảo vệ bí mật Đảng. Như vậy lời đồng chí tố cáo ngày 26 tháng 8 năm 1969 có còn giá trị không?

- Dạ, em đã sai hoàn toàn. Xin thủ trưởng tha thứ! Chỉ có điều lo lắng là vẫn chưa rõ T2R hiện nay ở đâu?

- Chính C16 đã đưa đồng chí T2R ra khỏi nơi tăm tối và đang ở đây để dưỡng thương. Tôi mong rằng từ đây về sau đồng chí làm việc phải cẩn trọng, không nên để tình cảm chi phối. Một lần thì có thể tha thứ, nhưng không có lần sau đâu đó nghen!

Tư Du vâng dạ, có vẻ ăn năn hối lỗi lắm. Sau đó anh Phước xin phép đi ra ngoài để Tư Du và anh Hai Xô nói chuyện với nhau.

*

Khi anh Phước về còn đưa anh Hoàng Đức Nhã đến thăm tôi. Anh Hai Nhã đưa cho tôi cái danh thiếp đặc biệt:

- Cô Út khoẻ rồi thì cứ vào thăm anh. Đây có thể coi như "lệnh bài" lính không dám làm khó dễ. Còn nếu cô muốn về Đà Lạt, anh cấp cho giấy đi làm, không kẻ nào dám đụng đến cô nữa đâu.

Sẵn đà đang phấn khởi, tôi hỏi anh:

- Vào ra Tổng thống phủ gặp cái thằng tình báo Trương Long nhiều khi em muốn cho nó ăn viên đạn quá. Mà sao anh không giải quyết thằng đó luôn đi?

- Trương Long chỉ là một cá nhân nhỏ bé, đại sự mới quan trọng, ta phải kiên nhẫn, nóng vội là hỏng việc. Thôi anh về nha, chỉ tranh thủ thăm cô được một chút. Cố gắng hồi phục sức khoẻ càng sớm càng tốt để tiếp tục công tác.

Tư Du cũng theo vào phòng thăm tôi. Nhìn thấy tôi, anh ta bật khóc, chẳng rõ là thật hay giả vờ. Anh Phước lắc đầu cười và ý tứ bước ra ngoài. Tư Du kể lể nỗi lo lắng và nỗi ân hận dằn vặt lương tâm trong nhiều năm. Anh ta nói như đã thuộc lòng từ trước. Tôi nghe mà vừa bực, vừa buồn cười nhưng đành phải im lặng.

*

Tôi cùng anh Phước mời cơm anh Hai Xô, có cả Tư Du cùng dự. Anh Phước dìu tôi ra bàn ăn. Tay phải của tôi bị dao lê đâm nên bị liệt, vẫn còn yếu, thức ăn bị rớt ra bàn,

phải đổi sang cầm muỗng bằng tay trái. Mọi người ai cũng gắp thức ăn bỏ bát cho tôi. Tôi cảm thấy vô cùng hạnh phúc vì được sống những giây phút ấm áp bên cạnh những người đồng đội, đồng chí thân yêu nhất của mình.

Anh Phước nói:

- Đã lâu lắm rồi mới thấy Út Anh cười tươi như vậy.

Anh Hai Xô cũng bảo:

- Hạnh phúc với phụ nữ, nhiều khi chỉ giản dị như thế.

Trong bữa ăn, anh Hai Xô còn nhắc lại chuyện "xa xưa":

- Út Anh trông vậy mà gan dữ lắm. Ngày còn nhỏ đã học giỏi, thi đâu là đỗ đạt cao. Lại còn gan dạ quá chừng, bảo ném lựu đạn giết Tây là ném, bảo bắn Tây là bắn, không sợ chết...

Khi đã ngà ngà say, anh Phước ngồi thừ người ra. Thấy vậy, anh Hai Xô giục:

- Uống nữa đi chớ. Ngày vui, có tâm sự gì thì cứ nói ra. Toàn người thân trong nhà cả.

Anh Phước trầm ngâm, rồi thổ lộ như nói với chính mình:

- Năm 1945, tôi cùng gia đình từ Sài Gòn chạy loạn Nhật, ba má bị Nhật giết chết, còn tôi chạy thoát vào khu ruộng gần đó. May mắn tôi được gặp cụ Phạm Thành. Cụ đã nhận tôi làm con và dạy dỗ tôi cho đến lúc trưởng thành. Tôi và con trai cụ là Phạm Thanh đã nguyện cùng đi theo lý tưởng của người Cộng sản...

Anh Hai Xô uống thêm chén rượu:

- Chuyện đó, tôi biết rồi, kể làm gì?

- Anh Hai cũng biết đó. Sau khi tôi theo ông Ngô Đình Thục về Sài Gòn, rồi ông Thục đưa tôi sang Pháp du học. Sau khi lấy được bằng cử nhân, ông Thục đưa tôi về Việt Nam làm Thiếu tá Tỉnh trưởng Vĩnh Long (lúc đó Ngô Đình Diệm là Thủ tướng Nam triều vừa mới lật đổ vua Bảo Đại và nhậm chức ngày 26 tháng 10 năm 1957).

Nhắc lại mới nhớ, năm 1956, tôi gặp Út Anh đang ngồi ăn cơm ở Công quán Vĩnh Long với dược sĩ Hà Hồng Lạc, Phan Văn Đáng (tức Hai Văn). Lúc đó, tôi chụp tay Út Anh. Cô ấy cười e thẹn thật là đáng yêu. Ngồi vào bàn ăn, tôi nói Đáng viết mấy chữ mật mã, rồi cầm tay Út Anh cầu hôn. Út nói phải hỏi bà ngoại và hai người cậu đã.

Tối hôm đó tôi đã tổ chức nhảy đầm tại tư dinh ở Vĩnh Long. Rồi Út ra đi biệt vô âm tín. Tôi tìm cô ấy quá trời, tưởng chừng như có thể chết trong vô vọng được vậy!

Anh Hai Xô cười tươi:

- Tui biết chú thương con nhỏ này dữ vậy thì tôi và đồng chí Bí thư Trung ương Cục đâu có gả nó cho Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt. Nhưng mà Trọng Ngạn cũng thương Út Anh lắm đó. Trọng Ngạn thoát li là do Út Anh đó chớ!

Anh Phước tiếp lời:

- Bây giờ tôi rất thương quý Út Anh còn hơn thương quý bản thân mình. Miễn em hạnh phúc là tôi cảm thấy toại nguyện rồi.

- Thấy các cô chú đều học cao hiểu rộng, tôi cũng mừng.

Nói tới đó, anh Hai Xô đứng dậy chào ra về:

- Cảm ơn cô chú đã mời tôi ăn cơm. Đến giờ tôi phải về rồi.

Trong suốt bữa ăn, Tư Du có vẻ ngượng ngập, chỉ ăn dè dặt và im lặng. Thấy anh Hai Xô ra về và tôi không nói gì, Tư Du cũng lặng lẽ xin phép ra về.

Đợi cho khách về hết, tôi hỏi anh Phước:

- Sao có cả Tư Du mà anh tự bộc bạch về mình nhiều như thế?

- Anh thấy phải cho anh ta biết một chút về mình. Hạng người này nếu không dằn mặt, anh ta sẽ lấn tới. Tư Du sẽ không dám hại em nữa đâu.

Tôi cầm tay anh Phước áp vào má mình:

- Phước ơi, em biết ơn anh nhiều lắm. Em muốn nhờ anh chuyện này. Em đi Lào về nên chưa có tin tức gì về 27 đồng chí biệt động xung phong đi Quảng Trị. Anh hỏi thông tin giúp em được không?

- Được, để đó anh xem. Trước hết anh sẽ tìm cho em một chiếc xe lăn để đi loanh quanh. Em đừng vội tập mà nguy hiểm. Bé Kim Chi cũng để anh lo. Phan Tuấn Kiệt, anh đã liên lạc, anh ấy nói vẫn bình yên và đang chờ ngày giải phóng sẽ về. Hiện nay, chiến trường người chết phơi đầy nhưng không chôn được, em mà đi ra ngoài sẽ rất nguy hiểm.

- Ở Cánh Đồng Chum - Hạ Lào, nhiều khi em giẫm đạp lên xác chết Mỹ - Ngụy. Có lần gặp cả xác đồng chí của mình nhưng lực bất tòng tâm, không đem đi được. Mùi hôi thối xông lên cả cây số còn ngửi thấy! Đúng là vận mệnh do ông trời định cả phải không anh?

*

Sài Gòn, ngày 1 tháng 1 năm 1973.

Bấy giờ tôi như một phế nhân, chỉ quanh quẩn trong nhà, chống gậy đi tới đi lui, đọc báo và xem truyền hình.

Anh Phước an ủi tôi bằng cách chiều nào cũng đẩy xe cho tôi đi chơi trong Sở thú. Có hôm, tôi tình cờ nghe được tin, chiến sự ở Đà Lạt đang diễn ra ác liệt lắm. Nghe tin, tôi sốt ruột, muốn xin về đó xem Kim Chi thế nào, nhưng anh Phước không đồng ý, vì thấy tôi còn yếu quá.

Thời gian sau, tôi đã khoẻ ra nhiều. Anh Phước nói:

- Anh phải đi công tác nước ngoài khoảng bảy tháng. Trong nhà có đầy đủ mọi thứ, em yên tâm. Quần áo thì đã có người đến giặt giũ, thức ăn thì bán đầy trước cửa. Bây giờ anh giao em cho anh Hoàng Đức Nhã trông coi.

- Anh cho em gửi thư sang Pháp nghen. Nếu tiện thì anh đưa trực tiếp, còn không cứ bỏ bưu điện giúp em.

Anh Phước nhìn địa chỉ trên bì thư rồi lại nhìn tôi với cặp mắt mở tròn đầy ngạc nhiên. Nước mắt tuôn giàn giụa trên gương mặt anh, rồi anh bất ngờ lao đến ôm tôi, dở khóc dở cười.

Tôi càng ngỡ ngàng hơn khi thấy anh Phước lôi ngăn kéo, lấy hộp đựng hình cha mẹ và anh em của mình cho tôi xem. Trong đó có một tấm hình anh Phước và một cô bé độ tám tuổi, cả hai đang cầm cành mai vàng với nụ cười tươi tắn trên môi.

- Em có biết cô bé nào đây không?

Tôi nhìn rất quen nhưng chưa nhận ra đành lắc đầu.

- Ngốc thế! Là em hồi nhỏ chứ còn ai nữa. Chúng mình đã gặp nhau từ hồi đó.

Rồi anh Phước kể lại:

- Dịp Tết năm ấy, tại một ngôi chùa cổ ở Sài Gòn, ba, anh và Phước Hiền, Phước Mỹ đi chùa thì gặp ba mẹ em, Bá Thọ và chị Hoàng Mai. Nhìn thấy anh và em cùng nhau chạy nhảy tung tăng, mọi người đều nói: "Chúng nó đẹp đôi quá, ước gì sau này nên vợ nên chồng!" Năm đó anh mười lăm tuổi, chị Hoàng Mai và anh Bá Thọ mười chín tuổi.

Kí ức tuổi thơ ùa về. Tôi đã hình dung và nhớ lại tất cả. Đúng rồi, đó chính là tôi hồi bé, trước khi cha mẹ tôi bị giặc Pháp thảm sát. Và tôi đã bao lần cố quên đi những hình ảnh đau buồn ấy.

Giọng anh Phước vẫn kể đều đều:

- Rồi biến cố chiến tranh xảy ra, ba mẹ anh bị Nhật giết chết, nhà anh chẳng còn ai! Hỏi thăm gia đình em thì mọi người nói cũng bị giặc Pháp giết, chỉ còn đứa con gái thất lạc. Hôm nay mới biết rõ sự việc, anh mừng quá em ơi! Không ngờ người con gái mà anh lúc nào cũng yêu thương lại là bé Thu Nga ngày nào. Dù thế nào đi nữa thì anh cũng sẽ tìm Đào Tuấn Kiệt để xin anh Kiệt vui lòng cho em chung sống cùng anh trọn cuộc đời còn lại. Em có đồng ý không?

Tôi chỉ còn biết thở dài, hai dòng nước mắt chảy tràn xuống má. Những kỷ niệm của ngày xưa trở lại nhức buốt trái tim tôi. Lâu lắm rồi mới có người nhắc cho tôi nhớ về một thời còn hạnh phúc bên mái ấm gia đình. Chỉ trong phút chốc, những con người trong tấm hình năm ấy đã ra đi vĩnh viễn, bỏ lại cuộc đời này hai đứa trẻ mồ côi. Chúng đã đi tìm

nhau, tìm mãi cho đến lúc đã kề cận nhau rồi mà không hề hay biết...

Anh Phước buồn rầu nói:

- Từ lâu lắm rồi, anh cứ nhìn tấm hình này để mong tìm được em, nào ngờ gặp em lại ngang trái thế này. Nay thì cả anh và em đều tàn tật, phế nhân. Chúng mình đã ở cùng nhau trong gang tấc mà lại xa bằng vạn dặm.

Ôi, thời gian cay nghiệt và số phận trớ trêu làm sao!

CHƯƠNG XXVII

MỘT CHUYỆN BUỒN

Sài Gòn, ngày 28 tháng 3 năm 1973.

Khoảng 22 giờ đêm ấy, chuông cửa réo inh ỏi. Tôi thức giấc ra bật đèn, mở cửa thì bất ngờ thấy anh Phước xách va ly đứng trước cửa. Trên taxi còn có một đứa bé trai rất xinh xắn. Anh Phước đón xuống rồi bảo:

- Con chào mẹ đi!

Thằng bé rụt rè, ngượng nghịu chào tôi. Tôi ngạc nhiên nhìn anh Phước:

- Con ai vậy anh?

- Con anh và con cả em nữa. Chuyện dài lắm. Anh sẽ kể sau.

Tôi chạy đến đón thằng bé rồi dịu dàng hỏi:

- Con tên gì?

Nó nhìn anh Phước. Anh cười động viên:

- Mẹ hỏi thì con trả lời đi!

- Con tên Jacquet! - Thằng bé ngoan ngoãn trả lời.

Tôi đưa Jacquet (sau này tôi đổi tên là Phạm Trương Anh Quân) đi vô nhà. Sắp xếp cho gọn đồ đạc rồi chỉ cho Jacquet phòng của mình. Chỉ một lát sau, thằng bé tự nhiên như đã quen biết từ lâu rồi.

Tôi giúp Phước mang hành lý vào nhà. Bé Jacquet xem chừng mệt. Thằng bé leo lên giường ngủ ngay.

Tôi ngắm Jacquet đang ngủ ngon. Nó có nét giống anh Phước và bỗng dưng tôi lại nhớ tới Tấn Phúc. Tôi nhẹ nhàng ôm thằng bé vào lòng và ngủ một giấc ngon lành...

Nhưng nằm một lúc, tôi chợt tỉnh giấc, nhìn qua phòng khách thấy đèn còn sáng, anh Phước vẫn thức đọc sách, liền khoác chiếc áo ngủ, nhẹ nhàng đến cạnh anh:

- Khuya rồi sao anh chưa ngủ?

- Mới mười hai giờ đêm mà khuya nỗi gì? Thấy em và con ngủ ngon, anh hạnh phúc quá!

Tôi làm thinh đi mở ti vi xem một vở cải lương. Anh đến đứng sau lưng tôi, giọng nói rất nhỏ:

- Em còn yêu anh không?

- Em... Anh hỏi kỳ quá – Tôi ngượng ngùng – Mà sao anh về, không cho em biết tin trước? Em đã lo cho quá, tưởng anh ốm đau sao mà không liên lạc về, cho em yên tâm...

- Thì giờ anh về rồi. Em không mừng sao?

- Lại còn hỏi nữa, ghét anh quá à!

Phước bất ngờ cúi xuống hôn vào tóc tôi và nhẹ nhàng vòng tay ôm ngang hông... Người tôi nóng ran lên...

- Kìa anh, khẽ thôi, kẻo con nó thức đó.

- Trẻ con ngủ say lắm. Em còn đau chân không?

- Em khỏi hẳn rồi, thèm được công tác, tiếp tục làm việc lắm rồi.

- Chuyện đó ta bàn sau. Anh đưa em vào giường ngủ tiếp nhé.

Tôi "dạ" khẽ, định đứng lên, nhưng cảm giác người như lả đi, dựa hẳn vào ngực Phước. Tôi nghe rõ nhịp tim anh đập thình thịch, tiếng thở gấp gáp rất gần...

Phước đỡ tôi xuống chiếc giường quen thuộc, đặt một nụ hôn nồng nàn lên môi tôi. Không cưỡng lại được, tôi vòng tay kéo anh xuống đè ngã lên người tôi...

Đó là đêm thứ hai trong đời, chúng tôi đã sống với nhau vừa như vợ chồng sau bao xa cách gặp lại, vừa như người tình đam mê và khao khát. Phước đã nhẹ nhàng cởi đồ giúp tôi, rồi anh nhẹ nhàng hôn lên tất cả những vết sẹo mà chiến tranh, tù đày và năm tháng đã để lại trên thân thể một người phụ nữ nhỏ bé như tôi.

Đáp lại tình cảm nồng nhiệt của Phước, tôi như điên dại quấn lấy anh mà rên rỉ, quẫy đạp, dâng hiến và tiếp nhận...

Lâu lắm rồi, tôi mới lại có được cái cảm giác hạnh phúc trọn vẹn như thế. Tôi mãn nguyện và thiếp đi trong vòng tay anh, như chưa từng có được một giấc ngủ bình yên như thế bao giờ.

*

Sáng hôm sau, anh Phước trực tiếp lái xe đưa tôi và Jacquet về Đà Lạt thăm Kim Chi, nhân thể gửi Jacquet đi học cùng luôn.

Tôi bất ngờ nghe mấy xơ cho hay anh Kiệt vừa đến thăm con gái trước đó một hôm.

Khi anh Phước đi liên hệ công việc thì tình cờ gặp anh Kiệt ở Bệnh viện Phương Lan. Phước liền đưa anh Kiệt về trường gặp mẹ con tôi. Kiệt tỏ ra vô cùng mừng rỡ.

Tôi thấy sắc diện của Kiệt rất kém, lo lắng hỏi:

- Anh bị bệnh sao vậy?

- Không, anh vẫn mạnh khỏe đều.

- Đừng giấu em. Vợ anh cũng là Bác sĩ mà.

Anh Kiệt nhìn tôi rồi gật đầu, chậm rãi bảo:

- Đúng là không thể giấu em mãi được. Các khối u trong gan anh đã "gây sự" rồi. Anh được tổ chức cho về nghỉ ngơi để chữa trị. Hiện anh đang liên lạc qua Pháp, xin xuất ngoại cắt bỏ khối u đó. Anh chỉ lo cho mẹ con em...

Tôi lặng người đi. Dẫu tôi và Kiệt không có tình yêu mặn nồng thì anh ấy vẫn là chồng tôi, là cha hợp pháp của các con tôi. Kiệt là một người đàn ông tốt vô cùng. Tôi tự thấy mình có lỗi với anh. Tôi muốn chăm lo và bù đắp cho Kiệt. Nhưng tôi phải làm gì đây? Bệnh ung thư, nhất là ung thư gan, y học ở các nước tiên tiến nhất còn bất lực. Tôi giúp gì được cho anh khi mà có nhiều chuyện còn lực bất tòng tâm?

Hai ngày sau, tôi và Phước cùng đưa anh Kiệt về Sài Gòn.

Các Bác sĩ ở Pháp hội chẩn cho biết khối u này lành tính, còn sống thêm được vài năm, nhưng Kiệt đã giấu tôi. Anh viết cho tôi một bức thư "từ hôn".

Đọc xong bức thư "tự nguyện từ hôn" của anh Kiệt, tôi đem đốt đi ngay và khóc suốt một đêm. Tôi khóc cho tôi, cho anh Kiệt và cho cả anh Phước nữa.

Sáng hôm sau, một mình tôi trở về Đà Lạt.

Tôi lại sống bằng nghề khám bệnh và nuôi hai đứa con. Anh Phước thì tiếp tục ra nước ngoài để vận động viện trợ ủng hộ kháng chiến. Thời gian này, tôi đã bắt được liên lạc với một số đồng chí, trong đó có Tư Du, thường đến nhận thuốc Tây và tiền.

Bây giờ tôi không thể đi công tác xa được, vì đôi chân đã bị tật nguyền.

Một tối, tôi đang ngồi đan áo thì bên ngoài có tiếng gọi. Mở cửa thì thấy anh Phước tay xách vali, tay chống baton nhìn tôi cười:

- Anh lên đón ba mẹ con về Sài Gòn. Sắp nghỉ hè rồi. Với lại ở đây không an toàn. Trọng Ngạn về cùng chuyến bay với anh. Trọng Ngạn mệt, nên nhờ anh đón mẹ con em về.

Tôi nghe mà hai tai ù đi, mắt hoa, loạng choạng suýt ngã. Tôi lo thu xếp để lái xe chở đồ về, nhưng anh Phước bảo:

- Tuyến đường từ Đà Lạt về Sài Gòn đã bị đứt nhiều chỗ, nguy hiểm lắm, ta phải đi bằng máy bay thôi.

- Nhưng em cần phải mang theo một ít đồ đạc để về Sài Gòn còn dùng tới. Anh cứ đưa hai con về trước, em sẽ về sau.

Biết không thể làm thay đổi quyết định của tôi nên anh Phước đành phải đồng ý.

Sáng hôm sau, tôi đưa hai con và Phước ra phi trường về trước, còn tôi tự lái chiếc xe Mercedes theo đường Phan Thiết về sau.

Tôi về đến Sài Gòn lúc sáu giờ chiều, người mệt rã rời. Bé Kim Chi gặp ba vui tíu tít. Nhìn cha con bên nhau vui vẻ tôi cũng thấy hạnh phúc. Trọng Ngạn nói:

- Anh không thể ở lại Pháp. Anh phải về vì ở đây có em và con, có chết cũng ở quê cha đất tổ. Thiệu - Kỳ sẽ từ chức nay mai thôi. Cộng sản ta thẳng như chẻ tre. Mỹ phải rút quân ra khỏi Việt Nam gần hết rồi. Em đừng đi đâu cả.

Tôi ở lại bên Kiệt và hai con được ít hôm thì xảy ra một việc hết sức bất ngờ, làm khoảng cách giữa vợ chồng tôi thêm xa cách.

*

Sáng ngày 20 tháng 12 năm 1974.

Tôi đang khám bệnh thì bên ngoài có một bà ăn mặc kiểu Thái Lan bước vô phòng mạch hỏi rất chối tai:

- Docteur Kiệt đâu?

Tôi khó chịu ra mặt vì sự thô lỗ của người đàn bà nọ, nhưng vẫn lịch sự:

- Ông Kiệt đang bận tiếp khách. Tôi là người thay thế! Có chuyện gì thì mời bà ngồi xuống đã.

Lúc đó Kiệt và Phước đang nói chuyện bằng tiếng Pháp trong phòng khách. Người đàn bà đó đạp tung cửa

vào, không để cho mọi người kịp hiểu chuyện gì xảy ra đã chụp lấy anh Kiệt đánh đấm túi bụi.

Anh Phước can ra và đẩy người đàn bà ra khỏi phòng. Bà ta chửi ầm ĩ, toàn những lời thô tục:

- Mầy bỏ tao hai mươi năm nay để về Việt Nam sống với người vợ mới à?

Lần đầu tiên tôi thấy Kiệt nóng giận, mặt anh đỏ phừng phừng:

- Tôi với bà li hôn hơn hai mươi năm rồi, bà đã có chồng còn tôi có vợ, ai cấm? Giấy li hôn bên Thái còn đây. Bà mà lôi thôi tôi gọi cảnh sát nhốt ngay.

Hai người còn tranh cãi nhau rất nhiều nhưng tôi không muốn đứng đó chứng kiến nên bỏ vào phòng riêng đóng cửa lại.

Hình như anh Phước đã gọi cảnh sát đến. Một lát sau thì không khí im lặng trở lại. Tôi nghe tiếng xe của anh Phước ra về.

Tôi cứ nhốt mình trong phòng mặc cho anh Kiệt giải thích thế nào cũng không mở cửa. Không hiểu sao lúc đó tôi thấy vô cùng khó chịu.

Người ta bảo không yêu thì không ghen, nhưng không hiểu sao những tình cảm dành cho người chồng mà tôi luôn kính trọng bỗng dưng sụp đổ hoàn toàn. Thất vọng, chán chường khiến tôi không muốn nói chuyện với anh Kiệt và quyết định về lại Đà Lạt.

Anh Kiệt cũng không nói gì, lặng lẽ đau đớn ngồi nhìn tôi thu xếp đồ đạc. Anh Phước cũng đến khuyên giải

nhưng nói hoài mà tôi vẫn không lay chuyển. Anh nói gay gắt:

- Em tưởng mình đúng lắm sao? Trọng Ngạn đang đau nặng, có khả năng sẽ phải sang Pháp gấp. Anh bận công tác rồi, không thể chăm sóc cho anh ấy được, em phải ở lại và đi cùng chứ!

Tôi vẫn làm thinh. Tôi không ghen với người vợ trước của Kiệt, vì trước sau giữa tôi và Kiệt vẫn chỉ là tình nghĩa vợ chồng. Nhưng tôi không ngờ Kiệt đã giấu tôi chuyện này bao năm. Lẽ ra tôi phải được quyền biết tất cả.

Nhưng giá như tôi không gặp người đàn bà ấy thì vẫn hơn. Dù sao thì mọi chuyện đã xảy ra.

CHƯƠNG XXVIII
XUÂN NĂM 1975: TỪ ĐÀ LẠT TỚI SÀI GÒN

Tôi như một kẻ điên khùng, cực đoan và đang tự mình thách thức với chính mình. Tôi quyết định trở về Đà Lạt - Thành phố đã cho tôi những ngày hạnh phúc, buồn vui và cả đau khổ tột cùng.

Rời Sài Gòn với nỗi lòng nặng trĩu, tôi đưa con gái Kim Chi, lúc này đã được mười sáu tuổi, phổng phao như thiếu nữ và thằng bé Jacquet gầy gò đi theo.

Nhưng những ngày đó ở Đà Lạt không khí của dòng người di tản bỏ chạy khỏi cao nguyên đã bắt đầu nhộn nhạo. Từ nhà tôi ngồi nhìn ra ngoài đường, đã thấy người gánh, kẻ mang vác, bồng bế, dắt díu nhau nhớn nhác.

Tôi lo mua gạo, một ít thức ăn khô để dự trữ và trở lại làm việc khám bệnh như trước. Tết nhất đến gần nhưng mẹ con tôi chẳng chuẩn bị gì. Chỉ mong sớm giải phóng miền Nam để được đón một mùa xuân bình yên.

Một buổi sáng, trong số những người dân ở Buôn Mê Thuột chạy loạn, có người sinh con rớt trước cửa nhà tôi ở. Đứa trẻ tím tái vì lạnh, khóc không thành tiếng. Tôi đem vào

cứu giúp, cắt rốn lấy nhau cho sản phụ rồi đưa vào bệnh viện. Trong đó, các Bác sĩ cũng đã bỏ đi lo việc di tản gia đình hết, chỉ còn mấy người y tá. Phần lớn họ nhận ra tôi, nên khi tôi đặt vấn đề tự nguyện cứu chữa và cấp cứu bệnh nhân vì tinh thần nhân đạo, họ đồng ý ngay.

Vậy là, bỗng nhiên tôi đã trở thành "Giám đốc" bất đắc dĩ của Bệnh viện Đà Lạt. Chẳng có ai đề nghị, quyết định, bổ nhiệm, cũng chẳng có ai mời, hay bắt buộc, tôi làm việc này vì lương tâm nghề nghiệp và trách nhiệm với cộng đồng xã hội. Tôi phân công cho các y tá mỗi người một việc phụ giúp tôi cứu chữa bệnh nhân, chủ yếu là những người bị thương, có cả thường dân và lính ngụy nữa.

Càng ngày, không khí ở Đà Lạt càng trở nên hoảng loạn. Dưới đất, tiếng súng nổ khắp nơi. Trên trời, máy bay địch nháo nhác, đảo qua lượn lại. Sợ chúng dội bom, tôi phải cho treo cờ hồng thập tự tại Bệnh viện Đà Lạt.

Người bị thương được đưa đến ngày càng nhiều, do bom rơi, đạn lạc. Bệnh viện không có đủ giường, nhiều người phải nằm ra hành lang vỉa hè. Hàng trăm người kêu khóc, nhăn nhó, rên rỉ. Vậy mà chỉ có một mình tôi là Bác sĩ. Không còn cách nào khác, tôi vừa phải giải phẫu gắp đạn, vá ruột, khâu bao tử, cưa chân, cắt tay... Nhiều lúc làm không xuể, một mình tôi phụ trách 2 - 3 bàn mổ cùng lúc. Tôi phải hướng dẫn cho y tá cùng làm. Nếu không người bị thương có thể sẽ chết.

Người dân chạy loạn, viên chức cũ, lính Sài Gòn và cán bộ của Mặt trận bị thương quanh vùng đều đưa hết vào chỗ chúng tôi điều trị. Bệnh viện chật không còn chỗ, bệnh nhân phải nằm dưới đất. Phải thức đêm và đứng phẫu thuật liên tục, tôi mệt mỏi, thèm ngủ vô cùng, nhưng vẫn phải cố.

Rồi bọn lính Sư đoàn 23, dù, biệt động ngụy chạy tới Thành phố. Chúng không có chỉ huy và đang hốt hoảng, nên giết người vô tội vạ, không một chút thương xót. Chúng xả súng bắn vô cớ, cướp bóc đủ thứ. Thành phố Đà Lạt trở nên hỗn loạn, không còn pháp luật. Tôi phải để hai đứa con ở nhà, dặn chúng khóa trái cửa, bên trong gài thêm cây đòn cho chắc chắn.

Trong tình hình này, chỉ có lực lượng Cách mạng nhanh chóng vào tiếp quản Đà Lạt mới đủ khả năng lập lại an ninh trật tự cho thành phố. Nhưng không hiểu sao, tôi không liên lạc được với các đồng chí lãnh đạo Khu 6. Hay các đồng chí ấy chưa nắm bắt được tình hình cụ thể? Không thể ngồi một chỗ mà chờ đợi mãi, tôi đành liều lái xe đi tìm bắt liên lạc. Nhưng khi tới Đại Ninh thì xe không thể đi được nữa, vì trước khi rút chạy, bọn lính ngụy đã đánh sập cầu. Tôi đành bỏ xe, nhờ xe honda của dân. May quá đã gặp được các anh Ba Lớn, anh Hai Lê. Thì ra, do thiếu thông tin, vì còn lo địch nghi binh phản công, nên ta chưa quyết định tiếp quản Thành phố.

Tôi tranh thủ báo cáo tình hình cụ thể trong nội thành và khẳng định: Địch đã tan rã, viên chức chính quyền của chúng đã bỏ chạy hết, Thành phố đang hỗn loạn vì lính cướp bóc. Đây là thời cơ để lực lượng Cách mạng vào Đà Lạt. Chắc chắn quần chúng nhân dân sẽ ủng hộ chúng ta...

Tôi đề nghị được vào chùa Linh Sơn xin Hòa thượng Từ Mãn ngồi xe đi đón Mặt trận vào để dẹp loạn. Chúng tôi cho đặt loa phóng thanh trên xe, tuyên truyền do nhân dân hiểu chính sách đoàn kết của Mặt trận, yêu cầu lính Việt Nam Cộng hòa không được bắn giết, cướp bóc và thông báo lực lượng Cách mạng sẽ vào tiếp quản Thành phố.

Khi tôi trở về tới Bệnh viện thì có Bác sĩ Đài, Bác sĩ Liễn, Bác sĩ Kiêng đến trình diện và xin được cứu chữa người bị thương..

Đà Lạt đã được giải phóng trước Sài Gòn một tháng.



Do làm quá sức, hàng chục ngày thức đêm liên tục để cứu chữa, phẫu thuật cho người bị thương, nên tôi đã bị ngất xỉu, phải truyền nước và đạm. Khi các y tá đang chăm sóc cho tôi, thì nghe được tin nhắn trên Đài Phát thanh Đà Lạt nhiều lần:

"*Bác sĩ Phạm Trương Ngọc Anh (tức Út Anh) và các con đang ở đâu, hãy về gấp Sài Gòn có việc cần*". Người nhắn là Trọng Ngạn.

Nhiều người trong viện cũng nghe được tin này, đã đến báo lại cho tôi. Nhưng tôi chỉ mỉm cười cảm ơn, nằm một chỗ. Cái chân đã bị "vọp", nên cứ đứng lên là ngã.

Ngày 16 tháng 4 năm 1975, thấy đã đỡ nhiều, tôi ráng tìm đến Đài Phát thanh ở Đà Lạt và nhắn tin: "*Em Út Anh và hai con vẫn bình yên, đang ở chỗ cũ, sẽ tìm cách về Sài Gòn sau. Anh Trọng Ngạn yên tâm*".

Khi tôi vừa lái xe về đến Bệnh viện thì cũng là lúc các nhân viên y tá, hộ lí và người nhà bệnh nhân nháo nhác, bởi một chiếc trực thăng quân sự của Mỹ, nhưng treo cờ nửa đỏ, nửa xanh của Quân giải phóng, vừa đáp xuống sân cỏ của Bệnh viện. Cánh quạt trực thăng quay tít, thổi gió mạnh ù ù, khiến lá cây xung quanh tơi tả và bay đầy sân. Tôi động viên mọi người bình tĩnh, rồi một mình tập tễnh bước ra xem sao.

Thật bất ngờ, vì người mở cửa máy bay bước xuống chính là... Trần Minh Mẫn, Chánh án Tối cao Pháp viện Sài Gòn. Ông ta gào lên gọi tên "Bác sĩ Ngọc Anh!", khiến cho tôi không thể tránh mặt.

Tôi vội lạng gió và đi ra gần chiếc máy bay:

- Ông tới đây làm chi và kêu tôi có việc gì?

Thấy tôi, Trần Minh Mẫn mừng ra mặt:

- Anh cứ lo không tìm được em. May quá, ông trời còn thương anh. Em lên máy bay đi!

- Sao tôi phải lên máy bay chớ?

- Trời đất! Anh đã liều một mình bay từ Sài Gòn lên đây để cứu em. Không còn thời gian nữa đâu. Chúng ta phải di tản ngay. Việt Cộng đã chiếm Thành phố này. Sài Gòn cũng sắp mất rồi. Người Mỹ đã bỏ rơi chúng ta...

- Tôi chỉ là Bác sĩ chuyên cứu người, lo gì chứ!

- Nhưng em còn là Tỉnh trưởng phu nhân! Cộng sản sẽ không để em yên đâu. Sẽ có "tắm máu" đó. Bây giờ tình hình đang hỗn loạn, ngài Trung tướng Trần Văn Phước cũng di tản rồi. Chỉ còn anh là liều mạng lo cho em. Lên máy bay với anh đi mau lên, không còn kịp nữa đâu!

Tôi cũng gào lên, át cả tiếng cánh quạt trực thăng:

- Nhưng tôi còn các con, còn nhà cửa, đi sao được...

- Bỏ lại hết! Anh đã chuẩn bị rất nhiều tiền, đủ sức lo cho em cuộc sống sau này.

Vừa nói, Trần Minh Mẫn vừa nhảy xuống, tiếp cận gần hơn, dường như muốn bế tôi lên máy bay. Tôi không biết làm sao, vội đẩy ông ta ra và hét lên:

- Anh thương tôi thật sao?

- Anh thương em thật lòng! Yêu em từ lâu rồi. Anh muốn chúng mình di tản ra nước ngoài và chung sống cùng nhau những ngày cuối đời...

- Trời ơi! Nếu anh thương tôi thật thì cứ đi trước, tôi sẽ tìm cách đi sau...

- Không được đâu, các ngả được đều bị Quân Giải phóng chặn hết rồi. Nếu em không đi, thì tôi sẽ ở lại, để... chết cùng em luôn.

Dù sao, câu nói đó cũng làm tôi xao lòng. Tôi hành động theo bản năng của một người phụ nữ với một người đàn ông: bất ngờ tôi đặt một nụ hôn lên má của Trần Minh Mẫn. Rồi đẩy ông ta vào máy bay.

- Anh bay đi, nếu không, tôi sẽ tự bắn chết cả hai đó. Hãy bay đi ngay!

Tôi rút súng cầm tay và gào lên. Trần Minh Mẫn lắc đầu và đóng cửa máy bay. Chiếc trực thăng rùng mình, rồi bốc lên khỏi mặt đất. Tôi nhìn cho tới khi nó chỉ còn nhỏ xíu trên trời bầu trời đầy mây mù Đà Lạt, ngỡ như mình vừa qua một giấc mơ...

Những ngày tiếp đó, tôi lại tiếp tục cứu chữa người bị thương, bất chấp sức khoẻ của mình đã suy kiệt, có thể gục ngã bất cứ lúc nào.

*

Ngày 26 tháng 4 năm 1975.

Tôi bất ngờ gặp đoàn của Trung ương Cục miền Nam do đồng chí Phạm Hùng dẫn đầu vào tiếp quản Đà Lạt tại Bệnh viện nơi tôi làm việc. Trong đoàn có cả Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, Luật sư Huỳnh Tấn Phát, chị Bùi Thị Mè và nhiều đồng chí khác mà tôi đã từng quen biết.

Gặp lại tôi, anh Hai Hùng rất vui:

- Anh đã nghe báo cáo, em bị bắt và được "C16" cứu thoát. Anh rất mừng là em đã chứng minh được mình là một chiến sĩ trung kiên... Nhưng em đang bịnh hay sao mà xanh quá vậy?

Tôi thưa:

- Sẵn cái chân bị thương tật, lại phải lo cho cả ngàn người bị thương và bệnh nhân, phải cứu chữa đêm ngày, nên em kiệt sức rồi.

- Còn mấy ngày nữa là bộ đội ta sẽ tiến về giải phóng Sài Gòn. Em sắp xếp công việc, để cùng đi với anh và đoàn vào Thành đô. Đây là thời cơ lịch sử và vinh dự cho tất cả chúng ta.

Hai anh em lâu không gặp nhau, tôi định mời anh ghé qua nhà, nhưng còn ngại anh bận bao công việc, thì bất ngờ anh Hai Hùng đã hỏi:

- À, "C16" nhờ em nuôi một thằng nhỏ phải không? Tội nghiệp nó, ba mẹ đều đã hi sinh cả rồi...

- Dạ! Em rất thương cháu. Anh Hai mà thấy thằng bé là thương liền hà.

- Chiều rảnh, em đưa các cháu tới anh gặp nha.

- Dạ. Hai đứa nhỏ giờ lớn lắm rồi. Chúng đang ở gần đây thôi. Để em nhờ các chú đi đón tụi nó về cho anh Hai gặp.

Rồi tôi nhờ chú Sơn đưa hai đứa nhỏ vào chào anh Hai Hùng. Anh nhìn chúng rồi cười lớn:

- Kim Chi đến bác coi nè! Trời ơi, nó lớn phổng phao quá rồi!

Kim Chi bẽn lẽn đỏ mặt, còn Jacquet không dám lại gần. Nó đứng nhìn e thẹn, bắt má phải ôm trong lòng.

Anh Hai Hùng rời mắt khỏi Kim Chi nhìn qua Jacquet:

- Con đến cậu Hai thương chút nào!

Jacquet ngúc ngoắc cái đầu:

- Không phải ba con mà!

- Thì cậu đâu phải ba! - Anh Hai Hùng thở dài - Chiến tranh khói lửa, bọn trẻ thơ vô tội, nó bị mất mẹ mất cha, thật thảm! Năm Ất Dậu 1945, mẹ của các con hồi đó còn bé hơn các con bây giờ, cậu Hai còn phải cõng trên vai cơ. Giờ các con đã lớn rồi, ba các con bận công tác xa, nên phải biết thương, giúp đỡ má nhiều đó!

Tôi thưa:

- Các cháu đều rất ngoan và thương má.

Bữa tối hôm đó, tôi trực tiếp nấu cơm cho anh Hai Hùng ăn cùng hai đồng chí bảo vệ nữa.

Cơm chỉ có món cá sốt và canh chua, mà anh nói lâu lắm mới được ăn một bữa cơm gia đình ngon như thế.

Đêm đó, chúng tôi cùng ôn chuyện cũ cho tới khuya. Thấy tôi húng hắng ho, anh Hai Hùng lấy từ ba lô của mình ra một chiếc khăn rằn và bảo:

- Đà Lạt lạnh lắm! Em quấn cổ cho đỡ ho, khi đi ngủ cũng phải giữ cho họng ấm mới không bịnh...

Tôi cảm động muốn ứa nước mắt trước sự chăm sóc của anh. Đã từ lâu, tôi coi anh Hai Hùng không chỉ như một người anh mà còn như một người cha nữa. Anh bỗng bất ngờ hỏi:

- Em còn nhớ ngày cùng Đoàn Anh hùng Chiến sĩ Thi đua miền Nam ra thăm miền Bắc và được chụp hình cùng Bác Hồ không?

- Trời ơi, sao em có thể quên được chứ!

- Anh có một món quà nhỏ đã giữ bao năm, giờ tặng lại em, nhân ngày sinh nhật 28 tháng 4 sắp tới!

Tôi cảm động muốn khóc, khi nhận ra đó là một tấm hình tôi đang đứng trong lòng Bác Hồ năm xưa. Trong hình có tới 13 người. Lâu quá rồi, tôi không nhớ hết tên, nhưng ngoài Bác Hồ, xung quanh còn có các đồng chí: Tố Hữu, chú Hai Khơme, Lê Trí Nguyện, Tạ Thị Kiều, Út Tịch, Phạm Hùng, Tôn Đức Thắng, Huỳnh Văn Đảnh, Vũ Kỳ, Trần Dương và Phạm Tất Liêm.

- Hình không được đẹp lắm, vì chụp đã lâu rồi, bản gốc lại nhỏ xíu. Anh vừa nhờ người chụp lại chiều nay. Em gắng giữ nhé, kỷ vật vô giá của anh em mình.

Tôi quá bất ngờ cảm động vì anh Hai Hùng vẫn còn nhớ đến ngày sinh nhật của tôi. Bao nhiêu kỷ niệm buồn vui lẫn lộn cùng ùa về, làm tôi ứa nước mắt.

Đêm đó, anh Hai Hùng ôm bé Jacquet ngủ ngon lành cùng phòng với hai đồng chí cảnh vệ. Trời Đà Lạt càng về sáng càng lạnh. Tôi nằm với bé Kim Chi, cứ trằn trọc mãi không thôi...

*

Ngày 27 tháng 4 năm 1975.

Với trọng trách là Chính ủy Chiến dịch Hồ Chí Minh, anh Hai Hùng phải chủ trì mấy buổi họp quan trọng. Anh thông báo: Chiến dịch đã mở màn được một ngày, với tư tưởng chỉ đạo: Thần tốc, táo bạo, bất ngờ và chắc thắng! Tình hình Cách mạng đang phát triển nhanh chóng. Một ngày bằng cả mấy chục năm. Ai cũng phải cố gắng góp phần mình cho kháng chiến. Ngày toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam sẽ không còn xa nữa.

Ngay trong ngày hôm đó, lực lượng Cách mạng đã làm xong cầu tạm Đại Ninh để bộ đội của ta từ Khu 6 có thể cùng các cánh quân khác tiến về Sài Gòn.

Tôi xin đưa cả hai cháu cùng về Sài Gòn, nhưng anh Hai Hùng không đồng ý, vì nguy hiểm. Tôi đành phải gửi chúng lại Đà Lạt và nhờ người trông coi đưa về sau.

Tôi vẫn còn yếu, nên được anh Hai Hùng ưu tiên bố trí cho ngồi cùng chiếc xe với anh. Nhưng vừa lên xe là tôi đã phải nằm bẹp vì đầu óc đau nhức và quay cuồng.

Đoàn chúng tôi đi từ Đà Lạt xuống đến Tùng Nghĩa, rồi đến Di Linh, Bảo Lộc, đèo Madagui... không nghe tiếng súng, cũng không thấy bóng người.

Nhưng xe vừa đến La Ngà thì ngửi thấy mùi hôi thối bốc lên nồng nặc. Đồng chí lái xe báo cáo: Có một số xác chết của lính ngụy và cả dân thường ven đường, đang thối rữa mà không được ai chôn cất. Cầu La Ngà bị sập một phía, chúng tôi phải dừng lại chờ công binh bắc cầu tạm.



Sáng 28 tháng 4 năm 1975.

Từ ngã ba Dầu Giây đoàn chúng tôi tiến thẳng về Trảng Bom - Long Khánh.

Địch phản ứng rất yếu ớt.

Đoàn tiếp tục tiến vào Hố Nai, Biên Hòa, thì địch còn trốn trên gác chuông bắn ra.

Khi đến Long Bình, bọn địch đang bỏ căn cứ chạy tán loạn.

Quân địch ở Trường Sĩ quan Thủ Đức nổ súng thưa dần, rồi đầu hàng.

Nhân dân đổ ra chật đường đón Quân Giải phóng.

Chúng tôi tiến vào Sài Gòn lúc 10 giờ đêm ngày 29 tháng 4, qua cầu Thị Nghè, chiếm Đài Phát thanh Sài Gòn lúc 11 giờ đêm. Nhờ đội cảm tử biệt động thành Sài Gòn yểm trợ, Mặt trận đã treo cờ Quân Giải phóng miền Nam ở một số mục tiêu xung yếu nhất trong Thành phố.

Trên bầu trời Sài Gòn máy bay đủ loại bay suốt đêm tới sáng. Tiếng súng nổ khắp nơi. Cả Thành phố đã thực sự hỗn loạn, vì có tin đồn sẽ bị quân Cộng sản "tắm máu".

Các quan chức Chính quyền Sài Gòn, sĩ quan cao cấp của Quân lực Việt Nam Cộng hòa tranh cướp nhau phương tiện để di tản và chạy trốn.

Trực thăng Mỹ bay liên tục đưa các cố vấn Mỹ và những tên lính viễn chinh cuối cùng ra Hạm đội ngoài hải phận quốc tế.

Thành phố Sài Gòn tràn ngập cờ hoa và nhân dân đón chào. Đoàn chúng tôi tới Dinh Độc Lập vào đúng thời khắc lịch sử của ngày 30 tháng 4 năm 1975, chỉ sau khi quân ta kéo cờ trên nóc dinh chừng mười lăm phút.

Tôi bỗng khỏe lên, tỉnh táo và vô cùng háo hức vì niềm vui chiến thắng.

CHƯƠNG XXIX

VẬN HẠN KHÔN LƯỜNG

Do mải làm việc cùng tổ kiểm kê tài sản trong Dinh Độc Lập, cho mãi tới khoảng 13 giờ chiều ngày 30 tháng 4, chúng tôi mới thấy đói bụng và quyết định dừng công việc để ăn trưa. Suất ăn do các má nấu sẵn, mang tới cho bộ đội và cán bộ quân quản.

Nhưng tôi vừa nhận gói cơm, chưa kịp ăn thì cảm thấy đầu óc choáng váng, đau nhức và quay cuồng. Tôi đã gục ngã ngay dưới bóng cây trong sân dinh Độc Lập...

Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm trong Bệnh viện Nhân dân Gia Định. Tôi lơ mơ nghe Bác sĩ Trương Minh Ký cho biết tôi đã được phẫu thuật cách đó hơn một tuần. Các Bác sĩ đã lấy được một mảnh đạn nhỏ ba li, nằm trong hộp sọ, sau tai trái. Vì tôi có nhóm máu O quá hiếm, một Bác sĩ người Mỹ đã xung phong hiến máu...

Rồi tôi lại hôn mê, không biết gì nữa. Sau này, nghe kể lại, tôi mới biết mình đã sống như thực vật trong một thời gian dài...

Mãi 4 tháng sau, tôi mới tỉnh dậy lần thứ hai, thấy mình đang trong Bệnh viện Chợ Quán. Người bác sĩ reo lên

khi thấy tôi mở mắt ngơ ngác nhìn xung quanh. Những ngày đó, tôi cứ lơ ngơ, nửa mê nửa tỉnh.

Rồi một ngày, tôi nghe lỏm các bác sĩ nói với nhau: "*Bà này bị "nẹc-vơ"* (bây giờ gọi là tâm thần rối loạn) *do dùng thuốc mê quá nhiều, chuẩn bị cho đi nhà thương điên ở Biên Hòa*".

Tôi hoảng quá, liền tự bỏ Bệnh viện ra về trong tình trạng nửa tỉnh, nửa mê, nhiều khi không biết mình là ai, không nhớ quá khứ của mình thế nào và không một thứ giấy tờ tùy thân.

Theo bản năng, tôi đã tìm về căn nhà cũ của mình trong một con hẻm nhỏ, ở gần chợ Cây Quéo - Gia Định. Ngôi nhà lâu không có người ở, hoang tàn và lạnh lẽo.

Tôi tự uống thuốc, sức khoẻ khá dần lên.

Một hôm, khi tôi đang lúi húi dọn đồ đạc thì anh Phước bất ngờ bước vào, làm tôi rất ngạc nhiên:

- Út Anh! Bây giờ anh sẽ về Đà Lạt đón hai con xuống Sài Gòn. Em thu xếp đồ đạc, khi nào anh và con xuống là chúng mình đi ngay!

Tôi không hiểu chuyện gì, nên hỏi lại:

- Sao lại đi ngay? Mà đi đâu ạ?

- Anh sẽ đi sang Pháp để tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đối với Cách mạng. Anh muốn em và con đi cùng anh!

Tôi suy nghĩ một lát rồi trả lời:

- Lúc này chồng em chắc đang đau nặng, lại chưa có tin tức gì, làm sao em bỏ đi theo anh được. Em phải ở lại để chăm sóc Tuấn Kiệt và hai con chứ.

Thấy thái độ của tôi cương quyết nên anh Phước không nói gì. Tôi biết anh đang rất buồn. Ngồi một lúc rồi anh chào tôi ra về.

Tôi không ngờ rằng lần chia tay ấy, mãi gần hai mươi năm sau chúng tôi mới gặp lại nhau.



Đầu năm 1976, tôi đến gặp Tư Du lấy lại một số giấy tờ ngày trước để giải quyết chế độ chính sách, nhưng anh ta nói đã sơ ý làm thất lạc trong những ngày chiến tranh, không còn giữ được thứ gì nữa.

Do không có giấy tờ, nên tôi không có chế độ chính sách lương thực, trong người lúc đó chỉ vỏn vẹn một bộ đồ Quân Giải phóng và một bộ bà ba.

Cuộc sống của tôi vô cùng khó khăn, không có gạo phải ăn hạt bo bo, khoai lang phơi khô. Hai con tôi phải gửi cho nhà chùa Long Thạnh nhờ Hòa thượng Chí Phước nuôi giúp. Anh Kiệt thì đau nặng. Tôi muốn tìm việc gì đó để kiếm tiền nuôi con nhưng thật khó để kiếm được một việc làm trong thời gian này.

May mắn thay, tôi được nhận vào làm trong một quán ăn mà trước đây là nơi tập trung của lính ngụy. Tôi làm ở đây được hai tháng thì lại trở thành thất nghiệp vì nhà hàng làm ăn rất ế ẩm.

Nhưng đúng là cái khó ló cái khôn. Một hôm tôi đến nhà nữ Bác sĩ Hân mà ngày trước làm cùng với tôi ở Bệnh viện Đô Thành, có chồng trước đây làm trong Tổng thống phủ và đã đi theo đoàn người di tản sang Mỹ năm 1975. Thấy trong nhà có nhiều đồ đạc không sử dụng tới, tôi liền nảy ra ý định mua chúng để đem bán lại kiếm lời. Tôi nói với Bác sĩ Hân:

- Bây giờ chúng ta đều đang rất khó khăn, những đồ đạc này để không thì uổng quá. Nhưng hiện tại tôi không có tiền. Hay là tôi đi bán giùm chị, được chút lời chị em mình chia đôi?

Bác sĩ Hân nhìn tôi ái ngại:

- Thế có được không? Dù sao thì chúng ta cũng là trí thức. Bây giờ đem đồ ra chợ ngồi bán thì sẽ thế nào?

- Biết làm sao được? Cuộc sống mà! Chúng ta không thể ngồi chơi mà chịu đói mãi được.

Nghe tôi nói vậy, Bác sĩ Hân suy nghĩ một lát rồi cũng đồng ý:

- Những thứ này tôi cũng không dùng tới, chị Út cứ đem đi mà bán. Được năm trăm nghìn thì tôi lấy ba trăm nghìn, còn lại cho chị. Rồi tôi sẽ giới thiệu thêm cho một số nhà người quen của tôi. Họ cũng có nhiều đồ đạc không dùng tới nữa.

Thế là từ hôm đó, cứ buổi sáng tôi đến các nhà người quen cũ hay những biệt thự còn chủ nhân để mua các vật dụng như: quạt điện, ti vi, xe đạp, quần áo, tơ lụa... rồi tới chiều lại đem ra chợ để bán. Lúc đầu thì tôi còn trực tiếp đi mua nhưng sau đó người này nói với người kia rồi họ tự mang đồ tới nhờ tôi bán giúp. Khi đó một chiếc tivi đen trắng loại 14

inch tôi mua giá một triệu hai trăm nghìn (tiền chế độ cũ, bằng khoảng một trăm đồng tiền miền Bắc) rồi bán lại khoảng hai trăm - ba trăm đồng tiền miền Bắc. Khách hàng chủ yếu là các anh bộ đội miền Bắc chuẩn bị về phép, hoặc phục viên. Họ cũng mua rất nhiều vải vóc, quần áo cũ... nên việc buôn bán của tôi cũng khá thuận lợi. Tôi dự định bán hết đợt hàng này sẽ về Đà Lạt thăm Kim Chi và Quân. Nhưng có một chuyện đã xảy ra làm cho tôi không thể thực hiện được mong muốn của người làm mẹ.

Đầu giờ chiều ngày 19 tháng 6 năm 1978, khi tôi đang ăn cơm thì thấy có một chiếc xe ô tô dừng lại ở phố Huỳnh Thúc Kháng - nơi tập trung rất đông những người buôn bán trên đường phố như tôi. Một số người ăn mặc đồng phục từ trên xe bước xuống. Ngay lập tức, chúng tôi bị dồn lại, rồi bị đẩy lên xe và đưa về tập trung trong một ngôi nhà kín cổng cao tường ở đường Nguyễn Trãi.

Tới đây, tôi đã thấy có rất nhiều người cũng bị bắt giữ đưa về. Phần lớn họ là những người buôn bán lang thang ở các chợ Thái Bình, Vườn Chuối, Chợ Lớn mới... Tôi liếc nhìn nhanh căn phòng, có dễ tới vài chục người, đủ cả đàn ông, đàn bà, cả già và trẻ: những gã nghiện xì ke, gày còm, nhếch nhác, những cô gái bán hoa ăn mặc hở hang, phấn son rẻ tiền. Mặt mũi ai nom cũng phờ phạc, chán chường và mệt mỏi.

Sau đó, một người có lẽ là chỉ huy, tuyên bố:

- Sở dĩ các ông bà, các anh chị bị lực lượng xung kích giữ gìn trật tự, an ninh trên địa bàn Thành phố truy quét và tạm giữ vì đã làm rối loạn trật tự và mất mĩ quan đường phố. Sau đây, chúng tôi sẽ tiến hành phân loại và sàng lọc. Ai có giấy tờ tuỳ thân hợp pháp và nghề nghiệp ổn định, sẽ được trả tự do ngay lập tức. Ai thuộc thành phần "tệ nạn xã

hội" và thành phần "phi lao động, ăn bám" thì cần phải đưa đi cưỡng chế cải tạo lao động.

Nhiều người được trả tự do, nhưng tôi không có loại giấy tờ nào trong người, nên bị xếp vào thành phần "phi lao động" và "tệ nạn xã hội" cùng một số người khác.

Chúng tôi bị đưa hết lên ô tô, xe nhằm hướng miền Tây mà chạy. Tới nơi, mọi người mới biết mình đã được đưa tới trại Ba Reng, thuộc Mộc Hóa - Đồng Tháp Mười.

Vì trại cải tạo Ba Reng giáp biên giới Việt Nam - Campuchia, nên hồi đó bọn giặc Pôn Pốt thường đưa quân sang cướp bóc và đốt phá. Một lần, chúng tấn công cả vào Trại, giết hại một số người.

Thấy tình hình rất căng thẳng, Ban Quản giáo tập trung chúng tôi lại rồi bất ngờ tuyên bố: Thời gian cải tạo đã hết, từ giờ phút này, tất cả được tự do trở về quê quán để lao động và làm ăn lương thiện....

Lúc đầu, chúng tôi chưa tin, tưởng mình nghe nhầm. Nhưng sau hiểu ra, thì mạnh người nào, người ấy bỏ chạy.

Tôi cùng khoảng gần chục phụ nữ, tập trung thành một nhóm. Vì sợ bị bắt lại, nên chúng tôi đoán hướng về Sài Gòn, rồi cứ theo đồng ruộng sình lầy mà lội bộ. Chúng tôi phải qua mấy con sông, đi không biết bao ngày, vì bị lạc và bị đói khát. Gặp gì ăn đó, ăn nhiều nhất có lẽ là lúa non và dứa xanh... Rồi một hôm, chúng tôi đã về tới Khu Kinh tế mới Lê Minh Xuân.

Chúng tôi phải nói dối là vợ bộ đội, đi thăm chồng ở biên giới Tây Nam về, bị lạc đường. Họ tin là thật, ai cũng thương cảm. Ông Giám đốc mà mọi người gọi là "Chú Năm"

đã cho chúng tôi ăn cơm no, lại còn cho mỗi người thêm mười đồng làm lộ phí.

Chúng tôi đi nhờ xe bò đã tiếp tế cho trại để về Thành phố chỉ mất năm hào...



Tôi trở về Đà Lạt vay tiền để mở phòng mạch tư khám bệnh như xưa.

Cuộc sống đã đỡ khó khăn hơn, tôi trở lại chùa xin Hòa thượng Chí Phước cho đón hai đứa con về.

Thế nhưng, lãnh đạo Bệnh viện Đà Lạt lại không để tôi yên, cứ đến làm khó dễ, không cho tôi hành nghề y, bắt tôi làm bản kiểm điểm vì không làm việc cho Nhà nước.

Tôi còn bị cưỡng bức, tịch thu hết đồ nghề và tài sản.

Tôi đến gặp các cơ quan chức năng chính quyền để xin lại số tài sản trên nhưng không được ai giải quyết.

Đầu năm 1982, tôi về Sài Gòn với hi vọng tìm lại một số đồng đội cũ, xem có ai giúp đỡ mình được gì không.

Một hôm, tôi đang lang thang trên đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, trước Đài Phát thanh - Truyền hình, thì thấy một dáng người quen quen, đầu đội chiếc nón vải đã cũ, đang đi chiếc xe đạp cọc cạch, về hướng chợ Cầu Thị Nghè, đằng sau xe chở rất nhiều rau muống.

Tôi nhận ra ông Cố vấn Tổng thống phủ lừng danh Hoàng Đức Nhã (tức nhà tình báo Vũ Ngọc Nhạ) ngày nào.

Mừng quá, tôi gọi to:

- Anh Hai Long!

Anh Nhã dừng xe, đưa một ngón tay lên miệng ra hiệu im lặng, ngó nghiêng xung quanh, rồi mới hỏi nhỏ tôi:

- Cô Út khoẻ không? Giờ cứ kêu tôi là Hai thôi.

- Anh Hai đi chợ về sao? Giải phóng rồi, sao anh không ra Hà Nội, hay về quê? Mà anh cải trang để làm chi vậy?

Anh Nhã nói chậm rãi, giọng trầm và buồn:

- "Cải trang" gì đâu. Tôi đi bán rau muống kiếm sống đó chứ. Tình hình phức tạp lắm. Mình cẩn trọng vẫn hơn.

- Có chuyện gì xấu hả anh Hai?

- Bây giờ tôi chưa thể nói gì với cô Út được. Nhưng tốt nhất là ta tạm thời đừng liên lạc với nhau.

Rồi anh nói nhỏ:

- Kẻ xấu đang tìm cách truy sát những người như tôi và cô. Có đồng chí lãnh đạo còn hiểu nhầm, rất bất lợi cho chúng ta... Nếu không cẩn trọng, sẽ bị thiệt thân đó.

- Có chuyện đó thật sao, anh Hai?

Tôi tròn mắt hỏi lại anh Hai Nhã.

- Tôi đang nói nghiêm túc, chuyện sống chết đó.

Tới lúc đó, tôi mới lo sợ thực sự, thấy mình quá ngây ngô, chẳng biết gì hết.

- Vậy theo anh Hai, em phải làm gì đây?

- Nếu có thể, cô hãy thay đổi họ tên, đừng vội tiếp xúc với các đồng chí cũ và tạm lánh đi một thời gian...

Thấy anh Nhã nói vậy, tôi không tiện hỏi gì thêm, trong lòng hoang mang thật sự.

Tôi lặng lẽ trở lại Đà Lạt, và nghĩ cho mình một cái tên mới là: Đào Thị Huỳnh An.

Tôi cũng khai bớt tuổi của mình đi, chỉ nói chung chung là sinh năm 1940, để nếu có kẻ xấu tra xét thì chúng không còn nhận ra được nữa.

Cái tên Đào Thị Huỳnh An kể trên, sau khi ông Tư Du đã chết, tôi mới dám đề xuất với Chính quyền và được làm giấy chứng minh nhân dân để sử dụng cho đến bây giờ.

CHƯƠNG XXX

TRỜI MỖI NGÀY LẠI SÁNG

Những lúc rảnh, tôi thường kể cho các con nghe về cuộc đời hoạt động của mình. Tôi cũng hay nhắc đến "*Cậu Hai Phạm Hùng*", lúc đó đã là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), đài báo thường xuyên đưa tin và nói tới. Lũ trẻ nhà tôi không tin, cứ thắc mắc hoài: "*Má nói quen nhiều người là lãnh đạo, lại có cậu Hai làm lớn, mà sao cuộc sống cả nhà vẫn khổ thế?*". Tôi không biết giải thích cho các con thế nào.

Khoảng giữa năm 1982, một buổi tối, cô con gái Kim Chi của tôi đi đâu về khoe với má:

- Con nghe nói cậu Hai mới vô Đà Lạt công tác, đang ở Nhà khách Tỉnh ủy.

Nghe vậy, tôi mừng quá, đêm đó nằm không ngủ được, sáng hôm sau dậy rất sớm, tìm đến Nhà khách Nguyễn Du. Tôi đứng từ ngoài ngó nghiêng, một lúc sau thấy anh Hai Phạm Hùng dậy tập thể dục.

Tôi gọi lớn:

- Anh Hai! Anh Hai ơi! Em là Út Anh nè!

Bảo vệ chạy ra ngăn lại, nhưng anh Hai Phạm Hùng đã vẫy tay ra hiệu cho tôi vào.

Anh em lâu ngày gặp nhau tay bắt mặt mừng, anh Hai Phạm Hùng hỏi:

- Cô và lũ nhỏ dạo này cuộc sống sao? Có được mạnh giỏi luôn không?

Tôi rơm rớm nước mắt, nghẹn ngào:

- Khổ quá anh Hai ơi! Giải phóng rồi, nhưng em phải mướn nhà ở thuê, lũ nhỏ đói quá, chẳng có gì ăn.

Anh Hai cười cảm thông:

- Mời cô Út cùng ăn sáng đã, rồi chuyện đâu có đó.

Hai bát mì tôm được người phục vụ bê ra. (Hồi đó, ăn sáng bằng mì tôm đã là sang trọng lắm). Ăn xong, anh Hai Phạm Hùng bảo:

- Nào, bây giờ ta cùng về thăm nhà cô và sắp nhỏ, xem chúng lớn chừng nào.

Anh Hai Phạm Hùng không dùng ô tô mà quyết định đi bộ, nói là để thay thể thao buổi sáng luôn. Chúng tôi về số nhà 259A Phan Đình Phùng, nơi gia đình tôi đang thuê trọ.

Gặp được cậu Hai, lũ trẻ ngạc nhiên và mừng quýnh. Anh Hai Phạm Hùng bảo:

- Trưa nay các con nấu cơm cho cậu Hai ăn nghe?

Thằng bé Jacquet thật thà nói ngay:

- Nhưng nhà con hết gạo rồi, chỉ còn mỗi lọ muối không cậu à.

Anh Hai Phạm Hùng ngắm căn phòng trọ tuềnh toàng và lắc đầu. Anh bước ra ngoài đường, thấy cạnh đó, số nhà

255 là một cửa hàng lương thực. Chị cửa hàng trưởng tên là Hà sau khi đọc mấy dòng chữ trên tờ giấy nhỏ anh đưa, đã dạ vâng rối rít. Lát sau, nhân viên cửa hàng sốt sắng vác sang cho gia đình tôi hai bao gạo ngon, trước sự ngạc nhiên của hàng xóm.

Hai bao gạo thời bao cấp đó, với một gia đình nghèo và đang đói như gia đình tôi thật còn quý hơn vàng!

Nhìn căn nhà trống không, không bàn ghế, không giường tủ, anh Hai Phạm Hùng thở dài:

- Lúc mới giải phóng, anh nhớ không lầm là em bị bệnh nặng phải giải phẫu. Sau khi tiếp quản, anh quá bận bịu, không có thời gian hỏi han đến em, sự thể thế nào Út cho anh biết?

Tôi thưa với anh:

- Nằm viện được bốn tháng thì em về cơ quan cũ. Đem giấy bệnh viện trình bị người ta đuổi, không cho làm và cắt luôn trợ cấp. Gia cảnh quá khó khăn nên em phải gửi hai đứa con vô chùa nuôi giúp.

Anh Phạm Hùng hỏi từng chi tiết và hứa sẽ làm rõ sự việc. Ba tháng sau, tôi được chính quyền cơ sở cho gọi ra làm chế độ mua gạo bằng tem phiếu, được làm hộ khẩu và cả giấy Chứng minh nhân dân nữa.

Tuy nhiên, hoàn cảnh gia đình tôi vẫn hết sức khó khăn về kinh tế. Cảm giác bất an luôn đe dọa cuộc sống của mẹ con tôi.

Phải đợi mãi tới sau khi ông Tư Du chết, tôi mới nhận được giấy gọi đi giám định thương tật, để làm chế độ chính sách, nhận trợ cấp hàng tháng của Nhà nước.

Sau chuyến thăm của anh Hai Phạm Hùng đến Đà Lạt kể trên không bao lâu, vào một buổi chiều tối, tôi và hai con đang chuẩn bị ăn cơm thì có một chiếc xe U oát dừng trước cổng. Có hai người đàn ông mặc áo bà ba đen bước vào nhà. Ba mẹ con tôi rất ngạc nhiên và linh tính có chuyện không lành sắp xảy ra. Không hiểu sao, khi ấy hình ảnh cái chết của cha lại hiện về trong trí nhớ của tôi...

Tôi cất tiếng hỏi:

- Hai ông hỏi ai?

Họ không trả lời câu hỏi của tôi mà cất tiếng hỏi lại bằng giọng miền Nam:

- Cô có phải là Út Anh?

- Nhưng hai ông là ai? Tìm Út Anh có chuyện gì?

Người đàn ông kia lên tiếng:

- Cô Út ơi! Chú Hai cần gặp cô gấp!

- Chú Hai nào? Ông nói chi tôi không hiểu?

Người đàn ông nhìn xung quanh nhà một lượt, rồi quay sang nhìn người kia và gật đầu. Thế là người đàn ông kia liền đặt túi đồ đang đeo trên người lên mặt bàn và lấy ra một tấm ảnh được bọc rất cẩn thận đưa cho tôi.

Tôi nhìn tấm ảnh. Đó là ảnh của anh Hai Phạm Hùng khi còn trẻ. Phía sau tấm ảnh có lời nhắn: *"Nhìn thấy tấm hình thì đi theo người đó"*. Tôi nhận ra nét chữ đó chính là chữ của anh Hai. Tôi nói với hai người đàn ông:

- Hai ông chờ tôi thu xếp ít đồ đạc rồi chúng ta đi.

- Chú Hai dặn cô không phải đem theo gì cả. Mọi việc chú Hai đã lo rồi!

Tôi chỉ kịp lấy chiếc khăn rằn mà anh Hai tặng trước đây và bước đi theo hai người đàn ông lên chiếc xe đang đợi sẵn ở ngoài cổng. Kim Chi và Quân cùng ôm tôi oà lên khóc.

Kim Chi nói trong nước mắt:

- Con xin bác, nếu mẹ con có chuyện gì thì bác nói thật cho con biết để cha con con còn đi tìm mộ của mẹ con.

Thằng Quân thì chạy tới ôm chặt lấy tôi. Nó nhất định không cho tôi đi theo người lạ. Tôi ôm Quân vào lòng rồi nhẹ nhàng nắm tay Kim Chi và nói:

- Con à, sống chết có số mệnh, có ông trời sắp đặt cả rồi. Mẹ không có tội gì, mẹ đi rồi mẹ sẽ về. Con lớn rồi, phải thay mẹ chăm sóc em, nhớ chưa? Có như thế mẹ mới yên lòng được.

Một người đàn ông nói:

- Cô Út à! Chúng ta đi ngay khỏi không kịp, không có nhiều thời gian nữa đâu.

Vậy là tôi chia tay con và đi theo hai người đàn ông ngay trong buổi hôm đó.

Ngồi trên xe mà tôi vẫn cảm thấy lo lắng. Dù có tấm hình của anh Hai nhưng tôi không khỏi suy nghĩ. Tại sao anh Hai lại muốn gặp tôi? Sao anh Hai không gặp trực tiếp tôi mà lại nhắn qua người lạ? Hay đây chỉ là cái bẫy để bắt tôi? Nếu tôi có mệnh hệ gì thì ai sẽ lo cho hai đứa con của tôi đây? Nghĩ đến con mà tôi lại ứa nước mắt.

Bỗng một người đàn ông nói rất tình cảm:

- Út Anh, em lấy nón của anh mà đội và lấy khăn che bớt mặt lại. Đường đi còn dài lắm đó.

Nghe người đàn ông nói thế tôi mới thực sự yên tâm và tin đó chính là người của anh Hai. Xe của chúng tôi đi từ Đà Lạt xuống Pren rồi đi dọc theo đèo Sông Pha. Tôi mệt quá ngủ thiếp đi, khi tỉnh dậy đã thấy tới Bình Định.

Họ ra hiệu cho tôi không được nói gì. Chúng tôi bước vào một quán cơm ở ven đường Tây Sơn. Khi chúng tôi đang ăn cơm thì có một người mặc đồ công an bước tới bàn ăn của chúng tôi và hỏi:

- Con chào chú Năm! Chú đi công tác à?

Một người đàn ông đi cùng tôi đáp:

- Ừ! Bây giờ không tiện nói chuyện! Khi nào về sẽ nói chuyện sau!

Người đàn ông mặc đồ công an liền đáp:

- Dạ con hiểu! Chúc chú Năm đi công tác thuận lợi!

Vậy là tôi biết được tên một người đi cùng với tôi, còn người kia và anh lái xe thì tôi vẫn không biết tên.

Ăn cơm xong, chúng tôi lại lên xe đi tiếp. Đến 9 giờ đêm, chúng tôi ra tới Công an Quảng Nam - Đà Nẵng (bây giờ là Công an Thành phố Đà Nẵng). Khoảng ba mươi phút sau, người phục vụ bước vào phòng khách và nói:

- Mời chú Sáu vô ăn cơm!

Người đàn ông kia đáp:

- Cảm ơn đồng chí!

Thì ra người đàn ông mặc áo bà ba đen đi cùng tôi tên là Sáu. Sau bữa ăn, hai người đàn ông tên Năm và Sáu cùng đi ra ngoài cửa và nói gì đó với nhau. Một lát sau, họ quay trở lại và một người nói:

- Út Anh! Em tranh thủ nghỉ một lát cho đỡ mệt. Ba giờ sáng chúng ta sẽ lên đường.

Tôi trở vào phòng ngủ mà không sao chợp mắt được. Tôi nhớ hai đứa con của tôi. Không biết giờ này chúng thế nào? Rồi tôi lại nhớ tới câu chuyện của hai người đàn ông khi nãy. Không biết họ đã nói gì với nhau? Hay là họ không đưa tôi đi gặp anh Hai Hùng? Tôi lo sợ thật sự.

Đúng ba giờ sáng, chúng tôi lên đường. Dọc đường đi, mỗi khi tôi định nói thì hai người đàn ông lại ra hiệu cho tôi im lặng. Khi muốn dừng xe tôi chỉ biết đập vào thành xe ra hiệu. Tôi cảm thấy mình giống như một tù nhân giam lỏng. Bỗng dưng tôi thấy giận anh Hai Hùng vì đối xử với tôi như vậy.

Hai giờ chiều, chúng tôi ra tới Quảng Bình. Sau khi qua phà Nhật Lệ, chúng tôi dừng chân ở trụ sở Công an huyện Nhật Lệ. Có lẽ do đêm hôm trước thức trắng và đoạn đường đi khá dài nên khi đang ngồi trong phòng khách của Công an Nhật Lệ, tôi lên cơn động kinh, chân tay co rúm lại và cứng đờ, sùi hết bọt mép. Một người tên Năm đỡ tôi rồi la to:

- Cứu với! Có ai không? Có đồng chí bị xỉu!

Rồi tôi ngất đi, không biết chuyện gì đã xảy ra. Khi tỉnh lại, tôi thấy mình đang ở trong một bệnh xá, trang bị rất đơn sơ. Trong phòng chỉ có tôi và anh Năm. Thấy tôi tỉnh lại, anh rất mừng rỡ:

- Út Anh, em tỉnh lại rồi. Em thấy trong người thế nào? Em làm mọi người lo quá!

Tôi đáp:

- Em thấy hơi đau đầu! Khi nào thì mình đi tiếp vậy anh?

- Em cứ nghỉ cho khoẻ. Sức khoẻ em thế này làm sao mà đi xa được?

- "Đi xa" là đi tới tận đâu ạ?

Anh Năm trả lời:

- Bây giờ em đừng hỏi gì cả. Đợi khi ra tới Hà Nội, anh Hai sẽ nói cho em biết.

Lúc đó tôi chỉ muốn bay ra ngay Hà Nội để gặp anh Hai nhưng vì sức khoẻ quá yếu nên đành phải ở lại bệnh xá để các bác sĩ chăm sóc. Hai ngày sau, chúng tôi rời Nhật Lệ để về Hà Nội.

Chúng tôi về tới Hà Nội đã là hai giờ sáng. Xe đưa tôi về thẳng nhà anh Hai Hùng ở số 72 Phan Đình Phùng. Khi đó vợ con anh Hai không có ở nhà mà chỉ có anh Hai và một số anh em bảo vệ.

Khi xe dừng ở cổng thì anh Hai bước ra. Anh ôm chặt lấy tôi và rơm rớm nước mắt. Rồi anh đưa tôi vào một căn phòng nhỏ trên gác hai và dặn:

- Em ở đây và đừng đi đâu nữa nhé! Bây giờ em đi ngủ rồi sáng mai anh em mình nói chuyện.

Sáng hôm sau, tôi tỉnh dậy và đi xuống nhà nhưng không thấy anh Hai đâu. Người giúp việc thấy tôi liền nói:

- Thủ trưởng có việc phải đi sớm. Ông dặn khi nào cô dậy thì đọc báo rồi chờ ông về cùng ăn sáng.

Khoảng 7 giờ thì anh Hai về. Người giúp việc dọn bữa ăn sáng cho hai anh em. Anh Hai hỏi tôi về sức khoẻ của anh Kiệt, Kim Chi và Quân. Rồi nói:

- Lúc này anh khổ tâm lắm Út Anh ạ! Bao nhiêu cái khó đổ lên đầu anh. Đất nước giải phóng rồi mà dân vẫn không có đủ cơm ăn, áo mặc. Anh thấy có tội với nhân dân, với cha mẹ quá.

Nghe anh Hai nói mà tôi không sao ngăn được dòng nước mắt. Tôi thương anh Hai mà không biết phải làm thế nào để giúp anh bây giờ. Thấy tôi khóc, anh Hai lấy trong túi chiếc khăn đưa cho tôi rồi nói:

- Út Anh, em đừng khóc! Thấy em thế này anh đau lòng lắm. Làm anh mà không lo được cho em mình đầy đủ thì đúng là có tội lớn. Bây giờ em ở lại đây. Em yên tâm, hai cháu ở Đà Lạt đã có người lo rồi. Anh muốn em ra đây là để chữa bệnh, nghỉ ngơi ít ngày cho lại sức. Không giấu gì cô, anh nhận được tin báo có người tố cáo cô Út là thành phần Fulro đặc biệt nguy hiểm... Có thể bị bắt, thậm chí bị sát hại bất cứ lúc nào... Anh tin là có sự hiểu nhầm gì đó, không thể ngay một lúc giải thích cho các đồng chí cơ sở hiểu được, nên anh buộc phải bí mật đưa Út Anh ra Hà Nội một thời gian, vừa là để chữa bệnh, vừa an dưỡng, đợi anh chỉ đạo xử lý cho tình hình yên ổn em mới được về Đà Lạt,

Từ đó, tôi sống ở trong nhà anh Hai Hùng. Khi ấy tôi chỉ nặng có 37 ký nên trông rất gầy. Anh Hai dặn người giúp việc phải ép cho tôi ăn nhiều và không cho tôi làm bất cứ công việc nào để tôi có thể tăng cân và tăng sức khoẻ.



Khoảng sáu tháng sau, sức khỏe của tôi đã khá hơn nhiều. Một hôm, tôi ngỏ ý xin phép anh Hai cho về Đà Lạt thăm con nhưng anh không đồng ý. Anh nói tôi ở lại Hà Nội mấy ngày nữa rồi chờ anh thu xếp cùng vào Đà Lạt với tôi luôn. Tôi chỉ biết im lặng nghe lời.

Mấy ngày sau, anh Hai kêu tôi đi cùng anh cứu trợ cho nhân dân ở Thái Nguyên, Hải Hưng, Sơn Tây (Hà Tây)... Sau khi về Hà Nội, tôi lại xin anh Hai về thăm con nhưng anh chỉ đáp ngắn gọn:

- Để anh tính...

Cuối cùng anh cũng đồng ý cho tôi về thăm con.

Ba ngày sau, tôi về tới Đà Lạt khoảng chín giờ tối. Chỉ có cháu Quân ở nhà, còn cháu Kim Chi thì đi xem phim ở rạp.

Mãi tới mười giờ đêm, Kim Chi mới về. Mẹ con gặp nhau thật là mừng. Đến lúc này tôi mới kể cho các con tôi nghe những ngày qua tôi đã sống như thế nào. Đang nghe tôi kể chuyện, Kim Chi bỗng kêu đau đầu và nôn ọe.

Thì ra chiều hôm trước con gái tôi bị tai nạn giao thông, nhưng không bị thương tích gì. Không hiểu sao từ đêm qua tới giờ cứ kêu đau đầu và buồn nôn. Linh tính của một người Bác sĩ cho biết chuyện gì đang xảy ra với con gái mình. Tôi vội giục Quân:

- Con chuẩn bị xe đưa má và Kim Chi tới Bệnh viện gấp.

Nhưng đi chưa được nửa đoạn đường thì Kim Chi qua đời. Lúc ấy tôi cảm thấy nếu mình có thể chết thay con thì sẽ bớt đau khổ hơn.

Ôm đứa con gái trong lòng mà ruột gan tôi như bị vò muối. Đứa con tội nghiệp đã sống xa cha xa má từ bé, nay má trở về đoàn tụ để phần nào bù đắp cho con thì nó lại rời xa tôi.

Có ai ngờ rằng ngày tôi trở về cũng là ngày tôi mất con vĩnh viễn?

Ông trời ơi! Sao ông lại bất công với tôi như vậy?

THAY CHO ĐOẠN KẾT

Đầu năm 1987, tôi được tin anh Mười Cúc (tức đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh) bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới đất nước bằng những việc làm cụ thể; trước hết là cải cách xóa bỏ trạm gác cho người dân tự do buôn bán, không còn "ngăn sông cấm chợ"; tiếp đó là "Những việc cần làm ngay" của đồng chí đã làm nức lòng dân.

Cân nhắc suy nghĩ mãi, tôi quyết định tìm về Sài Gòn để gặp đồng chí Mười Cúc nhờ giúp đỡ. Nhưng sau bao năm, lại bận trọng trách với trăm công ngàn việc như thế, liệu anh Mười Cúc ngày xưa còn nhớ tới tôi không?

Qua tìm hiểu, tôi được biết buổi sáng ấy, anh Mười Cúc đang làm việc tại trụ sở của Đại diện Báo Nhân dân tại đường Phạm Viết Chánh. Tôi tìm đến nơi thì đã gần trưa. Nghe báo cáo có người phụ nữ quen cũ xin gặp, vừa nhìn thấy tôi, anh Mười Cúc đã vẫy lại. Đang còn ngỡ ngàng vì lo nghĩ anh không còn nhớ ra tôi là ai thì anh đã vồn vã:

- Chào đồng chí nữ anh hùng đánh Đại sứ quán Hoa Kỳ! Đi đâu mà ghé qua đây? Chắc có "việc cần làm ngay" nên đồng chí mới đến đây gặp tôi, đúng không?

Tôi cảm động quá, chỉ nói được câu: "Thưa anh Mười!..." thì đã nghẹn ngào bật khóc, không nói được gì.

Anh Mười bảo tôi ngồi xuống ghế, đưa cho cốc nước lạnh và nói:

- Có chuyện gì, đồng chí Út cứ bình tĩnh trình bày.

Sau khi đã bình tĩnh, tôi báo cáo lại toàn bộ sự việc trên Lâm Đồng cho anh Mười Cúc nghe. Đồng chí Tổng Bí thư lắng nghe, rồi nói rất tình cảm và nhẹ nhàng:

- Được rồi, tưởng chuyện gì chứ việc này tôi có thể giải quyết ngay. Tôi sẽ điện cho Lâm Đồng để họ giải quyết chế độ chính sách cho đồng chí một cách thỏa đáng, đừng khóc nữa!

Trực tiếp Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã quay số điện thoại gọi về Lâm Đồng gặp đồng chí Tám Cảnh (tức Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Xuân Du) hỏi rõ sự việc và yêu cầu giải quyết trả lại những tài sản hợp pháp cho đồng chí Út Anh. Rồi anh quay sang tôi nói:

- Đồng chí Út cứ yên tâm. Đồng chí Tám Cảnh đã hứa sẽ xử lý việc này ngay. Những năm tháng khó khăn gian khổ nhất anh em mình đã chiến thắng. Nay độc lập rồi, ai cũng phải cố gắng xây dựng cuộc sống mới. Anh Mười hứa sẽ cố gắng không để một người dân nào thiệt thòi đói rét cả. Út cứ yên tâm về đi.

Trước lúc tôi ra về, anh Mười còn cho cho tôi năm mươi đồng để đi xe, mua quà cho các cháu và một tờ báo để đi đường xem cho đỡ buồn.

Những cử chỉ và hành động rất đỗi bình thường đó của anh Mười Cúc làm tôi xúc động thật sự. Hình ảnh giản dị và gần gũi của một vị lãnh đạo cao nhất nước nhà lúc bấy giờ đã khắc ghi mãi trong ký ức tôi.

Từ Thành phố Hồ Chí Minh vừa về tới Đà Lạt, tôi chưa kịp chuẩn bị tinh thần thì đã nhận được giấy mời của Văn phòng Tỉnh ủy Lâm Đồng lên làm việc.

Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trách:

- Việc nhỏ, chị Út cứ trực tiếp nói với tôi một câu, làm gì phải gặp anh Mười Cúc, kiện cáo phức tạp.

Tôi cự lại:

- Nào tôi có dám kiện cáo ai. Chỉ xin anh Mười nói giúp một câu cho nhanh. Tôi đã gửi đơn từ lâu, chờ hoài mà có được giải quyết đâu.

Đồng chí Tám Cảnh cười làm hòa:

- Thôi được rồi. Mời chị Út uống nước rồi yên tâm về đi. Bên Ủy ban sẽ giải quyết ngay quyền lợi cho chị.

Ngay hôm sau, Sở Xây dựng mời tôi đến ra quyết định trả lại nhà cho tôi. Ủy ban nhân dân tỉnh cũng ra quyết định trả lại tài sản cho tôi.

Nhưng khi tôi về huyện Đức Trọng thì gặp rắc rối: Viện Kiểm sát đã trót giao nhà cho Huyện Đoàn làm trụ sở rồi.

Sáng ngày 29 Tết năm đó, ông Hoàng Trọng Thế - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện mời tôi đến, hứa là ăn Tết xong sẽ giải quyết.

*

Tôi không ngờ mình lại phải chứng kiến những giây phút cuối đời của anh Hai Thiện - tôi muốn gọi đồng chí Phạm Hùng - bằng cái tên thân thương ngày nào như thế.

Tôi nhớ như khắc như ghi trong lòng cái ngày 23 tháng Giêng năm Mậu Thìn (1988) định mệnh ấy.

Sáng hôm đó, khi tôi đang ở nhờ nhà của một người bạn thân (số 319 - Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh), thì anh Hai Thiện bất ngờ đến thăm tôi:

- Út Anh ơi! Em có nhớ hôm nay là ngày gì không?

- Hôm nay là ngày Hai Mươi Ba tháng Giêng, là ngày giỗ ba của em.

- Tại sao lại là "ba của em"? Ba là của chung anh em mình chứ!

- Dạ, em xin lỗi anh Hai, đừng giận em nghen!

- Út nè, anh nhớ lúc còn sống ba rất thích ăn bánh xèo vào buổi trưa. Em ráng kiếm ít bánh xèo để thắp hương cho ba!

Nghe anh Hai Thiện nói vậy, tôi đứng lặng người và bật khóc thút thít.

Anh Hai đến cạnh tôi đưa tay cốc nhẹ vào đầu tôi và nói với tôi bằng cái giọng thân thương trìu mến của anh trai với em gái cưng:

- Nín đi, mầy khóc, tao cũng khóc đó! Già tới nơi mà còn mít ướt.

Tôi nhớ như in, hôm đó, anh Hai Hùng mặc áo sơ mi cộc tay trắng, khoác áo đại cán. Trước khi bước lên xe, anh còn rút ra từ túi áo đại cán tờ bạc năm mươi đồng đưa cho tôi và dặn:

- Em nhớ mua đồ chiên bánh xèo nghe. Anh sẽ về trước mười một giờ ba mươi để cùng em thắp nhang cúng ba nghe!

- Dạ. Anh yên tâm, em sẽ chiên bánh xèo, lo các thứ để giỗ... Hôm nay, có cả anh và em cùng cúng giỗ, chắc ba và cả má nữa dưới suối vàng sẽ mừng lắm đó.

Tôi lo làm các thứ để chờ anh Hai về cúng giỗ, thắp hương. Nhưng chờ mãi, tới 12 giờ trưa cũng không thấy anh qua. Nghĩ chắc anh bận rồi, nên tôi đành một mình đi thắp nhang.

Tôi vừa thắp nhang xong, thì một nhân viên của Bệnh viện Thống Nhất hớt hải chạy đến báo tin đồng chí Phạm Hùng đang cấp cứu, yêu cầu tôi đến gặp để nghe dặn dò gì đó. Tôi cuống cả lên, chạy ra xe không kịp mang dép.

Đến Bệnh viện, tôi theo y tá lao ngay phòng cấp cứu. Lúc ấy, có rất đông người đang đứng ngoài cửa, gương mặt người nào người nấy đầy vẻ căng thẳng và lo lắng.

Tôi kêu to:

- Tôi là người nhà và cũng là Bác sĩ, tôi tới đây theo yêu cầu của anh Phạm Hùng!

Nghe vậy, các Bác sĩ đang cấp cứu tránh sang một bên cho tôi đến bên anh. Bắt mạch cho anh thì thấy mạch đập loạn xạ, rất yếu, vạch mí mắt anh lên thấy đồng tử chưa đứng. Tôi choáng váng, bủn rủn cả người và lạnh toát cả sống lưng. Tôi nghẹn ngào:

- Anh Hai, anh Hai, em nè. Ngọc Anh đây...

Hình như anh chưa nhận ra tôi. Rồi bỗng anh mấp máy môi, như muốn nói điều gì, nhưng lại không thể nói được. Tôi nức nở:

- Trời ơi! Anh Hai bị đột quỵ rồi! Anh Hai ơi, Út Anh đang đứng bên anh đây. Anh có nghe em nói không? Hãy nói gì với em đi chứ!

Anh Hai Thiện cố mở mắt nhìn tôi, nhưng dường như đó là cố gắng cuối cùng anh có thể làm được. Tôi luồn cánh tay trái qua cổ đỡ đầu anh lên để nghe anh dặn, thì đầu anh ngả hẳn vào vai tôi. Rồi anh tắt thở.

Bất ngờ và đau đớn, tôi òa khóc. Mấy nữ y tá cũng khóc theo.

Đúng là "lực bất tòng tâm", một Bác sĩ như tôi đã cứu biết bao người, nhưng thấy anh mình chết mà không cứu được. Tôi khóc sưng cả hai mắt, nức nở nghẹn ngào đến nỗi không thể thốt ra lời để tâm sự để chia sẻ với bất cứ ai lúc ấy.

Khi thay cho anh Hai Hùng bộ đồ đại cán và chiếc áo sơ mi trắng ngắn tay, anh nhân viên y tế đã tìm thấy trong túi của anh - Vị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng - chỉ có một tờ bạc mệnh giá 50 (năm mươi đồng).

Sau đó, tôi trực tiếp gọi điện về Vĩnh Long để báo tin đồng chí Phạm Hùng đã từ trần và nhờ chính quyền báo tin cho gia đình anh biết. Vì gia đình ở ngoài Bắc quá xa, tôi không biết số máy, vợ anh Phạm Hùng lại bị bại liệt, bốn người con của anh (hai trai, hai gái) đều ở ngoài Bắc.

Tôi lại mất thêm một người thân thương, một người Anh lớn tuy không cùng huyết thống mà như ruột thịt, một người đồng chí, một người lãnh đạo đã nâng đỡ dìu dắt chăm sóc tôi từ ngày tôi còn là một đứa bé mồ côi đến khi tôi đi học, trưởng thành, trải qua bao nỗi gian khổ, hiểm nguy, ngọt bùi đắng cay,... Lòng tôi trống vắng, chân tay rã rời, tâm hồn vô định,...



Mùa hè năm đó, một người đàn ông tìm đến Đà Lạt gặp tôi. Ông ta nhìn tôi rồi hỏi:

- Chắc Bác sĩ đã quên tôi rồi?

Tôi cố nghĩ mãi mà không nhớ ra. Người ấy cứ cười cười, một lát sau mới chậm rãi giới thiệu:

- Năm xưa tôi có tặng Bác sĩ bộ *Anatomy* đó! Bác sĩ nhớ ra chưa? Sau giải phóng tôi đã cố tìm Bác sĩ mà không gặp. Hôm nay vô tình đến nhà Nguyễn Hữu Vinh, tôi mới biết sự tình... Mà lần này thì... thì... tôi phải nhờ Bác sĩ khám bệnh thiệt đấy, chớ không giả đò như hồi trước đâu. Gần đây tôi không được khoẻ và hiện tại tôi cảm thấy rất mệt.

- Ồi, Luật sư Vương Toản! Ông khác đi nhiều quá, nên tôi đã không nhận ra. Không sao. Tôi sẽ khám cho ông.

Sau khi chẩn đoán lâm sàng cho Vương Toản thì tôi phát hiện ra Toản đang bị khối u ở vùng gan. Tôi khuyên ông nên sang Pháp hoặc Mỹ để người ta dùng tia laze phóng xạ cắt khối u cho đảm bảo.

Toản chào tôi ra về. Hôm sau, Toản mang đến tặng tôi hai giỏ phong lan đủ màu: tím, vàng, hồng, trắng, nâu... Toản buồn buồn nói với tôi:

- Mười ngày nữa Toản sẽ lên máy bay đi Pháp. Toản đến để chào Bác sĩ Út người mà Toản mong đợi bấy lâu nay. Bây giờ đã gặp được Bác sĩ là mãn nguyện lắm rồi. Mỗi khi Bác sĩ ngắm hoa lan là thấy Toản, đừng quên nhé!

Hai tháng sau, tôi nhận được giấy mời nhận hàng nước ngoài. Tôi cứ thắc mắc mãi là không biết ai gửi cho mình. Tôi có còn ai thân thích ở nước ngoài nữa đâu. Lúc đó khoảng tháng Mười, con gái Kim Chi của tôi đã mất, tôi phải một mình xuống tận Tân Sơn Nhất - Thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục nhận hàng, gồm một số vải vóc và 3.000 USD. Nhìn giấy tờ và bưu kiện thì mới biết người gửi là Vương Toản. Kèm theo tiền và quà là một lá thư với những dòng chữ tuy run run nhưng vẫn rất nắn nót:

"Út thân mến! Toản hiện ở Boston. Bác sĩ nói Toản bị ung thư gan, đúng như Út đã chẩn đoán. Cho phép Toản gọi tên Út một lần và lần này thì đã xa xôi lắm!

Toản gởi một chút quà cho Út... Buồn lắm! Sang Mỹ đi chơi, nhưng không có ai mà nói chuyện cả...".

Sau đó ba tháng, mẹ và hai con của Vương Toản mang hài cốt của Toản về Việt Nam. Tôi có đi tiễn đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng. Thời còn trẻ lo công lo việc, sang tuổi xế chiều, tiễn biệt hết người này tới người kia mới ngộ ra: đời người chẳng khác chi kiếp phù du, mới thấy đó mà lại mất ngay đó. Lòng tôi nặng trĩu buồn thương những người bạn tốt...

Cũng thời gian này, ông Trần Minh Mẫn, (cựu Chánh án Tối cao Pháp viện Sài Gòn ngày trước), thỉnh thoảng vẫn viết thư và gửi quà về cho tôi. Biết cuộc sống của tôi quá khó khăn, ông kêu người nhà mang đến 2.000 USD. Khoản tiền đó, hồi ấy đủ mua một căn nhà nhỏ trong hẻm ở Đà Lạt. Nhiều lần ông còn viết thư nói sẵn sàng bảo lãnh cho tôi di tản sang Mỹ và thề rằng ông vẫn yêu tôi như ngày xưa... Nhưng tôi chỉ cảm ơn và tế nhị từ chối.



Ngày 24 tháng 12 năm 1982, Giáo sư, Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt chồng tôi qua đời, cũng vì bệnh ung thư gan.

Tôi lại trở thành người bơ vơ, không ai nương tựa trên cõi nhân gian này. Lúc buồn, tôi tụng niệm kinh Phật và ngộ ra chân lý "Con người lấy đạo đức làm đầu, danh vọng công hầu phú quý, chết có đem theo được đâu"...

Các chú, các anh mà sau này là đồng chí của tôi đã luôn đùm bọc, che chở, nhường cơm xẻ áo cho tôi từ thời thơ ấu cho đến lúc trưởng thành. Ngoài anh Hai Thiện, anh Hai Xô, chú Ba Hài, hai anh Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Thế Lưu, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ còn phải nhắc đến chị Tư Marie (con gái ông Nguyễn Văn Tâm). Chính chị là người đã âm thầm cho tôi nào sách vở, nào quần áo và nhiều thứ lặt vặt cần thiết mỗi khi tôi đến nhận tiền và tài liệu chị gửi cho cấp trên.

Bây giờ tôi còn hai đứa cháu (con của Phạm Trương Anh Quân tức Jacquet), đứa cháu gái lớn mới sáu tuổi, cháu trai bốn tuổi. Tôi phải cố mà sống để nuôi dạy cho các cháu nên người có ích cho xã hội.



Suốt cuộc đời, tôi đã cố sống để phấn đấu, để vượt qua bao chông gai, gian lao thử thách. Những cảnh chết chóc trước mắt, những khắc nghiệt của số phận người chiến sĩ biệt động đã khiến con tim tôi dường như trở thành sắt đá. Công việc, hoàn cảnh nhiều khi là sinh tử của cuộc sống khiến tôi suốt cả thời gian dài không còn thì giờ để nghĩ đến chuyện đi tìm ba người anh trai của tôi đã bị thất lạc trong

khói lửa binh biến. Đó là các anh Nguyễn Như Bắc, Nguyễn Như Sinh và Nguyễn Như Mão. (Lúc sinh thời, các anh không hề một lời trách cứ mà còn luôn luôn tỏ ra thương yêu, cảm thông với tôi).

Anh Sinh là người anh thứ hai, con của mẹ cả của tôi. Năm 1949, anh Sinh có vô Sài Gòn mở hiệu may âu phục tại góc đường Lê Văn Duyệt - Trần Quý Cáp, cạnh rạp hát Nam Quang để hi vọng có cơ hội tìm đứa em gái bị thất lạc là tôi. Vì bị bọn mật thám Pháp truy xét gắt gao, nên năm 1952 anh đành bỏ cuộc việc tìm kiếm tôi. Sau đó anh đưa vợ con về phố Núi - Hải Phòng. Năm 1953, anh cả Nguyễn Như Bắc gọi anh Sinh dọn về ở phố Khâm Thiên - Hà Nội. Đầu năm 1954, các gia đình anh trai tôi đều chuyển hết về sinh sống tại Sơn Tây.

Các anh trai của tôi đều là người yêu nước và tham gia hoạt động Cách mạng từ những năm Bốn mươi của thế kỷ trước. Chính anh Nguyễn Như Bắc đã bỏ tiền mua súng từ Bắc Kinh đưa về Pắc Bó giao cho lực lượng du kích bảo vệ Bác Hồ. Nhiều lần anh Bắc còn ủng hộ thóc gạo và thuốc Tây cho Công an Tùng Thiện (nay vẫn còn giấy xác nhận). Anh Nguyễn Như Bắc và anh Sinh đều được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước hạng Ba.

Hai cháu của tôi là liệt sĩ thời chống Mỹ: cháu Nguyễn Như Chung đã hi sinh tại Cánh Đồng Chum (Lào), còn cháu Nguyễn Như Hùng hi sinh tại mặt trận Quảng Nam (hiện nay được quy tập về Nghĩa trang liệt sỹ Sơn Tây).

Mãi tới năm 1988, tôi mới có dịp ra lại miền Bắc với mục đích tìm gặp ba người anh trai của mình. Lúc đó, các anh tôi đều đã già yếu cả rồi. Chúng tôi gặp nhau mừng

mừng tủi tủi. Gia cảnh mỗi người trong suốt những tháng năm gian khó cùng tình cảm dành cho nhau kể mãi không hết. Tôi thưa với các anh rằng mình có hai con đẻ và một con nuôi. Nhưng do phúc phận mỏng, không may Kim Chi đã bị tai nạn giao thông và mất năm 1985...

*

Mùa thu năm 2006, tôi ra Bắc và về thăm lại vùng quê Sơn Tây. Sau đó, tôi cùng mấy đứa cháu lên Lạng Sơn chơi... Sau nửa tháng trời trở lại Đức Trọng thì được tin: Có đoàn tăng ni khoảng chục người từ nước ngoài về, vừa ghé thăm nhà tôi vài ngày trước. Trưởng đoàn là một Hòa thượng khoảng gần 50 tuổi, có mang theo di ảnh của Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt. Tôi bỗng như rụng rời chân tay, vì tin chắc chắn rằng người đó chính là cậu con trai bé bỏng của mình đã bị bắt cóc và mất tích từ mấy chục năm trước, giờ đã tìm về. Nhưng sao nó lại trở thành một... Thầy chùa?

Vài ngày sau đó, có một người khách từ Long Xuyên tìm đến nhà tôi. Theo ông kể thì chính Giáo sư Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt, chồng tôi đã tổ chức người bắt cóc con trai mình. Thoạt nghe, tưởng là vô lý, nhưng thật ra là chồng tôi sợ một ngày nào đó, con trai chúng tôi sẽ đi theo mẹ thoát li kháng chiến, chuyện bị bắt, bị giết có thể xảy ra bất cứ lúc nào, gia đình sẽ không còn người để thờ cúng.

Giáo sư, Bác sĩ Đào Tuấn Kiệt đã cho người bắt cóc Tấn Phúc, mang về nuôi giấu trong một trại trẻ mồ côi tại Long Xuyên. Khi Tấn Phúc được mười tuổi, ông gửi qua Cộng hòa Pháp và cho ăn học. Nối nghiệp cha mẹ, Tấn Phúc đã thi vào Trường Đại học Y khoa. Nhưng sau khi tốt nghiệp, lấy bằng

Bác sĩ, nó không hành nghề y, mà lại bỏ vào chùa đi tu. Đó là điều thất vọng nhất của ông Đào Tuấn Kiệt.

Hiện Tấn Phúc đã trở thành một nhà sư, đang trụ trì tại chùa Hoa Nghiêm ở Mác-xây, với tên các Phật tử thường gọi là "Thầy Cả Minh Đăng"...

Một lần, tôi về Long Xuyên quê chồng, được một người cháu họ cho số điện thoại của "Thầy Cả Minh Đăng" ở bên Pháp. Tôi đã suy nghĩ, phân vân rất nhiều ngày, rồi đến một hôm, tôi quyết định bấm số máy gọi cho con trai của mình...

Tiếng chuông reo một lúc lâu mới có người bắt máy và thưa bằng tiếng Pháp:

- Đây là chùa Hoa Nghiêm! Chúng tôi có thể giúp gì được cho quý vị?

Tôi cũng trả lời bằng tiếng Pháp:

- Làm ơn cho tôi gặp "Thầy Cả Minh Đăng".

- Thưa bà. Xin cho biết bà là ai và đang gọi điện từ đâu tới?

- Tôi là má của "Thầy Cả Minh Đăng". Tôi đang gọi điện từ Việt Nam.

- Xin bà vui lòng chờ ít phút. "Thầy Cả Minh Đăng" đang bận tụng kinh, sẽ gọi lại cho bà sau.

Một lát sau, đúng là có điện thoại từ Pháp gọi lại cho tôi thật. Tay tôi cầm máy mà run bần lên vì hồi hộp và xúc động.

Tôi đã chờ cuộc gọi này mấy chục năm rồi.

- A lô, tôi xin nghe... Ai gọi đó?

Tôi hỏi bằng tiếng Việt. Từ đầu dây bên kia, một người đàn ông cũng nói bằng tiếng Việt, giọng Long Xuyên, nhiều từ bị mất dấu, nói rất ngập ngừng:

- Thưa, mẹ... Út... phải không? Con là... là... Tấn Phúc đây.

- Ông là... Tấn Phúc? Ông nói thiệt hả? Nhưng... xin cứ gọi tôi là... "Má Út" cũng được.

- Nhưng tại sao vậy? - Giọng Tấn Phúc nghẹn ngào, đau đớn - Con biết là chị Chi và em Quân đều được gọi là "Mẹ"... Sao con lại phải gọi là "Má"?

Cố nuốt nước mắt, cố ghìm cơn thổn thức, tôi ra vẻ bình tĩnh nói với Tấn Phúc:

- Vì tôi đã sinh ra ông, nhưng lại không có phúc được nuôi ông khôn lớn. Nay ông đã lớn khôn, nhưng lại là người có căn duyên với nhà Phật. Giờ ông không còn là con trai tôi nữa, đã là người xuất gia tu hành rồi...

- Lạy Mẹ, xin Người đừng nói vậy...

Tôi nghe Tấn Phúc bật khóc. Không kìm nổi lòng được nữa, tôi cũng òa khóc theo và đành cúp máy.

Từ đó đến nay, chúng tôi có vài lần liên lạc với nhau qua điện thoại, nhưng lần nào cũng vậy, chỉ nói được mấy câu thăm hỏi sức khỏe là lại khóc. Thành thử, tôi không muốn gọi điện thoại sang Pháp nữa, vì như thế chỉ thêm buồn.



Sau giải phóng miền Nam, "C16" Trần Văn Phước bỗng biệt vô âm tín. Tôi đã hỏi thăm qua nhiều người, nhưng không ai có một chút tin tức gì về anh.

Ngày 20 tháng 8 năm 1987, có người đến tôi khám bệnh và hỏi tôi có phải là Bác sĩ Phạm Trương Ngọc Anh không? Tôi gật đầu, người ấy trao cho tôi 2.000 USD và một lá thư rất ngắn:

"Út Anh, anh gửi em và con chút quà nhỏ. Anh đang bị bệnh, vài năm nữa anh sẽ về Việt Nam.

Ký tên: Phước".

Chỉ có mấy dòng chữ thôi nhưng tôi mừng đến nghẹn ngào. Vậy là anh Phước còn sống! Hình như số trời đã định, chúng tôi chưa bao giờ được ở bên nhau lâu dài. Hợp rồi tan, tan rồi hợp, thoáng chốc như mây bay gió thổi. Có lúc tưởng đã tuyệt tin nhau thì sợi dây mạnh mối lại rung lên, thức tỉnh trong mỗi người những cảm xúc bấy lâu nay cố giấu kín.

Tôi cầm tiền mà không biết sử dụng như thế nào. Tôi đành dẹp phòng mạch về Bồng Lai - Đức Trọng, Lâm Đồng làm rẫy trồng cây cà phê.

Lễ Giáng sinh năm 1994, anh Phước bất ngờ từ Pháp về thăm Việt Nam. Lúc này cháu Jacquet (tức Phạm Trương Anh Quân) đã 26 tuổi, mới bị tai nạn ô tô, gẫy chân tay và bể hộp sọ trước trán.

Nhưng chỉ ở nhà tôi được một tuần thì anh Phước lại ra đi.

Anh xin giấy tờ của tôi và của Jacquet để sang Pháp làm thủ tục đoàn tụ gia đình song tôi bảo không đi. Phước cứ thuyết phục mãi...

Năm 2004, Phước về Việt Nam lần thứ hai và gọi điện báo tin là anh đang ở Hà Nội, chuẩn bị sang Miến Điện.

Sau đó tôi nghe tin chiếc máy bay có Phước đã bị nổ trên bầu trời giữa địa phận Lào và Miến Điện. Trên máy bay có gần ba mươi người, cả phi hành đoàn. Thế là Phước đã bỏ lại mẹ con tôi để ra đi mãi mãi. Anh vẫn chưa kịp nói cho tôi biết cha mẹ ruột của cháu Anh Quân là ai?

Tôi lo cưới vợ cho cháu Anh Quân. Rồi vợ chồng Quân sinh được một gái và một trai. Khi cháu trai được mười một tháng tuổi, do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, vì Quân bị tai nạn giao thông, vợ Quân bỏ mặc chồng con đi theo tiếng gọi của đồng tiền. Thế là mẹ con, bà cháu lại phải lo cho nhau, nương tựa vào nhau mà sống.

Đã qua tuổi "cổ lai hy" từ lâu, đã tới lúc "gần đất xa trời", tôi muốn sống quãng đời còn lại trên quê cha đất tổ, và được yên nghỉ bên cạnh ông bà nội ngoại và các anh các chị ruột thịt của tôi.

Một hôm, khi đang đi trên phố Hùng Vương - Hà Nội, tôi bỗng thấy một người đàn ông mặc áo *veston* từ trên xe ô tô bước xuống, mừng rỡ:

- Út Anh! Có phải cô Út đó không? Tôi là Ba Thuấn nè! Người năm xưa đã tìm thấy cô bị ngất xỉu trong hầm mộ ở Đà Lạt đó! Cô vẫn khỏe chứ?

Tôi kêu trời. Cảm động quá, vì đã gặp ân nhân của mình là anh Phạm Đình Thuấn.

Sau một hồi hàn huyên, anh Thuấn khuyên tôi nên viết hồi ký hay tự truyện để mọi người được biết đến những chiến công thầm lặng của những chiến sĩ biệt động năm nào. Tôi chỉ cười buồn:

- Mình già yếu rồi, câu chữ lẫn lộn, viết chắc chẳng ai đọc, có khi lại còn vướng bận vào thân.

- Vậy thì cô cứ kể lại toàn bộ sự thật về cuộc đời mình và những chuyện được mắt thấy tai nghe cho một nhà văn nào đó, rồi nhờ họ giúp...

- Dĩ nhiên, nếu tôi viết, hay kể lại thì đó phải hoàn toàn là sự thật. Nếu có sai, tôi xin tự xử bằng... một viên đạn vào đầu.

- Ngày trước, trong kháng chiến, bom đạn, hiểm nguy nhiều thế mà cô còn không hi sinh, thì nay sao mà chết dễ dàng thế được!

- Nhưng nếu có phải chết, mà những trang sách ấy còn có ích cho mọi người thì Út này cũng xin vui lòng!

- Hồi còn trẻ cô đã rất bướng bỉnh, nay về già rồi vẫn không thay đổi. Cô nên cố gắng kể lại để con cháu của cô và thế hệ trẻ hôm nay biết thêm một mảng sự thật của cuộc kháng chiến và cuộc đời. Đó cũng là một sự cống hiến cho cuộc đời khi đã cuối đời.

Tôi đồng ý với lời khuyên của anh Ba Thuấn. Vấn đề là nhà văn nào sẽ giúp tôi thể hiện cuốn sách đó?

Thật bất ngờ, cứ như số trời đã định trước: Tôi đã tìm lại được cuốn sổ tư liệu "*Kí sự cuộc đời*" mà tôi đã kì công ghi chép từ năm 1959 tới năm 1975... Đó thật sự là những trang

viết bằng máu và nước mắt của tôi. Rồi một may mắn nữa đến với tôi là đã gặp được nhà văn Đặng Vương Hưng...

Tôi là người không rành rẽ văn chương, càng không có khả năng dùng câu chữ và mang chuyện đời mình ra kể lại để kiếm tiền; nên đã nhờ nhà văn viết lại thành tiểu thuyết, với hình tượng một người phụ nữ đã được văn học hóa, để chuyển tải những điều muốn gửi tới bạn đọc gần xa.

Bởi thế, chỉ mong có ai đó tình cờ xem cuốn sách này và cảm thấy nó có một chút xíu đồng cảm, buồn vui. Thế cũng đủ hạnh phúc cho tôi lắm rồi.

Hà Nội - Lâm Đồng, 2007 - 2011.

HẾT

"Chúc bà mạnh khoẻ, sống lâu"[1]

Lời Phật dạy

Đời là biển khổ, nhưng quay đầu là tới bến!

Bà Đặng Hoàng Anh (Quận chúa Ngọc Diệp) là người hiểu rõ chân lý đạo Phật hơn ai hết!

Nhìn lại cuộc đời Bà đã trải qua bao bước thăng trầm, nhưng Bà vẫn vững bước đi theo con đường cách mạng, giải phóng dân tộc, giải phóng con người thoát khỏi cảnh áp bức, bóc lột của bọn phong kiến, đế quốc.

Trong cuộc sống của Bà cũng có nhiều khuất khúc, gay go, tổn thất, song Bà chẳng sờn lòng vẫn tiến về phía trước, vượt qua mọi thử thách gian nan, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Ngày nay đến tuổi thanh nhàn Bà lại hướng về cõi thanh tịnh vô vi, sớm hôm kinh kệ cho tâm hồn giải thoát. Vì chính Bà là người đã có nhiều nhân duyên với đạo Phật.

Chúc Bà mạnh khỏe, sống lâu, cát tường như ý.

Hòa thượng Thích Thanh Tứ.

---

[1] *Bút tích của Hoà thượng Thích Thanh Tứ - Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, Viện chủ Tùng lâm Quán Sứ gửi nguyên mẫu nhân vật chính của cuốn sách.*

VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ
ĐẶNG VƯƠNG HƯNG

Sinh ngày 28 tháng Chạp năm Đinh Dậu (tức ngày 15 tháng 2 năm 1958). Cha họ Đặng, mẹ họ Vương, quê gốc ở Hưng Yên. Sinh trưởng: xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Tốt nghiệp Trường Viết văn Nguyễn Du (Khoá III). Cử nhân Luật. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam.

Nhiều năm phục vụ trong lực lượng vũ trang; làm báo, biên tập và xuất bản sách.

Hiện là sĩ quan cao cấp, công tác tại Nhà xuất bản Công an nhân dân - Bộ Công an; Phó Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ Mãi mãi tuổi 20; Thường trực Cuộc vận động "Sưu tầm và giới thiệu Những kỷ vật kháng chiến" Việt Nam.

** Là tác giả đoạt Giải A (duy nhất) Cuộc vận động Sáng tác Văn -Thơ và Ca khúc cho thanh niên (do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức, 1981-1983; Giải Báo chí toàn quốc năm 2000 (ghi chép "Có một nàng dâu Nga bán bia hơi ở vùng than").*

** Tác giả của Sự kiện Mãi mãi tuổi hai mươi- năm 2005; đồng thời, là người khởi xướng và sáng lập Quỹ Mãi mãi tuổi hai mươi (hiện nay thuộc UBND Thành phố Hà Nội).*

** Người đầu tiên nêu ý tưởng Về những ngôi nhà sống chung với bão cho đồng bào nghèo ven biển miền Trung' (đã công bố trên báo Nhân Dân và Website Đảng Cộng sản Việt Nam năm 2006).*

** Người sáng lập các Tủ sách "Mãi mãi tuổi 20"- 2005; Tủ sách "Chuyện đời tôi" - 2006... (Đã đăng ký Quyền tác giả năm 2007);*

** Người đầu tiên nêu ý tưởng về việc xây dựng các 'Hoa viên văn nghệ sĩ Việt Nam- Nghĩa trang dành cho các văn nghệ sĩ và trí thức tài danh Việt Nam. (Đã đăng ký Quyền tác giả năm 2008).*

** Người khởi xướng việc tổ chức Cuộc vận động Sưu tầm và giới thiệu Những kỷ vật kháng chiến (đã đăng kí Quyền tác giả ý tưởng 2008), do Tổng Cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam, Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, Trung ương Đoàn TNCSHCM chỉ đạo tổ chức (2008 - 2010).*

** Người sáng lập và Chủ nhiệm đầu tiên của website lucbat.com (2008).*

** Người khởi xướng Cuộc thi thơ Lục Bát "Ngàn năm thương nhớ" do website lucbat.com phối hợp với các báo Gia đình và Xã hội, báo Văn nghệ, Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam, báo Giáo dục và Thời đại, báo Người cao tuổi... tổ chức (2009 - 2010).*

** Người khởi xướng và đang vận động việc tổ chức Lễ hội Thơ Lục bát và 'Ngày Thơ Lục bát' - mùng 6 tháng 8' âm lịch hằng năm. Lễ hội Thơ Lục Bát Kỷ sửu – 2009 và Lễ hội Lục Bát Canh Dần - 2010 đã được tổ chức thành công, với hàng ngàn tác giả và người yêu thơ tham dự.*

** Người khởi xướng và đang vận động để Thơ Lục bát trở thành "Quốc thi" và được công nhận là Di sản Văn hóa phi vật thể của nhân loại (2010).*

Liên hệ qua điện thoại: 0913.210.520
E-mail: dangvuonghung02@gmail.com

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

- Người bạn gái (tập truyện ngắn, hai tác giả, 1980);
- Đang yêu (tập thơ, 1988);
- Đêm ma trơi (truyện vừa, 1989; tái bản năm 2003);
- Tin đồn (tiểu thuyết, 1991);
- Viên ngọc kỳ diệu (tập truyện cho thiếu nhi, 1992);
- Dâng hiến (tập thơ, 1993);
- Thời tôi mang áo lính (tập thơ, 1994);
- Lửa thức (tập thơ cho thiếu nhi, 1996);
- Gửi người trong mơ (tập thơ, 1997);
- Chạy trốn và mất tích (tập phóng sự và tư liệu, 2000);
- Học quên để nhớ (tập thơ lục bát và lời bình, năm 2001; năm 2004 đã tái bản tới lần thứ 5)
- Nếu tôi là tỷ phú (tạp văn chọn lọc, 2003; đã tái bản lần thứ 3);
- Đa tài và Đa tình (chuyện làng văn nghệ, 2005);
- Quận Chúa Biệt Động (tiểu thuyết tư liệu, 2008);
- Mãi mãi tuổi 20 - Buồn vui ai biết (giới thiệu, 2010);
- Phi công Mỹ ở Việt Nam (Phóng sự và tư liệu, 2010).

Ngoài ra, Đặng Vương Hưng còn là tác giả của hơn 30 cuốn sách thuộc thể loại sưu tầm, biên soạn và giới thiệu thư, nhật ký thời chiến, tư liệu chiến tranh và tự truyện...

MỤC LỤC